

THE NEW YORK TIMES BESTSELLER

Nguyễn Thị Cẩm Linh dịch

NHỮNG
THÀNH
PHỐ
GIẤY

PAPER TOWNS

TÁC GIẢ CỦA
KHI LỖI THUỘC VỀ
NHỮNG VÌ SAO

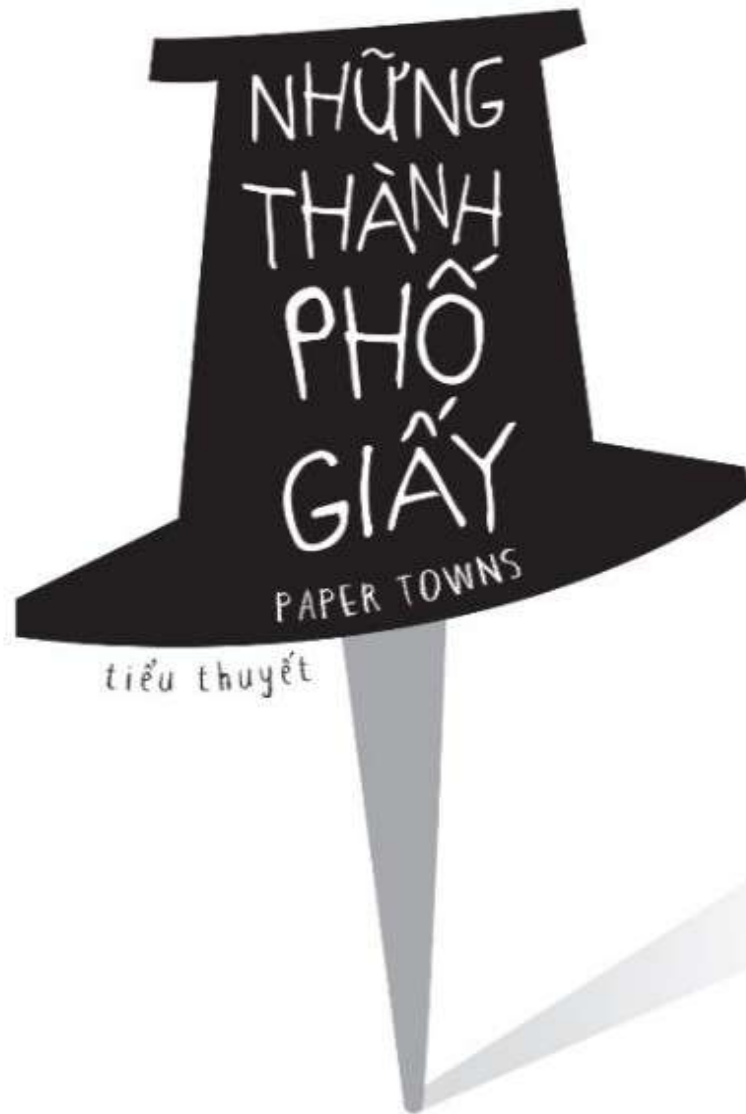
JOHN
GREEN

"KẾT CẤU TÀI TÌNH
VÀ RUNG ĐỘNG SÂU SẮC."
- SCHOOL LIBRARY JOURNAL



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

JOHN GREEN



tiểu thuyết

Nguyễn Thị Cẩm Linh dịch

NHÀ XUẤT BẢN TRÉ

*Trân trọng gửi tới Julie Strauss-Gabel, toàn bộ câu chuyện này sẽ chẳng là
gì nếu thiếu cô ấy.*

----★----

Và sau đó, khi chúng tôi ra ngoài xem chiếc đèn lồng của cô ấy, đã tắt bên vệ tường, tôi nói rằng tôi thích cách ánh sáng của cô ấy tỏa ra từ gương mặt, dập dờn lung linh trong bóng tối.

- “Đèn lồng bí ngô”, Katrina Vandenberg, tập thơ *Atlas*

Người ta nói bạn bè chẳng làm hại nhau Họ biết gì về bạn bè cơ chứ?

- “Trò tạp kỹ cảm động”, ban nhạc The Mountain Goats

Khó có thể khiến người ta quan tâm đến những câu chuyện Của những gì đã chết. Tất cả đã úa vàng, chồng chất trong bụi bặm.

- Katrina Vandenberg, tập thơ *Atlas*

MỞ ĐẦU

8

Tôi đã hình dung ra như thế, rằng ai rồi cũng sẽ có một điều kì diệu. Chẳng hạn, có lẽ tôi sẽ không bao giờ bị sét đánh, giành giải Nobel, trở thành nhà cầm quyền độc tài trên một quốc đảo bé nhỏ giữa Thái Bình Dương, hoặc mắc bệnh ung thư tai vô phương cứu chữa, và chắc cũng chẳng bao giờ tự dừng toàn thân bốc cháy. Nhưng nếu suy xét tất cả những điều bất khả ấy, ít nhất một trong số đó có thể sẽ xảy đến với từng người trong chúng ta.

Tôi có thể từng chứng kiến trời đổ xuống một cơn mưa ếch. Tôi có thể từng đặt chân lên sao Hỏa. Tôi có thể từng bị cá voi nuốt chửng. Tôi có thể từng làm đám cưới với bà hoàng của nước Anh, hay sống sót sau hàng tháng trời lênh đênh trên biển. Nhưng điều kì diệu của tôi không phải như vậy. Điều kì diệu của tôi là: trong tất cả các ngôi nhà ở tất cả các tiểu khu trên toàn bang Florida, trời xui đất khiến thế nào tôi lại là hàng xóm của Margo Roth Spiegelman.

Khu chúng tôi ở, Jefferson Park, từng là một căn cứ hải quân. Nhưng rồi hải quân không cần nơi này nữa, nên nó lại là vùng đất của những công dân tại thành phố Orlando, bang Florida, những người đã quyết định xây dựng một khu dân cư ra vành ra vẻ, vì đó là cách Florida cư xử với đất đai. Bố mẹ tôi và Margo rút cục dọn đến ở ngay cạnh nhau, sau khi những ngôi nhà đầu tiên vừa được hoàn thiện. Margo và tôi khi ấy lên hai.

Trước đây Jefferson Park là một kiểu Pleasantville^[1], và trước khi là căn cứ hải quân, nó thuộc về một người có thật tên là Jefferson, một ông Bs. Jefferson Jefferson. Ở Orlando có một ngôi trường và một quỹ từ thiện lớn mang tên ông, nhưng điều lí thú và không-thể-tin-nổi-nhưng-thề-là-có-thật về Bs. Jefferson Jefferson chính là ông chẳng phải bác sĩ gì sất. Ông ta là dân làm ăn, chuyên kinh doanh nước cam, tên thật là Jefferson Jefferson.

Khi phất lên và có sức ảnh hưởng, ông đã đến tòa án làm thủ tục đổi Jefferson thành tên đệm, và lấy tên thường gọi là “Bs.” B viết hoa. s viết thường. Chấm.

Năm ấy Margo và tôi chín tuổi. Bố mẹ hai đứa là bạn bè, nên bọn tôi thường chơi với nhau, cùng đạp xe qua những con phố cụt dẫn vào chính Công viên Jefferson, cái rốn của khu vực này^[2].

Tôi luôn hồi hộp mỗi khi nghe tiếng biết Margo sắp đến, bởi cô ấy là điều đẹp đẽ kì diệu nhất mà Chúa từng tạo ra. Buổi sáng đó, cô ấy mặc quần soóc trắng và áo phông màu hồng, có hình con rồng xanh đang khè ra lưỡi lửa da cam. Lúc ấy chẳng hiểu sao tôi thấy cái áo đẹp lạ lùng.

Như mọi ngày, Margo nhồm khỏi yên khi đạp xe, cánh tay duỗi thẳng khi cô ấy tì lên tay lái, đôi giày thể thao màu tím nhòe đi theo những vòng nhấn pê-đan. Đó là một ngày tháng Ba nóng muốn bốc hơi. Trời trong nhưng không khí chua chua hăng hăng như sắp có bão.

Khi ấy, tôi tự ảo tưởng rằng mình là một nhà sáng chế. Sau khi khóa xe đạp và bắt đầu đi bộ một đoạn ngắn qua công viên để đến sân chơi, tôi kể với Margo về ý tưởng tôi đang ấp ủ cho một phát minh tên là Ringolator. Đó là một khẩu đại bác khổng lồ có thể bắn ra những tảng đá lớn, nhiều màu sắc, bay theo quỹ đạo rất thấp, tạo thành những vành đai quanh trái đất, tựa tựa như vành đai sao Thổ vậy. (Đến giờ tôi vẫn cho rằng đó là một ý tưởng bá cháy, nhưng xem ra chế tạo một khẩu đại bác có thể bắn đá gộc bay đi theo quỹ đạo thấp là việc cũng phức tạp ra phết).

Tôi đã chơi trong công viên này không biết bao nhiêu lần, đến mức thuộc nó như lòng bàn tay, nên mới đi được vài bước, tôi đã bắt đầu cảm thấy có gì đó không ổn, dù chưa thể tức khắc phát hiện ra *sự thế* gì khác biệt.

“Quentin ơi,” Margo gọi khẽ, giọng bình tĩnh.

Cô ấy đưa tay chỉ. Và rồi tôi nhận ra cái khang khác đó là gì.

Trước mặt cách chúng tôi mấy mét có một cây sồi tươi tốt. Vòm lá rậm rạp, thân cành xù xì, xem chừng cổ thụ. Điều này không mới. Sân chơi ở bên tay phải chúng tôi. Cũng chẳng có gì mới. Nhưng kia, một người đàn ông mặc bộ com-ple xám, gục ở gốc cây sồi. Không cử động. Điều này mới. Toàn thân người đó đẫm máu, một dòng máu đã khô phân nửa trào từ miệng

ra. Khuôn miệng há hốc theo cái cách mà nhìn chung miệng không bao giờ há ra như vậy. Ruồi đậu trên vầng trán xanh nhợt.

“Bác ấy chết rồi,” Margo nói, như thể tôi vẫn chưa nhận ra.

Tôi khẽ giật lùi hai bước. Tôi nhớ khi ấy đã nghĩ rằng nếu tôi đột ngột cử động, người đàn ông có thể sẽ tỉnh lại và lao tới tấn công tôi. Chưa biết chừng ông ta là một dạng thầy ma biết đi. Tôi biết thầy ma không có thật, nhưng chắc chắn *trông* ông ta có tiềm năng là một thầy ma.

Trong khi tôi giật lùi hai bước đó, Margo yên lặng tiến lên hai bước tương đương. “Bác ấy mở mắt,” cô ấy nói.

“Mình về nhà thôi,” tôi líu díu.

“Tớ tưởng khi chết thì nhắm mắt chứ,” cô ấy nói tiếp.

“Margo ơi chúng mình về nhà báo mọi người đi.”

Cô ấy tiến thêm bước nữa, ở gần đến mức có thể vươn tay ra chạm vào bàn chân ông ta. “Theo cậu chuyện gì đã xảy ra với bác ấy vậy?”, Margo hỏi tôi. “Chắc tại thuốc hay cái gì đó nhỉ.”

Tôi không muốn bỏ Margo lại một mình với cái người đã chết rất có thể là một thầy ma biết tấn công ấy. Nhưng tôi cũng chẳng có lòng dạ nào đứng tán chuyện về bối cảnh tử vong của ông ta. Dốc hết can đảm, tôi tiến lên nắm lấy tay cô ấy. “Margo ơi đi mau!”

“Ừ, được rồi mà,” cô ấy đáp. Chúng tôi chạy về chỗ để xe đạp, bụng tôi cuộn lên thứ gì đó y chang như cảm giác phấn khích, nhưng không phải. Chúng tôi lên xe, tôi để Margo đi trước vì tôi đang khóc ròng và không muốn cô ấy biết. Tôi thấy vết máu trên đế đôi giày thể thao màu tím của Margo. Máu của ông ta. Người đàn ông đã chết.

Rồi đưa nào về nhà nấy. Bố mẹ tôi gọi 911. Tôi nghe thấy tiếng còi hú từ xa, xin được ngó ra xem xe cứu hỏa nhưng mẹ tôi không cho. Rồi tôi thiu thiu ngủ một lúc.

Bố mẹ tôi đều là chuyên gia trị liệu, điều đó có nghĩa là tôi luôn được chăm bẵm nắn chỉnh đâu ra đấy. Thế nên khi tôi tỉnh ngủ, mẹ đã nói với tôi một lô những chuyện dài dằng dặc về vòng đời, rằng làm sao cái chết lại là một phần của sự sống, nhưng không phải phần tôi cần đặc biệt lưu tâm khi mới chín tuổi đầu, và tôi đã thấy dễ chịu hơn. Thật ra tôi chưa bao giờ quá lo

lãng về chuyện ấy. Điều này cũng có chút giá trị nhất định, vì tôi có thể làm những chuyện đáng lo ngại thật.

Thế đấy: Tôi tìm thấy một xác chết. Cậu bé chín tuổi xinh giai đáng yêu là tôi, và cô bạn chơi còn xinh xắn dễ thương hơn tôi bội phần, đã tìm thấy một người đàn ông mồm miệng be bét máu, và vết máu còn lấm trên đế đôi giày thể thao xinh xinh của cô ấy khi chúng tôi đạp xe về nhà. Tất cả thật li kì và đầy kịch tính, nhưng thế thì sao? Tôi chẳng hề quen biết người đàn ông đó. Những con người tôi không quen biết vẫn qua đời vào bất cứ thời điểm quái quỷ nào. Nếu tôi suy sụp tâm lí mỗi khi điều gì đó khủng khiếp xảy ra trên thế giới này, thì tôi sẽ còn điên loạn hơn cả một con chuột chù ở chuồng chồ.

Tối hôm đó, tôi về phòng lúc chín giờ để đi ngủ, vì chín giờ tối là giờ tôi đi ngủ. Mẹ đắp chăn cho tôi, nói rằng mẹ yêu tôi, và tôi nói: “Mai gặp mẹ ạ,” còn mẹ đáp: “Mai gặp con nhé.” Rồi mẹ tắt đèn và khép hờ cửa.

Trở mình nằm nghiêng, tôi thấy Margo Roth Spiegelman đang đứng bên ngoài cửa sổ phòng tôi, mặt cô ấy gần như áp vào tấm lưới cửa. Tôi nhòm dậy mở cửa sổ, nhưng tấm lưới vẫn ngăn giữa chúng tôi, khiến mặt cô ấy như nhòe đi.

“Tớ đã điều tra rồi,” Margo nói có vẻ khá nghiêm túc. Dù cô ấy ở gần tấm lưới chắn cửa sổ đến mức khuôn mặt trông như rạn ra, tôi vẫn nhìn thấy cô ấy đang cầm cuốn sổ nhỏ và cái bút chì một đầu có cục gôm nham nhở vết rãnh. Margo liếc xuống những ghi chép. “Bà Feldman ở Jefferson Court nói rằng bác ấy tên là Robert Joyner. Bà ấy kể rằng bác ấy ở Jefferson Road, một trong những căn hộ ở tầng trên của hiệu tạp hóa. Thế là tớ đến đấy và có cả đồng cảnh sát ở đó. Một trong số họ hỏi có phải tớ làm việc cho tờ báo của trường không, tớ trả lời là trường mình không phát hành báo, nên chú ấy nói miễn tớ không phải là nhà báo thì chú ấy sẽ trả lời câu hỏi của tớ. Chú ấy nói rằng bác Robert Joyner ba mươi sáu tuổi. Là luật sư. Họ không cho tớ vào trong căn hộ, nhưng một cô tên là Juanita Alvarez ở ngay cạnh phòng đó, tớ đã sang phòng cô ấy hỏi vay một tách đường, rồi cô ấy kể rằng bác Robert Joyner đã tự sát bằng súng. Tớ hỏi tại sao thì cô ấy bảo là bác ấy đang tiến hành li hôn và buồn rầu vì chuyện đó.”

Margo dừng lại, và tôi nhìn cô ấy. Gương mặt cô ấy xam xám nhờn nhợt dưới ánh trăng, tan ra thành hàng ngàn mảnh nhỏ vì hắt lên tấm lưới cửa sổ. Đôi mắt to tròn chớp qua chớp lại, hết nhìn tôi lại nhìn trang sổ. “Nhiều người li dị và không tự sát,” tôi nói.

“Tớ *biết*,” Margo nói, chút phấn khích nhen lên trong giọng nói. “Đó chính là điều tớ đã nói với cô Juanita Alvarez. Và cô ấy nói...” Margo lật trang sổ tay. “Cô ấy nói rằng bác Joyner đang gặp rắc rối. Tớ hỏi thế nghĩa là thế nào, thì cô ấy bảo chúng ta chỉ nên cầu nguyện cho bác ấy, và rằng tớ cần mang đường về cho mẹ. Tớ bảo cô ấy hãy quên chuyện tớ hỏi vay đường đi, rồi tớ đi khỏi đó.”

Một lần nữa tôi không nói gì. Tôi chỉ muốn Margo cứ nói—cái giọng thì thâm pha lẫn phấn khích vì biết gần hết mọi thứ ấy khiến tôi linh cảm một điều gì đó hệ trọng đang xảy đến với tôi.

“Tớ nghĩ chắc là tớ biết tại sao đấy,” cuối cùng Margo nói.

“Tại sao?”

“Có lẽ tất cả dây nối bên trong bác ấy đã đứt hết rồi.”

Trong khi cố nghĩ ra điều gì đó để đáp lại, tôi rướn lên ấn lẫy khóa trên khung lưới ngăn cách chúng tôi, giật nó ra khỏi cửa sổ. Tôi đặt tấm lưới xuống sàn, nhưng Margo không cho tôi cơ hội nói gì. Tôi còn chưa kịp ngồi xuống, cô ấy đã đưa mặt sát lại tôi và thì thầm: “Đóng cửa sổ lại đi.” Thế là tôi làm theo. Tôi ngỡ Margo sẽ đi, nhưng cô ấy chỉ đứng đó, nhìn tôi. Tôi vẫy cô ấy và cười, nhưng ánh mắt cô ấy như đang găm vào thứ gì đó đằng sau tôi. Thứ gì đó khủng khiếp đã rút cạn máu trên mặt cô ấy, mà tôi sợ quá chẳng dám quay lại nhìn. Nhưng chẳng có gì phía sau tôi, dĩ nhiên rồi—có lẽ chỉ trừ người đàn ông đã chết.

Tôi thôi vẫy. Đầu tôi ở ngang tầm với Margo khi chúng tôi dăm dăm nhìn nhau, đối diện qua kính cửa sổ. Tôi không nhớ chuyện đã kết thúc thế nào—không nhớ tôi hay Margo đã đi ngủ trước. Trong tâm trí tôi, nó không kết thúc. Chúng tôi chỉ ở đó, mặt đối mặt, mãi mãi.

Margo luôn thích những điều bí ẩn. Và trong tất cả những chuyện xảy ra sau đó, chưa bao giờ tôi thôi nghĩ rằng có lẽ vì quá ham thích bí ẩn mà chính Margo đã trở thành một bí ẩn.

PHẦN I

NHỮNG DÂY NỐI

8

1.

Ngày dài nhất trong cuộc đời tôi bắt đầu khá muộn. Tôi dậy trễ, ngâm nga quá lâu trong nhà tắm nên kết quả là phải thưởng thức bữa sáng trong chiếc minivan của mẹ vào hồi 7:17 sáng thứ Tư đó.

Thường ngày tôi quá giang thẳng chiến hữu thân nhất, Ben Starling, nhưng hôm ấy Ben đã vi vu đến trường đúng giờ, cho nên tôi hết trông cậy được vào nó. “Đúng giờ” đối với tụi tôi là ba mươi phút trước lúc vào học, vì nửa giờ vàng ngọc trước hồi chuông đầu tiên chính là điểm sáng trong lịch trình xã giao của chúng tôi: tụ tập tán chuyện bên ngoài cửa phụ của phòng tập và biểu diễn nhạc. Đa phần bạn bè tôi chơi nhạc cụ, và đa phần thời gian rảnh ở trường của tôi được nướng trong phạm vi dăm bảy mét quanh phòng tập nhạc. Nhưng tôi không chơi nhạc cụ gì cả, vì tôi bị một chứng điếc thanh điệu, nói chung là có liên quan đến bệnh điếc thực sự. Hôm nay tôi sẽ bị muộn hai mươi phút, tức là về mặt kĩ thuật mà nói, tôi vẫn đến trước giờ vào lớp chục phút.

Vừa lái xe mẹ vừa hỏi tôi về trường lớp, thi cử và dạ hội tốt nghiệp.

“Con có bao giờ khoái dạ hội đâu mẹ,” tôi nói trong khi mẹ rẽ ở một góc phố. Lập tức, tôi điệu nghệ trở nghiêng món ngũ cốc cho cân bằng với trọng lực. Trò này tôi diễn nhiều rồi.

“Ờ, đi cùng một người bạn thì có sao đâu con. Chắc chắn con có thể mời Cassie Hiney mà.” Dám là tôi mời Cassie Hiney lắm chứ, một cô bạn thực sự dễ mến, thân thiện và xinh lung linh, nhưng ngặt nỗi bạn ấy lại mang một cái họ vô địch về độ nhạy cảm^[3].

“Không chỉ vì con không khoái dạ hội. Con không khoái cả những người khoái dạ hội,” tôi cố giải thích, dù thẳng thắn mà nói thì cũng chẳng phải. Ben mới là thẳng rồi rít bắn loạn về dạ hội này.

Mẹ rẽ vào trường, tôi giữ chặt cái bát sấp hết bằng cả hai tay khi đi qua mấy con lươn giảm tốc. Tôi liếc nhanh ra bãi đỗ xe cho học sinh năm cuối. Con Honda màu bạc của Margo Roth Spiegelman đỗ ở chỗ quen thuộc. Mẹ tấp xe vào một đoạn cụt ngay gần phòng tập nhạc và hôn lên má tôi tạm biệt. Tôi nhác thấy Ben và mấy thằng khác đứng giăng thành một đường bán nguyệt.

Tôi đi đến chỗ chúng nó, vòng bán nguyệt lập tức giãn ra để thêm tôi vào. Chúng nó đang nói đến bạn gái cũ của tôi, Suzie Chung, cô nàng chơi cello và rõ là đã khuấy động dư luận khi cặp với một anh cầu thủ bóng chày tên là Taddy Mac. Tôi cũng chẳng biết đó có phải là tên thật của anh ta không nữa. Dù gì thì Suzie cũng đã quyết định đến dạ hội với Taddy Mac. Thêm một nạn nhân.

“Êu ông ơi,” Ben đứng đối diện tôi và gọi. Nó gật đầu ra hiệu rồi đi. Tôi theo nó ra khỏi đám, đi vào phòng tập. Một gã nhỏ người da ngăm ngăm đã qua tuổi dậy thì nhưng chưa bao giờ kết thúc cái tuổi ấy một cách hoành tráng, Ben là thằng bạn chí cốt với tôi từ hồi lớp năm, khi cả hai rút cục đành thừa nhận rằng chẳng thằng nào đủ sức kiếm được đũa khác làm bạn thân. Cơ mà, nó đã rất cố gắng, và tôi khoái như vậy—phần lớn thời gian.

“Sao thế ông?” tôi hỏi. Chúng tôi đã an toàn trong phòng nhạc, những người xung quanh đang nói đủ để lấp đi câu chuyện của bọn tôi.

“Radar sẽ đi dạ hội,” Ben nhấm nhẳng. Radar là chiến hữu oách của bọn tôi. Nó bị gọi là Radar vì trông nó y chang một thằng thấp bé nhẹ cân đeo đít chai tên là Radar trong xê-ri *M*A*S*H* trên truyền hình ngày xưa, ngoại trừ 1. Radar trên ti-vi da không đen, và 2. Vào một lúc nào đó sau khi đã bị gán tên, Radar của bọn tôi cao thêm khoảng mười lăm phân nữa và bắt đầu đeo kính sát tròng, nên tôi nghĩ rằng 3. Nó trông không còn giống chú em trong *M*A*S*H* nữa, nhưng 4. Còn ba tuần rưỡi nữa là tốt nghiệp, chúng tôi chẳng buồn đặt tên mới cho nó nữa.

“Con bé Angela ấy hả?” tôi hỏi. Radar chả bao giờ hé gì về chuyện tình êu tình báo của nó cả, nhưng như thế cũng chẳng ngăn được bọn tôi bàn ra tán vào.

Ben gật, rồi nói, “Ông biết kế hoạch vĩ đại của tôi chứ? Lôi một em thỏ non đến dạ hội vì chỉ có các em thỏ mới không hề hay biết sự tích về chàng Ben Bỉ Bựa.” Tôi gật gật.

“Chậc,” Ben nói tiếp, “thế mà sáng nay có một nhóc thỏ non xinh xinh lớp chín tìm tôi hỏi có phải tôi chính là Ben Bỉ Bựa không, tôi phải giải thích rõ ràng đó là chứng nhiễm trùng thận, con nhóc ấy khúc khích rúc rích cười rồi chạy đi luôn. Hết chuyện.”

Hồi lớp mười, Ben từng phải nhập viện vì bị nhiễm trùng thận, nhưng Becca Arrington, bạn thân của Margo, đã châm ngòi tin đồn rằng nguyên nhân thực sự khiến Ben tiểu ra máu là do nó đã thủ dâm vô độ. Dù vô căn cứ về mặt y học nhưng từ đó những đồn đại cứ bám dính lấy Ben. “Khiếp quá,” tôi không biết nói gì hơn.

Ben bắt đầu vạch kế hoạch để chặn được một em, nhưng tôi nghe tai nọ ra tai kia, vì phóng mắt qua những người là người mỗi lúc một đông đúc ở hành lang, tôi đã thấy Margo Roth Spiegelman. Cô ấy đứng bên ngăn tủ đựng đồ, cạnh bạn trai của cô ấy, Jase. Margo mặc váy trắng dài đến đầu gối, áo xanh dương có in hình. Tôi thấy được hai bên xương quai xanh của cô ấy. Margo đang cười như nắc nẻ về chuyện gì đó—hai vai so về trước, đôi mắt to anh ánh nước ở khóe, khuôn miệng mở rộng. Nhưng hình như không phải cười vì điều gì Jase nói, vì cô ấy không nhìn Jase mà đưa mắt qua hành lang nhìn một dãy tủ đựng đồ khác. Tôi theo ánh mắt ấy và thấy Becca Arrington đang bám nhằng lấy một anh chàng bóng chày, cứ như nàng là vật trang trí và chàng là cây thông Giáng Sinh vậy. Tôi mỉm cười nhìn Margo, dù tôi biết cô ấy không thấy tôi.

“Ông rõ ga lẩn tới đi chứ. Mặc kệ thằng Jase. Trời ơi, đúng là một nàng thỏ bọc đường mà,” Ben lảm nhảm. Chân đi nhưng mắt tôi vẫn liếc nhìn cô ấy qua đám đông, chộp lại trong tâm tưởng những khoảnh khắc có thể làm thành một loạt ảnh với tiêu đề *Cái đẹp hoàn hảo lặng đọng, chỉ những kẻ phàm bước qua*. Đến gần hơn, tôi nghĩ có thể

Margo chẳng hề cười. Có thể cô ấy đã ngạc nhiên hoặc nhận được một món quà hay thứ gì đó. Hình như cô ấy không khép miệng lại được.

“Ừ,” tôi lơ đãng trả lời Ben, nhưng thực ra không để ý nghe nó nói vì tôi đang cố gắng nhìn Margo càng nhiều càng tốt mà không tỏ ra quá lộ liễu. Thật ra không phải vì Margo xinh. Cô ấy đẹp đến sững sờ luôn, theo nghĩa đen của từng từ. Và rồi bọn tôi đã ở quá xa chỗ cô ấy, có quá nhiều người đi đi lại lại giữa Margo và tôi, thậm chí tôi đã không đến đủ gần để nghe thấy tiếng cô ấy nói, hay để hiểu điều thú vị gì đã khiến cô ấy ngạc nhiên đến vậy. Ben gục gặc đầu vì nó đã thấy tôi nhìn Margo như vậy cả ngàn lần, đến mức nó đã quá quen rồi.

“Ừ thì cô nàng nóng bỏng, nhưng không nóng bỏng đến mức ấy. Mà ông có biết ai thực sự nóng bỏng không?”

“Ai cơ?” tôi hỏi.

“Lacey,” Ben đáp, Lacey là một bạn thân khác của Margo. “Cả mẹ ông nữa. Tôi đã thấy mẹ ông hun lên má ông sáng nay. Đừng trách tôi nhé, thề có Chúa lúc ấy tôi đã trộm nghĩ: *Ôi ôi, giá mà mình là thằng Q. Mà nữa, giá mà hai má mình mọc được tờ-rym thì sướng.*” Tôi thúc cùi chỏ vào mạng sườn nó, nhưng tôi vẫn đang nghĩ đến Margo, vì cô ấy là huyền thoại duy nhất ở ngay cạnh nhà tôi. Margo Roth Spiegelman, cái tên dài sáu âm tiết ấy thường được nhắc đến đầy đủ, kèm theo chút thăm ngưỡng mộ. Margo Roth Spiegelman, câu chuyện về những chuyến phiêu lưu kinh điển của cô ấy có thể quét qua trường học như một cơn bão mùa hè: chẳng hạn như chuyện một ông già sống trong căn nhà đổ nát ở Hot Coffee, Mississippi, đã dạy Margo chơi guitar. Margo Roth Spiegelman, cô gái đã rong ruổi suốt ba ngày theo một đoàn xiếc-họ cho rằng cô ấy rất có năng khiếu biểu diễn nhào lộn trên dây. Margo Roth Spiegelman, cô gái đã uống một tách trà thảo mộc cùng ban nhạc The Mallionaires trong hậu trường sau một buổi biểu diễn ở St. Louis, còn họ uống rượu whiskey. Margo Roth Spiegelman, cô gái đã vào được buổi biểu diễn đó bằng cách nói với người soát vé rằng cô là bạn gái của tay guitar bass. Họ không nhận ra cô ư? Thôi nào ông anh, nói nghiêm túc nhé, tôi là Margo Roth Spiegelman, bây giờ nếu ông anh vào trong bảo anh chàng chơi guitar bass hãy nhìn tôi một cái, thì anh chàng sẽ bảo ngay với ông anh rằng tôi là bạn gái anh ta, hoặc anh ta muốn có tôi là bạn gái. Người soát vé làm như vậy thật, và tay bass đã nói “đúng bạn gái tôi

đấy, để cô ấy vào đi.” Sau đó anh chàng muốn đi lại nghiêm chỉnh với Margo, và cô ấy đã từ chối tay guitar bass của *The Mallionaires*.

Những chuyện ấy, khi được kể đi kể lại, luôn kết thúc bằng câu *Thế đấy, có tin được không ta?* Thường là không thể tin nổi, nhưng đó luôn là những chuyện có thật.

Bọn tôi đến chỗ ngăn tủ cá nhân của mình. Radar đang dựa lưng vào ngăn của Ben, tay bấm bấm máy tính cầm tay.

“VẬY là ông sẽ đến dạ hội tốt nghiệp,” tôi nói với nó. Radar ngược lên rồi lập tức cúi xuống.

“Tôi đang chấn chỉnh một bài viết trong Toàn Thư Đủ Thứ về cựu Thủ Tướng Pháp. Đêm qua thằng xỏ lá nào đó đã xóa toàn bộ bài và chèn vào câu *Jacques Chirac đang bị đồng tính*, một điều không chính xác cả về thực tế lẫn ngữ pháp.” Radar là biên tập viên cự phách của một trang thông tin tham khảo trực tuyến do cộng đồng mạng sáng lập, tên đầy đủ là Toàn Thư Đủ Thứ. Cả đời nó tận tâm cống hiến để duy trì và phát triển kho Toàn Thư này. Đây là một trong những lí do tại sao việc nó hẹn hò đi dạ hội lại là chuyện đáng ngạc nhiên đến vậy.

“VẬY là ông sẽ đến dạ hội tốt nghiệp nhỉ,” tôi nhắc lại.

“Xin lỗi nhé,” nó nói mà chẳng buồn nhìn lên. Thằng nào cũng biết là tôi ớn vụ dạ hội. Hoàn toàn và tuyệt đối không có gì về cái dạ hội ấy hấp dẫn được tôi—nhảy điệu slow ư, nhảy nhạc bốc ư, váy vóc xúng xính ư, bộ vét đuôi tôm đi thuê ư, không gì sất. Đi thuê vét đuôi tôm đối với tôi là cách hoàn hảo để bị lây nhiễm một thứ bệnh kinh khủng nào đó từ người từng mặc bộ quần áo ấy, và tôi không ham là chàng trai trong trắng duy nhất trên thế gian này chần trên mình cả một bầu rận mu.

“Này ông,” Ben nói với Radar, “các em thỏ non bé bỏng đã biết hết chuyện Ben Bỉ Bựa rồi.” Rút cục Radar chịu cất cái máy cầm tay đi, gật gật đầu thông cảm và thấu hiểu. “Dù sao,” Ben tiếp tục, “hai chiến thuật còn lại của tôi là vào Internet rao quảng cáo cần tìm người đi dạ hội cùng, hoặc bay đến Missouri bắt cóc một nàng thỏ ngon ngon, ngoan ngoan, ngu ngu nào đó về vậy.” Tôi từng cố nói với Ben rằng “nàng thỏ non” nghe có vẻ phân biệt giới và yếu đuối quá, không có chút cá tính nào cả, nhưng nó vẫn không

chịu thay đổi thói quen. Cả mẹ nó cũng bị nó gọi là thỏ. Thật đúng là hết thuốc chữa với thằng này.

“Tôi sẽ hỏi Angela xem có biết ai không,” Radar nói. “Cơ mà cua được một em chịu đi dạ hội với ông còn khó hơn cả chuyện luyện chì thành vàng.”

“Cua được một em chịu đi dạ hội với ông là chuyện khó nhằn đến mức riêng giả thuyết ấy thôi đã đủ sức răn cắt được kim cương rồi,” tôi bồi thêm.

Radar khẽ đấm hai cú vào ngăn tủ để bày tỏ sự tán thành, và tiếp tục đi đến kết luận. “Ben này, cua được một em chịu đi dạ hội với ông là chuyện gian nguy đến mức Chính phủ Hoa Kỳ tin rằng vấn đề không thể giải quyết được bằng đường ngoại giao, mà phải viện đến vũ lực.”

Tôi đang nghĩ dở về tiếp theo thì cả ba thằng cùng trông thấy cái bình đựng hoóc-môn tăng cơ có hình dạng con người tên là Chuck Parson đang hăm hăm tiến lại phía chúng tôi. Chuck Parson không chơi trong đội thể thao nào cả vì như thế sẽ làm xao nhãng mục tiêu to tát của đời nó: một ngày nào đó được kết tội giết người. “Này, mấy thằng ái kia,” nó gọi.

“Chào Chuck,” tôi đáp, dàn hòa cầu thân hết mức có thể. Mấy năm nay Chuck không xích mích gì nghiêm trọng với bọn tôi—có đũa trong đám có máu mặt đã phán rằng như thế là bọn tôi được yên thân. Thế nên khi chính Chuck bắt chuyện với bọn tôi thì điều này có vẻ kì kì.

Có thể tại tôi đã mở miệng, hoặc cũng có thể không phải vậy, nhưng Chuck đã đấm uỳnh hai nắm tay lên cánh cửa tủ đựng đồ, găm tôi ở giữa, giở mặt sát lại đến mức tôi có thể tha hồ suy đoán xem nó đã dùng loại thuốc đánh răng nào. “Mày biết gì về Margo và Jase?”

“Ờ,” tôi đáp, trong đầu nghĩ đến mọi thứ tôi biết về hai người đó: Jase là bạn trai nghiêm túc đầu tiên và duy nhất của Margo Roth Spiegelman. Cả hai bắt đầu hẹn hò hồi cuối năm ngoái. Sang năm cả hai sẽ cùng đến Đại học Florida. Jase được học bổng vì sẽ chơi trong đội bóng chày của trường. Hẳn chưa bao giờ ở lâu trong nhà cô ấy, trừ phi đến đón Margo. Cô ấy chưa bao giờ tỏ ra là thích hẳn đến mức ấy, nhưng cô ấy cũng chưa bao giờ tỏ ra thích bất cứ ai đến mức ấy. “Chả biết gì cả,” rút cục tôi nói.

“Đừng hòng lừa tao,” Chuck gầm lên.

“Tôi hầu như chẳng *hiểu* gì về Margo cả,” tôi nói, và đúng là như vậy.

Nó cân nhắc câu trả lời của tôi trong chốc lát, còn tôi cố hết sức nhìn thẳng vào hai tròng mắt sát nhau của nó. Chuck gật đầu rất khẽ, rồi dấy tú đưng đồ và vào lớp học môn tiết một của nó: Chăm sóc và dinh dưỡng cho cơ ngực. Hồi chuông thứ hai reo. Còn một phút trước giờ vào lớp. Radar và tôi có giờ giải tích, còn Ben có giờ toán tổ hợp. Các phòng học san sát cạnh nhau, bọn tôi vào lớp, ba thằng giảng hàng ngang, tin rằng lũ bạn sẽ dạt ra đủ rộng cho chúng tôi qua, và đúng như vậy.

Tôi nói:

“Cua được một em chịu đi dạ hội với ông là chuyện khó xảy ra đến mức một ngàn con khi gõ một ngàn cái máy chữ trong một ngàn năm cũng không một lần gõ dòng *Tôi sẽ đi dạ hội với Ben.*”

Ben không thể kìm nén khỏi suy sụp. “Viễn cảnh đi dạ hội của tôi thảm đến mức bà của Q cũng chẳng thèm đi với tôi. Bà bảo bà đang đợi Radar mời bà đi kìa.”

Radar từ tốn gật đầu. “Đúng đấy, Q. Bà của ông khoái các chiến hữu mà.”

Để như bờn thế là đã quên được Chuck, để say sưa bàn tán về buổi dạ hội dù tôi chẳng mấy may quan tâm đến nó.

Cái sự đời sáng ngày hôm ấy: chẳng có gì thực sự quá hệ trọng, cả chuyện tốt lẫn chuyện xấu. Chúng tôi bận mỗi việc mua vui tiêu khiển cho nhau, và chúng tôi đã ung dung hào phóng một cách rất chính đáng.

Ba giờ đồng hồ tiếp theo tôi ở trong lớp, cố không nhìn lên đám đồng hồ treo trên những tấm bảng đen, rồi nhìn đồng hồ, rồi tá hỏa nhận ra mới có mấy phút trôi qua kể từ lần cuối tôi xem giờ. Tôi đã có gần bốn năm kinh nghiệm xem đồng hồ, nhưng tốc độ rùa bò ì ạch đó chưa bao giờ khiến tôi hết ngạc nhiên. Giả sử chỉ được sống thêm một ngày, tôi sẽ lao ngay đến những hành lang hun hút của trường Winter Park, nơi ai cũng biết một ngày kéo dài như cả ngàn năm.

Hoặc dài như môn vật lí ở tiết thứ ba tưởng chừng không bao giờ đi đến hồi kết, nhưng cuối cùng nó cũng đã kết thúc, và rồi tôi vào căng-tin với Ben. Radar ăn bữa trưa vào tiết năm với hầu hết những đứa khác, thế nên nhìn chung Ben và tôi một mình ngồi cạnh nhau, có một đôi ngồi giữa

chúng tôi và một nhóm trong đội kịch mà bọn tôi quen. Hôm nay, hai thằng bọn tôi đều ăn pizza xúc xích cay.

“Pizza ngon tuyệt,” tôi nói. Ben lơ đãng gật đầu. “Có chuyện gì vậy?” tôi hỏi.

“Khùng cú gìừ,” Ben trả lời bằng một miệng đầy bánh. Nó nuốt đánh ực. “Tôi biết ông nghĩ trò này rất lố, nhưng tôi muốn đi dạ hội.”

“1. Đúng là tôi thấy trò này lố; 2. Nếu ông thích thì cứ việc đi; 3. Nếu tôi không nhầm, ông đã ngỏ lời mời ai đâu.”

“Trong giờ toán tôi đã hỏi Cassie Hiney. Tôi viết giấy hăn hỏi.” Tôi trợn mắt lên đầy nghi hoặc. Ben thò tay vào túi quần lôi ra tờ giấy gấp dày cui đưa cho tôi. Tôi mở giấy ra:

Ben,

Tớ cũng muốn đi dạ hội cùng cậu, nhưng tớ đã đồng ý sẽ đi với Frank rồi. Xin lỗi nhé!

–C

Tôi gấp giấy lại và trượt trả nó qua mặt bàn. Tôi vẫn nhớ đã từng chơi bóng đá bằng giấy trên những mặt bàn kiểu này. “Chán thế,” tôi nói.

“Ừa, chán gì đâu.” Những bức tường âm thanh dường như khép lại quanh chúng tôi, hai thằng ngồi lặng ngắt một lúc, rồi Ben nhìn tôi vẻ nghiêm trọng và nói, “Vào đại học tôi sẽ quậy tung trường cho coi. Tôi sẽ được ghi vào *Sách Kỷ Lục Guinness* ở mục ‘Người chiều được nhiều thỏ non nhất.’”

Tôi cười phá lên. Còn đang mải nghĩ chuyện bố mẹ Radar đã thực sự được đưa vào *Sách Guinness* như thế nào, tôi chợt nhận thấy có một cô bạn người gốc Phi trông rất xinh với những lọn tóc tinh nghịch đang đứng trước mặt mình. Mất một lúc tôi mới nhận ra đó là Angela, theo-phỏng-đoán-của-tôi là bạn gái Radar.

“Chào,” cô ấy lên tiếng với tôi.

“Chào cậu,” tôi đáp. Tôi đã học chung lớp với Angela nên cũng biết sơ sơ, nhưng tôi và cô ấy chưa từng chào nhau ở hành lang hay đại loại như vậy. Tôi nhích sang một bên nhường chỗ cho Angela ngồi. Cô ấy lách qua ghế ngồi xuống phía đầu bàn.

“Hình như các cậu là những người hiểu Marcus nhất,” Angela vào đề, dùng tên thật của Radar. Cô ấy nghiêng người về phía bọn tôi, khuỷu tay tì lên mặt bàn.

“Một sứ mệnh chán òm, nhưng cũng phải có ai đó chịu trận chứ,” Ben đáp, nhe răng cười.

“Các cậu có nghĩ cậu ấy, ừm, xấu hổ vì tớ không?” Ben cười phá lên. “Cái gì cơ? Không đâu,” nó nói.

“Thật ra thì,” tôi thêm thắt, “chính *cậu* thấy xấu hổ vì *cậu ta* mới phải.”

Cô ấy tròn mắt chớp chớp và mỉm cười. Một cô nàng quen được khen ngợi đây. “Nhưng dù gì cậu ấy chưa bao giờ, thế nào nhỉ, rủ tớ tụ tập cùng các cậu.”

“Ồồ...,” rút cục tôi đã hiểu ra vấn đề. “Tại cậu ta xấu hổ vì *bọn tớ* chứ sao.”

Angela bật cười. “Các cậu có gì quái đản đâu.”

“Cậu chưa chứng kiến cảnh Ben hít Sprite bằng mũi rồi phì ra đống mồm đầy thôi,” tôi nói.

“Lúc đó trông tớ như một đài phun nước có ga đang trong cơn cuồng nộ ấy,” Ben nói tỉnh rụi.

“Nhưng nếu là các cậu thì các cậu có lo không? Bọn tớ hẹn hò được năm tuần rồi mà cậu ấy chưa bao giờ đưa tớ đến nhà cả.” Ben và tôi liếc nhau một cái kiểu biết-ngay-mà, mặt tôi như muốn rúm lại vì nhin cười. “Sao thế?” Angela hỏi.

“Không sao,” tôi đáp. “Tớ nói thật, Angela ạ, nếu cậu ta bắt cậu tụ bọ với bọn tớ và suốt ngày đưa cậu đến nhà cậu ta...”

“Thì như vậy đứt đuôi con nòng nọc là cậu ta *không* thích cậu chút nào đâu,” Ben kết thúc vấn đề.

“Bố mẹ cậu ấy dị lắm à?”

Tôi chật vật tìm cách trả lời câu hỏi ấy một cách thành thực. “Ừm, không đâu. Hai bác ấy hay phết. Cơ mà tớ nghĩ hai bác cưng cậu ta hơi kĩ thôi.”

“Ờ, cưng hơi kĩ,” Ben đồng ý phất luôn, một cách hơi bị quá nhanh.

Angela mỉm cười đứng dậy, nói là phải đi kiểm ai đó trước khi hết giờ ăn trưa. Ben đợi cô ấy đi khuất rồi mới thốt lên, “Một cô nàng hơi bị được!”

“Chứ còn gì nữa,” tôi nói. “Hay là ông với tôi đá bóng bằng Radar đi để chơi với cô nàng này nhỉ.”

“Cơ mà chắc cô nàng không kì tài máy tính bằng Radar đâu. Bọn mình cần người giỏi máy tính mà ông. Mới cả tôi cá là cô nàng chơi Hồi Sinh rất ăm ớ,” đó là trò chơi điện tử mấy đứa bọn tôi đều ghiền. “Mà này,” Ben nói thêm, “nói ông bà già của Radar cứng nó hơi kĩ nghe hay đấy.”

“Ờ thì tôi sao có thể bép xép gì được,” tôi nói.

“Không biết khi nào Angela sẽ được tham quan Dinh Thự Bảo Tàng Nhà Radar nhỉ,” Ben cười nhảu nhở.

Sắp hết giờ nghỉ, Ben và tôi đứng dậy đặt khay đồ ăn trưa lên băng chuyền. Chính cái băng chuyền Chuck Parson đã từng lẳng tôi lên hồi tôi mới lơ ngơ vào trường, ném tôi xuống lãnh địa ngầm đầy kinh hãi của tập đoàn tẩy rửa bát đĩa Winter Park. Bọn tôi đi đến chỗ ngăn tủ cá nhân của Radar và vẫn đứng đó khi nó xoẹt đến sau hồi chuông thứ nhất.

“Trong giờ học môn nhà nước và chính quyền, tôi đã quyết định rằng nếu phải liếm bi của lừa mà có thể được bỏ qua môn ấy cho đến hết học kì, thì tôi sẵn sàng cam tâm tự nguyện làm như vậy,” Radar làu bàu.

“Ờ, bi của lừa có thể dạy ông khối thứ về nhà nước và chính quyền đấy,” tôi nói. “Mà này, nói về những lí do có thể khiến ông ước gì mình đã ăn trưa từ tiết bốn, tụi tôi vừa ngồi ăn cùng Angela đấy.”

Ben nhếch mép với Radar và nói: “Ừa, cô nàng thắc mắc là sao chả bao giờ được đến nhà ông.”

Radar thở hắt ra một hơi dài thườn thượt trong khi quẳng một đồng hồ bàn lẳng vào tủ đựng đồ. Nó thở dài lâu đến mức tôi tưởng nó sẽ đứt hơi ngất xỉu luôn mất.

“Mặt quá đi mất,” rút cục nó nói.

“Ông xí hổ chuyện gì sao?” Tôi cười cười hỏi.

“Tắt ngay,” Radar cau có thúc cùi chỏ vào bụng tôi. “Nhà ông đẹp thế còn gì,” tôi chưa tha.

“Tôi nói nghiêm túc với ông nhé,” Ben bồi thêm. “Angela thật sự dễ mến. Tôi không hiểu sao ông không cho bạn ấy gặp bố mẹ ông và xem một vòng Casa^[4] Radar nhỉ.”

Radar ném nốt sách vào ngăn tủ rồi đóng lại. Không khí trò chuyện chộn rộn quanh chúng tôi tắt lịm khi Radar nhìn thẳng lên trời và hét, “ÔNG BÀ GIÀ TÔI CÓ BỘ SƯU TẬP ÔNG GIÀ NOEL DA ĐEN ĐỒ SỘ NHẤT THẾ GIỚI THÌ CÓ PHẢI LỖI TẠI TÔI QUÁI ĐÂU!”

Tôi đã nghe Radar rên rầm “bộ sưu tập ông già Noel da đen đồ sộ nhất thế giới” cả ngàn lần trong đời, và chưa bao giờ tôi nén nổi phì cười vì điều đó. Nhưng Radar không nói giỡn. Tôi vẫn nhớ lần đầu đến nhà nó. Hình như lúc ấy tôi mười ba. Hồi đó là mùa xuân, đã mấy tháng sau Giáng Sinh, thế mà vẫn có vô số những ông già Noel da đen giăng trên các bậc cửa sổ. Các ông già Noel da đen bằng giấy treo dọc tay vịn cầu thang. Những cây nến hình ông già Noel da đen đặt trang trí trên bàn ăn. Một bức sơn dầu vẽ ông già Noel da đen treo phía trên lò sưởi, còn trên bệ lò sưởi là một loạt hình nộm các ông già Noel da đen. Trong nhà có một lọ đựng kẹo hình ông già Noel da đen mua từ Namibia. Cây đèn hình ông già Noel da đen thường được đặt cạnh thùng thư ở sân trước từ lễ Tạ ơn đến Năm mới, những lúc khác trong năm đứng hiên ngang trong góc phòng tắm dự phòng, một phòng tắm có giấy dán tường tự chế với họa tiết ông già Noel da đen và miếng bông tắm hình ông già Noel. Trong mỗi phòng, trừ phòng Radar, vương quốc của ông già Noel da đen bành trướng khắp nơi nơi—trên thạch cao, chất dẻo, đá hoa, đất sét, gỗ và vải vóc. Tổng cộng, bố mẹ Radar sở hữu hơn một ngàn hai trăm ông già Noel da đen dưới mọi hình thức. Như được trình trọng viết trên tấm bảng nhỏ cạnh cửa chính, nhà Radar là một di tích về ông già Noel được Hiệp hội Giáng Sinh chính thức công nhận.

“Ông chỉ việc nói với Angela thôi,” tôi nói. “Đại loại như, ‘Angela này, tớ thực sự thích cậu, nhưng có điều này cậu cần phải biết: khi ở trong nhà tớ và dính lấy nhau, tụi mình sẽ được quan sát bằng hai ngàn bốn trăm con mắt của một ngàn hai trăm ông già Noel da đen.’”

Radar đưa tay cào cào mái đầu húi cua, lắc lắc. “Ừa, không nghĩ là tôi sẽ nói y chang như vậy, nhưng tôi sẽ giải quyết việc đó.”

Tôi vào lớp học môn nhà nước và chính quyền, Ben học môn tự chọn về thiết kế trò chơi điện tử. Tôi chăm chăm xem đồng hồ suốt hai tiết học nữa, rồi cuối cùng cơn thờ phào cũng bật khỏi lồng ngực khi hết giờ—khúc cuối

một ngày luôn giống như chạy việt dã đến lễ tốt nghiệp còn chưa đầy một tháng nữa.

Tôi về nhà. Ăn lót dạ hai miếng bánh mì với bơ lạc và mứt. Xem pô-cơ trên ti-vi. Bố mẹ về nhà lúc sáu giờ, ôm nhau và ôm tôi. Bữa tối nghiêm chỉnh có mì ống bỏ lò. Bố mẹ hỏi tôi về trường lớp. Về dạ hội tốt nghiệp. Bố mẹ tấm tắc rằng nuôi dạy tôi khôn lớn là một kì tích của bố mẹ. Rằng trong công việc hàng ngày bố mẹ phải xoay xở với những người lớn lên trong cảnh ít được chăm sóc chu đáo. Bố mẹ đi xem ti-vi. Tôi về phòng kiểm tra e-mail. Tôi viết một ít về cuốn *Gatsby Vĩ đại* cho giờ Quốc ngữ. Tôi đọc một ít *Những văn bản Liên bang*, chuẩn bị trước cho kì thi môn nhà nước và chính quyền. Tôi chat chiu trên mạng với Ben, một lúc sau Radar cũng vào mạng. Trong lúc tán chuyện, nó đã bốn lần nhắc đến “bộ sưu tập ông già Noel da đen đồ sộ nhất thế giới”, lần nào tôi cũng bật cười khùng khục. Tôi bảo nó rằng tôi rất mừng vì nó đã có bạn gái. Nó bảo mùa hè năm nay sẽ hay ho đây. Tôi đồng ý. Hôm nay ngày mừng năm tháng Năm, nhưng cũng chẳng quan trọng. Chuỗi ngày của tôi giống nhau một cách dễ chịu. Tôi luôn thích như vậy: nhịp sinh hoạt đều đặn. Tôi thích cảm giác chán chán. Tôi không muốn như vậy, nhưng đúng là tôi thích thế. Và như vậy mừng năm tháng Năm có thể là bất cứ ngày nào—cho đến ngay trước nửa đêm hôm ấy, khi Margo Roth Spiegelman trượt mở ô cửa sổ không có lưới chắn của phòng tôi, lần đầu tiên kể từ khi cô ấy bảo tôi hãy đóng nó lại cách đây chín năm.

2.

Tôi quay lại khi nghe thấy tiếng cửa mở, và đôi mắt xanh của Margo đang chăm chú nhìn tôi. Thoạt đầu đôi mắt cô ấy là tất cả những gì tôi thấy được, nhưng khi thị giác đã điều chỉnh, tôi nhận ra Margo bôi đen mặt và mặc áo khoác có mũ màu đen. “Cậu đang gạ tình qua mạng đấy à?” cô ấy hỏi tôi.

“Tớ đang chát chiu với Ben Starling.”

“Điều đó không trả lời câu hỏi của tớ, đồ dê cụ.”

Tôi cười như mếu, rồi đi đến cửa sổ và quì xuống, mặt tôi chỉ cách mặt cô ấy vài phân. Tôi không thể hiểu được sao cô ấy lại ở đây, bên cửa sổ phòng tôi, như thế này. “Sao tớ lại có vinh hạnh này đây?” tôi hỏi. Margo và tôi vẫn là bạn bè, tôi nghĩ thế, nhưng không phải kiểu bạn gặp-nhau-lúc-nửa-đêm-với-bộ-mặt-bôi-đen. Tôi dám chắc cô ấy có bạn bè cho kiểu hoàn cảnh này. Và tôi không nằm trong số bạn đó.

“Tớ cần xe của cậu,” Margo giải thích.

“Tớ không có xe,” tôi nói, một thú nhận hơi có phần nhức nhối trong tôi.

“Chậc, tớ cần xe của mẹ cậu.”

“Cậu có xe riêng mà,” tôi nói lại.

Margo bụng má thở dài. “Đúng, nhưng vấn đề là bố mẹ giữ chìa khóa xe tớ và cất chìa trong một cái két, dưới gầm giường, và Myrna Mountweazel”—con chó của Margo— “ngủ trong phòng bố mẹ. Mà Myrna Mountweazel lên cơn phình mạch máu mỗi khi trông thấy tớ. Ý là, tớ hoàn toàn có thể lên vào phòng, nâng két, cạy ra lấy chìa khóa xe và phóng đi, nhưng vấn đề ở chỗ chẳng cần phải thử vì tớ chỉ cần mở cửa phòng thôi là Myrna Mountweazel sẽ sửa loạn xà ngầu. Thế nên tớ nói rồi đấy, tớ cần một cái xe. Tớ cũng cần cậu lái xe nữa, vì đêm nay tớ có mười một việc cần làm, và ít nhất năm đầu việc cần đến đồng bọn đánh tháo.”

Khi tôi không tập trung điểm nhìn vào đâu, Margo như tan biến bỗng bênh trong không khí, chỉ còn lại đôi mắt. Còn khi tập trung nhìn cô ấy, tôi có thể thấy đường viền khuôn mặt, thứ màu đen vẫn còn ướn trên da Margo. Hai gò má và cái cằm tạo thành một hình tam giác, và bờ môi đen thẫm mờ hồ cong một nụ cười. “Có cướp giết hiếp gì không đấy?” tôi hỏi.

“Hừm,” Margo đáp. “Hãy nhắc tớ nếu đột nhập bị coi là cướp giết hiếp.”

“Không,” tôi đáp gọn.

“Không đó không bị coi là cướp giết hiếp hay là không cậu sẽ không giúp tớ?”

“Không tớ không giúp được đâu. Cậu không tuyển được đứa đàn em nào đưa cậu đi sao?” Lacey và/hoặc Becca luôn ngoan ngoãn theo Margo đấy thôi.

“Thực ra tụi nó là một phần của vấn đề,” Margo nói.

“Vấn đề gì?” tôi hỏi.

“Có mười một vấn đề tất cả,” cô ấy nói, vẻ sốt ruột.

“Không đốt nhà giết người cưỡng bức con nhà lành đâu đấy,” tôi giao hẹn.

“Tớ thề có Chúa chứng giám rằng cậu sẽ không phạm phải trọng tội như vậy đâu.”

Và đúng lúc ấy, nhà Margo bỗng sáng bừng lên. Nhanh như cắt, cô ấy lộn cù mèo qua cửa sổ vào phòng tôi, lăn vào gậm giường. Chỉ tích tắc sau, bố Margo đứng ở hiên sau nhà réo. “Margo! Bố thấy mày rồi đấy!”

Tôi nghe thấy tiếng rên rầm trong gậm giường, “Ôi trời ơi!” Margo bò khỏi gậm giường, đứng dậy đi đến bên cửa sổ và nói: “Bố ơi bố, con chỉ đang nói chuyện với Quentin thôi ạ. Bố luôn bảo là cậu ấy có tác động tích cực đến con còn gì.”

“Chỉ nói chuyện với Quentin thôi sao?”

“Vâng.”

“Thế sao phải bôi mặt đen sì thế kia?”

Margo thoáng hoảng hồn trong một tích tắc vô cùng ngắn. “Giải thích đầu đuôi dài dòng lắm ạ, bây giờ chắc bố mệt rồi thì đi ng...”

“Về nhà ngay,” bố Margo gầm lên. “Tức khắc!”

Margo nín áo tôi, thì thầm “Một phút nữa tớ quay lại” vào tai tôi, rồi trèo qua cửa sổ.

Ngay khi Margo rời đi, tôi vớ lấy chìa khóa xe trên bàn. *Chìa khóa* là của tôi, còn chiếc xe, éo le thay, thì không. Vào ngày sinh nhật thứ mười sáu của tôi, bố mẹ tặng một món quà rất nhỏ, tôi lập tức hiểu ra bố mẹ cho tôi một chiếc chìa khóa ô-tô. Tôi mừng suýt phát tiếu vì bố mẹ vẫn nói đi nói lại là không đủ tiền mua xe cho tôi. Nhưng khi bố mẹ trao cho tôi hộp quà bé xíu, tôi biết ngay hóa ra lúc trước bố mẹ chỉ trêu thôi, và rằng cuối cùng thì tôi cũng sắp có xe rồi. Tôi xé ngay giấy bọc, mở cái hộp con con. Đúng thật, ở trong là cái chìa khóa.

Nhìn kĩ thì đó là chìa khóa xe Chrysler. Chìa khóa một chiếc minivan Chrysler. Chính là con minivan Chrysler của mẹ.

“Quà cho con là chìa khóa xe của mẹ ạ?” tôi hỏi mẹ.

“Anh Tom à,” mẹ quay sang bảo bố, “em đã nói với anh là thằng bé sẽ đặt kì vọng cao mà.”

“Ờ kìa, đừng trách anh,” bố nói. “Em đang đá sự căng thẳng của em vào tiền lương của anh đấy.”

“Đây chẳng phải một phân tích vội vàng có phần thụ động-hung hăng sao?” mẹ hỏi lại.

“Khi buộc tội một cách đầy hùng biện về lối hung hăng thụ động, chẳng phải chính những buộc tội ấy đã có bản chất thụ động-hung hăng rồi không?” bố đáp trả, và bố mẹ cứ liên tu bất tận như thế một lúc lâu.

Nhưng lâu hay chóng thì tóm lại cũng là thế này: tôi được thụ hưởng sự vận tải tuyệt vời của chiếc minivan Chrysler đời cũ, trừ những lúc mẹ lái xe. Và vì sáng nào mẹ cũng lái xe đi làm, tôi chỉ có thể dùng vào dịp cuối tuần. Ở, cuối tuần và giờ giấc quái quỷ lúc nửa đêm.

Margo mất hơn một phút như đã hứa mới quay lại bên cửa sổ phòng tôi, nhưng không quá lâu. Đúng lúc sắp sửa lên đường hành sự, tôi lại thấy đầu óc lung bung. “Mai tớ phải đi học đấy,” tôi nói với Margo.

“Ừa, tớ biết chứ,” Margo đáp. “Mai phải đi học, ngày kia cũng thế, cơ mà con trai suy đi tính lại lâu la có thể khiến con gái cáu điên lên đấy. Rồi, coi

như đây là trường học ban đêm đi. Thế nên bây giờ chúng ta đi, vì phải trở về trước khi trời sáng.”

“Tớ không biết nữa.”

“Q này,” cô ấy nói. “Q ơi. Bạn tốt ơi. Chúng ta là bạn bè thân thiết được bao lâu rồi?”

“Chúng ta không phải bạn bè. Chúng ta là hàng xóm.”

“Ôi trời ơi, Q ơi là Q. Tớ có gì tệ với cậu ư? Tớ không bảo bạn dám đàn em nhan nhản của tớ ở trường phải tử tế với cậu sao?”

“Uhm hừm,” tôi ậm ừ, dù đúng là tôi vẫn luôn ngờ ngợ rằng chính Margo đã ngăn Chuck Parson và đồng đảng của nó chơi xỏ bợn tôi.

Cô ấy nháy mắt, cả hàng mi cũng được bôi đen. “Q ơi,” Margo nói, “chúng ta phải đi.”

Và thế là tôi đi. Tôi lạng lẽ nhảy qua cửa sổ, và chúng tôi khom người chạy dọc hông nhà, cho đến khi mở được cửa chiếc minivan. Margo thì thầm bảo đừng đóng cửa xe—như vậy gây tiếng động quá lớn—thế là với cửa xe để mở, tôi không khởi động xe mà thò chân ra đẩy xuống nền xi-măng, để xe từ từ lăn xuống đường. Chúng tôi chầm chậm qua mấy ngôi nhà rồi tôi mới khởi động máy và bật đèn. Chúng tôi đóng cửa xe, và tôi bắt đầu lái qua những con phố ngoằn ngoèo tưởng như vô tận của khu Jefferson Park, những căn nhà còn mới và bằng chất dẻo, trông như một ngôi làng đồ chơi với hàng chục ngàn con người bằng xương bằng thịt.

Margo bắt đầu kể. “Vấn đề là bố mẹ chẳng thực sự *quan tâm*, bao nhiêu kì tích hay ho của tớ, họ chỉ thấy như vậy là làm hỏng thể diện của họ. Như lúc này, cậu có biết bố tớ nói gì không? ‘Bố không cần biết mày bày đặt trò gì với cuộc đời mày, nhưng đừng có mà làm bố mẹ mất mặt với nhà Jacobsen—cô chú ấy là *bạn* của bố mẹ.’ Buồn cười thật. Và cậu không biết bố mẹ tớ đã sảy vảy đến mức nào để có được cái nhà khủng ấy đâu. Cậu biết trong mấy bộ phim về vượt ngục, người ta nhét quần áo lủng bùng dưới chăn, giả bộ có người đang nằm chứ?” Tôi gật. “Ừ, đấy, mẹ tớ bày đặt xài một cái thiết bị giám sát bé chết giãm trong phòng tớ để đêm nào cũng chực nghe tiếng tớ thở trong khi ngủ. Thế là tớ phải trả cho Ruthie năm đồng để nó ngủ trong phòng tớ, còn tớ nhét một đồng quần áo lủng bùng lên giường *nó*.” Ruthie là

em gái Margo. “Thế là thành một mớ *Nhiệm vụ bất khả thi* rồi đấy. Tớ đã từng chỉ việc lên khỏi nhà, như bất cứ người Mỹ bình thường chết tiệt nào— chỉ việc trèo qua cửa sổ và nhảy từ mái nhà xuống. Nhưng trời đất quỷ thần ơi, bây giờ không khác gì sống trong chế độ độc tài phát-xít mà.”

“Cậu có cho tớ biết là chúng ta sẽ đi đâu không?”

“Ờ, đầu tiên đến siêu thị Publix. Vì những lí do tớ sẽ giải thích sau, tớ cần cậu vào mua đồ cho tớ. Sau đó sẽ đến cửa hàng Wal-Mart.”

“Sao cơ, chúng ta sẽ lượn một vòng hoành tráng qua các tụ điểm mua sắm ở Trung Florida sao?” tôi hỏi.

“Đêm nay, bạn thân mến ạ, chúng ta sẽ chấn chỉnh lại rất nhiều những sai trái. Và chúng ta sẽ làm trái một số điều phải. Kẻ đầu sẽ nên tốt và kẻ tốt sẽ nên đầu, người nhu mì sẽ hưởng được đất cho mà xem. Nhưng trước khi có thể tái định hình thế giới một cách căn bản, chúng ta phải đi mua sắm cái đã.” Thế là tôi lái xe đến Publix, bãi xe gần như không có ai, chúng tôi đỗ lại.

“Này,” Margo nói, “hiện giờ cậu có bao nhiêu tiền?”

“Không đồng và không xu,” tôi đáp. Tôi tắt động cơ và quay sang nhìn cô ấy. Margo lùa tay vào túi quần jeans sẫm màu, kéo ra mấy tờ một trăm đô-la. “Ơn trời may quá đã có đây rồi,” cô ấy nói.

“Tiền này là sao?” tôi hỏi.

“Tiền từ lễ Trưởng Thành Bat mitzvah đấy, ngốc ạ. Tớ không được động đến tài khoản, nhưng tớ biết thừa mật khẩu của bố mẹ vì họ dùng ‘myrnamountw3az3l’ cho tất cả mọi thứ. Thế là tớ rút thôi.” Tôi cố gắng chớp mắt cho bớt vẻ ngây thộn, nhưng Margo đã thấy cách tôi nhìn cô ấy và nhếch mép cười với tôi. “Nói đơn giản,” cô ấy bảo, “đây sẽ là đêm tuyệt nhất đời cậu.”

3.

Về Margo Roth Spiegelman, tất cả những gì tôi có thể làm là để cô ấy nói, và khi cô ấy ngừng lời thì tôi sẽ khích lệ cô ấy hãy cứ nói tiếp đi, vì sự thật là 1. Không thể phủ nhận rằng tôi mến cô ấy, 2. Ở mọi góc độ, hoàn toàn không thể dự đoán được cô ấy sẽ làm gì, và 3. Cô ấy không bao giờ thực sự hỏi tôi điều gì, cho nên cách duy nhất để tránh sự im lặng là khuyến khích cô ấy cứ tiếp tục câu chuyện.

Ở bãi đỗ xe vào siêu thị Publix, cô ấy nói, “Rồi, đây. Tớ đã lập danh sách cho cậu. Nếu cần hỏi gì cậu cứ gọi vào điện thoại di động của tớ. Mà này, nói mới nhớ, tớ đã tự giành lấy chút tự do xếp một ít đồ ở phía sau xe rồi nhé.”

“Hả, sao cơ, kể cả khi tớ chưa đồng ý ấy hả?”

“Ờ, ừ. Thực tế như vậy đấy. Dù sao, nếu có gì thắc mắc thì cứ gọi điện cho tớ. Riêng về Vaseline, cậu cần lấy loại to hơn năm tay cậu một chút. Như là có loại Vaseline Bé Cứng này, loại Vaseline Mẹ Bé này, rồi Vaseline Bố Bé béo ú, đấy là loại cần mua. Nếu không thấy loại đó thì lấy, xem nào, ba lọ Vaseline Mẹ Bé.” Margo đưa tôi tờ danh mục và một trăm đô-la, nói. “Thế này đủ đấy.” Danh mục của Margo:

_3 con Cá da trơn, Gói riêng từng con

Veet (Để Làm sạch lông chân Chỉ khi không Cần đến dao cạo Ở chỗ mỹ phẩm cho Con gái)

Vaseline

sáu chai, Mountain Dew

Mười hai bông Tulip

một Chai Nước

Khăn giấy

một Bình xịt Phun sơn màu xanh da trời_

“Kiểu viết hoa này hay đấy,” tôi nhận xét.

“Ừ, tớ hết sức cố xúi lối viết hoa ngẫu hứng mà. Quy tắc viết hoa thông thường rất bất công với các từ không đứng đầu câu.”

Chà, không biết bạn sẽ nói gì với nhân viên thu ngân siêu thị vào lúc mười hai rưỡi đêm khi bạn xếp lên quầy thanh toán khoảng sáu kí cá da trơn, kem tẩy lông Veet, tuýp Vaseline loại bố-bé-béo-ú, một bịch sáu chai nước có ga Mountain Dew, một bình xịt phun sơn màu xanh da trời và mười hai bông hoa tulip. Còn đây là những gì tôi đã nói: “Trông có vẻ kì quặc nhưng thực ra không đến nỗi ấy đâu ạ.”

Cô thu ngân hăng giọng nhưng không nhìn lên. “Tức là vẫn kì quặc mà,” tôi nghe thấy cô ấy lẩm bẫm.

“Tớ thực sự không muốn dính vào bất cứ rắc rối nào đâu,” quay lại chiếc minivan, tôi nói với Margo như vậy, trong khi cô ấy dốc nước trong chai ra lau sạch thứ màu đen trên mặt bằng khăn giấy. Rõ ràng là cô ấy chỉ cần lớp ngụy trang ấy để ra khỏi nhà. “Trong thư mời học mà trường Duke gửi cho tớ, họ nói rõ ràng rành mạch rằng sẽ không nhận tớ vào học nếu tớ bị cảnh sát bắt.”

“Cậu rất biết lo xa đấy Q.”

“Vậy làm ơn đừng có dây vào chuyện gì rắc rối,” tôi nói. “Đúng là tớ cũng khoái vui vẻ và đủ thứ, nhưng không thể trả giá bằng, xem nào, tương lai của tớ chẳng hạn.”

Margo ngược nhìn tôi, khuôn mặt cô ấy đã gần như hoàn toàn sạch sẽ, và phảng phất nụ cười mơ hồ. “Tớ ngạc nhiên đấy, cái đồng chết tiệt ấy còn xa títt mù khơi mới đến mà cậu đã bắn lên thế sao.”

“Hả?”

“Đại học: vào học hay không vào học. Rắc rối: dính dáng hay không dính dáng. Trường phổ thông: đạt điểm A hay điểm D. Sự nghiệp: gây dựng hay không gây dựng. Nhà cửa: to hay nhỏ, mua đứt hay đi thuê. Tiền bạc: có hay không có. Toàn một mớ chán òm.”

Tôi chực muốn nói, rằng rõ ràng là Margo chẳng chịu chú tâm nghiêm túc gì cả, vì cô ấy học hành giỏi giang và năm tới sẽ theo học chương trình cử nhân tài năng tại Đại học Florida, nhưng Margo đã hô lên, “Wal-Mart.”

Chúng tôi cùng vào Wal-Mart và chọn một món dụng cụ mà quảng cáo trên ti-vi vẫn gọi là The Club, có tác dụng khóa cứng tay lái ô-tô lại. Trong khi đi qua khu đồ cho trẻ em, tôi hỏi Margo, “Mua cái The Club này để làm gì?”

Margo đáp bằng kiểu độc thoại xen lẫn chút hưng phấn quen thuộc mà không trả lời trực tiếp câu hỏi của tôi. “Cậu biết không, từ xưa lắc xưa lơ và kéo dài rất lâu trong lịch sử nhân loại, tuổi thọ trung bình của con người chưa đến ba mươi. Tức là người ta có khoảng mười năm của tuổi trưởng thành, phải không? Như thế tức là chẳng cần lập kế hoạch nghỉ hưu. Chẳng có kế hoạch xây dựng sự nghiệp nữa. Chẳng có khái niệm *lên kế hoạch*. Làm gì có thời gian để lên kế hoạch. Không có thời gian cho tương lai. Nhưng rồi vòng đời bắt đầu dài dần ra, con người bắt đầu có nhiều cái gọi là tương lai hơn, thế là họ dành nhiều thời gian nghĩ đến nó hơn. Nghĩ về tương lai. Và bây giờ sự sống đã *trở thành* tương lai rồi. Mỗi khoảnh khắc trong đời cậu đều sống vì tương lai—cậu học phổ thông để có thể vào đại học để có được công việc tốt để mua được nhà đẹp để kiếm được tiền lo cho con cái cậu vào đại học để chúng có được công việc tốt để chúng mua được nhà đẹp để chúng kiếm được tiền lo cho con cái chúng vào đại học.”

Hình như Margo cứ làm nhảm như vậy để tránh trả lời câu hỏi đã rõ ràng. Thế nên tôi nhắc lại. “Sao chúng ta lại cần cái The Club này?”

Margo vỗ nhè nhẹ lên lưng tôi. “Chẳng phải tớ đã bảo cậu rằng mọi chuyện sẽ dần sáng tỏ trước khi trời sáng đấy ư.” Và rồi, ở khu bày dụng cụ chèo thuyền, Margo chọn lấy một cái còi hơi. Cô ấy lấy nó ra khỏi hộp đựng và giơ cao lên, tôi lập tức bảo, “Không được đâu”, và Margo hỏi lại, “Cái gì không được cơ?” Tôi nói tiếp, “Không được dùng còi hơi ở đây,” hiềm nỗi tôi mới nói đến chữ *d* trong từ *dùng* thì cô ấy đã bóp còi và một tiếng rít đinh tai nhức óc xé qua không khí, ong ong trong đầu tôi, như thể các mạch máu đang phình ra và lùng bùng đập. Margo tỉnh rụi hỏi, “Xin lỗi, lúc nãy tớ không nghe rõ, cậu vừa bảo gì cơ?” Và tôi đang dở dang “Đừng b...” thì cô ấy đã lại bóp còi một lần nữa.

Một nhân viên của Wal-Mart, chắc chỉ lớn hơn chúng tôi vài tuổi, đi đến và nói, “Này, không được dùng còi hơi ở đây.” Margo liền đáp với một vẻ

tưởng như hết sức chân thành, “Xin lỗi anh, em không biết ạ,” còn anh chàng kia nói ngay, “Ồ, cũng vui, không sao đâu, thật đấy.” Màn đối thoại có lẽ chỉ có thế, ngoại trừ việc anh chàng không thể rời mắt khỏi Margo. Thật lòng tôi không trách anh ta, vì đã nhìn Margo thì khó có thể rời mắt đi được. Rút cục anh ta nói, “Hai em có kế hoạch gì bây giờ không?”

Margo đáp, “Không có gì nhiều. Còn anh?”

Anh ta nói, “Anh hết giờ làm lúc một giờ, sau đó sẽ tới quán bar ở Orange, nếu em cũng muốn đến đó. Nhưng phải để em trai em lại đâu đó, quán ấy kiểm tra giấy tờ tùy thân nghiêm lắm.”

Cái gì của cô ấy cơ?! “Tôi không phải là em trai,” tôi nói trong khi nhìn đôi giày thể thao của anh chàng đó.

Thế là Margo bắt đầu bày trò. “Thực ra đây là *anh họ* em,” cô ấy nói, nhích sát lại, vòng tay qua hông tôi và tôi có thể cảm thấy từng ngón tay Margo ấn lên móm hông của tôi. Rồi cô ấy nói thêm, “Và là bồ của em.”

Anh chàng kia tròn mắt bước đi, tay Margo vẫn nguyên như vậy thêm một phút nữa, tôi liền chớp cơ hội quàng tay qua vai cô ấy. “Cậu đúng là cô em họ mà tớ rất thích đấy,” tôi nói với Margo. Cô ấy mỉm cười, hông khẽ huých tôi ra và rời khỏi vòng tay tôi.

“Chẳng lẽ tớ lại không biết điều đó ư,” cô ấy nói.

4.

Chúng tôi lái xe dọc cao tốc I-4, may phước là không có ai, và tôi đi theo chỉ dẫn của Margo. Đồng hồ trên bảng điều khiển chỉ 1:07.

“Đẹp đấy chứ, hả?” cô ấy nói khi quay khỏi tôi và chăm chú nhìn ra cửa sổ xe, thế nên tôi gần như không thấy nét mặt cô ấy. “Tớ rất thích lái xe thật nhanh trong ánh đèn trên phố.”

“Ánh sáng,” tôi nói, “thứ hữu hình gợi nhắc Ánh Sáng Vô Hình.”

“Đẹp quá,” Margo thốt lên.

“T.S. Eliot,” tôi nói. “Cậu cũng đọc rồi mà. Trong môn Quốc ngữ năm ngoái.” Thực ra tôi chưa từng đọc toàn bộ bài thơ có câu vừa rồi, nhưng vài câu trong những đoạn tôi đã đọc vẫn còn vương lại trong đầu.

“Ồ, hóa ra cậu trích thơ à,” cô ấy nói, có vẻ hơi thất vọng. Tôi thấy tay Margo đặt trên bảng điều khiển chính. Tôi có thể đặt tay mình lên bảng điều khiển ấy, thế là tay chúng tôi sẽ ở cùng một chỗ, vào cùng một thời điểm. Nhưng tôi đã không làm vậy. “Cậu đọc lại đi,” Margo nói. “Ánh sáng, thứ hữu hình gợi nhắc Ánh Sáng Vô Hình.”

“Ôi chao, thật sự rất hay. Hẳn là đã khiến cô nàng của cậu cảm động.”

“Cô nàng cũ,” tôi chữa lại.

“Suzie đá cậu rồi à?” Margo hỏi.

“Sao cậu biết *bạn* ấy đá tớ?”

“Ôi, xin lỗi nhé.”

“Dù sao cũng đúng là như thế,” tôi thừa nhận, và Margo bật cười. Chuyện chia tay từ mấy tháng trước rồi, nhưng tôi không trách Margo đã không để ý đến kiểu chuyện tình nhạt nhẽo ấy. Những gì xảy ra trong phòng tập nhạc sẽ ở lại trong phòng tập nhạc.

Margo gác bàn chân lên bảng điều khiển và ngón ngoắc ngón chân theo tiết tấu giọng nói. Cô ấy luôn có kiểu nói chuyện như vậy, với nhịp điệu lên

xuống rõ rệt, nghe như đang ngâm thơ. “Phải rồi, ừ nhỉ, tớ xin lỗi nhé. Nhưng tớ cũng có chuyện tương tự đấy. Anh chàng bạn trai đẹp mã từ ối chao là mấy tháng nay đang mần cô bạn thân nhất của tớ.”

Tôi quay sang nhưng tóc che gần hết mặt Margo, nên tôi không hiểu có phải cô ấy đang đùa không. “Cậu đang nghiêm túc đấy à?” Cô ấy không đáp. “Nhưng sáng nay cậu còn cười với cậu ta cơ mà. Tớ thấy hai cậu mà.”

“Tớ không biết cậu đang nói đến lúc nào. Tớ biết chuyện trước khi vào tiết một, rồi tớ thấy người ta nói chuyện với nhau và tớ bắt đầu hét lên đồ giết người khát máu, Becca lao vào vòng tay Clint Bauer còn Jase đứng ngây như phỗng, cái miệng hôi hám nhuộm đầy nước dãi.”

Hóa ra tôi đã hoàn toàn hiểu nhầm cảnh ở hành lang sáng nay. “Lạ thật, sáng nay Chuck Parson không dừng hỏi tớ biết gì về cậu và Jase.”

“Ừa, tớ đoán là Jase bảo Chuck đi hỏi đấy. Chắc là cố moi tin cho Jase xem ai đã làm vỡ lở sự việc.”

“Trời ạ, tại sao cậu ta lại đi lằng nhằng với Becca chứ?”

“Chậc, cô nàng không lấy lòng vì bầu trời nhân cách hay lòng hào hiệp người người, vậy thì chắc là vì cô nàng nóng bỏng thôi.”

“Becca làm sao nóng bỏng bằng cậu được,” tôi nói mà không kịp nghĩ gì hay hơn.

“Tớ luôn thấy như vậy thật nực cười, rằng người ta cứ xoắn lấy ai đó chỉ vì bề ngoài đẹp đẽ thôi. Y như là chọn ngũ cốc ăn sáng dựa vào màu sắc chứ không phải mùi vị. Mà này, rẽ ở chỗ tiếp theo. Nhưng tớ không đẹp, và lại cũng không thân mật. Nói chung càng ở gần tớ thì sẽ càng thấy độ nóng của tớ giảm đi.”

“Như thế...” tôi toan nói.

“Thôi bỏ đi,” Margo đã gạt luôn.

Trong lòng tôi rộn lên cảm giác bất công, tại sao thằng tòi như Jason Worthington lại ngon lành nằng được cả Margo và Becca, trong khi những người đàn ông hoàng tử tế một cách hoàn hảo như tôi lại không thể chạm được một phen vào một trong hai, hoặc bất cứ cô gái nào. Thực ra, tôi muốn nghĩ rằng mình là kiểu con trai không thềm dính đến Becca Arrington. Cứ cho là cô nàng nóng bỏng đi, nhưng cũng 1. gốc một cách thảm hại, và 2. là một á

cún đại kinh điển. Mấy thằng hay tụ bọ quanh phòng tập nhạc bọn tôi lâu nay vẫn ngỡ rằng Becca giữ được dáng thon chuẩn như vậy là nhờ chế độ ăn chỉ gồm linh hồn mè sữa và những giấc mơ của trẻ con nhà nghèo. “Becca toàn bày những trò chẳng ra gì,” tôi nói, cố gắng kéo Margo trở lại câu chuyện.

“Ừ,” cô ấy đáp, vẫn nhìn ra cửa sổ bên ghế ngồi, mái tóc óng ánh phản chiếu ánh sáng từ ngoài phố. Trong tích tắc tôi ngỡ như cô ấy sẽ khóc mất, nhưng Margo thay đổi tâm trạng rất nhanh, kéo mũ đội lên đầu và lấy The Club ra khỏi cái túi Wal-Mart. “Xem nào, trò này sẽ vui ở mọi cấp độ,” cô ấy nói trong khi mạnh tay xé toạc bao bì The Club.

“Cho tớ hỏi chúng ta đến đâu được không?”

“Nhà Becca,” Margo đáp.

“Hả?” tôi thốt lên và phanh xe, dừng chiếc minivan lại và bắt đầu nói với Margo rằng tôi sẽ đưa cô ấy về nhà.

“Không có đốt nhà giết người cưỡng bức con nhà lành đâu. Hứa. Chúng ta cần tìm xe của Jase. Phố nhà Becca là phố trước mặt bên tay phải, nhưng hẳn ta không đỗ xe trên phố ấy đâu, vì bố mẹ Becca ở nhà. Thử rẽ vào phố tiếp theo xem. Đó là việc đầu tiên.”

“Được rồi,” tôi nói. “Rồi về nhà đấy nhé.”

“Không, rồi chúng ta sẽ đến Phần Hai trong tổng số Mười một Phần.”

“Margo, ý tưởng đó không hay chút nào đâu.”

“Cậu cứ lái xe đi,” cô ấy nói, và thế là tôi cứ lái. Chúng tôi thấy con Lexus của Jase ở cách phố nhà Becca hai dãy nhà, đỗ trong một ngõ cụt. Tôi chưa kịp dừng xe hẳn lại thì Margo đã nhảy ra ngoài, tay cầm cái The Club. Cô ấy mở cửa chiếc Lexus, phía ghế lái xe, ngồi vào ghế và bắt đầu lắp The Club vào tay lái của Jase. Rồi cô ấy nhẹ nhàng đóng cửa chiếc Lexus lại.

“Đồ dân ấy chẳng bao giờ khóa xe cả,” Margo lẩm bẩm khi trở lại vào xe tôi. Cô ấy đút chìa khóa The Club vào túi quần, rồi đưa tay sang bới loạn tóc tôi lên. “Phần Một— xong. Bây giờ, đến nhà Becca.”

Trong khi tôi lái, Margo bắt đầu giải thích Phần Hai và Ba.

“Nghe hay phết nhỉ,” tôi nói dù bụng dạ lục đục căng thẳng.

Tôi rẽ vào phố nhà Becca và đỗ cách biệt thự của Becca hai căn. Margo bò qua phía sau cái minivan và quay lại với đôi ống nhòm và một máy ảnh kỹ thuật số. Cô ấy nhìn qua ống nhòm trước rồi đưa cho tôi. Tôi thấy ánh sáng từ tầng hầm căn biệt thự, nhưng không có động tĩnh gì. Tôi hơi ngạc nhiên vì tòa nhà có tầng hầm—gần như khắp nơi ở Orlando, không cần đào sâu cũng có thể gặp mạch nước ngầm.

Tôi thò tay vào túi lấy điện thoại di động, gọi theo số Margo đọc cho tôi. Đầu dây bên kia đổ chuông, một hồi, hai hồi, rồi một giọng nam phều phào nhắc máy, “Xin chào?”

“Bác Arrington đây phải không ạ?” tôi hỏi. Margo muốn tôi gọi vì không ai nhận ra được giọng tôi.

“Ai đấy? Trời ơi, mấy giờ rồi không biết?”

“Thưa bác, có điều này cháu nghĩ bác nên biết, con gái bác giờ này đang ngủ say tít cung mây với Jason Worthington ở dưới tầng hầm đấy bác ạ.” Rồi tôi lập tức gác máy. Phần Hai: hoàn thành.

Margo và tôi để ngỏ cửa xe minivan, chạy men theo con phố, gặp người cúi rạp xuống sau hàng cây quanh sân nhà Becca. Margo đưa cho tôi cái máy ảnh, và tôi thấy một buồng ngủ ở tầng trên bắt đầu sáng đèn, rồi đến đèn cầu thang và phòng bếp, cuối cùng là cầu thang xuống tầng hầm.

“Đây rồi,” Margo thì thầm. Tôi chẳng hiểu cô ấy muốn nói gì cho đến khi tôi liếc xéo thấy Jason Worthington thân không mặc áo lảng mình qua cửa sổ tầng hầm. Hắn lao như tên bắn qua bãi cỏ, trên người chỉ có mỗi mảnh quần đùi, và khi hắn đến gần, tôi nhảy vọt lên chụp được một bức hình của hắn, hoàn thành Phần Ba. Ánh sáng nhá lên từ máy ảnh hình như khiến cả hai thằng tôi cùng sửng sờ. Hắn chớp mắt nhìn tôi qua bóng tối trong một tích tắc bàng hoàng chóng vánh, rồi co giò chạy thẳng vào màn đêm.

Margo níu lấy ống quần jeans của tôi, tôi cúi xuống và thấy cô ấy gặp người cười như điên. Tôi đưa tay đỡ Margo đứng dậy, chúng tôi cùng chạy về xe. Tôi đang bật khóa khởi động xe thì cô ấy nói, “Cùng xem ảnh đi.”

Tôi đưa máy ảnh cho Margo, chúng tôi cùng xem ảnh trên màn hình, hai mái đầu gần như chạm vào nhau. Nhạc thấy bản mặt sửng sốt tái dại của Jason Worthington, tôi không thể nén nổi phì cười.

“Ôi trời,” Margo thốt lên và chỉ cho tôi thấy. Trong lúc hoảng hồn và cấp bách, hình như Jason đã không kịp nhốt Jason Bé Bông vào trong quần đùi, thế nên chú bé chễm chệ lộ thiên cùng tuế nguyệt, được kĩ thuật số ghi lại và lưu truyền cho hậu thế.

“Cái con giống này,” Margo nói, “y chang kiểu Rhode Island là một tiểu bang: có thể đã trải qua một lịch sử vẻ vang thật, nhưng rõ ràng là nhỏ xíu à.”

Tôi nhìn lại ngôi nhà và thấy đèn dưới tầng hầm đã tắt. Tôi tự thấy mình cũng hơi tệ với Jason—thực ra không phải lỗi của hẳn khi mang trên mình một con tờ-rym xíu xiu và có cô bạn gái rất biết cách trả thù ngọt ngào. Cơ mà hồi tôi học lớp sáu, Jase đã hứa sẽ không đâm vào cánh tay tôi nếu tôi chịu nuốt một con giun đất còn sống, tôi đã nuốt và hẳn đã thụi một cú thẳng vào mặt tôi. Thế nên mặc cảm ân hận trong tôi cũng nhanh chóng tan biến.

Tôi quay sang Margo, cô ấy đang quan sát ngôi nhà bằng ống nhòm. “Chúng ta đi thôi,” cô ấy nói. “Xuống tầng hầm.”

“Gì cơ? Tại sao?”

“Phần Bốn. Thó quần áo của hẳn phòng khi hẳn tìm cách lên trở lại nhà. Phần Năm. Tặng cá cho Becca.”

“Không.”

“Có. Ngay và luôn,” Margo nói. “Cô nàng đang bị bố mẹ rửa sả ở trên gác. Nhưng màn thuyết giảng sẽ kéo dài bao lâu chứ? Là cậu thì cậu sẽ nói gì? ‘Con không nên bập vào bạn trai của Margo ở dưới tầng hầm như thế.’ Về căn bản màn dạy dỗ chỉ nhai đi nhai lại câu ấy thôi. Thế nên chúng ta phải lẹ lên.”

Margo ra khỏi xe, một tay cầm bình xịt sơn, tay kia một gói cá. Tôi rên rầm, “Chuyện này không hay ho chút nào,” nhưng tôi theo sau Margo, rạp người xuống như cô ấy, cho đến khi cả hai đứng trước cửa sổ tầng hầm còn để ngỏ.

“Tớ vào trước,” Margo nói. Cô ấy thò chân qua và đứng trên bàn máy tính của Becca, nửa người ở trong nhà, nửa ở ngoài. Khi ấy tôi hỏi, “Tớ ở ngoài này canh gác thôi nhé?”

“Lê cái mông nhọn của cậu vào đây,” Margo đáp, và thế là tôi làm theo. Nhanh gọn, tôi vơ hết mấy thứ quần áo kiểu con trai mà tôi thấy trên sàn trải thảm màu tím hoa oải hương. Cái quần jeans với thắt lưng da, đôi dép lê, mũ lưỡi trai của đội bóng chày Mèo Hoang Winter Park, và cái áo phông xanh nhạt. Tôi quay lại phía Margo, cô ấy đưa tôi gói cá và một trong mấy cái bút nhũ màu tím của Becca, bảo tôi hãy viết lên giấy gói:

Thông điệp từ Margo Roth Spiegelman: Tình bạn của mi với cô ấy–ngủ với cá rồi.

Margo giấu gói cá giữa mấy đôi quần soóc đã gấp trong tủ quần áo của Becca. Nghe thấy tiếng bước chân trên cầu thang, tôi liền gõ gõ vào vai Margo và nhìn cô ấy, hai mắt tôi như muốn bắn ra khỏi tròng. Margo chỉ mỉm cười và thong thả rút bình xịt sơn ra. Tôi lồm cồm chui qua cửa sổ, quay lại thì thấy Margo đang nhào mình trên bàn, từ tốn lắc bình sơn. Bằng động tác duyên dáng–những chuyển động khiến chúng ta nghĩ ngay đến nghệ thuật viết chữ đẹp hoặc những đường kiếm của Zorro–Margo dùng bình xịt phun một chữ *M* lên mảng tường phía trên bàn máy tính.

Cô ấy giơ tay lên và tôi kéo Margo qua cửa sổ. Cô ấy vừa đặt chân xuống đất thì chúng tôi nghe thấy một tiếng rít vút lên nhọn hoắt, “ANH DWIGHT ỒI!” Tôi ôm mớ quần áo và chạy, Margo chạy theo bén gót.

Tôi nghe thấy, nhưng không nhìn được, cửa nhà Becca bật mở. Tôi không dừng cũng chẳng ngoái lại, kể cả khi một giọng trầm đục như sấm rền vang lên “ĐỨNG LẠI!”, thậm chí cả khi tôi nghe thấy âm thanh không thể nhầm lẫn được tiếng nạp đạn súng hoa cải.

Tôi nghe thấy Margo lầm bầm “súng” ở phía sau–nghe không có vẻ như cô ấy đang lo lắng hay hoảng loạn, mà chỉ đang ghi nhận tình hình–và tôi không chạy vòng qua hàng đậu bao quanh nhà Becca mà cắm đầu lao qua. Tôi không chắc mình muốn hạ cánh thế nào–có thể là một màn lộn cù mèò thiện nghệ hoặc đại khái thế–nhưng rút cục hóa ra tôi buông mình sóng soài xuống mặt đường nhựa, tiếp đất bằng vai trái. May có đồng quần áo của Jase bị ném xuống đất trước nên màn đo đường của tôi có phần êm ái hơn.

Tôi lầm bầm chửi rủa, còn chưa kịp chuẩn bị đứng dậy thì Margo đã xốc tôi lên. Chúng tôi vào xe và tôi lái giật lùi mà không bật đèn, thế nên suýt

nữa đã tông phải chàng tuyển thủ chặn bóng của đội bóng chày Mèo Hoang Winter Park lúc này gần như hoàn toàn khóa thân. Jase đang chạy rất nhanh, nhưng hình như hắn cứ chạy loạn xạ ngẫu thế thôi chứ không biết đi đâu. Tôi lại cảm thấy lưỡi dao hồi hận cứa vào mình khi chúng tôi vượt qua hắn, thế nên tôi trượt cửa sổ xuống phân nửa, ném cái áo phông của hắn ra. May phước chắc hắn không thấy cả Margo lẫn tôi, và hắn không có cơ sở gì để nhận ra cái minivan vì–tôi không muốn tỏ ra chua chát hay đại loại thế khi cứ phải nhảy lại điều này–*tôi không được lái xe đến trường.*

“Ma quỷ phương nào xui khiến cậu làm vậy hả?” Margo hỏi khi tôi bật đèn và lái xe đi, bây giờ tìm cách ra khỏi khu mê hồn trận ngoại thành này để vào cao tốc liên bang.

“Tớ thấy tội nghiệp hắn.”

“Hắn ư? Tại sao chứ? Vì hắn đã lừa dối tớ suốt sáu tuần ư? Vì có thể hắn đã lây sang tớ một thứ bệnh nào đó có-trời-mới-biết-là-gì ư? Vì hắn là thằng ôn ngu độn tằm lợm có thể cả đời sẽ được ăn sung mặc sướng, mình chứng hoàn hảo cho sự bất công của vũ trụ này ư?”

“Trông hắn cứ kiểu thăm thẳm thế nào ấy,” tôi nói.

“Kệ xác hắn. Chúng ta sẽ đến nhà Karin. Ở Pennsylvania, cạnh tiệm rượu ABC Liquors.”

“Đừng chơi tớ thế,” tôi nói. “Một người đàn ông vừa chĩa súng hoa cải vào tớ vì tớ ra tay giúp cậu, cho nên đừng có chơi đố nhau nữa chứ.”

“TỚ CHƠI ĐẾU GÌ CẬU!” Margo gào lên và đấm mạnh xuống bảng điều khiển.

“Ái chà, cậu đang gào thét đấy.”

“Tớ cứ ngỡ có lẽ... chẳng biết nữa. Tớ đã nghĩ biết đâu hắn không lừa dối tớ.”

“Ờ.”

“Karin đã nói với tớ khi ở trường. Và tớ đoán là nhiều người đã biết tổng từ lâu rồi. Thế mà chả có ai cho tớ biết, trừ Karin. Tớ cứ tưởng con bé muốn dựng chuyện đặt điều gì chứ.”

“Tớ rất tiếc,” tôi nói.

“Ờ, ờ, không thể tin được là tớ lại động lòng đấy.”

“Tim tớ đang nện mạnh lắm,” tôi nói.

“Đó là cách cậu biết mình đang có trò vui mà,” Margo nói.

Nhưng thực ra không giống cảm giác vui vẻ, mà giống một cơn đau tim hơn. Tôi tấp xe vào bãi đỗ của một cửa hàng 7-Eleven, đặt ngón tay lên chỗ động mạch cổ trong khi đếm thời gian bằng số lần dấu : nhá lên và tắt mỗi giây trên mặt đồng hồ điện tử. Khi quay sang, tôi thấy Margo đang tròn mắt nhìn mình. “Mạch của tớ nhanh một cách đáng ngại,” tôi giải thích.

“Tớ chẳng nhớ nổi lần cuối tớ thấy phấn kích vì điều gì đó như vậy. Adrenaline trong cổ họng và buồng phổi cứ thế trào lên.”

“Hít vào đặng mũi, thở ra đặng miệng,” tôi nói lời cô ấy. “Tất cả những chộn rộn nho nhỏ ấy. Chẳng phải thật...”

“Đáng yêu sao?”

“Ngày nay người ta coi như thế là trẻ con nông nổi đúng không?” Margo mỉm cười. Cô ấy bò xuống băng ghế sau rồi quay lại với cái túi con. *Những thứ hầm bà lằng gì chất ở phía sau thế không biết?* Tôi trộm nghĩ. Cô ấy mở túi, lấy ra một lọ sơn móng tay màu đỏ sậm, gần như đen. “Trong khi chờ cậu bình tĩnh lại, tớ sẽ sơn móng tay,” cô ấy nói và mỉm cười với tôi qua mấy lọn tóc mái. “Cậu cứ thong thả đi.”

Và chúng tôi ngồi đó, Margo với lọ sơn móng tay đặt thẳng bằng trên bảng điều khiển, tôi với ngón tay xương xẩu chặn trên mạch đập của mình. Màu sơn móng tay rất bắt mắt, và ngón tay Margo rất đẹp, mảnh mai và xương xương hơn phần còn lại của cô ấy, những đường cong và góc lượn mềm mại. Margo có kiểu ngón tay khiến người khác chỉ muốn đan tay mình vào đó. Tôi nhớ những ngón tay ấy ở trên hông tôi trong gian hàng Wal-Mart, cứ như đã từ nhiều ngày trước. Tôi nghe tim mình chậm lại. Và tôi cố tự nhủ: Margo nói đúng. Ngoài kia chẳng có gì đáng sợ cả, không phải trong cái thành phố bé nhỏ này, vào cái đêm yên tĩnh này.

5.

“Phần Sáu,” Margo nói khi chúng tôi tiếp tục hành trình. Cô ấy vung vẩy những ngón tay trong không khí, trông như đang chơi dương cầm. “Đặt hoa trên thềm nhà Karin với lời nhắn xin lỗi.”

“Cậu đã làm gì cậu ấy vậy?”

“Ờ, lúc cậu ấy kể về Jase cho tớ biết, tớ đã xử bản sứ giả luôn.”

“Thế nào cơ?” tôi hỏi. Tôi tăng tốc qua một đèn giao thông, có mấy nhóc trong một xe thể thao đi cạnh cũng rờ ga lao theo—như thể tôi muốn đua trên cái Chrysler này lắm không bằng. Ép nó chạy nhanh là nó rên rĩ ngay.

“Chậc, cũng chẳng nhớ chính xác tớ đã gọi Karin là gì nữa, nhưng đại loại một tràng kiểu ‘đồ cún cái mông bự răng hô mụn cóc ngu ngốc thối tha èo uột có quả đầu xấu nhất Trung Florida’—và như thế là động chạm đến người ta rồi.”

“Tóc tai Karin đúng là dị dị *thật mà*,” tôi nói.

“*Tớ biết chứ*. Đó là điều duy nhất xác thực trong những gì tớ đã nói về con bé. Khi nói những lời không hay về người khác, không bao giờ nên nói sự thật, vì thực ra không thể hoàn toàn thực sự và thật lòng rút lại những lời ấy, cậu hiểu chứ? Tớ muốn nói là, có những điểm sáng, có những dị biệt, và có những thứ dễ tiện thật bốc mùi.”

Xe dừng trước nhà Karin, Margo biến mất ở phía sau xe rồi quay lại với bó hoa tulip. Ở cuống một bông hoa trong bó có dính mẫu giấy Margo đã gấp lại, trông như phong thư. Cô ấy đưa cho tôi bó hoa, và tôi xẹt qua lối đi bộ, đặt bó hoa xuống thềm nhà Karin, rồi lại xẹt về xe.

“Phần Bảy,” Margo nói ngay khi tôi vào xe. “Tặng cá cho ngài Worthington đáng yêu.”

“Tớ nghĩ giờ này hẳn chưa về nhà đâu,” tôi nói với một chút xíu tiếc rẻ.

“Ước gì một tuần nữa cảnh sát bắt được hắn trong cảnh chân đất, tâm thần điên loạn, mình trần như nhộng vạ vật ở rãnh nước bên vệ đường,” Margo rất hào hứng.

“Hãy nhắc tớ đừng bao giờ chọc giận Margo Roth Spiegelman,” tôi làu bàu và Margo cười phá lên.

“Nói nghiêm túc nhé,” cô ấy nói. “Chúng ta thả *giông bão* xuống đầu kẻ thù của chúng ta.”

“Kẻ thù của cậu,” tôi chỉnh lại.

“Để rồi xem,” cô ấy đáp nhanh, rồi mặt chợt sáng bừng lên. “Ái chà, tớ sẽ xử lí vụ này. Vấn đề là nhà Jason có hệ thống an ninh siêu đẳng cấp. Mà chúng ta không thể để bản thân bị tấn công thêm một cú kinh hoàng nào nữa.”

“Ừa,” tôi nói.

Đi xuôi phố nhà Karin sẽ đến chỗ Jason, cái khu sang chảnh tên là Casavilla. Tất cả các căn nhà ở Casavilla đều theo kiến trúc Tây Ban Nha, mái ngói đỏ đặc trưng và tất cả các thứ khác nữa, ngoại trừ không phải do người Tây Ban Nha xây dựng. Người kiến tạo những căn nhà ấy là bố Jason, một trong những tay buôn bán bất động sản giàu có nhất Florida. “Nhà vừa to vừa xấu cho những người vừa xấu vừa to,” tôi nói với Margo trong khi tấp xe vào khu Casavilla.

“Bó tay luôn. Nếu tớ chẳng may đi đến kết cục trở thành người có mỗi một quý tử và nhà có bảy phòng ngủ, làm ơn hãy cho tớ một ân huệ là bản quách tớ đi.”

Chúng tôi đỗ lại trước nhà Jase, một ca quái đản về kiến trúc, nhìn tổng thể tựa tựa một nông trại Tây Ban Nha ngoại cỡ, trừ ba cây cột to uạch kiểu Hi Lạp đâm thẳng đến mái nhà. Margo với gói cá thứ hai ở ghế sau, cắn mở nắp bút bằng răng, và loảng ngoảng ngoáy một dòng trông không giống chữ viết hàng ngày của cô ấy lắm:

tình yêu của MS dành Cho mi: đã yên Ngủ Với Cá rồi

“Tớ bảo này, đừng tắt động cơ xe,” Margo nói. Cô ấy đội ngược cái mũ lưỡi trai đội bóng chày Mèo Hoang Winter Park của Jase lên đầu mình.

“Ừ,” tôi nói.

“Đề sẵn sàng phóng đi nhé.”

“Được rồi mà,” tôi đáp, cảm thấy mạch lại rộn lên. *Hít vào đặng mũi, thở ra đặng miệng. Hít vào đặng mũi, thở ra đặng miệng.* Tay cầm gói cá và bình xịt sơn, Margo mở cửa xe, từ từ đi bộ qua thảm cỏ mênh mông trước nhà Worthington, rồi nấp sau một cây sồi. Cô ấy vẫy vẫy tôi trong bóng tối, tôi vẫy lại, và Margo hít vào một hơi thật sâu, hai má phồng lên, quay đi và chạy.

Margo mới chỉ bằng được một sải chân thì toàn bộ căn nhà đã sáng trưng lên như cây thông Giáng Sinh ở trung tâm thành phố, và còi hú inh ỏi. Tôi thoáng nghĩ hay là phỏ mặc Margo cho định mệnh, nhưng tôi tiếp tục hít vào đặng mũi, thở ra đặng miệng khi cô ấy chạy về phía tòa nhà ấy. Margo quăng gói cá vào nhà qua một cửa sổ, còi báo động chói tai đến mức tôi hầu như không nghe thấy tiếng kính vỡ. Và rồi, vì cô ấy là Margo Roth Spiegelman, cô ấy tranh thủ thời gian lượn một chữ M mũ miều lên phần cửa sổ không bị hư hại. Rồi Margo chạy hết tốc lực về xe, tôi đã đặt sẵn một chân lên chân ga, chân kia lên phanh. Chiếc Chrysler lúc đó như đang trong một cuộc đua ngựa thuần chủng dòng Thoroughbred. Margo chạy nhanh đến mức cái mũ trên đầu bay lên rơi lại phía sau, cô ấy nhảy phộc vào xe và chúng tôi lao đi trước khi cô ấy kịp đóng cửa xe.

Tôi dừng xe ở đèn giao thông cuối phố, Margo kêu lên, “Gì thế này? Đi thôi, mau mau mau!” và tôi đáp, “Ồ, được thôi,” vì tôi quên mất rằng tôi đã ném hết mọi cẩn trọng vào gió và đủ thứ khác nữa, mặc kệ và bất chấp. Tôi vượt qua ba đèn đỏ nữa trong khu Casavilla, và chúng tôi đã chạy được một dặm trên đại lộ Pennsylvania khi một xe cảnh sát rú còi và bật đèn hiệu chạy qua.

“Màn vừa rồi gớm thiệt,” Margo nói. “Như tớ mà tớ cũng thấy gớm. Còn nói theo kiểu của Q, mạch máu tớ cũng đập nhanh hơn chút chút.”

“Chúa ơi,” tôi nói. “Kì thực cậu không thể nhét nó vào xe hăn ta sao? Hay chí ít để lại trên thềm nhà thôi?”

“Chúng ta thả *giông bão* mà Q. Không phải mưa rào rải rác đâu nhé.”

“Hãy nói với tớ là Phần Tám sẽ ít hãi hùng hơn đi.”

“Đừng lo. Phần Tám là trò trẻ nít thôi. Chúng ta trở lại khu Jefferson Park. Nhà Lacey. Cậu biết nhà con bé đúng không?” Tôi biết, nhưng chỉ có Chúa mới biết tại sao Lacey Pemberton chả bao giờ thèm mời tôi đến nhà. Nhà Lacey ở phía bên kia Công viên Jefferson, cách nhà tôi một dặm, một căn hộ xinh xắn ở tầng trên hiệu văn phòng phẩm—chính là khu chung cư ngày xưa người đàn ông bị chết đã từng ở. Tôi đã từng vào trong vì bạn bố mẹ tôi ở tầng ba. Trước khi vào được tòa chung cư, còn phải qua hai lần cửa khóa. Tôi trộm nghĩ kể cả Margo Roth Spiegelman cũng khó lòng đột nhập vào nổi.

“Thế là Lacey đã ngoan hay hư vậy?” tôi hỏi.

“Lacey *cực* kì là hư,” Margo đáp. Cô ấy đang mãi tìm xem có ô cửa sổ nào không, quay đi không nhìn tôi, nên tôi nghe câu được câu chẳng. “Mà chúng tớ là cạ cứng với nhau từ hồi mẫu giáo đấy.”

“Rồi sao?”

“Thế mà nàng ấy chẳng nói gì về Jase cho tớ biết. Nhưng không chỉ có thế thôi đâu. Khi tổng kết lại, tớ thấy nàng ta là đồ bạn *tồi*. Chẳng hạn, cậu có cho là tớ béo không?”

“Trời ơi, không hề,” tôi đáp. “Cậu...” Tôi ngăn mình thốt lên *cậu không lảng khăng, nhưng đó là toàn bộ vấn đề về cậu; vấn đề ở cậu là trông cậu không giống một tên con trai*. “Cậu đừng có mà giảm cân đấy nhé.”

Margo bật cười, vẫy tay về phía tôi và nói. “Cậu chỉ khoái cái mông bự của tớ thôi chứ gì.” Tôi không nhìn đường mà ngoái lại một giây và liếc cô ấy. Thực ra tôi không nên làm vậy, vì Margo có thể đọc được nét mặt tôi, và cái mặt này đang nói: Ồ, một là tớ sẽ không nói chính xác rằng nó *bự*, mà hai là nó *thực sự* ngoan mục. Nhưng mà còn hơn thế. Không thể chia tách con người Margo và thể xác Margo. Không thể chỉ nhìn cái này mà không nhìn cái kia. Khi nhìn vào mắt Margo, ở đó có màu xanh dương và cả màu Margo nữa. Rút cục, không thể nói rằng Margo Roth Spiegelman béo hay gầy, giống như không thể nói rằng Tháp Eiffel cô đơn hay không cô đơn. Vẻ đẹp của Margo là sự hoàn hảo nằm trong một dạng vỏ chứa kín—không chút rạn nứt và không thể rạn nứt được.

“Thế mà cô nàng ấy lúc nào cũng lóe xóe những chuyện như vậy,” Margo nói tiếp. “‘Tớ sẽ cho bồ mượn quần nhưng chắc bồ chẳng mặc vừa đâu.’ Rồi là ‘Bồ mạnh mẽ quá ta.

Tớ khoái cách bồ làm tụi con trai điêu đứng vì cá tính của bồ đấy.’ Lúc nào cũng nhạo tớ. Hình như cô nàng không bao giờ nói gì mà lại không cố ý chìm tớ xuống.”

“Dìm.”

“Cảm ơn ngài Xành Ngữ Pháp Đến Phát Phiền.”

“Sành Ngữ Pháp,” tôi nói.

“Giời ạ, tớ sẽ giết cậu cho coi!” Nhưng Margo bật cười khi nói vậy.

Tôi lái xe men theo Công viên Jefferson để tránh đi qua nhà tôi và Margo, phòng trường hợp bố mẹ hai đứa thức giấc và phát hiện ra chúng tôi trốn nhà. Chúng tôi đi men hồ (Hồ Jefferson), rẽ ở Jefferson Court, vào phố mua sắm trung tâm của cả khu Jefferson Park, lúc này vắng vẻ và yên tĩnh một cách đầy ma mị. Chúng tôi thấy chiếc SUV màu đen của Lacey đỗ trước một hiệu sushi. Tôi đỗ xe cách đó một tòa nhà, nơi đầu tiên có thể đỗ được mà không có đèn đường chiếu sáng.

“Cậu làm ơn đưa tớ con cá cuối cùng được không?” Margo hỏi. Tôi mừng rơn thoát được con cá đó vì nó bắt đầu bốc mùi. Và Margo viết lên giấy bọc theo kiểu của cô ấy: *ình Bạn của mi với ms đã Ngủ với Lũ cá rồi*

Chúng tôi tránh những chùm sáng từ đèn đường, bước đi tự nhiên hết mức có thể dù một người (Margo) đang cầm một con cá to gói trong giấy bọc, và người kia (tôi) đang lăm lăm bình xịt sơn trong tay. Một con chó nhặng nhặng sủa, hai đứa tôi đều bất động, nhưng rồi lại yên tĩnh, và chúng tôi đã đến được chỗ xe của Lacey.

“Chà, thế này sẽ khó hơn đây,” Margo nói khi thấy xe được khóa. Cô ấy tìm trong túi và lấy ra một đoạn dây kim loại từng là cái mắc áo. Chưa đầy một phút Margo đã mở được cửa xe. Tôi chỉ biết ngậy ra thán phục.

Mở được cửa bên ghế lái xe, Margo nhào người mở cánh cửa bên kia cho tôi. “Này, giúp tớ dựng ghế ngồi lên,” cô ấy thì thầm. Chúng tôi cùng dựng ghế sau lên. Margo nhét con cá xuống dưới rồi đếm đến ba, và chỉ bằng một động tác, chúng tôi thả tấm ghế xuống, đè lên con cá. Tôi nghe thấy âm

thanh gớm ghiếc khi lòng phèo nội tạng cá bị dẹp lép. Tôi cho phép mình tưởng tượng chiếc SUV của Lacey sẽ đượm mùi thể nào sau một ngày như rang như quay trong ánh mặt trời, và phải thừa nhận rằng một cảm giác thư thái mãn nguyện đã trào dâng trong tôi. Rồi Margo nói, “In một chữ *M* lên nóc xe cho tớ.”

Chẳng nghĩ hết một giây tôi đã gạt đầu tấp lự, trèo lên thanh hãm xung ở phía sau, rướn về phía trước và nhanh gọn phun một chữ *M* khổng lồ lên nóc xe. Nhìn chung, tôi chống lại mọi hình thức phá hoại. Nhưng nhìn chung tôi cũng chống lại Lacey Pemberton—và rút cục, đó chính là lời tuyên án sâu xa và sâu sắc hơn. Tôi nhảy khỏi chiếc xe, chạy vội trong bóng tối—bắt đầu thở dốc và gấp gáp hơn—về phía chiếc minivan ở cách đó một khối nhà. Khi đặt tay lên tay lái, tôi nhận ra ngón trỏ của mình có màu xanh da trời. Tôi giơ lên cho Margo xem. Cô ấy cười, cũng giơ ngón tay xanh của mình ra, và những ngón tay chạm nhau, ngón tay xanh của Margo mềm mại chạm vào tôi, mạch máu trong người tôi không tài nào chậm lại nổi. Mãi một lúc lâu sau, Margo mới nói: “Phần Chín—trung tâm thành phố.”

Lúc ấy là 2:49 sáng. Chưa bao giờ, trong cả cuộc đời mình, tôi thấy rõ ràng đến vậy.

6.

Khách du lịch không bao giờ đến trung tâm Orlando vì ở đó chẳng có gì ngoài vài tòa cao ốc của các ngân hàng và hãng bảo hiểm. Khu trung tâm hoàn toàn vắng vẻ về đêm và cuối tuần, trừ mấy hộp đêm lẻ tẻ, phân nửa trong số khách là những người tham hại hoặc dặt dẹo một cách tham hại. Trong khi tôi lái xe, Margo chỉ đường cho tôi đi qua mê cung những con phố một chiều, chúng tôi thấy lác đác có người ngủ trên vỉa hè hoặc vạ vật trên ghế băng, nhưng không có ai cử động cả. Margo hạ cửa kính xe xuống, không khí căng tràn từ bên ngoài phả lên mặt tôi, ấm áp hơn tiết trời đêm thông thường. Tôi liếc sang thấy mấy lọn tóc lòa xòa bay ngang mặt cô ấy. Dù Margo ở ngay đây, tôi vẫn cảm thấy hoàn toàn cô đơn giữa những cao ốc đồ sộ trống trải này, như thể tôi là kẻ sống sót sau ngày tận thế và thế giới đã được ủy thác cho tôi, toàn bộ thế gian vô tận và ẩn giấu đầy bất ngờ này, tất cả là của tôi, để tôi mặc sức khám phá.

“Cậu dẫn tớ đi vòng vòng thế này thôi sao?” tôi hỏi.

“Không,” Margo đáp. “Tớ đang chỉ đường đến tòa nhà SunTrust, ở ngay cạnh Cây Măng Tây.”

“Ồ,” tôi thốt lên, vì lần đầu tiên trong đêm nay tôi biết chút thông tin hữu ích. “Chỗ đó ở hướng nam.” Tôi lái xe qua vài khối nhà rồi rẽ. Margo vui vẻ chỉ, đúng, kia rồi, trước mặt chúng tôi, là Cây Măng Tây.

Cây Măng Tây thực ra không phải là đọt măng tây mọc từ dưới đất lên, cũng không dính dáng gì đến bộ phận nào của măng tây. Đó chỉ là khối điêu khắc tương đồng một cách kì dị với hình thù một cây măng tây cao cỡ chục mét, cơ mà tôi cũng thấy nhiều người bảo rằng nó giống:

1. Một cây đậu leo bằng thủy tinh xanh
2. Mô phỏng trừu tượng về một cái cây
3. Tượng đài Washington phiên bản xanh hơn, có vẻ ve chai và xấu xí hơn

4. Tượng sinh thực khí không lồ màu xanh lục của Người Khổng Lồ Xanh Vui Vẻ

Ở mọi góc độ, khối điêu khắc *chẳng* có gì tựa tựa Tháp Ánh Sáng, tên thật của nó cả. Tôi đứng trước một cột đồng hồ ở bãi đỗ xe và nhìn sang Margo, thấy cô ấy đang đăm đăm nhìn ra vô định, ánh mắt trống rỗng, không nhìn Cây Măng Tây mà đưa mắt đi xa hơn. Lần đầu tiên tôi cảm thấy có gì đó không ổn—không phải chuyện bạn-traai-tớ-là-đồ-bốc-mùi, mà là chuyện gì đó thực sự *không ổn*. Lẽ ra tôi nên nói gì đó. Hẳn là vậy. Tôi nên nói chuyện này chuyện kia chuyện đây chuyện đó. Nhưng tôi đã chỉ nói rằng, “Cho tớ hỏi này, sao lại đưa tớ đến Cây Măng Tây thế?”

Cô ấy quay lại và mỉm cười với tôi. Margo đẹp đến mức thậm chí những nụ cười giả dối của cô ấy cũng thành đáng tin. “Chúng ta sẽ kiểm tra tiến độ công việc. Và nơi lí tưởng để làm việc đó là từ nóc tòa nhà SunTrust.”

Tôi tròn tròn mắt. “Không. Không đâu. Không đời nào. Cậu đã bảo không có đột nhập lén lút và tự tiện ra vào rồi cơ mà.”

“Đây không phải là đột nhập lén lút. Chỉ việc đi vào thôi, vì có một cửa không khóa.”

“Margo, như vậy nực cười quá. Tất...”

“Tớ điếm lại cho cậu hay, đêm nay mình đã nhúng tay vào cả mớ đột nhập lén lút và tự tiện ra vào rồi đó. Xông vào nhà Becca. Lén vào nhà Jase. Bây giờ chúng ta sẽ đang hoang vào đây. Nhưng không thể vừa đột nhập lén lút vừa tùy tiện ra vào được. Về lí thuyết, cảnh sát có thể bắt chúng ta vì tội đột nhập lén lút hoặc tùy tiện ra vào, nhưng họ không thể bắt chúng ta vì tội đột nhập lén lút và tự tiện ra vào. Tức là tớ vẫn giữ lời hứa mà.”

“Tòa SunTrust chắc phải có nhân viên an ninh bảo vệ gì đó chứ,” tôi nói.

“Có,” cô ấy đáp, tháo đai an toàn. “Tất nhiên họ có bảo vệ. Anh ấy tên là Gus.”

Chúng tôi đi vào qua cổng chính. Ngồi sau một bàn rộng hình bán nguyệt là một anh trẻ trẻ, cằm râu dê lún phún, mặc đồng phục công ty An ninh Regents. “Gì thế, Margo?” anh ta hỏi.

“Chào anh Gus,” cô ấy đáp.

“Nhóc nào đấy?”

CHÚNG TÔI BẰNG TUỔI NHAU ĐÓ! Tôi muốn gào lên, nhưng đã để Margo lên tiếng thay: “Bạn học của em, tên là Q ạ. Q ơi, đây là anh Gus.”

“Có chuyện gì thế Q?” Gus hỏi.

Ồ, chúng tôi vừa rải cá chết trong thành phố, đập vỡ mấy cái cửa sổ, chụp ảnh giai lỏa thể, bây giờ sẽ bày trò vui ở hành lang một tòa nhà chọc trời vào lúc ba giờ mười lăm phút sáng, đại loại thế. “Không đáng kể,” tôi đáp.

“Đêm thang máy không lên đâu,” Gus nói. “Phải tắt đi lúc ba giờ. Hai đứa cứ tự nhiên đi cầu thang bộ.”

“Hay đấy, gặp sau nhé Gus.”

“Ừ, Margo.”

“Thế quái nào mà cậu lại quen nhân viên bảo vệ tòa nhà SunTrust vậy?” tôi hỏi khi cả hai đã yên ổn leo thang bộ.

“Hồi chúng ta vào phổ thông thì anh ấy học năm cuối,” Margo đáp. “Phải nhanh lên mới được. Thời gian hao mòn lãng phí.” Cô ấy bắt đầu bước hai bậc một, lao người lên, một tay bám tay vịn cầu thang, tôi cố sức theo mà không kịp. Margo không chơi môn thể thao nào nhưng thích chạy bộ—thình thoảng tôi vẫn thấy cô ấy vừa chạy một mình vừa nghe nhạc trong Công viên Jefferson. Cơ mà tôi lại không thích chạy. Hoặc vì thế mà không tham gia bất cứ loại vận động lao lực nào. Giờ tôi cố gắng giữ tốc độ ổn định, quệt mồ hôi túa ra trán và phớt lờ cơn đau thốn trong bắp chân. Khi tôi lên đến tầng hai mươi lăm, Margo đã đứng ở chiếu nghỉ đợi tôi.

“Xem này,” cô ấy nói, mở cánh cửa cạnh cầu thang và chúng tôi đi vào một căn phòng thênh thang với cái bàn gỗ sồi dài bằng hai chiếc ô-tô và mảng tường với những ô cửa sổ trở từ sàn lên đến trần. “Phòng hội thảo,” Margo nói. “Trong cả tòa nhà đây là nơi có tầm nhìn đẹp nhất.” Tôi theo sau khi cô ấy đi dọc dãy cửa sổ. “Đây rồi, chỗ đó,” cô ấy vừa nói vừa chỉ, “là Công viên Jefferson. Thấy nhà tụi mình không? Đèn vẫn tắt, vậy là tốt.” Cô ấy tiến thêm vài ô cửa. “Nhà Jase này. Tắt đèn, không còn xe cảnh sát nữa. Tuyệt, dù như vậy có thể là hấn đã mò về nhà, hơi bị chán.” Nhà Becca ở xa quá nên không thấy được, dù nhìn từ tận đây.

Margo yên lặng chốc lát, rồi đi về phía cửa kính và áp trán lên đó. Tôi lần chân ở phía sau, nhưng cô ấy giật giật áo phông của tôi và kéo tôi về phía trước. Tôi không muốn dồn sức nặng của cả hai lên một ô kính duy nhất, nhưng Margo cứ kéo tôi lại, tôi cảm thấy nắm tay cô ấy ngay bên cạnh mình. Thế là rút cục tôi dựa đầu vào kính, rón rén hết mức có thể, và nhìn ra ngoài.

Từ trên cao, Orlando sáng rực rỡ. Phía bên dưới, tôi có thể thấy bảng hiệu CẤM ĐI BỘ nhấp nháy chỗ vòng xuyên giao thông, đèn đường lô xô một mạng lưới hoàn hảo, lan ra đến mép khu trung tâm, nơi khởi đầu những phố ngõ ngoằn ngoèo vùng ngoại ô vô tận của Orlando.

“Đẹp thật,” tôi nói.

Margo khịt khịt. “Thật ư? Cậu thực sự nghĩ vậy ư?”

“Ờ, có lẽ cũng không đẹp mấy,” tôi đáp, dù quả thực tôi có thấy đẹp. Khi tôi nhìn Orlando từ máy bay, trông thành phố như khối lắp ráp đồ chơi LEGO được thả xuống một đại dương xanh lục. Còn đây, vào ban đêm, thành phố là một địa danh có thực—nhưng lần đầu tiên, là nơi tôi có thể nhìn thấy được. Khi đi quanh phòng hội thảo, rồi sang những văn phòng khác ở cùng tầng, tôi có thể thấy được tất cả: một tổng thể. Trường học. Kia là Công viên Jefferson. Xa xa là Disney World. Công viên nước Wet 'n Wild. Kia là cửa hàng 7-Eleven nơi Margo đã sơn móng tay trong khi tôi chạt vật điều hòa nhịp thở. Tất cả ở đây—toàn bộ thế giới của tôi, và tôi thấy được trọn vẹn, chỉ việc thông dong đi lại trong một tòa nhà. “Ấn tượng thật,” tôi nói lớn. “Ý tứ là nhìn từ xa ấy mà. Chẳng thấy khiếm khuyết nào, cậu hiểu ý tứ chứ? Cậu không thể thấy được những hoen gỉ tàn tạ, cỏ dại um tùm hay sơn bong tróc lở. Cậu nhìn thấy thành phố đúng như ai đó đã từng tưởng tượng ra nó vậy.”

“Gần lại thì cái gì cũng xấu đi mà,” Margo nói.

“Trừ cậu,” tôi đáp mà chẳng kịp nghĩ ra điều gì hay ho hơn.

Margo vẫn áp trán trên cửa kính, cô ấy quay lại và mỉm cười với tôi. “Bắt bài nhé: cậu đáng yêu khi cậu tự tin. Và bớt đáng yêu đi khi thiếu tự tin.” Tôi chưa kịp phản ứng gì, cô ấy đã lại hướng tầm mắt ra ngoài và bắt đầu nói. “Phần không đẹp là thế này: từ đây, cậu không thấy được những hoen gỉ tróc lở, nhưng cậu có thể nói lên được nơi này đích thực là gì. Cậu thấy tất

cả chỉ là đồ hàng mã. Thậm chí còn chẳng đủ chắc chắn để nói rằng nó được làm từ nhựa hay chất dẻo. Đây là một thành phố giấy. Cậu nhìn mà xem, Q: hãy nhìn tất cả những phố cụt ấy, những con phố rẽ vòng vào chính mình, tất cả những ngôi nhà được xây lên để rồi sẽ bị kéo sập. Tất cả những con người giấy sống trong những ngôi nhà giấy đó, đốt tương lai để sưởi ấm. Tất cả những đứa trẻ giấy đó, uống thứ bia một gã lang thang vô công rồi nghề nào đó đã mua cho chúng trong một cửa hàng tiện lợi giấy. Ai cũng như phát điên trong cơn cuồng sở hữu tài sản. Tất cả những tài sản mỏng manh như giấy và dễ rách như giấy. Và tất cả những con người đó cũng như giấy vậy. Tớ đã sống ở đây mười tám năm, và tớ chưa từng một lần trong đời gặp được ai đó quan tâm đến những điều thực sự có ý nghĩa.”

“Tớ sẽ cố gắng không nghĩ rằng cậu đang nói đến cá nhân cụ thể nào,” tôi nói. Chúng tôi cùng nhìn khoảng không hút mắt màu mực, những phố cụt và những lô đất làm nhà. Nhưng bờ vai cô ấy tì vào cánh tay tôi, mu bàn tay chúng tôi chạm nhau, và dù tôi không nhìn Margo, nhưng áp mặt vào cửa kính cũng khiến tôi cảm thấy gần như đang áp mặt vào cô ấy.

“Xin lỗi nhé,” Margo nói. “Có thể mọi thứ đối với tớ đã rất khác nếu bấy lâu nay tớ chơi với cậu chứ không... ừ... Chỉ là, trời ạ, tớ chỉ thấy ghét bản thân quá, vì vẫn còn bận tâm đến những người bạn trong ngoặc kép của tớ. Nói thật với cậu, không phải là tớ ôi-quá-đau-khổ vì Jason. Hay Becca. Hoặc thậm chí cả Lacey, dù tớ thực sự thích cậu ấy. Nhưng đó là sợi dây nối cuối cùng. Một dây nối yếu ớt, hẳn là thế rồi, nhưng đó là sợi dây tớ để lại, và cô gái giấy nào cũng cần ít nhất một dây nối, phải không?”

Và đây là những gì tôi đã nói. “Mai cứ tự nhiên ngồi ăn trưa cùng bọn tớ đi.”

“Tốt với tớ thế,” cô ấy đáp, tiếng nói nhỏ dần. Margo quay lại và khẽ gật đầu. Tôi mỉm cười. Cô ấy mỉm cười. Tôi tin nụ cười ấy. Chúng tôi ra cầu thang rồi theo các bậc thang chạy xuống. Hết mỗi tầng, tôi nhảy cách bậc cuối và đá gót chân để làm Margo cười, và cô ấy đã bật cười. Tôi nghĩ mình đang làm cô ấy vui lên. Tôi nghĩ cô ấy dễ vui vẻ phấn khích. Tôi nghĩ nếu tôi tự tin được, biết đâu điều gì đó có thể xảy ra giữa hai đứa.

Tôi đã nhầm.

7.

Ngồi trong chiếc minivan khi chìa khóa đã cắm trong ổ nhưng chưa khởi động động cơ, Margo hỏi tôi, “Mà này, bố mẹ cậu dậy lúc mấy giờ vậy?”

“Tớ chẳng biết, khoảng sáu giờ mười lăm chẳng?” Đang là 3:51. “Tức là chúng ta có hơn hai tiếng và đã qua trung được chín phần.”

“Ừ, nhưng tớ đã để dành phần nhọc sức nhất đến cuối cùng. Dù gì cũng sẽ xong thôi. Phần Mười–đến lượt Q chọn nạn nhân.”

“Hả?”

“Tớ chọn sẵn hình phạt rồi. Cậu chỉ việc chọn người bị chịu hứng cơn bão tố cuồng nộ mà chúng ta sẽ trút xuống thôi.”

“Người phải hứng chịu cơn bão tố cuồng nộ mà chúng ta sẽ trút xuống,” tôi sửa lỗi diễn đạt của cô ấy và Margo ngao ngán lắc đầu. “Tớ không thực sự muốn trút cáu giận của mình xuống đầu ai cả,” tôi nói, vì đúng là như vậy. Tôi luôn có cảm giác rằng phải là người quan trọng thì mới có kẻ thù. Chẳng hạn: Xét về lịch sử, nước Đức có nhiều kẻ thù hơn nước Luxembourg. Margo Roth Spiegelman là nước Đức. Là nước Anh. Nước Mỹ. Là nước Nga trong triều đại các Sa Hoàng. Còn tôi, tôi là Luxembourg. Chỉ nhấn nha ngồi loanh quanh, chán cừu và hát dân ca thôi.

“Chuck thì sao?” Margo hỏi.

“Hừm,” tôi đáp. Chuck Parson đã cực kì kinh khủng khiếp trong nhiều năm liền rồi mới được kìm bớt lại. Ngoài vụ vứt tôi lên băng chuyền trong căng-tin, một lần nó đã tóm lấy tôi ở ngoài cổng trường khi tôi đang đợi xe buýt, bẻ giập tay tôi ra sau và ra lệnh, “Tự nhận mình là ai đi.” Đó là kiểu sỉ nhục trong-mọi-hoàn-cảnh, vì-từ-vựng-của-tao-chỉ-có-mười-hai-từ-thôi-nên-đừng-mong-tao-sỉ-nhục-mày-theo-kiểu-khác của Chuck. Dù trò này trẻ con đến nực cười, rút cục tôi vẫn phải tự nhận mình là ai, chuyện thực sự khiến tôi cáu tiết vì 1. Tôi không nghĩ rằng bất cứ ai, huống chi là tôi, nên nói ra từ

đó, 2. Dù chuyện đã xảy ra, nhưng tôi không ái, hơn nữa 3. Đối với Chuck, bắt ai đó tự nhận mình ái là cách phỉ báng thậm tệ nhất, dù thực ra đồng tính hoàn toàn không phải là điều đáng xấu hổ. Tôi cố gắng nói vậy với Chuck khi nó xoắn cánh tay tôi như muốn long khỏi bả vai, nhưng nó một mực: “Nếu mày tự hào rằng mình ái đến thế, sao không thừa nhận phắt là mình ái đi, hả đồ ái?”

Rõ như ban ngày, động đến lô-gíc thì Chuck không phải là Aristotle. Nhưng khi nó cao gần hai mét, nặng trên trăm kí, thì điều đó cũng đáng dè chừng lắm.

“Làm một vụ cho Chuck cũng được,” tôi ghi nhận. Thế là tôi quay xe, lái trở lại cao tốc liên bang. Tôi không biết sẽ đi đâu, nhưng chắc như ăn bắp là không ở khu trung tâm.

“Cậu có nhớ hồi ở trường vũ đạo Crown không?” Margo hỏi. “Đêm nay tự dừng tớ chọt nhớ lại.”

“Ừa, nhớ.”

“Mà nhân thể tớ xin lỗi nhé. Chẳng hiểu sao hồi đó tớ lại nghe nó dụ khi.”

“Ờ, không sao đâu,” tôi nói, nhưng thực ra trong bụng vẫn ôm cái vố nhớ đời ở trường vũ đạo Crown. “Được. Chuck Parson. Cậu biết nhà nó không?”

“Tớ biết tớ có thể lôi ra ánh sáng bộ mặt trả thù của cậu mà. Chuck ở College Park. Rẽ ở Princeton ấy.” Tôi rẽ sang phần dốc ở vai đường, khiến gầm xe hơi cà xuống đất. “Ái dà,” Margo nói. “Đừng làm tan tành em Chrysler này chứ.”

Hồi lớp sáu, đám nhóc tì có cả Margo, Chuck và tôi bị bố mẹ bắt đi học khiêu vũ ở trường Crown chuyên bồi dưỡng nhân cách và vũ đạo. Trong giờ học, con trai đứng một bên, con gái đứng bên kia, khi nào cô giáo bảo thì con trai sẽ tiến đến trước con gái, hỏi, “Cho phép tớ mời cậu nhảy điệu này được không?”, và con gái trả lời, “Được chứ.” Con gái *không được phép* từ chối. Nhưng một hôm–lớp học điệu fox-trot–Chuck Parson đã thuyết phục được từng đứa con gái hãy từ chối tôi. Không ai khác nữa. Chỉ mỗi tôi. Thế là khi tôi đến trước Mary Beth Shortz và nói, “Cho phép tớ mời cậu nhảy điệu này được không?”, con bé đáp không. Tôi hỏi một đứa con gái khác,

một đứa khác nữa, và Margo, cô ấy cũng đáp không, và một đứa khác nữa nữa, rồi tôi khóc.

Điều duy nhất tệ hại hơn bị từ chối trong lớp khiêu vũ là khóc lóc vì bị từ chối trong lớp khiêu vũ, và điều duy nhất tệ hại hơn thế là tèm lem nước mắt đi kiếm cô giáo mách, “Bọn con gái không chịu nhảy với con và bọn nó *hông* được làm càn như vậy.” Hồi đó tất nhiên tôi đã thút thít mách cô, và phần lớn những năm tháng còn lại ở trường phổ thông cơ sở, tôi phải vật vờ chung sống với sự kiện mất mặt đó. Nói ngắn gọn, Chuck Parson khiến tôi không bao giờ nhảy fox-trot nữa. Đối với một thằng lớp sáu thì cũng không phải đại họa khủng khiếp gì. Tôi không còn thực sự cố chấp nghĩ ngợi chuyện đó nữa, cũng như những chuyện khác Chuck đã gây ra cho tôi mấy năm qua. Nhưng chắc chắn tôi sẽ không nhỏ nước mắt thương cảm nếu nó phải lãnh chịu điều gì.

“Hượm đã, nó sẽ không phát hiện ra tớ chứ?”

“Ừ, không đâu. Sao thế?”

“Tớ không muốn Chuck tưởng bỏ rằng tớ vẫn còn đủ bận tâm vì nó đến mức muốn trả miếng nó.” Một tay tôi đặt xuống bảng điều khiển xe và Margo vỗ nhẹ nhẹ lên đó. “Đừng lo,” cô ấy nói. “Chuck sẽ không bao giờ biết được ai đã ra tay triệt mao nó đâu.”

“Hình như cậu vừa dùng từ sai rồi, nhưng tớ không biết từ đấy nghĩa là gì.”

“Tớ biết một từ mà cậu không biết,” Margo reo lên.

“TỚ LÀ NỮ HOÀNG TỪ VỤNG MỚI ĐĂNG QUANG! TỚ TIẾM NGÔI CỦA CẬU RỒI NHÉ!”

“Có giỏi thì đánh vần từ *tiếm ngôi* đi,” tôi bảo Margo.

“Không đời nào,” cô ấy cười giòn tan. “Tớ sẽ không bị mất ngai vàng vì từ *tiếm ngôi* đâu. Cậu phải thể hiện được oách hơn.”

“Được thôi,” tôi mỉm cười.

Chúng tôi lái xe vào College Park, một khu ghi dấu lịch sử của Orlando, xét ở góc độ phần lớn nhà ở đây được xây từ khoảng ba chục năm trước. Margo không nhớ chính xác địa chỉ nhà Chuck, cũng không nhớ căn nhà trông như thế nào, thậm chí còn không chắc nó ở phố nào. (“Tớ nghĩ chín

mười lăm phần trăm là nó ở Vassar.”). Cuối cùng, sau khi chiếc Chrysler rề rề lướt qua ba khối nhà trên Phố Vassar, Margo chỉ bên tay trái, nói, “Nhà kia.”

“Cậu chắc không?” tôi hỏi.

“Tớ chắc khoảng chín-mười-bảy-phẩy-hai phần trăm. Ý là tớ khá chắc phòng ngủ của Chuck ở ngay kia,” cô ấy chỉ. “Một lần nó mở tiệc, và khi cảnh sát đến tớ đã vọt qua cửa sổ phòng nó. Tớ khá chắc chính là cửa sổ kia.”

“Dự là sẽ dính rắc rối đây.”

“Nhưng nếu cửa sổ để mở thì có phải là lén lút đột nhập đâu. Chỉ là đi vào nhà người ta thôi mà. Chúng ta vừa đi vào SunTrust đấy thôi, mà cũng có gì to tát ghê gớm đâu, đúng chứ?”

Tôi bật cười. “Cậu sắp cảm hóa tớ thành một gã bất kham rồi đấy.”

“Tham vọng lớn của tớ đấy. Được rồi, tác chiến cần có: Veet, bình sơn và Vaseline.”

“Xong,” tôi vớ mấy món đó.

“Đừng làm tớ choáng thế chứ Q. Tin tốt là Chuck ngủ như một con gấu ú ngủ đông—tớ biết vì năm ngoái tớ học Quốc ngữ với nó và nó vẫn say giấc điệp kể cả khi cô Johnston tấn nó bằng cuốn *Jane Eyre*. Thế nên chúng ta sẽ trèo lên cửa sổ phòng nó, mở cửa, tháo giày, khe khẽ vào trong, tớ sẽ xử Chuck. Rồi cậu và tớ sẽ tỏa đi hai hướng ngược nhau trong nhà, chúng ta sẽ bôi Vaseline lên từng tay nắm cửa, phòng trường hợp có ai thức giấc thì cũng phải mất chán vạ thời gian mới ra được khỏi nhà và đuổi theo mình. Tụi mình sẽ xử nốt đoạn cuối với Chuck, sơn vẽ nhà nó tí chơi, rồi biến. Mà không nói gì trong khi hành động nhé.”

Tôi đặt tay mình lên tĩnh mạch cổ, nhưng tôi mỉm cười.

Chúng tôi ra khỏi xe và đi bộ cạnh nhau, Margo đưa tay ra nắm tay tôi, đan những ngón tay cô ấy vào các ngón tay tôi, và siết chặt. Tôi cũng siết tay mình và liếc nhìn cô ấy. Margo lặng lẽ gật đầu, tôi gật đầu đáp lại, và cô ấy thả tay tôi ra. Chúng tôi lẹ làng đến trước cửa sổ. Tôi khẽ đẩy khung gỗ lên. Hơi khẽ phát ra tiếng động, nhưng mở được ngay. Tôi nhìn vào trong. Tối quá, nhưng tôi thấy một người nằm trên giường.

Cửa sổ hơi cao so với Margo, nên tôi chấp tay để cô ấy dận một chân đi bít tất lên, và tôi đẩy Margo lên. Cô ấy vào trong êm ái đến mức ninja thứ thiệt chắc cũng phải ghen tị. Tôi nhảy lên, chui được đầu và vai qua cửa sổ, rồi với nỗ lực xoắn vặn cơ thể, tôi uốn éo như sâu lùn chùn bò vào trong. Sự thể lẽ ra đã suôn sẻ, nếu tôi không lỡ cọ hai quả trứng cò vào bậu cửa sổ, đầu tê tái đến mức tôi không nén nổi rên rầm, gây ra một sai lầm vô cùng tệ hại.

Đèn ở đầu giường bật sáng. Người nằm trên giường là một bác trai có tuổi—rõ ràng không phải Chuck Parson. Bác ta tròn mắt kính hãi và không nói nổi lời nào.

“Ồ,” Margo lên tiếng. Tôi toan té và phóng thẳng ra xe, nhưng vì Margo mà tôi nán lại, nửa thân trên ở trong nhà theo phương song song với sàn. “Dạ, chắc tụi cháu đi lộn nhà rồi bác.” Cô ấy quay lại và nhìn tôi đầy khẩn thiết. Lúc ấy tôi mới nhận ra rằng mình đang chặn đường thoát của cô ấy. Thế là tôi lẳng người khỏi cửa sổ, vớ vôi đôi giày và chạy thẳng.

Chúng tôi lái xe đến đầu kia của College Park để hoàn hồn trở lại.

“Vụ vừa rồi cả hai đứa mình đều ầm ớ,” Margo nói.

“Ồ, là *cậu chỉ nhầm nhà đấy nhá*,” tôi nói.

“Đúng, nhưng *cậu* là đứa manh động đấy nhá.” Yên lặng một phút, rồi bọn tôi chỉ biết lái xe vòng vòng. Cuối cùng tôi nói, “Mình có thể mò được địa chỉ nhà Chuck trên Internet. Radar đăng nhập được vào danh bạ của trường.”

“Giải pháp xuất sắc,” Margo nói.

Thế là tôi gọi cho Radar, nhưng điện thoại của nó nhảy ngay sang hộp thư thoại. Tôi tính gọi vào điện thoại cố định nhà nó, nhưng bố mẹ nó cũng biết bố mẹ tôi, thế thì hỏng việc mất. Rút cục, tôi thành lỉnh nảy ra ý gọi cho Ben. Ben không phải là Radar, nhưng nó biết hết tất cả các mật khẩu của Radar. Tôi gọi. Điện thoại nhảy sang hộp thư thoại sau vài hồi chuông. Thế là tôi gọi lại. Thư thoại. Gọi lại. Thư thoại. Margo nói, “Chắc cậu ấy không nhắc máy đâu,” tôi vừa gọi lại vừa nói, “Ồ, cậu ta sẽ trả lời cho coi.” Gọi thêm bốn cuộc nữa thì Ben nhắc máy thật.

“Hắn là ông gọi cho tôi để thông báo rằng có mười một em thỏ non ngon ngon đang thoát y trong nhà ông, và rằng các em ấy đang mong mỗi Xúc

Cảm Đặc Biệt mà chỉ có Bố Già Ben mới đáp ứng được.”

“Tôi cần ông dùng tài khoản của Radar đăng nhập vào danh bạ của trường và tra một địa chỉ. Chuck Parson.”

“Không.”

“Đi mà,” tôi nói.

“Không.”

“Ông sẽ mừng vì đã ra tay vụ này, Ben ạ. Tôi hứa đấy.”

“Rồi rồi, làm xong rồi đó. Tôi đã làm trong khi nói không rồi đó—không thể làm gì ngoài giúp đỡ há. Bốn-hai-hai Amherst. Này, thế quái nào mà ông lại cần địa chỉ của

Chuck Parson vào lúc bốn giờ mười hai phút sáng vậy?”

“Ông ngủ đi cho lành.”

“Tôi sẽ ngờ rằng tất cả chỉ là một giấc mơ,” Ben đáp rồi tắt máy.

Amherst chỉ cách đó mấy dãy nhà. Chúng tôi đỗ xe trên phố, trước nhà số 418, nhặt nhanh đồ nghề và băng qua bãi cỏ nhà Chuck, sương sớm rung rung rời rành cỏ, bám lên bắp chân tôi.

May phước là cửa sổ phòng Chuck thấp hơn cửa phòng ông bác Đi Nhầm vừa nãy. Tôi nhẹ nhàng trèo được vào trong và giúp Margo vào theo. Chuck Parson nằm ngửa, ngủ tít. Margo nhón chân đi về phía nó, tôi đứng sau cô ấy, tim nện thình thình. Chuck mà tỉnh dậy thì dám nó nghiền nát hai đứa bọn tôi lắm. Margo lấy thuốc Veet ra, phun một nhúm trông như kem cạo râu vào lòng bàn tay, rồi từ từ thận trọng bôi lên lông mày bên phải của Chuck. Nó chẳng hề cựa quậy động đậy chút nào.

Rồi Margo mở hộp Vaseline—cái nắp bật ra một tiếng *oách* rõ to, nhưng Chuck vẫn không có vẻ gì là tỉnh cả. Margo vục một vốc tương sang bàn tay tôi, và chúng tôi đi ngược chiều nhau trong nhà. Tôi đi từ cửa chính trước, trát Vaseline lên tay nắm cửa, rồi đến một cửa phòng ngủ để ngỏ. Tôi chà Vaseline lên tay nắm phía trong phòng, và khe khẽ, chỉ hơi *tách* một tiếng nhỏ, đóng cửa phòng lại.

Cuối cùng tôi quay lại phòng Chuck—Margo đã ở đó— chúng tôi cùng đóng cửa phòng lại, quét vô khối Vaseline lên tay nắm cửa. Chúng tôi phết

nốt chỗ Vaseline còn lại lên khắp khung cửa sổ buồng nó, hi vọng như vậy sẽ làm cửa khó mở hơn sau khi chúng tôi đóng cửa lại trên đường rút.

Margo liếc đồng hồ và giơ hai ngón tay lên. Chúng tôi đợi. Trong hai phút ấy hai đứa chỉ nhìn nhau, và tôi nhìn màu xanh trong mắt cô ấy. Thật tuyệt—trong bóng tối và không gian yên tĩnh, không có nguy cơ tôi sẽ vạ miệng nói lung tung làm hỏng khung cảnh, và đôi mắt cô ấy nhìn lại tôi, như thể có gì đó ở tôi đáng được nhìn vậy.

Rồi Margo gật đầu, và tôi lại gần Chuck. Tôi bọc bàn tay mình trong lần áo phông, Margo đã dặn thế từ trước, cúi xuống và—nhẹ nhàng hết mức có thể—miết ngón tay mình lên trán nó, nhanh gọn lau hết thuốc Veet đi. Song hành với tất tạt lông từng là chân mày bên phải của Chuck. Tôi đang đứng trước mặt Chuck với hàng lông mày bên phải của nó trên áo phông tôi, thì bỗng dưng mắt nó mở trừng. Nhanh như chớp, Margo vớ lấy cái chăn và ném bừa lên Chuck, tôi ngược lên thì nàng ninja đã ở ngoài cửa sổ rồi. Tôi vội vàng ra theo, trong khi Chuck kêu la rầm trời, “MÁ OI! ỒI BA MÁ OI! TRỘM! TRỘM!”

Tôi rất muốn nói rằng, *Tụi này chỉ lấy hàng lông mày của bồ thôi mà*, nhưng đành mím chi trong khi đu người qua cửa sổ. Tôi xém rơi trúng Margo trong khi cô ấy phun một chữ *M* lên lớp tường nhựa bao ngoài nhà Chuck, rồi hai đứa xách giày chạy tóe khói ra xe. Tôi quay lại nhìn ngôi nhà, đèn đóm đã bật sáng nhưng chưa có ai ra khỏi nhà, mình chứng hùng hồn cho hiệu quả bá cháy của những tay nắm cửa được xử lí kĩ lưỡng bằng Vaseline. Đến khi chú (hoặc cũng có thể là cô, tôi nhìn không rõ lắm) Parson kéo được rèm phòng khách lên và nhìn ra ngoài, chúng tôi đã ung dung lái xe ngược lại Phố Princeton, vào cao tốc liên bang.

“Được!” tôi hét lên. “Trời ơi, đúng là bá cháy con bọ chết!”

“Cậu có thấy không? Mặt Chuck thiếu một bên lông mày ấy. Bản mặt nó mang một vẻ ngờ vực vĩnh cửu, kiểu như ‘ồ, thật sao? Chúng mày bảo tao chỉ có một chân mày thôi à? Bá láp bá xàm.’ Tớ khoái bắt thằng cùi bắp ấy phải lựa chọn: cạo nốt cánh tả hay tô vẽ cánh hữu? Ôi, vui thật! Nó còn ngoác mồm gọi mẹ nữa chứ, đúng là đồ mít ướt nhão nhoét.”

“Này, sao *cậu* lại ghét nó chứ?”

“Tớ có bảo tớ ghét nó đâu. Tớ chỉ nói nó là đồ mít ướt nhào nhoét thôi mà.”

“Nhưng hình như cậu luôn bạn bè với nó cơ mà,” tôi nói, ít nhất tôi nghĩ cô ấy cũng từng bạn bè với Chuck.

“Ờ, lúc nào tớ chả bạn bè với khối người,” Margo đáp. Cô ấy nghiêng người ngả đầu lên bờ vai xương xẩu của tôi, sóng tóc buông xuống chạm vào cổ tôi. “Mệt quá,” Margo nói.

“Ca-phê-in,” tôi nói. Cô ấy nhào ra sau, lấy cho mỗi đứa một chai Mountain Dew, tôi uống hết sau hai ngụm dài.

“Bây giờ đi đến thế giới đại dương SeaWorld thôi,” Margo bảo tôi. “Phần Mười Một.”

“Sao cơ, chúng ta có đi Giải Cứu Willy hay đại loại thế không đấy?”

“Không,” cô ấy đáp. “Chúng ta sẽ chỉ đến SeaWorld, vậy thôi. Đó là công viên duy nhất tớ chưa từng đột nhập vào.”

“Tụi mình không thể đột nhập SeaWorld được,” tôi nói, tấp xe vào bãi đỗ của một cửa hàng bán đồ nội thất và tắt máy.

“Không còn nhiều thời gian nữa đâu,” Margo nói và vươn tay để bật lại động cơ.

Tôi đẩy tay cô ấy ra, nhắc lại. “Tụi mình không thể đột nhập SeaWorld được.”

“Cậu lại làm nhảm về đột nhập rồi,” Margo dừng lại và mở thêm một chai Mountain Dew. Ánh sáng phản chiếu qua chai, trù lên mặt cô ấy, và trong một giây, tôi thấy Margo mỉm cười trước điều cô ấy sắp nói. “Tụi mình sẽ không *đột nhập* chỗ nào hết. Đừng nghĩ rằng như vậy là *đột nhập* vào SeaWorld. Hãy nghĩ rằng tụi mình đến SeaWorld chơi lúc nửa đêm và được miễn phí đi.”

8.

“Được rồi, trước hết, bọn mình sẽ bị bắt,” tôi nói. Tôi không khởi động động cơ và bắt đầu giải thích với Margo tại sao tôi chưa làm việc đó, tự hỏi không biết cô ấy có nhìn thấy tôi trong bóng tối này không.

“Tất nhiên chúng ta sẽ bị bắt. Vậy thì sao?”

“Như vậy là phạm pháp.”

“Q này, theo nhìn nhận của cậu, SeaWorld có thể đẩy cậu vào rắc rối gì nào? Tớ muốn nói, Chúa ơi, sau tất cả những gì tớ đã làm cho cậu đêm nay, cậu không thể làm một việc vì tớ được sao? Cậu không thể yên lặng bình tĩnh và thôi tá hỏa vì mỗi cuộc phiêu lưu bé như con kiến thế này ư?” Và rồi qua hơi thở, Margo nói, “Ý tớ là, trời ạ, cậu hãy nuôi chút điên rồ đi.”

Giờ thì tôi cáu điên lên thật. Tôi chui đầu qua đai an toàn đeo chéo vai để có thể nghiêng người qua bộ phận điều khiển mà nhìn cô ấy. “Sau tất cả những gì CẬU đã làm cho TỚ sao?” tôi gằn như gào lên. Cô ấy muốn tự tin ư? Tôi đang tự tin lên đây. “Cậu có gọi điện cho bố của bạn TỚ, đứa bạn đang quặp lấy bạn trai CỦA TỚ để không ai phát hiện ra là tớ đã gọi điện không? Cậu có lái xe chở cái bàn tọa CỦA TỚ đi loạn lên khắp nơi, không phải vì cậu ôi-quá-quan-trọng với tớ, mà vì tớ cần đi nhờ và cậu ở ngay cạnh không? Đó có phải là những thứ thổ tả cậu đã làm cho tớ trong đêm nay không?”

Margo không nhìn tôi. Cô ấy chỉ nhìn thẳng trước mặt, về phía lớp cửa bao bằng nhựa của cửa hàng nội thất. “Cậu tưởng tớ cần cậu sao? Cậu không nghĩ rằng tớ có thể cho Myrna Mountweazel một liều Benadryl để nó ngủ chết giấc trong khi tớ khua cái két dưới gầm giường bố mẹ đi sao? Hoặc mò vào phòng cậu trong khi cậu đang ngủ và nằng chìa khóa xe cậu đi ư? Tớ không cần cậu, ngốc ạ. Tớ đã chọn cậu. Rồi chính cậu đã chọn lại tớ.” Giờ Margo nhìn tôi. “Và điều đó như một lời hứa. Ít nhất cho đêm nay. Khi ốm

đau cũng như khi khỏe mạnh. Lúc thuận lợi cũng như lúc khó khăn. Khi giàu hơn cũng như khi nghèo đi. Cho đến khi nào bình minh chia lìa chúng ta.”

Tôi khởi động máy và lái xe ra khỏi bãi đỗ, nhưng gạt tất cả những gì liên quan đến tinh thần đồng đội của Margo sang bên, tôi vẫn cảm thấy như mình bị buộc làm một điều gì đó, và tôi muốn nói cho ra ngô ra khoai. “Được thôi, nhưng khi SeaWorld, công ty hoặc bất cứ cá nhân nào viết thư đến Đại học Duke, nói rằng cái cậu Quentin Jacobsen đây tội lỗi đã đột nhập cơ sở vật chất của họ vào lúc bốn giờ ba mươi phút sáng cùng với cô nàng đồng hành có cặp mắt hoang dại, thì Đại học Duke sẽ điên lên đấy. Mà bố mẹ tớ cũng phát điên luôn.”

“Q ơi, cậu sẽ theo học ở Duke. Cậu sẽ trở thành luật-sư-hay-gì-đó công thành danh toại, lập gia đình, sinh con và sống hết cuộc đời con con này. Đến phút lâm chung, những khoảnh khắc cuối cùng của cuộc đời, khi cay đắng nghẹn ngào trong nhà thương, cậu sẽ tự nhủ: ‘Ồ, mình đã lãng phí cả cuộc đời chết giấm này, nhưng chí ít vào năm cuối cùng ở trường phổ thông, mình đã lén vào SeaWorld cùng với Margo Roth Spiegelman. Ít nhất mình đã có một ngày huy hoàng, *carpe diem*.’”

“Một đêm huy hoàng, *carpe noctem*^[5],” tôi sửa.

“Được rồi, cậu lại là Vua Ngử Pháp. Cậu vừa giành lại ngai vàng rồi đó. Giờ đưa tớ tới SeaWorld thôi.”

Lặng lẽ lái xe dọc cao tốc I-4, tôi nhận ra mình đang nghĩ đến người đàn ông mặc bộ đồ xám bị phát hiện đã chết năm đó. *Có thể đó là lí do cô ấy đã chọn mình*, tôi nghĩ. Và khi đó, cuối cùng, tôi nhớ ra những gì Margo đã nói về người chết và những dây nối—về chính cô ấy và những dây nối.

“Margo này,” tôi lên tiếng phá vỡ bầu im lặng.

“Q,” cô ấy đáp.

“Cậu từng nói... Người đàn ông bị chết năm ấy, cậu từng nói rằng có lẽ tất cả những dây nối bên trong ông ta đã đứt hết, rồi lúc này cậu vừa nói về chính cậu, và dây nối cuối cùng bị đứt.”

Margo nửa bật cười. “Cậu lo lắng quá nhiều rồi đấy. Tớ không muốn đưa trẻ con nào tìm thấy tớ trong cảnh ruồi bâu kiến đậu vào một sáng thứ Bảy ở

Công viên Jefferson đâu.” Cô ấy nghĩ một nhịp rồi nói điều cốt lõi. “Tớ quá tự kiêu cho một kết cục như vậy.”

Tôi cười khi, thờ phào và lái xe ra khỏi cao tốc liên bang. Chúng tôi rẽ vào đường International Drive, thủ phủ mua sắm của xứ này. Có đến cả ngàn cửa hàng ở International Drive, tất cả đều bán một thứ giống nhau: thứ bỏ đi. Những thứ bỏ đi dưới đủ mọi hình dạng: vỏ sò, móc đeo chìa khóa, đôi môi bằng thủy tinh, nam châm gắn tủ lạnh hình bang Florida, hồng hạc bằng nhựa, gi gi gi gi đủ thứ. Thực ra có vài cửa hàng trên đường I-Drive bán thứ bỏ đi thật, nghĩa đen, phân con ta-tu, bốn đô-la chín mươi lăm xu một túi.

Nhưng vào 4:50 sáng, khách du lịch vẫn còn đang ngủ. Con đường hoàn toàn vắng ngắt, giống như những đường phố khác, khi chúng tôi lái xe qua hết bãi đỗ này đến bãi đỗ khác.

“Đi qua hàng cây kia là đến SeaWorld,” Margo nói. Cô ấy ra sau xe, lục tìm trong ba-lô hay cái gì đó. “Tớ có đủ bản đồ vệ tinh và đã vạch kế hoạch tác chiến của chúng ta, nhưng quái lạ sao chả thấy đâu nhỉ. Dù sao cứ đi qua đoạn đường có hàng cây, bên tay trái sẽ là một cửa hàng bán đồ lưu niệm.”

“Bên tay trái tớ có khoảng mười bảy ngàn cửa hàng bán đồ lưu niệm.”

“Đúng, nhưng chỉ có một ngay sau khi đi hết qua hàng cây thôi.”

Quả là chính xác, chỉ có một cửa hàng như vậy, tôi đưa xe vào chỗ đỗ trống, dừng ngay dưới một cột đèn đường, vì ở I-Drive này rất dễ bị mất xe. Chắc chỉ có gã đạo chích siêu quái đản mới tìm cách thối bay chiếc Chrysler này, nhưng tôi cũng không khoái nghĩ đến việc phải giải thích với mẹ làm thế nào và tại sao xe của mẹ đã biến mất trong mấy tiếng đồng hồ khuya khoắt này.

Chúng tôi đứng bên ngoài, dựa vào đuôi chiếc minivan, không khí nóng và nặng đến mức tôi thấy quần áo như dính chặt lên da mình. Tôi lại có cảm giác rờn rợn, như thể ai đó đang nhìn tôi mà tôi lại không thấy họ. Đêm tối quá lâu, bụng dạ tôi đau nhói sau nhiều tiếng đồng hồ lo lắng căng thẳng. Margo đã tìm thấy bản đồ, dưới ánh đèn đường, đầu ngón tay dính sơn xanh của cô ấy dò theo tuyến đường. “Tớ nghĩ ngay đây có một đoạn hàng rào,” cô ấy nói, giơ tay chỉ một vạt um tùm phía bên kia con đường có hàng cây. “Tớ đã đọc trên mạng. Mấy năm trước người ta dựng hàng rào vì một gã say

nào đó nửa đêm mò vào công viên và nảy ra ý tưởng bơi cùng Shamu, cho nên đã bị Shamu xức luôn.”

“Có chuyện ấy thật sao?”

“Ừ, nhưng nếu gã đó hành động trong cơn say, thì chúng ta sẽ ra tay khi hoàn toàn tỉnh táo. Tội mình là ninja mà.”

“À, chắc cậu là ninja thôi,” tôi nói.

“Cậu là chàng ninja ồn ào và lảm chuyện,” Margo nói, “nhưng hai đứa mình đều là ninja.” Cô ấy vén tóc ra sau vành tai, đội mũ lên, thít chặt dây rút; ánh sáng từ ngọn đèn đường rọi lên những nét sắc sảo trên khuôn mặt nhợt nhạt của cô ấy. Có thể cả hai đứa tôi đều là ninja, nhưng chỉ Margo mặc trang phục thích hợp.

“Được rồi,” cô ấy nói. “Ghi nhớ bản đồ nhé.” Đến thời điểm này, phần gian nguy nhất trong hành trình nửa dặm mà Margo đã vạch ra chính là hào nước. Địa hình SeaWorld như một tam giác. Một cạnh là mặt đường, Margo suy luận rằng sẽ thường xuyên có nhân viên an ninh đi tuần tra ban đêm. Cạnh thứ hai sát với một hồ nước chu vi ít nhất một dặm, và cạnh thứ ba tiếp giáp hào thoát nước. Nhìn từ bản đồ, hào nước này rộng cỡ một con đường hai làn. Và ở Florida, ở đâu có hào thoát nước cạnh hồ, ở đó thường có cá sấu.

Margo đặt cả tay lên hai vai tôi và xoay tôi lại phía cô ấy. “Bọn mình sẽ bị tóm, có thể thôi, trong trường hợp đó, cứ để tớ nói mọi chuyện. Cậu chỉ cần tỏ ra hiền hiền kiểu nửa ngây thơ nửa thẳng thắn, rồi ta sẽ ổn cả thôi.”

Tôi khóa xe, cố gắng vuốt gọn mái đầu bù xù, lảm nhảm, “Mình là ninja.” Tôi không định để Margo nghe thấy, nhưng cô ấy đã thốt lên, “Khỉ ọ, cậu đúng là ninja đấy. Đi mau thôi.”

Chúng tôi đi bộ qua I-Drive, bắt đầu mò đường qua đám sồi rậm rạp và cây bụi lùm xùm. Tôi hơi lo về độc tố của cây thường xuân, nhưng ninja không sợ độc tố thường xuân, thế là tôi xông lên, cánh tay giơ trước mặt, gạt cành gai lá lẻo sang hai bên để tiến về phía hào nước. Cuối cùng cũng qua được vạt cây và tầm nhìn thoáng ra, tôi thấy con đường với hàng cây ở bên tay phải và hào nước thẳng phía trước mặt. Ai ngồi trong xe trên đường hẳn sẽ nhìn thấy chúng tôi, nhưng chẳng có chiếc xe nào cả. Chúng tôi cùng

chạy qua bụi rậm, rẽ ngoặt về phía hàng cây. Margo nói, “Nào, nào!” và tôi xẹt qua đường cao tốc sáu làn xe. Dù trên đường hoàn toàn không có ma nào, trong tôi vẫn dội lên cơn phấn khích và cảm giác sai trái to đùng khi chạy cắt qua một con đường lớn đến vậy.

Băng qua đường rồi, chúng tôi lom khom đi trong đám cỏ lác cao đến đầu gối bên vệ đường. Margo chỉ lẩn cây giữa bãi đỗ xe mênh mêng bát ngát của SeaWorld và mặt hào nước tĩnh lặng sẫm màu. Chúng tôi chạy dọc hàng cây khoảng một phút, rồi Margo kéo lưng áo tôi, khẽ nói,

“Lội nước thôi.”

“Mời quý cô,” tôi nói.

“Không đâu, thật đấy. Cậu cứ tự nhiên đi,” cô ấy đáp.

Và tôi chẳng còn nghĩ đến cá sấu hay lớp bùn lầy rong rêu tù đọng bốc mùi nữa. Tôi chỉ chạy lấy đà và nhảy xa hết mức có thể. Tôi rơi xuống một chỗ nước cao đến thắt lưng, liền sải từng bước đi tiếp. Nước xộc lên một mùi nồng nặc và ướt lớp nhóp trên da tôi, nhưng ít nhất từ thắt lưng trở lên tôi không bị ướt. Hoặc ít nhất là tôi chưa bị ướt cho đến khi Margo nhảy xuống, bắn nước tung tóe lên khắp người tôi. Tôi quay lại và té nước lên người cô ấy. Margo giả bộ sặc nước, làu bàu nói:

“Ninja không té nước lên người đồng đội.”

“Ninja thứ thiệt không rơi oạch xuống làm nước tóe lên như vậy,” tôi nói.

“Ồ, tớ bị trúng tim đen rồi.”

Tôi nhìn Margo đi lên từ hào nước. Tôi thầm mừng rỡ vì không phải đụng độ cá sấu. Mạch máu của tôi nếu có đập nhanh thì cũng ở mức chấp nhận được. Bên dưới vạt áo khoác không cài của Margo, chiếc áo phông đen thấm nước ướt đẫm. Tóm lại, rất nhiều thứ đang diễn ra suôn sẻ, nhưng bất chợt tôi nhác thấy có gì đó loang loáng trên mặt nước ngay cạnh Margo. Cô ấy nhảy lên bờ, tôi thấy gân gót của Margo căng lên, và trước khi tôi kịp kêu lên, con rắn đã bắn đến cắn vào cổ chân trái, ngay dưới gấu quần jeans của cô ấy.

“Bỏ xừ!” Margo thốt lên, cô ấy nhìn xuống và lại nói “Bỏ xừ rồi!” Con rắn vẫn chưa rời chân Margo. Tôi lao đến tóm lấy đuôi rắn, giật nó ra khỏi

chân cô ấy và ném thẳng xuống hào nước. “Ôi trời ơi,” Margo kêu lên. “Con gì vậy? Có phải rắn hổ mang không?”

“Tớ không biết. Nằm xuống, nằm xuống đi,” tôi nói rồi nâng chân Margo trong tay và kéo gấu quần jeans của cô ấy lên. Có hai giọt máu rỉ ra từ vết cắn, tôi cúi xuống, áp miệng lên vết thương và hút mạnh hết sức, cố gắng rút nọc độc ra. Tôi nhổ máu đi, định hút tiếp thì cô ấy nói, “Từ từ đã, tớ thấy nó rời.” Tôi hoảng hồn đứng bật dậy, Margo nói, “Trời ơi, không sao, loài này không độc.” Cô ấy chỉ về phía hào nước, tôi theo hướng ngón tay Margo và thấy một con rắn sọc nhỏ đang lướt dọc mép nước, bơi ngay chỗ có ánh đèn rọi xuống. Nhìn ở chỗ đủ sáng, con rắn chỉ như con thằn lằn con, chẳng đáng sợ mấy.

“Ồn giời,” tôi nói, ngồi xuống cạnh Margo và lấy lại nhịp thở của mình.

Sau khi xem vết cắn và nhận ra máu đã cầm, cô ấy hỏi tôi, “Gặm chân tớ thấy thế nào?”

“Ngon đấy,” tôi đáp, vì đúng là như vậy. Margo hơi nghiêng người về phía tôi, tôi cảm thấy cánh tay cô ấy áp vào sườn mình.

“Tớ cạo lông chừa sáng nay *chính* vì lí do này, kiểu như: Ái chà, biết đâu có người trong lúc cấp bách sẽ tóm lấy bắp chân mình mà hút nọc rắn ra.”

Có một hàng rào mắt cáo trước mặt chúng tôi, nhưng chỉ cao cỡ hai mét. Như Margo nhận xét, “Thật không vậy, thoát đầu là con rắn ranh, rồi đến hàng rào này sao? An ninh kiểu này sì nhục ninja quá.” Cô ấy leo lên, lẳng người qua và trèo xuống, uyển chuyển như bước trên thang vậy. Tôi cũng cố không để bị ngã.

Chúng tôi chạy qua một bụi cây nhỏ san sát, bám chặt trên những bệ chứa lớn màu xanh ngọc, chắc hẳn có động vật ở trong. Chúng tôi chạy đến một dải đường nhựa, từ đây tôi thấy được khán phòng lớn nơi Shamu từng làm bắn nước lên tôi hồi tôi còn bé. Giàn loa nhỏ mắc dọc lối đi đang phát nhạc không lời êm dịu. Chắc để các con vật cũng cảm thấy êm dịu. “Margo ơi,” tôi nói, “tụi mình ở trong SeaWorld rồi.”

Margo đáp, “Hẳn rồi,” và cô ấy bắt đầu đi quanh còn tôi đi theo. Chúng tôi dừng lại trước khu nuôi hải cẩu, nhưng hình như không có con hải cẩu nào ở trong.

“Margo ơi,” tôi nói lại lần nữa. “Chúng ta ở trong SeaWorld rồi.”

“Hãy vui đi,” cô ấy nói mà như không cử động môi. “Vì an ninh đến rồi kìa.” Tôi phóng vội qua mấy bụi cây cao đến thắt lưng, nhưng Margo không chạy nên tôi dừng lại. Một người đi tuần trong bộ đồng phục AN NINH SEAWORLD tiến đến và tinh bơ hỏi, “Có chuyện gì vậy?” Tay anh ta cầm cái gì đó—bình xịt hơi cay, tôi đoán thế.

Để bình tĩnh lại, tôi tự thắc mắc, *Anh ta có còng tay thông thường không hay dùng còng tay đặc dụng của SeaWorld nhỉ? Kiểu như còng tay hình hai con cá heo cong mình lại chẳng hạn?*

“Thực ra bọn em đang trở ra ạ,” Margo nói.

“Ồ, chắc là vậy rồi,” anh kia nói. “Vấn đề là cô em muốn tự đi ra hay được cảnh sát trưởng Hạt Orange đưa ra?”

“Nếu đối với anh cả hai đều như nhau,” Margo nói, “thì chúng em muốn tự đi ra hơn.” Tôi nhắm mắt lại, những muốn nói với Margo rằng lúc này không có thời gian để dè dỏm đâu. Nhưng người đàn ông kia bật cười.

“Cô em có biết mấy năm trước có người đã thiệt mạng ở đây vì nhảy vào một bể nhốt động vật không? Bọn anh được lệnh nếu có người đột nhập thì không được thả đi, dù người ta có xinh đẹp đến đâu cũng không thả.” Margo kéo kéo áo phông để lớp áo không dính sát người. Đến lúc này tôi mới nhận ra rằng anh ta đang nói đến ngực cô ấy.

“Ồ, vậy chắc anh phải bắt bọn em rồi.”

“Nhưng vấn đề chính ở đây. Anh sắp hết giờ làm, muốn về nhà làm chai bia và đánh một giấc. Nếu anh gọi cảnh sát thì họ sẽ dành ra thời gian quý báu đến đây. Anh đang nói to những suy nghĩ của mình lên đấy nhé,” anh ta nói, và Margo nhướn mắt lên vẻ hiểu ra. Cô ấy ngúc ngoắc bàn tay trong túi áo ướm và rút ra tờ một trăm đô-la ướm nhẹ thứ nước ở trong hào.

Người bảo vệ nói, “Chà, cô em nên đi ngay đi. Nếu là anh thì anh sẽ không loạng quạng đi ngang bể cá voi đâu. Quanh đó có camera an ninh bật suốt đêm, và tụi anh không muốn ai biết rằng cô em đã ở đây.”

“Rõ ạ,” Margo e dè đáp, và người bảo vệ đi tiếp về phía khu vực tối. “Trời ạ,” Margo lẩm bẩm khi anh ta đã đi khuất, “tớ thực sự không muốn xì tiền cho gã dê xồm đó. Nhưng thôi, tiền là để tiêu.” Tôi gần như không nghe

rõ những lời ấy, điều duy nhất tôi cảm thấy là cơn thở phào lan ra trên da. Cái cảm giác khoan khoái một cách rất thô thiển này cũng xứng đáng với những lo lắng lúc trước lắm chứ.

“Ồn Chúa anh ta không gọi cảnh sát,” tôi nói.

Margo không đáp. Cô ấy nhìn xa xôi, hai mắt nhú lại gần như nhắm. “Tớ cảm thấy lần này giống hết hồi vào trong phim trường của hãng Universal,” lát sau Margo nói. “Chỗ này cũng hay hay, đại loại thế, nhưng chẳng có gì xem được nữa. Các loại xe trượt cảm giác mạnh không hoạt động. Những thứ hay ho đều bị khóa lại cả rồi. Buổi đêm đa phần các con vật đều bị nhốt trong các lồng bê khác nhau.” Margo quay đầu lại và nhận xét về SeaWorld mà chúng tôi đang chứng kiến. “Tớ nghĩ phần lí thú không phải là được đứng ở đây.”

“Vậy phần lí thú chính là ở đâu?” tôi hỏi.

“Ở lúc vạch kế hoạch, tớ nghĩ thế. Cũng chẳng biết nữa. Ta hi vọng làm một việc gì đó thì sẽ vui lắm, nhưng khi thực sự làm việc đó, lại chẳng thấy vui như đã mong đợi nữa.”

“Tớ thấy trò này vui đấy chứ,” tôi thú nhận. “Dù chẳng có gì để xem cả.” Tôi ngồi xuống một băng ghế, Margo ngồi cạnh tôi. Chúng tôi cùng nhìn về phía khu hải cẩu, nhưng không có con hải cẩu nào ở trong, chỉ là hòn đảo nhỏ chẳng có gì ngoài mấy đụn giả sơn xù xì bằng chất dẻo. Tôi ngửi thấy mùi của Margo ngay bên mình, mùi mồ hôi và rong rêu từ hào nước, mùi dầu gội đầu thơm như tử đinh hương, và mùi làn da cô ấy, thoang thoảng như hạnh nhân mới nghiền vụn.

Lần đầu tiên tôi thấy mệt. Và tôi mừng tượng ra cảnh chúng tôi nằm bên nhau trên vạt cỏ trong SeaWorld, tôi nằm giữa còn Margo nằm nghiêng, cánh tay buông trên người tôi, đầu ngả vào vai tôi và đang nhìn tôi. Không làm gì cả—chỉ nằm cạnh nhau dưới bầu trời, màn đêm ở đây vẫn sáng quá, lút cả những vì sao. Và hình như tôi cảm nhận được hơi thở của Margo mơn man trên cổ mình, và có lẽ chúng tôi có thể cứ nằm như vậy đến sáng, mọi người bắt đầu đi ngang qua chúng tôi khi họ vào đây, họ sẽ thấy chúng tôi và sẽ nghĩ rằng chúng tôi cũng là khách tham quan, và thế là chúng tôi chỉ việc nhập vào và biến mất trong đám du khách.

Nhưng không. Còn phải chứng kiến cảnh Chuck Parson lông mày một mất một còn. Còn phải to nhỏ kể lại chuyện này với Ben. Còn lớp học, phòng tập nhạc, trường Duke và tương lai.

“Q ơi,” Margo nói.

Tôi nhìn lên cô ấy, thoáng chốc tôi không hiểu sao cô ấy lại gọi tên mình, nhưng rồi tôi hết hẳn cơn nửa tỉnh nửa mơ. Và tôi nghe thấy. Giàn loa đang phát nhạc, nhưng không phải nhạc không lời dịu dịu nữa, mà là nhạc thực sự. Một bài hát jazz cũ kĩ mà bố tôi thích, tên là “Sao sa ở Alabama.” Qua những cái loa bé xíu, có thể nghe thấy ca sĩ như đang cất lên cả ngàn nốt nhạc cùng một lúc.

Và tôi cảm thấy sợi dây liền mạch nối tôi với cô ấy, kéo suốt từ hồi hai đứa nhóc tì ở trong cũi, đến người đàn ông đã chết năm nào, cho tới sự gần gũi ngày hôm nay. Và tôi muốn nói với Margo rằng phần vui nhất đối với tôi không ở chỗ lập kế hoạch, hành động hay đào tẩu; mà phần vui nhất là thấy được những dây nối của chúng tôi gặp nhau rồi chia tách, và lại trở về với nhau—nhưng nói ra như vậy có vẻ sến sẩm quá, và lại cô ấy cũng đã đứng lên rồi.

Đôi mắt xanh thứ màu xanh kì diệu của Margo chớp chớp, khi đó cô ấy đẹp đến không tưởng, ống quần jeans ướt bó trên chân, gương mặt sáng lên trong ánh ngày nhàn nhạt.

Tôi đứng lên, chìa tay ra và nói, “Cho phép tớ mời cậu nhảy điệu này được không?” Margo nhún chân, đưa tay cho tôi và nói, “Được chứ.” Tôi đặt tay lên đường cong giữa eo và hông cô ấy, và tay cô ấy đặt trên vai tôi. Bước-bước-bước ngang. Bước-bước-bước ngang. Chúng tôi nhảy fox-trot một vòng quanh khu hải cẩu, bài hát vẫn ngân nga về những vì sao sa trên bầu trời. “Điệu chậm lớp sáu nào,” Margo nói, và chúng tôi đổi tư thế, tay cô ấy trên vai tôi và tay tôi trên hông cô ấy, khuỷu tay đan vào nhau, hai đứa chỉ cách nhau có nửa mét. Rồi chúng tôi lại nhảy theo điệu fox-trot cho đến hết bài hát. Tôi tiến một bước và đỡ Margo ngã ra, như chúng tôi được dạy hồi ở trường vũ đạo Crown. Margo giơ một chân lên, dồn toàn bộ trọng lượng vào tôi khi tôi đỡ lưng cô ấy. Cô ấy đã tin tưởng tôi, hoặc là muốn bị ngã.

9.

Chúng tôi mua khăn bông ở một cửa hàng 7-Eleven trên đường I-Drive, cố lau sạch những thứ nhớp nhớp mùi mùi khỏi quần áo và da mình. Tôi đổ đầy bình xăng đúng như lúc trước khi đi lòng vòng khắp Orlando. Chỗ ngồi trong chiếc Chrysler sẽ ươn ướt tí chút khi mẹ lái xe đi làm, nhưng tôi vẫn nhấp nhỉnh hi vọng rằng mẹ sẽ không phát hiện ra, vì mẹ tôi vốn khá xuề xòa những chuyện kiểu này. Nhìn chung bố mẹ tin rằng tôi là đứa nghiêm chỉnh, ít có hành-vi-gây-nguy-cơ-đột-nhập-vào-Sea-World nhất quả đất, và rằng sự phát triển lành mạnh về tâm thần kinh của tôi chính là minh chứng hùng hồn cho chuyên môn nghề nghiệp của bố mẹ.

Tôi lập tức tranh thủ thời gian về nhà, tránh cao tốc liên bang mà đi theo các đường nhỏ. Margo và tôi cùng nghe radio, cố dò xem đài nào đã phát bài “Sao sa ở Alabama,” nhưng rồi Margo tắt đi và nói, “Tóm lại, tớ nghĩ thế là đã thành công.”

“Đồng ý,” tôi nói, dù lúc này đang tự hỏi không biết ngày mai sẽ ra sao. Margo có đến chỗ phòng tập nhạc trước giờ vào lớp để tụ bọ với bọn tôi không? Có ăn trưa với tôi và Ben không? “Tớ thắc mắc quá ta, không biết ngày mai có gì khác không nhỉ,” tôi nói.

“Ừ,” Margo đáp. “Tớ cũng vậy.” Cô ấy buông những lời ấy vào gió, rồi tiếp, “Này, nói đến ngày mai, để tỏ lòng cảm kích vì cậu đã vất vả tận tụy trong đêm đáng nhớ vừa qua, tớ có món quà nhỏ tặng cậu.” Cô ấy mò dưới chân rồi giơ lên cái máy ảnh kỹ thuật số. “Cầm lấy đi,” Margo nói. “Và sử dụng sức mạnh của cái chớp mắt thần thánh thật thông thái nhé.”

Tôi bật cười và nhét máy ảnh vào túi. “Về nhà tớ sẽ tải ảnh ngay, đến trường sẽ đưa cậu nhé?” tôi hỏi, những muốn Margo trả lời, *Ừ, ở trường, nơi mọi thứ sẽ khác đi, nơi mọi người sẽ thấy rằng tớ là bạn của cậu, và rằng tớ*

đã quyết định đá gã bạn trai cũ đi, nhưng cô ấy chỉ nói, “Ừ, lúc nào cũng được.”

Lúc ấy là 5:42 khi tôi rẽ vào khu Jefferson Park. Chúng tôi lái xe xuôi Jefferson Drive đến Jefferson Court, rẽ vào phố nhà tôi, Jefferson Way. Tôi tắt đèn pha lần cuối và rẽ xe vào sân nhà. Tôi không biết nói gì, và Margo cũng không định nói gì. Chúng tôi nhét hết rác vào một túi 7-Eleven, cố gắng xóa dấu vết để chiếc Chrysler trông như thể chưa từng trải qua sáu tiếng đồng hồ vừa rồi. Một túi khác, Margo đưa tôi những thứ còn lại, Vaseline, sơn xịt, và chai Mountain Dew cuối cùng. Trí não tôi chạy đua với cơn mệt mỏi rã rời.

Mỗi tay xách một túi, tôi đứng lại cạnh chiếc xe, nhìn cô ấy. “Chà, một đêm địa ngục thần thánh,” rút cục tôi nói.

“Lại đây nào,” Margo nói, và tôi tiến lên một bước. Cô ấy ôm tôi, đám túi làm tôi khó có thể ôm lại cô ấy được, nhưng nếu tôi thả túi xuống thì có thể đánh thức ai đó dậy mất. Tôi cảm thấy Margo kiễng lên và môi cô ấy ngay sát tai tôi, từng lời rành mạch, “Tớ. Sẽ. Nhớ. Những. Lúc. Chơi. Với. Cậu.”

“Việc gì phải thế,” tôi nói to, cố gắng che giấu sự thất vọng của mình. “Nếu cậu không thích chúng nó nữa thì chơi với tớ. Tụi bạn tớ thực ra cũng vui lắm.”

Bờ môi Margo ở gần đến mức tôi có thể cảm thấy cô ấy mỉm cười. “Tớ sợ chẳng được đâu,” cô ấy thì thầm. Rồi cô ấy rời ra, nhưng vẫn nhìn tôi, bước lùi từng bước. Cuối cùng cô ấy nhướn lông mày lên, mỉm cười, và tôi tin ở nụ cười ấy. Tôi nhìn Margo trèo lên cây, bám sang mái nhà phía trên cửa sổ phòng ngủ của cô ấy ở tầng hai. Cô ấy cạy mở cửa và bò vào trong.

Tôi vào nhà qua cửa chính không khóa, rón rén qua bếp vào phòng mình, lột quần jeans ném vào góc tủ gần cửa sổ, tải bức ảnh Jase, rồi vào giường, đầu như muốn nổ tung với những điều tôi định đến trường sẽ nói với Margo.

PHẦN II

CỔ 8

1.

Tôi ngủ được chừng nửa tiếng khi đồng hồ báo thức réo lúc 6:32. Nhưng chính tôi không may may biết báo thức đã rền rĩ suốt mười bảy phút. Mãi đến khi cảm thấy ai đó đang lay vai mình và mơ hồ nghe thấy mẹ gọi, “Dậy thôi sâu ngủ,” tôi mới hơi tỉnh tỉnh.

“Vẫầầầ,” tôi đáp, vẫn mắt nhắm mắt mở, cảm thấy còn bài hoãn hơn cả lúc 5:55. Có lẽ kiểm cố trốn học luôn cho rồi, nhưng ngặt nỗi tôi có thành tích chuyên cần hoàn hảo. Dù biết rằng thành tích chuyên cần hoàn hảo không phải điều đặc biệt ấn tượng hoặc thậm chí đáng ngưỡng mộ gì, tôi vẫn muốn giữ vững phong độ. Thêm nữa, tôi muốn biết Margo sẽ cư xử thế nào khi ở trường.

Vào bếp, tôi thấy bố đang nói gì đó với mẹ khi cả hai cùng ăn sáng. Bố ngừng lại khi thấy tôi và hỏi, “Ngủ nghề thế nào con?”

“Say sưa ngon lành ạ,” tôi đáp, vì đúng thế thật. Ngủ được chốc lát thôi nhưng rất sâu.

Bố mỉm cười. “Bố vừa kể với mẹ là bố cứ mơ đi mơ lại một chuyện cũng khá căng thẳng,” bố nói. “Trong mơ bố đi học đại học và theo một lớp tiếng Hebrew, nhưng thầy giáo không biết tiếng Hebrew, và bài kiểm tra cũng không bằng tiếng Hebrew nốt–tất cả đều là một mớ rối rắm vô nghĩa. Nhưng ai cũng làm như thể thứ ngôn ngữ và bảng chữ cái chắp vá lắp liếm ấy chính là tiếng Hebrew. Bố vẫn phải làm bài kiểm tra, và phải viết bằng thứ tiếng bố hoàn toàn không biết, dùng những con chữ bố hoàn toàn mù tịt.”

“Nghe hay đấy ạ,” tôi nói, dù thực ra cũng chẳng hay mấy. Chẳng có gì nhạt nhẽo nhàm chán bằng giấc mơ của người khác.

“Đó là một ẩn dụ ám chỉ tuổi thanh niên,” mẹ tôi lên tiếng. “Viết bằng một thứ tiếng–tuổi trưởng thành–ta không hiểu được, sử dụng một bảng chữ cái–tương tác xã hội theo nhận thức chín chắn–ta không nhận ra được.” Mẹ

tôi làm việc với đám trẻ vị thành niên khùng khùng điên điên trong các trung tâm giáo dưỡng và trại giam dành cho thanh thiếu niên. Tôi nghĩ đó là lí do mẹ không bao giờ thực sự lo ngại gì về tôi—miễn là tôi không phanh thây chuột cảnh để cúng tế hay tự tè vào mặt mình, thì mẹ rút ra kết luận rằng đã nuôi dạy tôi thành công.

Một người mẹ bình thường chắc sẽ nói, “Này, mẹ phát hiện ra rồi nhé, trông con như vừa say chất kích thích thế kia, lại còn tanh tanh mùi bùn rêu. Có phải mấy tiếng trước con vừa nhảy với con bé Margo Roth Spiegelman bị rấn cắn không?” Nhưng không. Bố mẹ tôi thích bàn chuyện những giấc mơ hơn.

Tôi tắm rửa, mặc cái áo phông và quần jeans. Muộn mất rồi, cơ mà một lần nữa, tôi vẫn luôn đi trễ mà.

“Muộn đấy con,” mẹ nói khi tôi quay lại bếp. Tôi lúc lắc đầu cho thứ sương mù lùng bùng trong não văng bót đi, đủ để nhớ lại phải thắt dây giày như thế nào.

“Con biết rồi ạ,” tôi ào phào như hết hơi.

Mẹ chở tôi đến trường. Tôi ngồi chỗ Margo từng ngồi. Mẹ hầu như không nói gì trên đường đi, như vậy thực tốt, vì tôi lại ngủ chết giấc, đầu dựa vào cửa sổ xe.

Khi mẹ dừng trước trường, tôi thấy chỗ Margo thường đỗ xe trong bãi trống không. Thực ra không trách cô ấy đi muộn được. Đám bạn của Margo không tụ bọ sớm như mấy thằng bạn tôi.

Tôi đi về phía mấy thằng lo Choi trong ban nhạc thì Ben đã réo âm lên, “Jacobsen ơi, có phải đêm qua tôi đã mơ không hay chính ông—” tôi ra hiệu cho nó bằng cái lắc đầu khẽ nhất có thể, và nó lập tức chuyển tông ngay giữa câu—“và tôi đã chu du qua quần đảo Thái Bình Dương, lên đên trên một du thuyền làm tuyên băng chuối hả ông?”

“Du thuyền đó ăn ngon phải biết,” tôi đáp. Radar nhướn mắt với tôi và thủng thẳng đi vào một bóng cây. Tôi đi theo nó. “Đã nhờ Angela kiếm một mối cho Ben. Không ăn thua.” Tôi liếc nhìn Ben, thằng khi ấy đang liến thoắng tía lia, một cái que khuấy cà phê nhún nhảy trong miệng nó theo từng lời nói.

“Chán thế,” tôi nói. “Nhưng thế cũng tốt. Nó và tôi sẽ đàn đúm với nhau và làm một châu ma-ra-tông chơi Hồi Sinh vậy, đại khái thế.”

Ben xẹt đến và nói huých luôn, “Các ông đang bày trò nho nhã đẩy phòng? Tôi biết thừa các ông đang nói đến thảm kịch dạ hội phi-thỏ-non của đời tôi.” Nó quay ngoắt và đi vào trong. Radar và tôi theo sau, vừa nói chuyện vừa đi ngang qua phòng tập nhạc, nơi tụi lớp chín, lớp mười đang ngồi buôn chuyện giữa ngổn ngang hộp đựng nhạc cụ. “Sao ông lại ham thế chứ?” tôi hỏi.

“Dạ hội tốt nghiệp năm cuối phổ thông mà ông. Cơ hội hoàn hảo cuối cùng của tôi để lưu lại kí ức thốn thức nhất đời học sinh trong tim một em thỏ non ngon ngon đó.” Tôi nghe mà hai mắt tròn tròn.

Hồi chuông thứ nhất báo còn năm phút nữa đến giờ vào lớp. Lập tức như những con cún của Pavlov, mọi người theo phản xạ có điều kiện bắt đầu rảo cẳng lên, đi lại chật ních trong hành lang. Ben, Radar và tôi đứng cạnh ngăn tủ đựng đồ của Radar. “Thế quái nào lúc ba giờ sáng ông lại gọi tôi hỏi địa chỉ nhà Chuck Parson vậy?”

Tôi đang uốn ba tấc lưỡi cho ra câu trả lời thỏa đáng nhất thì chợt thấy Chuck Parson tiến lại. Tôi huých Ben và đá ánh mắt về phía Chuck. Hệ quả từ sự kiện đêm qua, Chuck đã quyết định chiến lược hữu hiệu nhất là cạo nhẵn cánh tả. “Móa ơi,” Ben rớt hàm.

Ngay tắp lự, Chuck đã lừ lừ trước mặt tôi khi tôi dựa nép vào ngăn tủ, trán nó nhăn thín thính trông đến là ngon mắt. “Bọn của nợ chúng mày nhìn gì hả?”

“Nhìn gì đâu,” Radar đáp. “Chắc như ăn bắp là tụi này không nhìn lông mày của đấng ấy.” Chuck đẩy Radar ra, xòe bàn tay nện uyển vào ngăn tủ cạnh tôi, bỏ đi thẳng.

“Tác phẩm của ông hả?” Ben mắt tròn mắt dẹt.

“Cấm các ông bép xép lung tung đấy,” tôi nói với cả hai, rồi khẽ thêm vào, “của tôi và Margo Roth Spiegelman.”

Giọng Ben lập tức vút lên cùng bầu nhiệt huyết, “Đêm qua ông đã ở cùng Margo Roth Spiegelman sao? Vào lúc BA GIỜ SÁNG?” Tôi gật. “Chỉ có hai mình thôi?” Tôi gật. “Ôi trời đất ơi, nếu ông đã quặp nàng ấy, ông phải

kể cho tôi tỉ mỉ từng chi tiết đã diễn ra. Ông phải viết cho tôi một bài luận về hai tòa thiên nhiên của Margo Roth Spiegelman, trông thế nào, cảm nhận ra sao, tối thiểu dài ba mươi trang!”

“Tôi muốn ông vẽ một bức than chì theo phong cách ảnh hiện thực ba chiều,” Radar nói.

“Tạc tượng luôn cũng được,” Ben bồi thêm.

Radar nhấp nhỉnh giơ tay lên, tôi đành phải cho nó phát biểu ý kiến. “Ờ, tôi đang nghĩ không biết ông có viết được một bài sestina về ngực Margo không? Sáu từ để gieo vần là: *hồng, tròn, chắc, mềm, mịn và êm.*”

“Cá nhân tôi nghĩ,” Ben chêm vào, “ít nhất một trong sáu từ để gieo vần phải là *buhbuhbuh.*”

“Hình như tôi chưa nghe chưa đọc thấy từ đó bao giờ,” tôi nói.

“Đó là âm thanh cái miệng tôi phát ra khi tôi trao tặng Tàu Siêu Tốc Ben Sao Xẹt đã được bảo hộ bản quyền cho một nàng thờ non.” Đến đây Ben giả bộ biểu diễn như nó sẽ làm trong tình huống hi hữu rằng nó được thưởng lãm một tòa thiên nhiên.

“Ngay lúc này,” tôi nói, “hàng ngàn cô gái trên khắp nước Mỹ đang cảm thấy cơn ớn lạnh đầy sợ hãi và ghê tởm bò dọc sống lưng, dù họ không hề hay biết lí do. Thực ra thì tôi không có gặm Margo, các ông chỉ có suy diễn biến thái là nhanh.”

“Mẫu mực đây,” Ben vênh mặt. “Theo hiểu biết của mình, tôi là chàng trai duy nhất có cặp trứng cò sần sàng dâng hiến cho một nàng thờ non những gì nàng muốn, đồng thời là chàng duy nhất không có cơ hội thực hiện tâm nguyện đó.”

“Trùng hợp kì diệu thật,” tôi bình luận. Vẫn là cuộc sống như nó luôn như vậy—chỉ thêm cảm giác mệt mỏi trong người. Tôi đã hi vọng rằng đêm qua sẽ thay đổi cuộc đời tôi, nhưng cũng chẳng có gì thay đổi—chỉ ít là chưa.

Hồi chuông thứ hai reo. Chúng tôi vội kéo nhau vào lớp.

Tôi bắt đầu thấy mệt rã rời trong suốt giờ giải tích tiết một. Thực ra tôi đã thấy bải hoải từ lúc thức dậy, nhưng cộng cái sự mệt với môn giải tích thì hình như hơi bất công. Để tỉnh táo được, tôi ngồi ngoáy mấy dòng cho Margo— không đời nào tôi sẽ gửi cho cô ấy, chỉ là tóm tắt lại những khoảnh

khắc tôi ửng nhất từ đêm hôm trước–thế mà hai mắt vẫn díp tịt. Ở một thời điểm nào đó, tôi không đưa nổi bút nữa, góc nhìn cứ hẹp dần, hẹp dần, và tôi lục trí nhớ xem không biết thị trường hình ống có phải là triệu chứng của cơn kiệt sức hay không. Tôi cho rằng ắt đúng vậy rồi, vì tôi chỉ nhìn thấy duy nhất một người ở phía trước, chính là thầy Jiminez trước bảng đen. Có lẽ đây là thông tin duy nhất bộ não tôi còn xử lí được, nên khi thầy Jiminez nói, “Quentin?”, tôi cực kì bối rối. Điều duy nhất đang diễn ra trong vũ trụ của tôi là thầy Jiminez viết gì đó lên bảng, và tôi không tài nào hiểu được sao thầy có thể tồn tại trong cuộc đời tôi dưới dạng thức vừa hữu thanh vừa hữu hình như vậy.

“Vâng?” tôi hỏi lại.

“Em có nghe thấy câu hỏi không?”

“Vâng?” tôi lại hỏi lại.

“Em giơ tay để trả lời phải không?” Tôi ngược nhìn, đúng là tay tôi đang giơ lên, nhưng không hiểu thế quái nào nó lại giơ lên như vậy, và hình như tôi chỉ hơi hơi biết phải làm gì để đảo ngược hành động ấy. Rồi bằng nỗ lực không nhỏ, bộ não của tôi mới bảo được cánh tay hãy hạ xuống, cánh tay cũng chịu nghe lời, và cuối cùng tôi nói, “Em xin phép đi nhà vệ sinh được không ạ?”

Thầy bảo, “Cứ đi đi,” rồi đưa nào đó trong lớp giơ tay trả lời câu hỏi nào đó về dạng phương trình vi phân nào đó.

Tôi vào nhà vệ sinh, vĩa nước lên mặt, rồi tì lên bồn rửa, ghé sát vào gương, sẫm soi mặt mình. Tôi cố dụi hai con mắt đỏ ngầu mà chẳng thấy đỡ chút nào. Và rồi tôi nảy ra một ý tưởng hết xẩy. Tôi vào một ngăn vệ sinh, đập nắp bồn cầu xuống, ngồi lên, dựa vào vách, và ngủ. Giấc ngủ kéo dài khoảng mười sáu mili giây thì chuông báo tiết hai reo. Tôi đứng dậy đi vào lớp học giờ tiếng La-tinh, rồi vật lí. Rút cục cũng đến tiết bốn, tôi vớ được Ben trong căng-tin và nói, “Tôi thực sự cần chớp mắt một lúc hoặc đại loại thế.”

“Chúng ta ăn trưa cùng RHAPAW thôi,” Ben đáp.

RHAPAW là một chiếc Buick mười lăm tuổi, từng được ba ông anh bà chị của Ben hồn nhiên lái suốt năm này sang năm khác. Đến khi vào tay Ben,

cấu tạo chính của RHAPAW đã là băng keo và bột bả. Tên đầy đủ của em là “Rồ Hơi Ả Pẩn Ả Wa”, gọi tắt là RHAPAW cho gọn. Em không chạy bằng xăng mà bằng thứ nhiên liệu vĩnh cửu tên là “hi vọng của nhân loại.” Cứ việc an tọa trên nệm ghế ni-lông nóng muồn bông mông và hi vọng em sẽ chạy, rồi Ben sẽ mở khóa, động cơ khởi động lên xuống vài lần, như chú cá trên bờ ngắc ngoải quấy đạp những cú cuối cùng trước lúc lâm chung. Thế là càng phải hi vọng mãnh liệt, động cơ chết đi sống lại thêm vài lần nữa. Lại đặt hi vọng nữa, và rút cục em cũng chịu lấy hơi.

Ben khởi động RHAPAW và bật điều hòa nhiệt độ ở công suất cao. Ba trong bốn cửa sổ thậm chí còn không mở được, nhưng điều hòa chạy mát lịm, dù mấy phút đầu chỉ có khí nóng phả ra quyện với bầu không khí nóng bức ngột ngạt trong xe. Tôi duỗi ra ở băng ghế sau, gần như nằm thẳng căng, và tôi kể với Ben tất cả: Margo bên cửa sổ phòng tôi, Wal-Mart, màn trả thù, tòa nhà SunTrust, đột nhập nhằm nhà, SeaWorld, và ~~tớ-sẽ-nhớ-những-lúc-chơi-với-cậu.~~

Ben không chen ngang lần nào—nó là một thằng bạn tốt theo cách biết khi nào không—chen-ngang—nhưng khi tôi vừa dứt lời, lập tức nó đặt ngay câu hỏi đang hết sức bức thiết trong đầu.

“Về Jase Worthington đó, ông bảo nó nhỏ đến mức nào cơ?”

“Sun lại có thể là một yếu tố tác động, vì lúc đó chú bé đang căng thẳng tột độ, cơ mà đã bao giờ ông thấy cái bút chì chưa?” tôi hỏi và Ben gật đầu. “Chà, thế ông đã bao giờ thấy cục gôm cắm ở đuôi bút chì chưa?” Ben lại gật. “Chà, thế ông đã bao giờ thấy những vân ghét xinh xinh còn trên trang giấy khi ông tẩy cái gì đó đi chưa?” Gật tiếp. “Tôi nghĩ chiều dài cỡ ba vân, chiều rộng cỡ một vân,” tôi kết luận. Ben từng phải trải qua rất nhiều trò lố của những thằng như Jase Worthington và Chuck Parson, nên tôi nghĩ nó xứng đáng được hưởng chút niềm vui nho nhỏ. Nhưng Ben thậm chí còn không cười. Nó chỉ chậm chậm lắc đầu, ra chiều bàng hoàng.

“Chèn đét ời, Margo cao tay thật.”

“Tôi biết.”

“Margo là kiểu người sẵn sàng giã từ cuộc đời một cách oanh liệt ở tuổi hai mươi bảy, như Jimi Hendrix và Janis Joplin, hoặc trưởng thành để chinh

phục, gì được nhỉ, giải Nobel đầu tiên cho Cá Nhân Kiệt Xuất chẳng hạn.”

“Ừ,” tôi đáp. Tôi hầu như không bao giờ chán nói về Margo Roth Spiegelman, nhưng tôi hầu như chưa bao giờ mệt rã như lúc này. Tôi dựa vào lưng ghế ni-lông nứt nẻ và lập tức ngủ mất. Khi tỉnh giấc, tôi thấy một gói bánh hamburger Wendy’s trong lòng mình với lời nhắn. *Tôi phải vào lớp đây, gặp ông sau buổi tập nhạc nhé.*

Hết tiết cuối ngày hôm đó, tôi dịch Ovid khi ngồi dựa vào mảng tường tổ ong bên ngoài phòng tập nhạc, cố gắng bỏ ngoài tai những âm thanh hỗn tạp rền rĩ vọng ra. Tôi luôn loanh quanh nán lại trường cho hết giờ tập nhạc, vì về trước Ben và Radar đồng nghĩa với việc phải chịu sự kinh miệt khôn kham khi là thằng năm cuối duy nhất trên xe buýt.

Rời phòng tập, Ben thả Radar về nhà, ở ngay cạnh “cái rốn làng” Công viên Jefferson, gần nhà Lacey. Rồi nó đưa tôi về. Tôi nhận thấy xe của Margo cũng không đỗ ở lối đi nhà cô ấy. Tức là cô ấy không trốn học ở nhà ngủ. Margo không đến trường vì bận một cuộc phiêu lưu khác—một cuộc phiêu lưu phi-Quentin. Có thể cô ấy đã dành cả ngày trát kem tẩy lông lên gối của những kẻ thù khác, hoặc gì đó đại loại thế. Vừa đi bộ vào nhà, tôi vừa thấy mình bị ra rìa, nhưng dĩ nhiên Margo biết tôi sẽ không đời nào nhập bọn cùng cô ấy nữa—tôi quá ưu tiên một ngày ở trường. Ai mà biết được, có thể chỉ là một ngày dành cho Margo. Có thể cô ấy lại phượt thêm một chuyến ba ngày đến Mississippi, hoặc rong ruổi theo đoàn xiếc. Nhưng tất nhiên thực tế không phải là bất cứ kịch bản nào nói trên.

Mà là điều gì đó tôi không thể tưởng tượng nổi, vì tôi sao có thể là Margo được.

Tôi tự hỏi lần này cô ấy sẽ mang chuyện gì về nhà. Và tôi tự hỏi không biết cô ấy có kể với tôi không khi hai đứa ngồi đối diện nhau ăn trưa. Có thể, tôi nghĩ, đây chính là điều Margo ám chỉ khi nói tớ sẽ nhớ những lúc chơi với cậu. Cô ấy biết rằng mình đã có sẵn một nơi để đến, tạm lánh đi cái nhàn nhạt bòn bợt như giấy của Orlando. Nhưng khi nào Margo mới về? Ai mà biết được chứ. Cô ấy không muốn qua nốt những tuần cuối ở trường phổ thông cùng đám bạn lâu nay của cô ấy, vậy chưa biết chừng rút cục cô ấy sẽ muốn dành thời gian cho tôi.

Chẳng cần Margo phải biến mất lâu thì đồn thổi đã bay tứ tán. Tối hôm đó sau bữa tối Ben gọi điện cho tôi. “Nghe nói Margo không trả lời điện thoại. Có đũa trên Facebook bảo Margo đã nói rằng sẽ chuyển đến một phòng kho bí mật trong Tomorrowland ở Disney.”

“Vớ vẩn,” tôi nói.

“Tôi biết chứ, Tomorrowland là nơi bựa nhất trong các loại Xứ sở. Có đũa còn bảo Margo đã gặp một gã trên mạng.”

“Tầm bậy,” tôi gắt.

“Ừ, được rồi, nhưng thế thì sao?”

“Margo đang tự mình ở đâu đó, trải qua những trò vui mà chúng ta chỉ có thể có trong tưởng tượng,” tôi nói.

Ben khúc khích. “Ông muốn nói rằng Margo tự chơi ấy phỏng?”

Tôi rên hừ hừ. “Thôi ngay, Ben. Margo đang làm những việc theo phong cách Margo. Dệt nên những câu chuyện. Làm rung chuyển những thế giới.”

Đêm đó, tôi nằm nghiêng, dỗi qua cửa sổ nhìn vào thế giới vô hình bên ngoài. Tôi ráng ngủ, nhưng rồi hai mắt lại mở trừng, chỉ để kiểm tra. Tôi không khỏi phấp phỏng hi vọng rằng Margo Roth Spiegelman sẽ quay lại bên cửa sổ và kéo lê cái mông mệt xụi lơ của tôi phiêu lưu thêm một đêm tôi sẽ không thể nào quên.

2.

Tình huống Margo lại biến mất nên sẽ không có những chiến dịch Đi Tìm Margo ở trường hay gì đó đại loại thế, nhưng chúng tôi đều cảm nhận được sự thiếu vắng cô ấy. Trường phổ thông không phải là chính quyền dân chủ hay chế độ độc tài—cũng không phải là một nhà nước bát nháo như nhiều người nhầm tưởng. Trường phổ thông là một nền quân chủ sùng bái thánh nữ. Nên khi nữ hoàng đi nghỉ thì lập tức có biến. Cụ thể, mọi thứ bắt đầu loạn lên và xấu đi. Chẳng hạn, trong thời gian Margo vi vu đi Mississippi hồi lớp mười, Becca đã rỉ ra câu chuyện chàng Ben Bỉ Bựa cho cả thế giới bàn tán. Lần này sẽ vẫn là kịch bản cũ. Cô bé cứu con đê bằng ngón tay mình đã đi mất rồi. Lũ lụt vỡ bờ là không tránh khỏi^[6].

Sáng hôm đó, tôi đi học được đúng giờ và quá giang Ben. Tụi tôi thấy ai cũng lặng lẽ một cách bất thường bên ngoài phòng tập nhạc. “Này ông,” thằng Frank trong đám nói bằng giọng hết sức nghiêm trọng.

“Chuyện gì thế?”

“Chuck Parson, Taddy Mac và Clint Bauer đã leo lên con xe Tahoe của Clint và cán qua mười hai cái xe đạp của tụi lớp chín, lớp mười.”

“Chèn đét ời,” tôi lắc đầu thốt lên.

Ashley nói thêm, “Chưa hết đâu, hôm qua đưa nào đó đã dán số điện thoại của chúng ta lên tường nhà vệ sinh nam với... hừm... những lời rất mất vệ sinh.”

Tôi lại lắc đầu rồi hòa cùng im lặng với chúng nó. Tụi tôi không thể xì những thằng ấy ra được; hồi học trung học cơ sở chúng tôi đã nhiều lần cố gắng làm vậy và hệ quả tất yếu là hình phạt dành cho chúng tôi càng chồng chất hơn. Thường bọn tôi sẽ đợi cho đến khi ai đó như Margo nhắc nhở chúng rằng chúng thật là một đám ngốc nghếch đại dột ra sao.

Nhưng Margo đã vén màn cho tôi thấy cách chống trả những trò ma cũ bắt nạt ma mới, ý mạnh hiếp yếu ấy. Tôi toan nói thì chợt lé mắt thấy một vóc người to lớn đang huỳnh huých chạy hết tốc lực về phía chúng tôi. Hắn đeo mặt nạ trượt tuyết màu đen và cặp theo cây súng phun nước xanh lục to dùng hầm hố. Khi vụt qua, hắn huých phải vai tôi khiến tôi mất thăng bằng, ngã nghiêng người xuống nền bê-tông thô ráp. “Mày chơi bọn ông thì mày sẽ *bị được* dính chường.” Tôi không nhận ra được là giọng đứa nào.

Ben và một đứa nữa trong đám đỡ tôi đứng dậy. Vai đau ê ẩm nhưng tôi không muốn nản thử. “Có sao không?” Radar hỏi.

“Không sao,” tôi đáp, bắt đầu nắn nắn vai.

Radar lắc đầu. “Ai đó cần cho thằng ấy biết rằng có thể *bị* dính chường, cũng có thể được dính chường, nhưng không thể *bị được* dính chường.” Tôi bật cười. Có đứa hát đầu về phía bãi đỗ xe, tôi nhìn theo và thấy hai cậu lớp chín tò te đang đi lại, áo phông lưng bùng ướn trên khung người lẳng khăng.

“Nước tiểu đó mấy anh!” một cậu nói lớn với chúng tôi. Cậu kia không nói gì, chỉ cố gắng giơ tay ra xa cái áo của mình, trông có vẻ có chút tác dụng. Tôi thấy mấy vệt chất lỏng lỏng ngoẵng như rắn bò từ tay áo xuống cánh tay cậu ta.

“Nước tiểu của con gì hay của người hả em?” đứa nào đó hỏi.

“Sao em biết được ạ! Chẳng lẽ em là chuyên gia nước-tiểu-học sao?”

Tôi đi lại phía cậu lớp chín, đặt tay lên đầu cậu ta, chỗ duy nhất có vẻ hoàn toàn khô ráo. “Tụi anh sẽ chấn chỉnh chuyện này,” tôi nói.

Hồi chuông thứ hai vang lên, Radar và tôi bỏ vào lớp giải tích. Khi xẹt vào chỗ ngồi, tôi vô tình bị va khuỷu tay, đau thốn tới tận vai. Radar gõ gõ vào vở, trên trang giấy nó viết và khoanh tròn: *Vai sao rồi?*

Tôi viết trả trên góc vở của mình: *So với hai cậu lính mới ấy, tôi đã có một buổi sáng tung tăng cùng bầy cún con giữa những dải cầu vồng.*

Radar khịt khịt cười, đủ để thầy Jiminez bắn ánh mắt nhìn nó. Tôi viết tiếp, *Tôi có một kế hoạch, nhưng tôi phải biết chủ mưu là đứa nào đã.*

Radar viết lại, *Jasper Hanson*, và khoanh tròn vài lần quanh cái tên ấy. Bất ngờ thật. *Sao ông biết?*

Radar viết tiếp, Ông không nhận ra sao? Thăng dần ấy mặc luôn áo thi đấu của nó.

Jasper Hanson học lớp mười một. Tôi cứ ngỡ nó là thằng vô hại, thậm chí còn dễ mến—theo kiểu con nhà lành chào-bồ-hôm-nay-có-gì-vui-không? Không phải kiểu dám xịt nước tiểu tứ tóe vào người bọn lớp chín. Thành thực thì, trong cái thể chế quan liêu Phổ Thông Trung Học Winter Park này, Jasper Hanson thuộc hạng Phó Trợ Lí Thứ Trưởng về Thể Thao và Chơi Khăm. Khi một thằng như vậy được đôn lên chức Phó Tổng Thống phụ trách Súng Ống Đường Tiết Niệu, thì cần phải có động thái khẩn cấp.

Chiều hôm đó khi về đến nhà, tôi lập một tài khoản e-mail và viết cho người bạn lâu năm Jason Worthington.

Từ: mavenger@gmail.com

Tới: jworthington90@yahoo.com

Chủ đề: Cậu, Tôi, Nhà Becca Arrington, Tờ-rym của cậu, v.v...

Cậu Worthington thân mến,

1. 200 đô-la tiền mặt cần được trao cho từng người trong số 12 học sinh có xe đạp bị cậu và các bạn học của cậu nghiền nát dưới bánh xe Chevy Tahoe. Khoản này hẳn không thành vấn đề, xét trên tài sản rừng rinh của cậu.

2. Trò viết graffiti trong nhà vệ sinh nam phải được chấm dứt.

3. Súng phun nước ư? Phun nước tiểu ư? Thật ư? Các cậu hãy đứng đắn lên đi.

4. Cậu cần cư xử hòa nhã với các học sinh trong trường, đặc biệt những người kém may mắn về mặt xã hội hơn cậu.

5. Có thể cậu cũng cần nhắc nhở tụi đàn em cánh hẩu của cậu cư xử theo cách chín chắn đứng đắn tương tự.

Tôi nhận thấy một số nhiệm vụ trên sẽ rất khó được hoàn thành. Nhưng một lần nữa, không chia sẻ bức ảnh đính kèm đây với cả thế giới cũng là một việc rất khó thực hiện.

Thân mến,

Thần Báo Thù Thân Thiện của của cậu

Hồi âm xuất hiện mười hai phút sau đó.

Nghe đây Quentin, phải, tao biết là mày. Mày biết không phải tao tiểu phun bọn lính mới. Rất tiếc, nhưng tao không kiểm soát hành động của những đứa khác được.

Tôi trả lời:

Cậu Worthington,

Tôi hiểu rằng cậu không kiểm soát Chuck và Jasper. Nhưng cậu thấy đấy, tôi cũng trong hoàn cảnh tương tự. Tôi không quản lí con quỉ nhỏ ngồi trên vai trái mình. Tiểu quỉ ấy đang gào lên rằng, “IN ẢNH RA IN ẢNH RA DÁN LÊN KHẮP TRƯỜNG LÀM NGAY LÀM NGAY LÀM NGAY.” Và rồi trên vai phải tôi, có một thiên thần trắng bé bỏng, thì thầm rằng, “Trời ơi, ta có niềm hi vọng vững chắc như chất thải rắn rằng sáng sớm thứ Hai tại lính mới sẽ nhận được tiền đâu ra đấy.”

Tôi cũng vậy, thiên thần nhỏ ạ. Tôi cũng hi vọng như vậy.

Những lời chúc tốt đẹp nhất,

Thần Báo Thù Thân Thiện của cậu

Hắn không trả lời, và hắn cũng không cần làm như vậy. Mọi thứ đã đặt bài ngựa rõ ràng.

Sau bữa tối, Ben tạt qua và chúng tôi chơi Hồi Sinh, khoảng nửa tiếng lại dừng lại để gọi điện cho chàng Radar đang hẹn hò với nàng Angela. Tụi tôi gửi cho Radar mười một tin nhắn, cái sau lại càng gọi tình và gọi đòn hơn cái trước. Quá chín giờ tối, chuông cửa reo. “Quentin ơi!” mẹ tôi gọi. Ben và tôi đoán rằng Radar đến nên hai thằng tạm nghỉ trò chơi, cùng vào phòng khách. Chuck Parson và Jason Worthington đang đứng trên ngưỡng cửa nhà tôi. Tôi tiến đến, Jason nói, “Chào, Quentin”, tôi gật đầu. Jason liếc Chuck, và thằng này nhìn tôi, lúng búng, “Xin lỗi nha, Quentin.”

“Vì chuyện gì?” tôi hỏi.

“Vì xúi Jasper bắn súng phun vào bọn lớp chín,” nó vẫn lúng búng, ngừng lại rồi nói nốt, “Và vì mấy cái xe đạp.”

Ben dang tay như thể muốn ôm, “Người anh em, lại đây,” nó nói.

“Gì cơ?”

“Lại đây nào,” nó nói lại. Chuck tiến lên, “Gần hơn đi,” Ben nói. Chuck đã hoàn toàn đứng hẳn trong nhà tôi, cách Ben khoảng ba chục phân. Bất

thình lình, Ben thoi một cú vào bụng Chuck. Chuck chẳng hề hấn gì, nhưng nó lập tức lùi lại lấy đà để nện Ben. Tuy nhiên Jase đã giữ tay nó. “Bình tĩnh đi ông,” Jase nói. “Không có vẻ đau đớn gì nhỉ.” Jase chìa tay ra để bắt, “Tôi khoái màn bắt khuất của ông đấy chiến hữu,” nó nói. “Ông là đồ của nợ, nhưng tôi khoái đấy.” Tôi bắt tay Jase.

Rồi hai thằng ấy rời đi trên chiếc Lexus của Jase, lái lùi xuống đường. Tôi vừa đóng cửa trước, Ben đã tuôn ra một tràng rên rĩ, “Ahhhhhhhhggg. Ôi thừa Đức Chúa ngọt ngào, bàn tay của con.” Nó cố nắm tay lại và mặt nhăn như bị rách. “Thằng Chuck Parson hộ thân bằng một cuốn sách giáo khoa dày cui thì phải.”

“Cái đó gọi là múi bụng đấy ông ạ,” tôi nói.

“Ờ, phải. Tôi cũng đã nghe qua qua.” Tôi vỗ vỗ lên lưng nó và cả hai cùng quay lại phòng tôi chơi Hội Sinh. Chúng tôi vừa bắt đầu chơi lại thì Ben nói, “Mà này, ông có thấy thằng Jase nói ‘chiến hữu’ không? Tôi xin kiểu cái danh *chiến hữu* ấy. Chỉ với xung lực từ sự ảo diệu của chính tôi.”

“Ừa, tối thứ Sáu ông mần trò chơi điện tử và băng bó bàn tay tàn tạ vì đã hão huyền tưởng có thể đâm một cú thoi sơn vào bụng người ta. Chẳng trách Jase Worthington đã phải ngậm ngùi hạ mình trước ông.”

“Nói đi nói lại thì tôi cũng là *siêu sao* Hội Sinh mà,” Ben nói, lập tức bắn luôn vào lưng tôi dù chúng tôi đang chơi ở chế độ đồng đội.

Bọn tôi chơi thêm một lúc nữa, cho đến khi Ben nắm cuộn tròn trên sàn, giữ khư khư bộ điều khiển trò chơi trong lòng và ngủ khì khì. Tôi cũng mệt—đã qua một ngày dài. Tôi đoán chắc đến thứ Hai kiểu gì Margo cũng về, nhưng dẫu vậy, tôi cũng cảm thấy một chút hãnh diện khi là người ngăn chặn cơn sóng triều của những đều đều tẻ nhạt này.

3.

Bây giờ cứ sáng dậy tôi đều nhìn qua cửa sổ phòng mình xem có dấu hiệu gì cho thấy có người trong phòng Margo không. Cô ấy thường hạ tấm rèm mây xuống, nhưng từ hôm Margo không ở nhà, mẹ cô ấy hoặc ai đó đã kéo rèm lên, nên tôi thấy được một mảng tường xanh dương và trần nhà màu trắng. Sáng thứ Bảy hôm ấy, Margo mới biến mất có bốn mươi tám tiếng đồng hồ, tôi đoán có lẽ cô ấy chưa về ngay được. Dù vậy, tôi vẫn thấy cợn lên chút thất vọng khi nhìn sang tấm rèm mây được cuốn gọn.

Sau khi đá Ben mấy cước mà nó vẫn không chịu dậy, tôi đánh răng, mặc quần soóc và áo phông ra khỏi phòng. Có năm người đang ngồi bên bàn ăn. Bố mẹ tôi. Bố mẹ của Margo. Và một người đàn ông gốc Phi cao lớn đậm đà, đeo đôi kính bự chàng, mặc bộ com-ple màu xám, tay cầm một cặp hồ sơ.

“Ồ, con chào cả nhà ạ,” tôi nói.

“Quentin ơi,” mẹ hỏi tôi, “tối hôm thứ Tư con có gặp bạn Margo không?”

Tôi vào hẳn phòng ăn và đứng dựa vào tường, đối diện người khách lạ mặt. Tôi đã tính trước phải trả lời câu này thế nào rồi. “Có ạ,” tôi đáp. “Khoảng nửa đêm bạn ấy đứng cạnh cửa sổ phòng con, tụi con nói chuyện độ một phút thì chú Spiegelman gọi và bạn ấy về nhà ạ.”

“Có thể thôi à? Sau đó con có gặp nó nữa không?” Chú Spiegelman hỏi, trông có vẻ khá điềm tĩnh.

“Không ạ. Có chuyện gì thế ạ?” tôi hỏi.

Mẹ Margo the the trả lời. “Xem ra con bé bỏ nhà đi rồi. Thêm một lần nữa.” Cô ấy thở dài. “Đây là—mấy nhĩ anh Josh, lần thứ tư phải không?”

“Ồi nhiều quá chẳng nhớ nổi nữa,” bố Margo cau có đáp.

Khi đó người đàn ông da màu kia mới lên tiếng. “Lần thứ năm anh chị trình báo.” Bác ấy gật đầu với tôi và nói, “Bác là thám tử Otis Warren.”

“Con là Quentin Jacobsen ạ,” tôi tự giới thiệu.

Mẹ đứng dậy và đặt hai tay mình lên vai cô Spiegelman. “Chị Debbie à,” mẹ nói, “em rất lấy làm tiếc. Chuyện này vất vả mệt mỏi cho chị quá.” Tôi biết thừa trò này của mẹ. Đó là một kĩ thuật trong tâm lí học, tên là lắng nghe thông cảm và thấu hiểu. Ta nói lên cảm giác của người đang đối thoại với mình để người đó cảm thấy đã được trải lòng. Mẹ bày trò này với tôi suốt.

“Tôi không vất vả mệt mỏi gì sất,” cô Spiegelman đáp. “Tôi ngấy lắm rồi.”

“Đúng vậy,” chú Spiegelman tán thành. “Nhà tôi đã hẹn thợ khóa chiều nay đến. Chúng tôi sẽ thay tất cả các ổ khóa. Nó mười tám rồi. Bác thám tử cũng vừa bảo rằng chúng tôi không thể làm gì—”

“E hèm,” thám tử Warren ngắt lời, “không hẳn tôi đã nói như vậy. Tôi nói rằng Margo không phải là *trẻ vị thành niên* bị mất tích, tức là con bé có quyền đi khỏi nhà.”

Chú Spiegelman tiếp tục nói với mẹ tôi. “Vợ chồng tôi sẵn sàng trả tiền để nó đi học đại học, nhưng chúng tôi không thể dung túng cho... cho trò ngớ ngẩn thế này được. Connie ạ, con bé nhà tôi mười tám tuổi rồi! Thế mà vẫn ích kỉ thích gì làm nấy! Nó cần phải nếm trải chút hệ quả.”

Mẹ tôi nhấc tay khỏi vai cô Spiegelman. “Em nghĩ con bé cần được nếm trải những hệ quả *yêu thương triu mến*,” mẹ nói.

“Ở kìa Connie, nó có phải con cô đâu. Để cả chục năm nay nó có thăm hỏi cô lần nào đâu. Nhà tôi còn một đứa nữa phải nuôi.”

“Và chính chúng tôi nữa,” chú Spiegelman bổ sung, rồi quay sang tôi. “Quentin à, chú xin lỗi nếu Margo đã lôi kéo con vào những trò vớ vẩn của nó. Con có hiểu... cô chú thấy muối mặt vì chuyện này đến thế nào không. Con là một cậu bé nghiêm chỉnh, còn nó... ôi.”

Tôi không dựa tường nữa mà đứng thẳng. Tôi có biết qua loa về bố mẹ Margo, nhưng chưa bao giờ thấy họ cư xử tệ bạc như vậy. Chẳng trách đêm hôm thứ Tư Margo đã cáo bố mẹ. Tôi liếc viên thanh tra, bác ấy đang lật qua các trang trong tập hồ sơ. “Từ trước đến giờ Margo vẫn để lại chút vụn bánh mì làm dấu đúng không?”

“Những manh mối,” chú Spiegelman nói, đứng dậy. Viên thám tử đặt tập hồ sơ lên bàn, bố Margo cúi xuống cùng xem. “Manh mối ở khắp nơi. Hôm bỏ đi Mississippi, nó ăn súp chữ cái và để lại đúng bốn chữ trong bát: chữ *M*, *I*, *S*, và *P*. Nó đã thất vọng khi chúng tôi không ghép các chữ đó lại với nhau, dù khi nó rút cục chịu về nhà, tôi đã nói rằng: ‘Sao bố mẹ có thể tìm được mày khi chỉ biết có mỗi *Mississippi*? Margo, đó là một bang rộng mênh mông!’”

Viên thanh tra hăng giọng. “Và Margo đã để con chuột bông Minnie trên giường khi cô bé ở một đêm trong Disney World.”

“Đúng vậy,” mẹ Margo nói. “Những manh mối. Những manh mối ngu ngốc. Những manh mối *chẳng đi đến đâu* cả, hãy tin tôi đi.”

Thám tử ngược khỏi trang sổ tay, nhìn lên nói. “Tất nhiên chúng tôi sẽ tìm cho ra đầu ra cuối, nhưng không thể bắt ép Margo về ngay được. Trước mắt anh chị không nhất thiết phải trông đợi con bé về nhà.”

“Tôi không *muốn* thấy mặt nó ở nhà nữa.” Cô Spiegelman nâng khăn giấy lên chấm chấm mắt, nhưng tôi không nghe thấy chút thốn thức nào trong giọng nói của cô ấy. “Tôi biết như vậy thực khủng khiếp, nhưng đúng thế đấy.”

“Chị Deb,” mẹ tôi nói bằng giọng chuyên gia trị liệu.

Cô Spiegelman chỉ lắc đầu—cái lắc đầu khế nhất. “Vợ chồng tôi biết làm gì được chứ? Chúng tôi đã báo thám tử. Chúng tôi đã làm tường trình. Nó lớn rồi, Connie ạ.”

“Nó là đứa con lớn *của chị*,” mẹ tôi nói, vẫn giữ giọng bình tĩnh.

“Ôi, thôi nào Connie. Cô xem, nếu coi chuyện Margo đi khỏi nhà là một cái phước, như vậy có tệ không? Tất nhiên là tệ. Nhưng Margo là một chứng bệnh trong nhà tôi! Sao có thể tìm được một đứa tuyên bố rằng sẽ không có ai tìm ra mình, một đứa luôn để lại những manh mối chẳng dẫn đến đâu, một đứa cứ động một tí là bỏ nhà đi? Không tìm được đâu!”

Bố mẹ tôi cùng liếc nhau, rồi viên thám tử nói với tôi. “Con trai, chúng ta nói chuyện riêng với nhau chút được không?” Tôi gật đầu. Tôi và bác ấy vào phòng bố mẹ tôi, bác ấy ngồi trên ghế gấp còn tôi ngồi ở mép giường.

“Con ạ,” bác ấy nói khi đã ngồi thoải mái trên ghế, “để bác khuyên con điều này: đừng bao giờ làm việc cho nhà nước. Vì khi là người nhà nước, con phải làm việc cho nhân dân. Và khi làm việc cho nhân dân, con phải giao tiếp với người khác, thậm chí những người như vợ chồng nhà Spiegelman.” Tôi khẽ nhe răng cười.

“Để bác nói thẳng với con nhé. Vợ chồng đó biết cách làm cha mẹ thế nào cũng giống như bác biết cách phải ăn kiêng ra sao. Bác đã từng giải quyết công việc với họ, và bác không ưa cả hai vợ chồng. Bác không quan tâm con có nói với bố mẹ của Margo rằng con bé đi đâu không, nhưng bác sẽ rất cảm kích nếu con cho bác biết.”

“Con không biết ạ,” tôi đáp. “Con không biết thật mà bác.”

“Con trai ạ, bác đã nghĩ nhiều đến cô bé Margo này. Những việc nó làm—đột nhập vào Disney World chẳng hạn, nhỉ? Nó đi Mississippi và để lại manh mối trong bát súp. Nó tổ chức một chiến dịch qui mô lớn phủ giấy vệ sinh lên các căn nhà.”

“Sao bác biết *chuyện đó* ạ?” Hai năm trước, Margo đã chỉ huy tác chiến phủ giấy vệ sinh lên hai trăm căn nhà trong đúng một đêm. Khởi nói cũng biết, tất nhiên tôi không được mời tham gia cuộc vui ấy.

“Bác đã theo vụ đó mà. Vậy nên con trai ạ, đây là chỗ bác cần con giúp: ai đã vạch kế hoạch tất cả? Những hiệp đồng tác chiến điên rồ này? Con bé Margo là phát ngôn viên cho tất cả, là đưa đủ điên rồ làm tất cả. Nhưng ai đã tính toán kế hoạch? Ai ngồi giữa đồng số nhằm nhị sơ đồ, tính xem cần bao nhiêu giấy vệ sinh để phủ lên cả tấn nhà như vậy?”

“Con đoán đều là Margo cả thôi.”

“Nhưng hẳn là con bé phải có trợ thủ, ai đó giúp nó thực thi tất cả những thứ to tát táo bạo này, và có thể cái người giấu mặt đó không phải là một người mà ai cũng biết, không phải bạn thân nhất hay bạn trai của Margo. Có thể là ai đó con không nghĩ ngay đến.” Bác ấy lấy hơi toan nói tiếp thì tôi cắt ngang.

“Con không biết Margo đang ở đâu,” tôi nói. “Con thề có Chúa chứng giám.”

“Con cứ cân nhắc xem. Dù sao, con cũng biết điều gì đó, phải không? Vậy hãy bắt đầu từ đó.” Thế là tôi kể với bác ấy tất cả. Tôi tin người đàn ông này. Bác ấy ghi chép chút ít trong khi tôi nói, nhưng không có gì quá chi tiết. Và có gì đó trong việc kể lại với bác ấy, trong những ghi chú vắn tắt trên trang sổ, trong vẻ bạc nhược của bố mẹ Margo—có điều gì đó trong tất cả khiến lần đầu tiên trong tôi quặn lên cảm giác nhộn nhạo rằng có thể Margo sẽ còn mất tích trong một thời gian dài nữa. Sự lo lắng bất an như chặn lấy hơi thở của tôi khi tôi ngừng kể. Viên thám tử yên lặng một lúc. Bác ấy chỉ nhoài khỏi ghế, nhìn chăm chú qua vai tôi cho đến khi thấy điều gì đó bác ấy đã chờ để thấy, rồi bắt đầu nói.

“Nghe này, con trai. Chuyện xảy ra thế này: một người nào đó—thường là con gái—có một tâm hồn tự do, và không thực sự hòa hợp với bố mẹ. Những đứa trẻ ấy, chúng như quả bóng bay chứa đầy khí hê-li bị buộc lại. Chúng vươn lên và muốn bứt khỏi dây buộc, và rồi chuyện gì đó xảy ra, dây bị đứt lìa, thế là chúng trôi đi. Có thể con sẽ không bao giờ thấy lại quả bóng bay nữa. Nó đáp xuống Canada hay nơi nào đó, có công ăn việc làm trong một nhà hàng. Và trước khi quả bóng kịp nhận ra, nó đã phục vụ cà phê trong cái quán quèn đó, cho những thực khách nhàm chán đó suốt ba mươi năm. Hoặc cũng có thể dăm ba năm nữa, hay dăm ba ngày nữa, những luồng gió mạnh đưa quả bóng về nhà, vì nó cần tiền, hoặc vì nó thốn thức, nó nhớ thằng em trai ở nhà. Nhưng con nghe này, sợi dây nối cứ bị đứt lìa suốt thôi.”

“Vâng, như—”

“Bác chưa nói hết, con trai ạ. Vấn đề về bóng bay là ở chỗ có quá nhiều những quả bóng như vậy. Bầu trời chật ních những bóng bay, chúng cọ vào nhau khi trôi từ nơi này sang nơi khác, và từng quả trong đám bóng quái quỷ ấy bằng cách này hay cách khác sẽ đến với bàn làm việc của bác, cứ hoài như vậy thì một người đàn ông cũng có thể thấy nản. Chỗ nào cũng là bóng bay, từng quả với một bà mẹ hoặc một ông bố, hoặc trời thương cho có cả hai, và cứ hoài như vậy, đến khi không thể thấy từng quả được nữa. Con nhìn lên bóng bay trên bầu trời, con thấy tất cả những quả bóng ấy, nhưng không thể nhìn rõ từng quả.” Bác ấy dừng lại, thở vào thật sâu, như thể đang nhận ra điều gì đó. “Nhưng rồi từ đấy, bất cứ khi nào, khi nói chuyện với

một cậu nhóc mắt tròn xoe, đầu tóc bù xù nào đó, con không muốn nói thật với nó vì trông nó có vẻ là một đứa trẻ ngoan. Và con chợt thương thằng bé, vì điều duy nhất tệ hơn vom trời đầy bóng mà con thấy chính là những gì thằng bé thấy: một ngày trong xanh bị gãy bởi một quả bóng duy nhất. Nhưng con trai ạ, một khi dây nối đã đứt lìa, con không thể đảo ngược điều đó được. Con có hiểu những điều bác vừa nói không?”

Tôi gật đầu, dù không dám chắc tôi đã hiểu. Bác ấy đứng lên. “Bác nghĩ cô bé sẽ sớm về thôi, con trai. Nếu nói ra như vậy khiến con thấy khá hơn.”

Tôi thích hình dung Margo như quả bóng bay, nhưng dường như trong cơn trào dâng đầy chất thơ vừa rồi, vị thám tử đã nhìn thấu có rất nhiều lo lắng ở trong tôi, còn hơn cả những xung động tôi đang thực sự cảm nhận. Tôi biết Margo sẽ về. Cô ấy sẽ xẹp lại và trôi trở về Jefferson Park. Cô ấy luôn như vậy.

Tôi theo bác thám tử quay lại phòng ăn, rồi bác ấy nói muốn sang nhà Spiegelman và xem qua phòng Margo. Cô Spiegelman ôm tôi và nói, “Con luôn là một chàng trai nghiêm chỉnh, cô xin lỗi vì con bé Margo đã lôi con vào trò nực cười này.” Chú Spiegelman bắt tay tôi, rồi họ ra về. Cửa vừa đóng, bố tôi đã thốt lên: “Ồ!”

“Ồ!” mẹ tôi hưởng ứng.

Bố khoác vai tôi. “Vừa rồi là những xung lực rất phiến toái phải không con giai bố?”

“Vợ chồng họ thúí hoǎng hoǎc,” tôi nói. Bố mẹ luôn lấy làm thú vị khi tôi lau bầu rửa sǎ trước mặt họ. Tôi thấy ngay vẻ mãn nguyện trên mặt hai đấng sinh thành ra mình. Công khai rửa sǎ như vậy là tín hiệu cho thấy tôi tin tưởng bố mẹ, rằng tôi bộc lộ bản thân trước mặt họ. Dù quả là như vậy, nhưng trông bố mẹ vẫn buồn buồn.

“Bố mẹ Margo hẳn là bị tổn thương lòng tự tôn nghiêm trọng khi con bé cư xử như vậy,” bố bảo tôi.

“Điều đó khiến họ không làm cha làm mẹ một cách hữu hiệu được,” mẹ tôi nói thêm.

“Họ thúí hoǎc à,” tôi nhắc lại.

“Thành thật mà nói,” bố tiếp, “có thể họ có lí. Có thể Margo cần mọi người chú ý đến mình. Và có Chúa biết, bố cũng cần mọi người chú ý đến mình nếu hai vị đó là phụ huynh của bố.”

“Khi nào Margo về,” mẹ nói, “cô bé sẽ thấy kiệt quệ lắm. Bị bỏ mặc như vậy! Bị đẩy đi trong khi cần được yêu thương nhất.”

“Khi nào về, có khi Margo cứ ở luôn đây,” tôi nói, và khi thốt ra những lời ấy, tôi thấy đó quả là một ý tưởng vĩ đại tuyệt vời. Mẹ tôi hơi nhướn mắt, nhưng ngay lập tức mẹ đọc được gì đó trên nét mặt bố, nên mẹ trả lời tôi bằng giọng chùng mực thường ngày.

“Ừm, chắc chắn là chúng ta chào đón Margo, dù như vậy cũng có phần khó xử—chúng ta là hàng xóm với nhà Spiegelman. Nhưng khi nào Margo quay lại trường, con hãy bảo bạn ấy là chúng ta hoan nghênh Margo đến đây. Nếu Margo không muốn ở nhà mình, thì vẫn có rất nhiều nơi khác thích hợp để chúng ta thoải mái tính đến.”

Lúc đó Ben đi ra, cái đầu tổ quạ của nó như thách thức mọi hiểu biết cơ bản về tác động của trọng lực lên vật chất. “Cháu chào cô chú Jacobsen—luôn hân hạnh được gặp cô chú ạ.”

“Chào cháu, Ben. Cô chú không biết là cháu ở lại qua đêm đấy.”

“Thực ra chính cháu cũng không biết sao lại như vậy,” Ben nói. “Vừa có chuyện gì thế ạ?”

Tôi kể cho Ben nghe về bác thám tử và vợ chồng Spiegelman, và rằng về lí mà nói, Margo là một người trưởng thành bị mất tích. Khi tôi kết thúc, Ben gật đầu nói, “Ta nên bàn chuyện này bên một đĩa Hôi Sinh nóng sốt.” Tôi cười và theo nó quay lại phòng tôi. Không lâu sau Radar đến, ngay khi ấy tôi bị đá khỏi đội, vì tui tôi đang chơi đến đoạn khó, và bất chấp thực tế rằng tôi là đứa duy nhất trong cả ba sở hữu trò chơi này, trình độ chơi Hôi Sinh của tôi chỉ ở hạng làng nhàng thôi. Tôi theo dõi hai thằng uỳnh uỳnh lao qua một trạm không gian nhưng nhúc nhúc những gã ăn thịt người gớm ghiếc. Ben choe chóa, “Qui lùn kìa, Radar, qui lùn.”

“Tôi thấy rồi.”

“Lại đây nào đồ thấp bé nhẹ cân,” Ben xoay bảng điều khiển trong tay. “Bố sẽ búng mày lên thuyền cho chu du trên sông Styx.”

“Ông chỉ trích dẫn thần thoại Hi Lạp cho những trò bông phèng thế này thôi à?” tôi hỏi.

Radar cười khoái chí. Ben bắt đầu cuồn cuộn bấm nút điều khiển, la lối tùm lum, “Xực nó đi, quì lùn! Như thần Zeus xực Metis đó!”

“Tôi nghĩ có lẽ đến thứ Hai Margo sẽ về,” tôi nói. “Có ai muốn nghỉ học vô độ đâu, dù là Margo Roth Spiegelman đi nữa. Có lẽ cậu ấy có thể ở đây cho đến lúc tốt nghiệp.”

Radar trả lời tôi một cách khá phân tâm vì vẫn đang chơi Hồi Sinh. “Tôi thậm chí không hiểu sao Margo lại bỏ đi, có phải chỉ *yêu tình ở hướng sáu giờ không dùng súng ánh sáng đi ông* vì thiếu thốn tình cảm thôi không? Tôi cứ tưởng Margo đã *hầm mộ ở đâu có phải bên trái không* miễn dịch với những thứ đại loại thế rồi chứ?”

“Không,” tôi nói. “Không phải như vậy, tôi không nghĩ như ông. Dù gì cũng không chỉ có vậy. Hình như Margo ghét Orlando; cậu ấy gọi nơi này là một thành phố giấy. Kiểu như, ông biết đấy, cái gì cũng hàng mã, rơm đời và oặt ẹo. Tôi nghĩ cậu ấy chỉ muốn một kì nghỉ để tránh xa tất cả.”

Bất chợt tôi liếc ra cửa sổ, và lập tức tôi nhận thấy ai đó—có thể là bác thám tử—đã hạ rèm cửa sổ phòng Margo xuống. Nhưng tôi không nhìn tấm rèm. Thay vào đó, tôi đang nhìn vào một tấm áp-phích đen trắng, dính trên mặt sau tấm rèm. Trong hình, một người đàn ông đứng, vai hơi so, mắt nhìn thẳng phía trước, môi cắn hờ điếu thuốc lá.

Cây guitar khoác qua vai, và trên đàn có dòng chữ CHIẾC MÁY NÀY DIỆT PHÁT-XÍT.

“Có gì trên cửa sổ phòng Margo kìa.” Nhạc trò chơi dừng lại, Radar và Ben lồm ngồm ở hai bên cạnh tôi. “Cái đó mới hả?” Radar hỏi.

“Tôi đã thấy mặt sau tấm rèm đó cả triệu lần,” tôi đáp, “nhưng chưa từng thấy tấm áp-phích đó.”

“Lạ nhỉ,” Ben nói.

“Sáng nay bố mẹ Margo vừa nói rằng cậu ấy thường để lại những manh mối,” tôi nói. “Nhưng chưa bao giờ có manh mối nào đủ chắc chắn để tìm được Margo trước khi cậu ấy tự về.”

Radar rút ngay máy tính cầm tay ra, nó vào Toàn Thư Đủ Thứ tra cụm từ trên cây đàn. “Bức hình đó là Woody Guthrie,” nó nói. “Ca sĩ dòng nhạc đồng quê, sinh năm 1912, mất năm 1967. Hát về tầng lớp lao động, ‘Đất này là đất của anh.’ Hơi mang tư tưởng cộng sản chủ nghĩa. Ủm, là nguồn cảm hứng của Bob Dylan.” Radar bật trích đoạn một trong các bài hát của ông ấy—một giọng găng gặt tông cao, hát về các hội đoàn.

“Tôi sẽ e-mail cho người viết phần lớn trang này để xem có liên quan cụ thể gì giữa Woody Guthrie và Margo không,” Radar nói.

“Không thể tưởng tượng được là Margo lại thích những bài hát của ông ấy,” tôi nói.

“Nói nghiêm túc chứ,” Ben nhận định, “ông ấy hát nghe nhưẾch Kermit đang chìm trong men say và bị ung thư họng.”

Radar mở cửa sổ, thò đầu ra ngoài, quay qua quay lại. “Nhưng chắc như ăn bắp là Margo để ám hiệu lại cho ông đấy Q. Thì đó, Margo có biết ai khác có thể nhìn thấy góc cửa sổ ấy không?” Tôi lắc đầu.

Chốc sau, Ben nói thêm, “Cái cách ông ấy chăm chăm nhìn tụi mình—như kiểu ‘hãy chú ý đến tôi’. Và cái đầu của ông ấy như vậy, các ông thấy chứ? Không giống như ca sĩ đứng trên sân khấu, mà như ông ấy đang đứng trước ngưỡng cửa nào đó vậy.”

“Tôi nghĩ ông ấy muốn tụi mình vào trong,” tôi nói.

4.

Từ phòng tôi đều không nhìn được ra hướng cửa chính hoặc ga-ra, do vậy chúng tôi cần ngồi trong phòng khách. Ben vẫn tiếp tục cày Hồi Sinh, Radar và tôi ra phòng khách giả vờ xem ti-vi trong khi không ngừng phóng mắt qua cửa sổ, theo sát tình hình cửa chính nhà Spiegelman, phục thời điểm bố mẹ Margo ra ngoài. Chiếc Crown Victoria màu đen của thám tử Warren vẫn đỗ ở lối đi.

Được khoảng mười lăm phút, bác thám tử rời đi, nhưng suốt một tiếng sau cả cửa ga-ra lẫn cửa chính đều đóng im ỉm. Radar và tôi đang xem một phim hài khá vui trên kênh HBO, tôi bắt đầu khoái mạch phim thì Radar nói, “Cửa ga-ra.” Tôi bật khỏi xô-pha, đến sát cửa sổ xem ai ở trong xe. Cả cô và chú Spiegelman. Ruthie vẫn ở nhà. “Ben ơi!” tôi gọi lớn. Nó lập tức xẹt ra như một tia chớp. Khi cô chú Spiegelman rẽ khỏi Jefferson Way vào Jefferson Road, chúng tôi rời nhà, lao vào bầu không khí nóng ẩm bên ngoài.

Tụi tôi qua thăm cỏ đến cửa trước nhà Spiegelman. Tôi bấm chuông và nghe thấy tiếng móng vuốt của Myrna Mountweazel cào rột rột trên sàn gỗ, rồi nó bắt đầu sủa như điên, chăm chăm nhìn tụi tôi qua dải cửa kính. Ruthie ra mở cửa. Nó là một con bé ngoan, khoảng mười một tuổi.

“Chào em, Ruthie.”

“Em chào anh Quentin,” Ruthie nói.

“Bố mẹ có nhà không em?”

“Bố mẹ em vừa đi rồi,” nó đáp, “đến Target ạ.” Ruthie cũng có cặp mắt to như Margo, nhưng mang màu nâu ảm. Nó nhìn tôi, bặm bặm môi lo lắng. “Anh có gặp ông cảnh sát không?”

“Ừ, có,” tôi đáp. “Bác ấy có vẻ dễ mến.”

“Mẹ em bảo cứ coi như chị Margo đã đi học đại học sớm rồi.”

“Ừ,” tôi đáp, thâm nghĩ cách đơn giản nhất để tháo gỡ một bí ẩn là quyết định rằng không có bí ẩn nào cần tháo gỡ cả. Nhưng có lẽ đã rõ ràng rằng Margo đã để lại những manh mối dẫn đến một bí ẩn.

“Anh bảo này nhé, Ruthie, bọn anh cần xem phòng Margo một chút,” tôi nói. “Nhưng vấn đề là—giống như khi Margo ủy thác nhiệm vụ tối mật cho em ấy. Bọn anh cũng ở trong tình cảnh tương tự.”

“Chị Margo không thích người khác vào phòng chị ấy,”

Ruthie nói. “Trừ em ra. Thịnh thoảng mẹ em nữa ạ.”

“Nhưng bọn anh là bạn của Margo mà.”

“Chị ấy không thích cho bạn vào phòng,” Ruthie khẳng định.

Tôi cúi thấp xuống gần nó. “Năm ni em đó.”

“Và các anh không muốn em kể lại với bố mẹ,” con bé nói.

“Chính xác.”

“Năm đô-la ạ,” Ruthie chốt. Tôi định mặc cả nhưng Radar đã rút một tờ năm đô-la ra đưa cho nó. “Nếu thấy có xe về, em sẽ báo với các anh,” Ruthie nói với một tinh thần thông đồng đầy cao cả.

Tôi cúi xuống vỗ nựng con Myrna Mountweazel tuổi-cao-sung-sức, rồi cả lũ kéo nhau lên gác vào phòng Margo. Khi đặt tay lên tay nắm cửa, tôi chợt nhận ra mình chưa từng vào phòng cô ấy kể từ hồi mười tuổi.

Tôi đi vào. Ngăn nắp hơn tôi hình dung, nhưng có thể do mẹ Margo vừa dọn dẹp lại. Ở bên phải, một tủ ních đầy quần áo đến mức như sắp banh ra đến nơi. Trên mặt sau cánh cửa, một cái giá với khoảng vài chục đôi giày, từ giày búp bê Mary Janes đến giày cao gót. Trông có vẻ tủ quần áo không bị thiếu đi gì nhiều.

“Tôi mò máy tính coi,” Radar nói. Ben kéo kéo tấm rèm. “Bức áp-phích được dính lên,” nó nói. “Chỉ là băng dính bình thường. Không phải là dính không gỡ nổi.”

Bất ngờ lớn chính là mảng tường cạnh bàn máy tính: giá sách cao bằng tôi và rộng gấp đôi, xếp đầy các đĩa than. *Hàng trăm* đĩa như vậy. “*Tình yêu tối thượng* của John Coltrane nằm trong máy quay đĩa,” Ben nói.

“Chà, đó là một album xuất sắc,” Radar nói, mắt vẫn không rời máy vi tính. “Margo cũng có gu ra phết.” Tôi không hiểu, nhìn sang Ben thì nó giải

thích, “John Coltrane là nghệ sĩ thổi kèn saxophone.” Tôi gật, đã hiểu.

Vừa gõ lên bàn phím, Radar vừa nói, “Không tin được là Q chưa từng nghe Coltrane. Theo nghĩa đen, tiếng kèn của Trane là minh chứng xác tín nhất mà tôi từng biết, cho thấy Chúa trời thực sự tồn tại.”

Tôi bắt đầu nhìn qua dãy đĩa. Tất cả đều được sắp xếp theo bảng chữ cái và theo tên nghệ sĩ, tôi bèn dò tìm phần chữ G. Dizzy Gillespie, Jimmie Dale Gilmore, Green Day, Guided by Voices, George Harrison. “Hình như Margo có tất cả các nhạc sĩ ca sĩ trên thế giới, trừ Woody Guthrie,” tôi nói. Rồi tôi quay lại và bắt đầu từ phần chữ A.

“Tất cả sách giáo khoa của Margo còn ở đây,” tôi nghe thấy Ben nói. “Có thêm vài cuốn ở trên bàn cạnh giường. Không có báo chí gì.”

Nhưng bộ sưu tập nhạc của Margo thu hút tôi hơn. Cô ấy thích *mọi thứ*. Tôi chưa từng tưởng tượng được Margo đã nghe hết tất cả những đĩa nhạc cũ kĩ kia. Tôi đã thấy cô ấy vừa nghe nhạc vừa chạy, nhưng chưa bao giờ ngờ đến niềm say mê lớn thế này. Phần lớn các ban nhạc tôi chưa từng nghe tên, và tôi lấy làm lạ là đĩa than vẫn còn được sản xuất cho những đĩa nhạc mới.

Tôi đi dọc từ A đến B—qua Beatles, Blind Boys of Alabama và Blondie—tôi bắt đầu lướt nhanh hơn, nhanh đến mức hình như tôi không xem bìa sau *Đại lộ Mĩ Nhân Ngự* của Billy Bragg cho đến khi nhìn sang Buzzcocks. Tôi dừng lại, quay ngược, kéo đĩa Billy Bragg ra. Mặt trước là ảnh mấy tòa nhà mặt phố đều tăm tắp. Nhưng ở mặt sau, Woody Guthrie đăm đăm nhìn tôi, điều xì gà bập hờ trên môi, cùng cây guitar có dòng chữ CHIẾC MÁY NÀY DIỆT PHÁT-XÍT.

“Xem này,” tôi nói. Ben nhìn sang.

“Chèn đét ời,” nó thốt lên. “Mát tay tìm kiếm đấy.” Radar xoay ghế lại và nói, “Rất ấn tượng. Có gì ở trong vậy ta?”

Nhưng rùi là chỉ có một đĩa than bên trong. Cái đĩa trông đúng là một cái đĩa than. Tôi đặt nó vào máy quay đĩa của Margo, rút cục cũng mò được cách bật và đặt kim xuống đĩa. Giọng một ca sĩ khác hát các ca khúc của Woody Guthrie, nghe hay hơn chính Woody Guthrie hát.

“Thế là thế nào, chẳng lẽ chỉ là trùng hợp dăm đó thôi sao?”

Ben đang cầm bìa album. “Nhìn này,” nó nói, chỉ vào danh mục bài hát. Tên bài “Cháu gái của Walt Whitman” được khoanh tròn bằng nét mực đen mảnh.

“Thú vị đấy,” tôi nói. Mẹ Margo bảo rằng những manh mối của Margo chẳng bao giờ dẫn đến đâu, nhưng giờ tôi biết cô ấy đã tạo ra cả chuỗi manh mối—và hình như cô ấy đã để lại chúng cho tôi. Lập tức tôi nhớ lại lúc ở trong tòa nhà SunTrust, Margo đã nói rằng tôi ổn hơn khi tôi thể hiện tự tin. Tôi lật mặt đĩa và bật lên. “Cháu gái của Walt Whitman” là bài đầu tiên ở mặt hai. Thực ra nghe không tệ.

Đúng lúc đó tôi thấy Ruthie trên ngưỡng cửa. Con bé nhìn tôi. “Có manh mối gì cho bọn anh hả Ruthie?” Con bé lắc đầu. “Em đã tìm rồi,” giọng nó nghe buồn buồn. Radar nhìn tôi và hất đầu về phía Ruthie để ra hiệu.

“Em trông chừng bố mẹ em hộ bọn anh được không?” tôi hỏi. Con bé gật đầu rồi đi. Tôi đóng cửa lại.

“Có gì thế?” tôi hỏi Radar. Nó vẫy bọn tôi lại phía máy vi tính. “Trong tuần trước khi bỏ đi, Margo đã sục kha khá vào Toàn Thư Đủ Thứ. Tôi biết vì dựa vào số phút đăng nhập bằng tên của Margo, và cậu ấy đã lưu mật khẩu lại máy. Nhưng Margo đã xóa toàn bộ lịch sử tìm kiếm, do vậy không thể biết được cậu ấy đã tìm thông tin gì.”

“Này, Radar, tra xem Walt Whitman là ai,” Ben nói.

“Đó là một nhà thơ,” tôi đáp. “Thế kỉ mười chín.”

“Tuyệt,” Ben thốt lên, mắt đảo tròn. “Thi ca.”

“Có gì không ổn sao?” tôi hỏi.

“Thi ca chỉ tổ nát cõi lòng,” Ben đáp. “Ôi, đau đớn. Đau đớn. Rơi hoài rớt rớt. Mảnh hồn tôi.”

“Ờ, tôi chắc chắn đó là thơ Shakespeare,” tôi nói, không chấp nó. “Whitman có cô cháu gái nào không?” tôi quay sang hỏi Radar. Nó đã vào trang viết về Whitman trong Toàn Thư Đủ Thứ. Một người đàn ông vạm vỡ với hàm râu khổng lồ. Tôi chưa từng đọc Whitman, nhưng trông ông ta cũng có vẻ ra dáng nhà thơ.

“Ờ, không có ai nổi tiếng. Trong này nói ông ta có mấy người anh em trai, nhưng không nói họ có con hay không. Có thể tôi sẽ tra được thông tin này

nếu ông muốn.” Tôi lắc đầu. Có vẻ không phải hướng này. Tôi lùi lại nhìn quanh căn phòng. Hàng dưới cùng của giá đĩa có mấy cuốn sách—các kiểu kỉ yếu trường phổ thông cơ sở, cuốn *Những kẻ ngoài vòng* đã sờn cũ—và vài ấn bản in lại các tạp chí thanh thiếu niên. Không có gì liên quan đến cháu gái của Walt Whitman, chắc chắn vậy.

Tôi nhìn lại những cuốn sách trên bàn cạnh giường. Không có gì đáng chú ý. “Chắc Margo phải có cuốn thơ nào của ông ấy chứ nhỉ,” tôi nói. “Nhưng hình như không thấy.”

“Có đấy!” Ben reo lên. Tôi đến chỗ nó đang quì bên giá sách, và thấy cuốn sách. Tôi đã bỏ qua một cuốn mỏng ở tầng dưới cùng, nằm kẹp giữa hai tập kỉ yếu. Walt Whitman. *Những cánh cỏ*. Tôi kéo cuốn sách ra. Có một bức ảnh Whitman trên bìa sách, đôi mắt sáng của ông ấy đăm đăm nhìn tôi.

“Khá đấy,” tôi nói với Ben.

Nó gật. “Ừa, bây giờ ra khỏi đây được chưa? Cứ cho là tôi bảo thủ đi, nhưng tôi không muốn lúc bố mẹ Margo về vẫn thấy bọn mình lờn vờn ở đây đâu.”

“Liệu có sót gì không nhỉ?”

Radar đứng lên. “Có vẻ rõ ràng là Margo đã đi một đường khá mạch lạc, ắt sẽ tìm thấy gì đó trong cuốn sách. Kể ra cũng lạ—tôi nói không có ý gì đâu, nhưng nếu Margo luôn để lại manh mối cho bố mẹ, sao lần này cậu ấy lại để lại cho ông?”

Tôi nhún vai. Tôi không có câu trả lời, nhưng tất nhiên tôi nuôi hi vọng: có lẽ Margo muốn thấy sự tự tin của tôi. Có thể lần này cô ấy *muốn* được tìm thấy, và được *tôi* tìm thấy. Có thể—cũng giống như cô ấy đã chọn tôi trong cái đêm dài nhất ấy, lần này cô ấy lại chọn tôi. Và có thể kho báu bí mật đang chờ người tìm ra cô ấy.

Không lâu sau khi quay lại nhà tôi, xem một lượt qua cuốn sách và không tìm thấy manh mối rõ rệt nào, Ben và Radar cũng về. Tôi lấy suất lasagna trong tủ lạnh ra ăn trưa và mang Walt về phòng. Cuốn *Những cánh cỏ* đó là bản in lần đầu của nhà xuất bản Penguin Classics. Tôi đọc một ít từ lời giới thiệu rồi lật tiếp từng trang. Có một số câu được đánh dấu màu xanh da trời,

tất cả đều nằm trong một bài thơ dài dằng dặc như sử thi tên là “Tự khúc.” Hai dòng trong bài thơ đó được đánh dấu màu xanh lá cây:

Tháo mở ổ khóa khỏi cánh cửa!

Tháo mở chính cánh cửa khỏi khung!

Tôi dành gần hết buổi chiều cố hiểu hàm ý câu đó, thậm nghĩ có lẽ đó là cách Margo bảo tôi hãy mạnh mẽ táo bạo hơn hay đại loại thế. Nhưng tôi cũng đọc đi đọc lại từng dòng thơ được đánh dấu xanh da trời:

Người sẽ không nhận từ bàn tay thứ hai hay thứ ba nữa... không nhìn qua đôi mắt của người chết nữa... không ăn những bóng ma ám ảnh trong những trang sách nữa.

Ta dẫn mình vào chuyển đi miên viễn

Tất thảy đều nảy sinh lan tỏa... và không gì co tụ lại,

Và chết chẳng giống những gì người ta huyền tưởng, và thêm phước phận.

Nếu không ai khác trên thế gian này diệu ngộ, ta ngồi an nhiên, Và nếu mỗi và mọi người diệu ngộ, ta ngồi an nhiên.

Ba khổ cuối trong bài “Tự khúc” cũng được đánh dấu.

Ta trả mình về đất, nuôi những thân cỏ ta yêu, Nếu người muốn ta, hãy tìm ta dưới đế ủng.

Người chắc sẽ không bao giờ biết được ta là ai, ta muốn nói gì, Dầu vậy ta sẽ luôn là sinh mạch của người, Thấm lọc và mao dẫn dòng máu người.

Thoạt không tìm được ta, hãy bèn gan vừng bước, Mất dấu ta nơi này, hãy đi tìm nơi khác, Ở đâu đó, ta dừng lại đợi người.

Cả cuối tuần tôi chỉ đọc, cố gắng tìm Margo trong những mảnh thơ cô ấy để lại cho tôi. Có thể những dòng thơ sẽ chẳng dẫn tôi đến đâu cả, nhưng dù sao tôi cũng nghĩ về chúng, vì tôi không muốn làm Margo thất vọng. Cô ấy muốn tôi lần theo dây nối, tìm nơi cô ấy đã dừng lại và đợi tôi, đi theo dải vụn bánh mì cho đến khi nó kết thúc ở Margo.

5.

Sáng thứ Hai, một sự kiện dị thường xảy ra. Tôi đi học muộn, điều này bình thường; mẹ thả tôi ở trường, điều này bình thường; tôi đứng ngoài tụ bả tán chuyện với những đứa khác, điều này bình thường; rồi Ben và tôi đi vào trong, điều này cũng bình thường nốt. Nhưng vừa đẩy mở cánh cửa kim loại, mặt Ben đã biến thành một thể hỗn mang của phấn kích và kinh hãi, như thể một ảo thuật gia vừa nhón được nó từ đám đông để phụ biểu diễn màn cửa-đứt-đục-suốt. Theo ánh mắt Ben, tôi nhìn ra hành lang.

Váy jeans ngắn. Áo phông trắng ôm sát. Cổ trần. Nước da bánh mật xinh giòn. Đôi chân khiến người ta mơ tưởng đến chân. Mái tóc nâu gợn sóng hoàn hảo. Chiếc huy hiệu bóng loáng với dòng chữ HÃY CHỌN TÔI LÀ NỮ HOÀNG ĐÊM TỐT NGHIỆP. Lacey Pemberton. Đi về phía chúng tôi. Ngay cạnh *phòng tập nhạc*.

“*Lacey Pemberton*,” Ben thì thào, dù cô ấy chỉ cách bọn tôi ba bước và hoàn toàn nghe rõ những lời ấy. Thực ra nụ cười giả nai đã thoáng qua môi Lacey khi cô ấy nghe nhắc đến tên mình.

“Quentin ơi,” Lacey nói với tôi, và hơn tất cả, việc Lacey biết tên tôi là một sự bất khả thi. Cô ấy ngoắc đầu ra hiệu, tôi đi theo Lacey qua phòng tập nhạc, đến trước dãy tủ đựng đồ cá nhân. Ben theo tôi bén gót.

“Chào Lacey,” tôi nói khi cô ấy đã dừng lại. Tôi ngửi thấy mùi nước hoa của Lacey, và tôi vẫn nhớ có mùi này trong chiếc SUV của cô ấy, nhớ cả tiếng lép bép phát ra từ con cá da trơn khi Margo và tôi đề ghế ô-tô lên nó. “Tớ nghe nói cậu đã đi cùng Margo.” Tôi chỉ nhìn Lacey.

“Đêm hôm đó, và con cá? Trong xe của tớ? Trong phòng Becca? Và qua cửa sổ nhà Jase?”

Tôi vẫn nhìn. Tôi không biết nên nói gì. Người ta có thể sống một cuộc đời dài đầy phiêu lưu mạo hiểm mà không kể lại với Lacey Pemberton,

nhưng khi cơ hội hiếm hoi đó chợt đến, người ta sẽ không muốn hàm hồ và miêng. Thế là Ben lên tiếng thay tôi, “Ừa, hai người họ đấy.” Ben nói như thể Margo và tôi gần gũi nhau lắm.

“Margo có cấu tứ lắm không?” Lát sau Lacey hỏi. Cô ấy cụp mắt nhìn xuống, tôi có thể thấy hàng mi nâu rợp.

“Gì cơ?”

Lúc ấy Lacey nói rất khẽ, rạn nứt li ti trong giọng nói, và lập tức Lacey Pemberton không phải là Lacey Pemberton nữa. Cô ấy chỉ—như, một người bình thường. “Cậu biết đấy, Margo có điên tiết với tứ vì chuyện gì không?”

Trong chốc lát tôi nghĩ xem nên trả lời thế nào cho phải. “Ừ, Margo hơi thất vọng vì cậu đã không cho cậu ấy biết về Jase và Becca, nhưng cậu biết tính Margo rồi đấy. Cậu ấy sẽ vượt qua được thôi.”

Lacey bắt đầu đi xuôi hành lang. Ben và tôi để cô ấy đi, nhưng rồi Lacey đi chậm lại. Cô ấy muốn chúng tôi đi cùng. Ben khẽ huých tôi, và chúng tôi cùng đi với nhau. “Tứ có *biết* gì về Jase và Becca đâu. Vấn đề là ở đó. Trời ơi, tứ mong sớm giải thích với Margo được quá. Có lúc tứ thực sự lo sợ rằng chưa biết chừng Margo đã bỏ đi luôn rồi, nhưng tứ xem ngăn tủ đựng đồ vì biết mã số khóa của cậu ấy, thấy tất cả tranh ảnh, sách vở, mọi thứ vẫn còn nguyên trong đó.”

“Thế thì tốt,” tôi nói.

“Ừ, nhưng đã chừng bốn ngày rồi. Đó gần như là kỉ lục đối với Margo. Và các cậu biết không, có chuyện này thật là chán không để đâu cho hết, vì Craig biết chuyện Jase và Becca, tứ giận cậu ta sao không nói gì với tứ cả nên đã cắt đứt luôn rồi. Bây giờ tứ đã phá sản vụ dạ hội tốt nghiệp, bạn thân nhất của tứ đang vi vu ở nơi chỉ có trời mới biết, có thể là New York hoặc bất cứ đâu, trong lòng vẫn còn giận tứ vì một chuyện tứ CHƯA TỪNG làm.” Tôi lé mắt nhìn Ben. Ben cũng lé mắt nhìn tôi.

“Tứ phải vào lớp đây,” tôi nói. “Nhưng sao cậu lại nói Margo ở New York?”

“Hình như hai hôm trước khi bỏ đi, Margo đã nói với Jase rằng New York là nơi duy nhất ở Mĩ mà người ta có thể thực sự sống một cuộc đời đáng sống nửa chừng. Có thể cậu ấy chỉ nói vu vơ thôi. Tứ không biết nữa.”

“Được rồi, tớ phải chạy đây,” tôi nói.

Tôi biết Ben khó mà mời được Lacey đi dạ hội cùng, nhưng ít ra nó cũng xứng đáng có một cơ hội. Tôi rảo bước qua hành lang về phía tủ đựng đồ của mình, quờ tay ra cào cào đầu Radar khi đi ngang chỗ nó. Nó đang nói chuyện với Angela và một cô bé lớp chín cũng chơi trong ban nhạc. “Đừng cảm ơn anh. Cảm ơn Q ấy,” tôi nghe thấy Radar nói với cô bé kia, và con bé kêu lớn, “Cảm ơn anh vì em được hai trăm đô-la!” Không ngoái lại, tôi cũng gào lên, “Đừng cảm ơn anh, hãy cảm ơn chị Margo Roth Spiegelman!” bởi tất nhiên cô ấy đã trao cho tôi công cụ mà tôi cần.

Tôi mở ngăn tủ của mình, vớ cuốn vở giải tích, nhưng tôi vẫn đứng đó, dù hồi chuông thứ hai đã kêu, đứng yên giữa hành lang trong khi mọi người xung quanh xoẹt qua tôi theo cả hai hướng, như thể tôi là dải phân cách trên con đường cao tốc của họ vậy. Một nhóc nữa cũng cảm ơn tôi vì hai trăm đô-la nó được nhận. Tôi mỉm cười với thằng bé. Tôi cảm thấy ngôi trường là *của tôi* hơn lúc nào hết trong suốt bốn năm qua. Chúng tôi đã tìm được giải pháp công bằng cho tầng lớp vô-xe-đạp. Lacey Pemberton đã nói chuyện với tôi. Chuck Parson đã chịu xin lỗi.

Tôi quá biết những hành lang này—và rút cục cũng bắt đầu có cảm giác rằng chúng biết tôi. Tôi vẫn đứng đó khi hồi chuông thứ ba vang lên và đám đông bắt đầu tản mát.

Chỉ khi ấy tôi mới vào lớp giải tích, ngồi xuống ngay sau khi thầy Jiminez bắt đầu một bài học lê thê vô tận khác.

Tôi mang bản *Những cánh cỏ* của Margo đến trường, giấu sách trong hộp bàn và bắt đầu đọc lại những câu được đánh dấu trong bài “Tự khúc” trong khi thầy Jiminez cào chữ trên bảng. Không thấy có điểm nào ám chỉ New York. Mấy phút sau tôi đưa sách cho Radar, nó xem một lúc rồi viết lên góc vở của nó, phía gần tôi nhất, *Phần đánh dấu màu xanh lá cây phải có ý nghĩa gì đó. Có thể Margo muốn ông mở cánh cửa tư duy của ông ra chăng? Tôi nhún vai, viết lại, Hoặc có thể Margo chỉ đọc bài thơ vào hai ngày khác nhau, với hai cái bút đánh dấu khác nhau.*

Mấy phút sau, khi liếc đồng hồ mới tới lần thứ ba mươi bảy, tôi thấy Ben Starling đứng ngoài cửa lớp, tấm thẻ thông hành^[2] trong tay, nhún nhảy như

điên theo điệu jig.

Khi chuông báo giờ ăn trưa, tôi lao ngay đến ngăn tủ của mình, nhưng bằng cách nào đó Ben đã cán đích trước tôi, và bằng cách nào đó nó đang nói chuyện với Lacey Pemberton. Ben đứng sát bên Lacey, hơi nghiêng đầu để nhìn được trực diện cô ấy. Nói chuyện với Ben thình thoảng khiến tôi có cảm giác bị sợ không gian hẹp, mà tôi có phải là cô nàng nóng bỏng nào cho cam đâu.

“Chào mấy bồ,” tôi nói khi đến nơi.

“Chào,” Lacey nói, lùi một bước rõ ràng tránh khỏi Ben. “Ben mới nói với tớ mấy chuyện về Margo. Cậu biết không, chưa ai từng vào phòng cậu ấy đâu. Margo bảo rằng bố mẹ cậu ấy không cho mời bạn đến nhà.”

“Thật à?” Lacey gật đầu. “Thế cậu có biết Margo có khoảng, xem nào, một ngàn đĩa ghi âm không?”

Lacey giơ hai tay lên. “Không hề, Ben cũng vừa hỏi như vậy! Margo không bao giờ nói chuyện về âm nhạc. Thực ra cậu ấy có nói thích nghe cái này cái kia trên radio hoặc đâu đó. Nhưng—không đả động gì đến đĩa ghi âm cả. Cậu ấy kì lạ thật đấy.”

Tôi nhún vai. Có thể Margo kì lạ, hoặc có thể những đứa còn lại là bọn tôi kì lạ. Lacey nói tiếp. “Nhưng bọn tớ vừa nói đến đoạn Walt Whitman xuất thân từ New York.”

“Và theo Toàn Thư Đủ Thứ, Woody Guthrie cũng đã sống ở đó một thời gian dài,” Ben nói thêm.

Tôi gật đầu. “Tớ thấy mọi khả năng là Margo ở New York. Nhưng chắc bọn mình phải tìm ra manh mối tiếp theo. Không thể chỉ dừng ở cuốn sách được. Hẳn phải có gì đó chưa giải mã được từ những dòng thơ được đánh dấu.”

“Ừ, cho tớ xem qua cuốn sách trong giờ ăn trưa được không?”

“Được chứ,” tôi nói. “Hoặc nếu cậu muốn, để tớ sao cho cậu một bản trong thư viện.”

“Không cần đâu, tớ chỉ đọc thôi mà. Thực ra tớ chả hiểu ngang biết đọc gì về thơ thần cả. Ô, nhưng dù sao, tớ có bà chị họ đang học ở đó, Đại học New York ấy mà, tớ có thể gửi tờ rao vặt để chị ấy in ra. Tớ sẽ bảo chị ấy bỏ

tờ rơi ở các cửa hàng đĩa nhạc. Tất nhiên có rất nhiều cửa hàng đĩa nhạc, nhưng thử vẫn hơn.”

“Ý hay đấy,” tôi nói. Ben và Lacey bắt đầu đi đến cầngtin, tôi liền đi theo.

“Này,” Ben hỏi Lacey, “váy của cậu màu gì?”

“Ờ, kiểu màu xanh đá xa-phia, thì sao?”

“Thì để bộ lễ phục của tớ tiếp màu theo,” Ben đáp. Tôi chưa bao giờ thấy Ben cười kiểu ngu-ngơ-ngớ-ngẩn đến vậy, và như thế hẳn nói lên điều gì đó, vì nó vốn cũng khá ngu-ngơ-ngớ-ngẩn.

Lacey gật đầu. “Tốt thôi, nhưng chúng ta không nên *quá* đôi lứa xứng đôi. Có lẽ cậu cứ theo truyền thống đi: lễ phục màu đen nhé?”

“Không đeo dải thắt lưng to bản, cậu thấy như thế có nên không?”

“Ừ, thế cũng được. Mà đừng có diện áo xếp bèo nhún li nhiều quá đấy nhé.”

Hai đứa cứ nói mãi-rõ ràng, tỉ lệ bèo li lí tưởng là một chủ đề có thể bàn bạc nhiều giờ liền-nhưng tôi thôi không chú ý nghe nữa trong khi xếp hàng vào hiệu Pizza Hut. Ben đã tìm được cô bạn đi dự dạ hội tốt nghiệp cùng, và Lacey đã tìm được cậu bạn hào hứng bàn luận hàng giờ đồng hồ về dạ hội. Giờ ai cũng có đôi cả-trừ tôi, và tôi sẽ không đến dạ hội. Cô bạn duy nhất mà tôi muốn tháp tùng đang dẫn mình vào chuyển đi miên viễn hay gì đó đại loại thế.

Khi chúng tôi ngồi xuống ăn, Lacey bắt đầu đọc “Tự khúc,” và đồng tình rằng những câu thơ chẳng nói lên điều gì, cũng chẳng giống Margo chút nào. Chúng tôi vẫn chưa luận ra được Margo muốn nói điều gì, nếu thực sự cô ấy ám chỉ gì đó. Lacey đưa cuốn sách lại cho tôi, rồi chàng và nàng lại tiếp tục ríu rít với nhau về dạ hội.

Cả buổi chiều, tôi có cảm giác rằng cứ nhìn những dòng thơ được đánh dấu ấy thì cũng chẳng ích gì. Nhưng rồi tôi lại chán, lại mò ba-lô, lấy cuốn thơ đặt lên lòng và đọc lại. Môn cuối cùng của tôi là Quốc ngữ, tiết thứ bảy, cả lớp mới bắt đầu vào bài *Moby Dick* nên cô Holden giảng khá nhiều về đánh cá ở thế kỉ mười chín. Tôi để *Moby Dick* trên mặt bàn và Whitman trong lòng, nhưng thậm chí ngồi trong giờ Quốc ngữ cũng không thêm hiệu ứng gì. Có lúc mấy phút liền tôi không nhìn đồng hồ, nên hơi bất ngờ khi

chuông reo, do vậy mất nhiều thời gian cất dọn sách vở hơn những đứa khác. Khi tôi lẳng ba-lô lên vai và bắt đầu ra khỏi lớp, cô Holden cười với tôi và bảo, “Walt Whitman hả?”

Tôi xấu hổ gật đầu.

“Hay đấy,” cô nói. “Hay đến mức tôi gần như đồng ý cho em đọc trong giờ. Nhưng không quá lâu đâu nhé.” Tôi lí nhí *em xin lỗi ạ* rồi đi bộ ra bãi đỗ xe của học sinh năm cuối.

Trong khi Ben và Radar tập nhạc, tôi ngồi trong RHAPAW và để mở cửa xe, một làn gió chầm chậm mơn man thổi qua. Tôi đọc *Những văn bản Liên bang* để chuẩn bị cho bài kiểm tra ngày mai trong môn nhà nước, nhưng đầu óc tôi cứ lờn vờn liên hồi giữa Guthrie, Whitman, New York và Margo. Có phải Margo đến New York theo đuổi nhạc đồng quê không? Có phải có một Margo bí mật đam mê âm nhạc đồng quê mà tôi chưa từng biết không? Có phải cô ấy sống trong một căn hộ mà một trong số họ từng sống không? Và tại sao cô ấy muốn nói với tôi tất cả những điều đó?

Nhìn qua gương cạnh, tôi thấy Ben và Radar đang tiến lại. Radar vung vẩy hộp đựng cây kèn saxophone khi rảo bước đến RHAPAW. Hai thằng ào vào qua cửa mở sẵn, Ben tra khóa vào ổ và RHAPAW bắt đầu lục bục. Bọn tôi hi vọng, ẻm lại lục bục, bọn tôi hi vọng thêm chút nữa, và rút cục ẻm cũng khục lên tỉnh giấc. Ben đã kịp vọt qua bãi đỗ xe, rẽ ra khỏi trường trước khi gào lên với tôi, “CÁC ÔNG CÓ TIN NỔI KHÔNG?” Nó hầu như không thể hoãn nổi sung sướng.

Ben bắt đầu bấm còi, nhưng tất nhiên còi không hoạt động, thế nên mỗi lần bấm còi, Ben lại rống lên, “BÍP! BÍP! BÍP! CÒI LÊN ĐI NẾU ĐI DẠ HỘI CÙNG SIÊU THỎ LACEY PEMBERTON! CÒI LÊN, CÒI LÊN ĐI!”

Ben hầu như không tắt loa trên suốt đường về nhà. “Các ông có biết điều gì đã nên chuyện không? Ngoài cảm giác tuyệt vọng ra nhé? Tôi đoán là Lacey và Becca Arrington đang chiến nhau vì các ông cũng biết rồi đấy, Becca là một nàng lừa đảo lắm chiêu. Tôi cũng nghĩ chắc Lacey bắt đầu ăn năn về vụ dựng chuyện Ben Bỉ Bựa. Cậu ấy không nói hẳn ra, nhưng có *cu xử* đại loại như thế. Thế là rút cục, Ben Bỉ Bựa sẽ giành lại cho tôi chút tò-

te-tí-toét.” Tôi rất mừng cho Ben và tất cả, nhưng tôi muốn tập trung cho cuộc chơi dẫn đến Margo.

“Các ông có thêm ý tưởng gì chưa?”

Cả bọn lặng đi chốc lát, rồi Radar nhìn tôi qua gương chiếu hậu và nói, “Câu thơ về cánh cửa là chỗ duy nhất đánh dấu khác những câu còn lại, và nó cũng ngẫu nhiên nhất, tôi thực sự cho rằng câu đó găm một manh mối. Cả câu là gì ấy nhỉ?”

“Tháo mở ổ khóa khỏi cánh cửa!/ Tháo mở chính cánh cửa khỏi khung!” tôi nhắc lại.

“Phải thừa nhận rằng, Jefferson Park không thực sự là nơi lí tưởng để tháo mở những cánh cửa của đầu-óc-hạn-hẹp khỏi khung cửa,” Radar xác thực. “Có lẽ đó là điều Margo muốn nói. Như cậu ấy đã nói Orlando là thành phố giấy nhỉ? Có thể Margo đang giải thích tại sao cậu ấy bỏ đi.”

Ben giảm tốc độ để dừng trước đèn giao thông, rồi quay sang nhìn Radar. “Này bồ tèo,” Ben nói, “tôi nghĩ các ông đang phức tạp hóa nàng thỏ Margo đấy.”

“Tức là sao?” tôi hỏi.

“Tháo mở ổ khóa khỏi cánh cửa!” Ben nói. “Tháo mở chính cánh cửa khỏi khung!”

“Ừ nhỉ,” tôi thốt lên. Đèn chuyển sang xanh và Ben nhấn ga. RHAPAW rung bần bật như thể ẻm sắp long rời từng bộ phận, nhưng rồi lại tiếp tục lăn bánh.

“Đó không phải là *thơ*. Cũng không phải *ẩn dụ*. Đó là những hướng dẫn. Chúng ta sẽ phải vào phòng Margo, tháo ổ khóa khỏi cánh cửa phòng và tháo chính cánh cửa khỏi khung bao quanh.”

Radar nhìn tôi qua gương chiếu hậu, và tôi nhìn lại nó. “Thỉnh thoảng,” Radar nói với tôi, “thằng bạn mình chậm tiêu đến mức trở thành siêu luôn.”

6.

Sau khi đỗ xe ở lối đi nhà tôi, tụi tôi đi bộ qua vạt cỏ ngăn nhà Margo và nhà tôi, như đã đi hôm thứ Bảy. Ruthie ra mở cửa và nói bố mẹ nó sáu giờ mới về; Myrna Mountweazel lảng xảng chạy mòng mòng quanh tụi tôi; cả đám lên gác. Ruthie mang cho bọn tôi một hộp dụng cụ từ trong ga-ra, rồi tất cả đứng ngây ra nhìn cửa phòng Margo một lúc. Có đứa nào khéo tay biết xoay xử việc này đâu.

“Bây giờ chúng ta làm thế quái nào được đây?” Ben hỏi.

“Đừng rủa sả trước mặt Ruthie thế,” tôi nhắc nó.

“Ruthie, em có phiền khi nghe anh nói đến quái không?”

“Quái không có thật ạ,” Ruthie nói thay cho câu trả lời.

Radar chen vào. “Nào,” nó đồng dục, “tập trung vào nào. Cánh cửa.” Radar bới một cây tua-vít đầu có cạnh từ đám dụng cụ ra và cúi xuống, tháo tay nắm cửa. Tôi vớ một cái tua-vít to hơn và cố tháo bản lề, nhưng có vẻ không có đinh vít nào. Tôi sẫm soi cánh cửa thêm chút nữa. Rút cục, Ruthie chán, bỏ xuống nhà xem ti-vi.

Radar đã nới lỏng được tay nắm cửa, và chúng tôi lần lượt ghé mắt quan sát phía trong phần gỗ thô, không sơn quanh tay nắm. Không có lời nhắn nào. Không một mảnh ghi chú nào. Không gì cả. Bực mình, tôi quay lại với bản lề, loay hoay không biết phải tháo ra thế nào. Tôi mở cửa ra rồi đóng lại, cố tìm hiểu nguyên lí của thanh bản lề. “Cái bài thơ ấy dài lê thê đến gớm,” tôi nói. “Các ông có nghĩ cụ nhà thơ Walt đã viết đâu đó một hai dòng hướng dẫn tháo mở cánh cửa khỏi khung *như thế nào* không?”

Chỉ khi Radar lên tiếng tôi mới nhận ra nó đang ngồi trước máy tính của Margo. “Theo Toàn Thư Đủ Thứ,” nó nói, “chúng ta phải tìm bản lề lá trước. Chỉ cần dùng tua-vít để nạy chốt lên thôi. Nhân tiện, gã nỡm nào đó

còn chưa thêm rằng bản lề lá hoạt động trơn tru khi bị bể làn. Ôi, Toàn Thư Đủ Thứ. Liệu ngài có giỡn không đây?”

Một lần nữa Toàn Thư Đủ Thứ đã cho chúng tôi biết phải làm gì, và thực hành thì dễ không ngờ. Tôi tháo được chốt khỏi ba bản lề và Ben nhắc cánh cửa ra. Tôi xem xét kỹ lưỡng bản lề, và phần gỗ thô trên khung cửa. Không có gì.

“Cánh cửa chẳng có gì,” Ben nói. Ben và tôi cùng lắp cánh cửa lại như cũ, và Radar đóng lại đinh bằng phần tay cầm của tua-vít.

Radar và tôi sang nhà Ben, ngôi nhà có kiến trúc giống hết nhà tôi, và chơi một trò gọi là Bắc Cực Nổi Giận. Đây là một kiểu trò-chơi-ở-trong-trò-chơi, các đấu thủ bắn nhau bằng bom sơn lên băng. Nếu bắn trúng tờ-rym của đối phương thì sẽ được điểm thưởng. Tóm lại là một trò khá tinh vi phức tạp. “Các ông ạ, nhất định Margo đang ở New York,” Ben nói. Tôi thấy nòng súng của nó thấp thoáng ở một góc, nhưng tôi chưa kịp nhúc nhích gì thì nó đã bắn trúng phóc giữa hai chân tôi. “Đồ khi,” tôi lầm bầm.

Radar nói, “Nhìn lại, có vẻ như các manh mối của Margo dẫn đến một nơi. Cậu ấy nói với Jase; và để lại cho chúng ta gợi ý gắn với hai người hầu như cả đời chỉ sống ở New York. Rất hợp lô-gíc.”

Ben nói, “Đó là những gì Margo muốn, các bồ ạ.” Tôi vừa mon men lại gần Ben thì nó lại tạm dừng trò chơi. “Cậu ấy muốn ông đi đến New York. Giả sử Margo sắp xếp để đó là cách duy nhất tìm ra cậu ấy thì sao? Thực sự đi đến nơi ấy?”

“Sao cơ? Đó là một thành phố với mười hai triệu dân mà.”

“Biết đâu Margo có một con chuột chũi gián điệp ở đây,” Radar nói. “Kẻ đó sẽ bắn tin cho Margo nếu ông lên đường.”

“Lacey rồi!” Ben thốt lên. “Chắc chắn là Lacey. Đúng vậy! Ông sẽ lên máy bay tới New York ngay bây giờ. Và khi Lacey phát hiện ra, Margo sẽ ra sân bay đón ông. Quá chính xác. Nào, tôi sẽ đưa ông về nhà, ông sẽ chuẩn bị hành lí, rồi tôi sẽ lái xe đưa cái bàn tọa của ông ra sân bay, và ông sẽ mua vé máy bay bằng thẻ tín dụng chỉ-dùng-khi-cần-kíp của ông. Và khi Margo nhận ra ông cứng cựa đến mức nào, hạng cứng cựa mà Jase Worthington

năm mơ cũng không nổi, cả *ba* chúng ta sẽ cùng đưa các cô nàng nóng bỏng tới dạ hội tốt nghiệp.”

Tôi không nghi ngờ gì rằng chẳng phải đợi lâu sẽ có chuyến bay tới New York. Từ Orlando, máy bay đi *bất cứ nơi nào* đều sẽ sớm cất cánh. Nhưng tôi nghi ngờ tất cả các yếu tố khác. “Nếu ông báo với Lacey...,” tôi nói.

“Lacey sẽ không thú nhận đâu!” Ben nói. “Cứ nghĩ tất cả những trò đánh lạc hướng của họ xem—có khi hai nàng chỉ giả vờ uýnh nhau để ông không nghi ngờ rằng Lacey là chuột chũi.”

Radar nói, “Tôi không biết nữa, điều đó không thực sự sáng tỏ được gì.” Nó tiếp tục nói, nhưng tôi chỉ nghe nửa chừng. Nhìn trên trời vào màn hình bất động trước mặt, tôi nghĩ mãi về sự việc. Nếu Margo và Lacey chỉ giả vờ giận nhau, liệu Lacey có giả vờ chia tay bạn trai không? Có giả vờ lo lắng không? Lacey đã tự tay xử lí hàng chục e-mail—chẳng cái nào có thông tin thực sự—từ những tờ rơi chị họ cô ấy đã để lại trong các cửa hàng đĩa ghi âm ở New York. Lacey không hề là chuột chũi gián điệp, và kế hoạch của Ben ngớ ngẩn quá. Nhưng, chỉ riêng ý tưởng về một kế hoạch đã lôi cuốn tôi. Cơ mà chỉ còn hai tuần rưỡi nữa là kết thúc năm học, nếu đi New York tôi sẽ phải nghỉ ít nhất hai ngày—chưa kể bố mẹ sẽ giết tôi vì mua vé máy bay bằng thẻ tín dụng. Càng nghĩ tôi càng thấy kế hoạch này xuẩn quá. Nhưng, giá mà mai có thể nhìn thấy cô ấy... Nhưng không. “Tôi không nghỉ học được,” rút cục tôi chốt hạ, rồi tiếp tục trò chơi. “Mai tôi phải làm bài kiểm tra tiếng Pháp.”

“Ông biết không,” Ben nói. “Trào lưu lãng mạn chủ nghĩa của ông là một nguồn cảm hứng thực sự.”

Tôi chơi thêm mấy phút nữa rồi đi bộ qua Công viên Jefferson về nhà.

Có lần mẹ kể với tôi về một đứa bé tâm thần mà mẹ đã chăm sóc. Thăng bé hoàn toàn bình thường cho đến năm lên chín, khi bố nó qua đời. Dù rõ ràng có rất nhiều trẻ chín tuổi bị mất cha, và trong phần lớn các trường hợp không có đứa nào phát điên cả, nhưng có lẽ thăng bé này là ngoại lệ.

Và thăng bé đã làm thế này, nó lấy cái bút chì và một trong những thứ như com-pa sắt, bắt đầu vẽ những vòng tròn lên giấy. Tất cả các vòng tròn đều có bán kính chính xác năm phân. Thăng bé cứ vẽ mãi những vòng tròn cho đến

khi tờ giấy đen kịt, nó sẽ lấy một tờ khác và vẽ tiếp những vòng tròn. Ngày nào nó cũng làm thế, suốt ngày, chẳng chú ý đến học hành, vẽ cả vòng tròn lên kín các bài kiểm tra và bài vở ở trường. Mẹ tôi bảo vấn đề của thằng bé là ở chỗ nó đã tạo ra một thói quen đều đặn để đương đầu với mất mát, chỉ có điều chính thói quen ấy lại hủy hoại nó. Thế là khi mẹ tôi tìm cách khiến thằng bé bật khóc vì người cha đã mất, nó thôi không vẽ vòng tròn nữa, và được cho là từ đó sẽ sống hạnh phúc mãi mãi. Nhưng thỉnh thoảng tôi lại nghĩ đến thằng bé vẽ vòng tròn ấy, vì hình như tôi hiểu được nó. Tôi luôn thích những thói quen đều đặn. Tôi còn nghĩ chắc tôi không bao giờ thấy sự nhàm chán có gì đáng chán lắm. Có lẽ tôi không giải thích nổi điều này cho ai đó như Margo, nhưng vẽ những vòng tròn đi hết đời mình mang lại cho tôi chút cảm giác yên ổn có nghĩa lí.

Cho nên tôi cần phải thấy ổn vì quyết định không đi New York—dù sao đó cũng là một ý tưởng dở ẹc. Nhưng khi trôi theo nhịp đều đặn đêm đó và ngày tiếp theo ở trường, nó dần gặm nhấm tôi, như thể chính những lẽ thường tình ấy đang kéo doãng tôi xa khỏi lúc gặp lại cô ấy.

7.

Tối thứ Ba, Margo đã bỏ đi được sáu ngày, tôi nói chuyện với bố mẹ. Đó không phải là một *quyết định* trọng đại hay gì đó tương tự; tôi chỉ kể thôi. Tôi ngồi bên quầy bếp trong khi bố thái rau và mẹ bỏ thịt bò vào áp chảo. Bố chọc tôi, hỏi tôi đã vùi bao nhiêu thời gian vào cuốn sách gần tủ ấy, và tôi đáp, “Thực ra không phải vì môn Quốc ngữ, mà hình như Margo đã chú ý để lại cuốn sách cho con tìm hiểu ạ.” Bố mẹ lặng đi, tôi bèn kể lại những gì liên quan đến Woody Guthrie và Whitman.

“Con bé rõ là thích chơi trò rắc những mảnh vụn thông tin này,” bố nói.

“Em không trách Margo khi con bé muốn được quan tâm,” mẹ nói, rồi quay sang tôi nói tiếp, “nhưng như thế không có nghĩa là con phải chịu trách nhiệm về tình trạng của Margo đâu nhé.”

Bố thả cà rốt và hành vào chảo. “Ừm, đúng vậy. Không phải do không gặp trực tiếp thì bố mẹ không tiên lượng, chẩn đoán được về Margo, nhưng bố nghĩ bạn con sẽ sớm về nhà thôi.”

“Ta không nên tiên lượng liều,” mẹ khẽ nói với bố, như thể tôi không nghe được hay đại khái thế. Bố định nói gì đó nhưng tôi đã chen ngang.

“Con nên làm gì ạ?”

“Tốt nghiệp con ạ,” mẹ đáp. “Và tin tưởng rằng Margo có thể tự lo liệu được, con bé vẫn có tài xoay xử đấy thôi.”

“Bố đồng tình với mẹ,” bố khẳng định. Nhưng sau bữa tối, khi về phòng và chơi Hồi Sinh ở chế độ tắt tiếng, tôi nghe được bố mẹ khẽ trao đổi qua lại với nhau. Không nghe được từng lời cụ thể, nhưng tôi thấy có tiếng nói của sự lo lắng.

Khuya hôm ấy, Ben gọi vào điện thoại di động của tôi.

“Chào,” tôi nói.

“Này bồ tèo,” Ben gọi.

“Ừ, nghe đây,” tôi đáp.

“Tôi sắp đi mua giày với Lacey.”

“Đi mua *giày* á?”

“Ừa. Mọi thứ giảm giá ba mươi phần trăm từ mười giờ tối đến nửa đêm. Lacey muốn tôi giúp cậu ấy lựa giày đi dạ tiệc. Tất nhiên Lacey có giày rồi, nhưng hôm qua tôi đến nhà cậu ấy và tụi tôi nhất trí rằng mấy đôi ấy... ông biết đấy, người ta muốn đi đôi giày *hoàn hảo* đến dạ tiệc tốt nghiệp mà. Thế nên Lacey sẽ hoàn lại đôi đã mua, rồi tụi tôi sẽ đến tiệm Burdines và sẽ—”

“Ben này,” tôi ngắt lời nó.

“Sao cơ?”

“Tôi không muốn nhai mãi chuyện giày đi dạ tiệc của Lacey, ông tưởng ạ. Và tôi sẽ nói ngay tại sao: tôi có thứ này khiến tôi thực sự không hứng thú gì với giày nhảy cả. Đó là một cái tờ-rym.”

“Thật ra tôi căng thẳng và không tài nào không nghĩ rằng tôi thực sự thích Lacey, không phải chỉ theo kiểu cô-nàng-nóng-bỏng-sánh-đôi-tới-dạ-tiệc, mà quả là cậu-ấy-sao-mà-hay-thế-và-mình-khoái-dính-lấy-cậu-ấy cơ. Và xem chừng, có lẽ tôi và Lacey sẽ cùng tới dạ tiệc, và hai đứa, chà, sẽ mi nhau giữa sàn nhảy, rồi tất cả chúng nó, trời đất qui thần ơi, ông biết mà, mọi thứ nhớ nhăng chúng nó nghĩ về tôi sẽ bị quăng qua cửa sổ hết—”

“Ben ơi,” tôi nói. “Thôi màn lắm nhảm xuân này đi, rồi ông sẽ ổn cả thôi.” Nó liên tu bất tận thêm một lúc nữa, nhưng rút cục tôi cũng đặt được điện thoại xuống.

Tôi nằm xuống và bắt đầu cảm thấy hơi nản vì buổi dạ tiệc. Tôi đã không dung túng bất cứ thể loại buồn rầu sâu thẳm nào trước thực tế rằng tôi sẽ không *đến* dạ tiệc, nhưng—một cách ngốc nghếch và đáng xấu hổ—tôi đã mơ tưởng tìm được Margo, đưa cô ấy về nhà cùng tôi, vừa kịp đi dự dạ tiệc, như kiểu khuya ngày thứ Bảy chẳng hạn. Rồi hai đứa sẽ sóng bước vào sảnh khiêu vũ Hilton, mặc quần jeans và áo phông te tua. Và chúng tôi sẽ vừa kịp điệu nhảy cuối cùng, hai đứa sẽ nhảy cùng nhau trong khi mọi người chỉ trở và trầm trồ vì Margo đã trở lại. Cuối cùng tôi và cô ấy sẽ uyển chuyển nhảy fox-trot ra khỏi đó, rồi đi kiếm kem ở hiệu Friendly’s. Thế nên đúng vậy,

cũng giống Ben, tôi đã thầm áp ủ những tưởng tượng kì diệu về buổi dạ tiệc khô hài đó. Nhưng ít ra tôi không *làm toáng lên như thế*.

Có những lúc Ben đích thị là thằng hâm chỉ biết có mình, và tôi đã phải tự nhắc nhở bản thân tại sao tôi vẫn khoái nó. Nếu không vướng khúc mắc gì, thỉnh thoảng nó có những sáng kiến táo bạo ra trò. Suy luận về khung cửa của nó chẳng hạn. Dù không trực tiếp có hiệu quả, nhưng đó vẫn là một ý tưởng xuất sắc. Cơ mà rõ ràng là Margo đã chủ ý muốn nói gì đó khác với tôi.

Với tôi.

Manh mối là của *tôi*. Những cánh cửa là của *tôi*!

Muốn ra ga-ra, tôi phải đi qua phòng khách, nơi bố mẹ đang ngồi xem ti-vi. “Xem không con?” mẹ hỏi tôi. “Vụ này sắp bế rồi.” Đó là một trong những chương trình thể loại hình sự, kiểu đi-tìm-hung-thủ.

“Không ạ,” tôi đáp, chạy ù từ phòng khách qua bếp, vào ga-ra. Tôi tìm được cái tua-vít đầu bẹt to nhất, giắt nó vào cặp quần soóc ka-ki, kéo thắt lưng cho chặt. Tôi vớ đại một cái bánh qui trong bếp rồi ngược qua phòng khách về phòng mình, bước đi hơi có chút kì kì gượng gạo. Trong khi bố mẹ chăm chú theo dõi bí mật vụ án trên ti-vi được bật mí, tôi lặng lẽ tháo ba cái đinh khỏi bản lề cửa phòng mình. Khi cái cuối cùng trật ra, cánh cửa kêu “rắc” một tiếng và lỏng ra. Tôi đẩy tới đẩy lui cánh cửa quanh gờ tường bằng một tay, và khi đẩy như vậy, tôi thấy một mẩu giấy nhỏ xíu—cỡ móng tay cái của tôi—rơi từ bản lề trên cùng xuống. Đúng kiểu Margo rồi nhé. Tại sao phải giấu thứ gì đó trong phòng cô ấy trong khi cô ấy có thể giấu ngay trong phòng tôi? Không biết cô ấy đã hành động lúc nào, làm thế nào lại vào được nhỉ. Tôi không thể nhịn được mỉm cười.

Đó là một mẩu xé từ tờ *Người bảo vệ Orlando* ra, nửa xén thẳng, nửa nham nhở. Tôi biết đó là tờ *Người bảo vệ* vì ở góc xé có mấy chữ “*vệ Orlando* 6 tháng Năm, 2.” Ngày Margo bỏ đi. Rõ ràng đây là thông điệp từ cô ấy. Tôi nhận ra chữ viết tay của Margo: 8328 đại *Lộ bartlesville*.

Tôi không thể lắp cửa mà không nện đinh trở lại chỗ cũ bằng tua-vít, như thế ắt đánh động bố mẹ. Thế nên tôi chỉ cài cánh cửa vào bản lề và cứ để

ngò. Tôi thả mấy cái đinh vào túi, đến máy tính dò địa chỉ 8328 Đại lộ Bartlesville trên bản đồ. Tôi chưa từng nghe nhắc đến nơi này.

Chỗ đó cách đây ba mươi tư phẩy sáu dặm, ở cuối Colonial Drive và gần sang thành phố Christmas, bang Floria. Khi tôi phóng to ảnh chụp tòa nhà từ vệ tinh, nó trông như một hình chữ nhật đen, đằng trước màu bàng bạc buồn buồn, đằng sau là cỏ. Một căn nhà di động chẳng? Khó có thể hình dung được tỉ lệ vì xung quanh lúp xúp cây cối.

Tôi gọi điện cho Ben và kể lại. “Thế là tôi đúng nhá!” nó đặc thẳng. “Phải kể ngay với Lacey mới được, vì cậu ấy cũng tuyệt đối tin rằng đó là một suy luận xác đáng.”

Tôi phớt lờ bình luận về Lacey. “Chắc tôi sẽ đi xem sao,” tôi nói.

“Ái chà, ừ, tất nhiên sẽ đi chứ. Tôi cũng đi. Sáng Chủ nhật xuất phát nhé. Vừa tiệc tùng bùng tối hôm trước xong thì chắc cũng bơ phờ, nhưng kệ.”

“Không, ý tôi là tôi sẽ đi ngay tối nay,” tôi nói.

“Trời đã tối rồi người anh em ạ. Ông không thể đến một tòa nhà xa lạ với một địa chỉ bí hiểm trong lúc tối lửa tắt đèn được. Ông chưa xem phim kinh dị bao giờ sao?”

“Có khả năng Margo đang ở đó,” tôi nói.

“Ừa, cũng có khả năng một thứ quái vật chỉ thích chén tụy của giai trẻ đang ở đó nữa,” Ben thao thao. “Lạy Chúa, ít nhất hãy đợi đến mai, dù sau giờ tập nhạc tôi phải đặt hoa cài áo cho Lacey, và rồi tôi còn muốn ở nhà phòng trường hợp cậu ấy nhắn tin, vì dạo này bọn tôi nhắn tin nhiều vô thiên—”

Tôi ngắt lời Ben. “Không, đêm nay. Tôi muốn thấy Margo.” Tôi cảm thấy vòng tròn đang hẹp lại. Trong một tiếng đồng hồ nữa, nếu nhanh chân, có thể tôi sẽ được thấy cô ấy.

“Thôi đi bờ tèo, tôi không để ông mò đường đến một địa chỉ mơ hồ trong lúc đêm hôm khuya khoắt đâu. Lẳng nhăng nữa là tôi lấy kìm chích điện cho ông một phát ngay mông đó.”

“Được rồi, sáng mai vậy,” tôi nói, gần như với chính mình. “Sáng mai sẽ đi.” Dù sao tôi cũng oải cái thành tích chuyên cần hoàn hảo rồi. Ben không nói gì. Tôi nghe thấy tiếng nó huýt gió qua răng cửa.

“Tôi thực sự cảm thấy một chứng bệnh gì đó đang chớm đến,” nó nói. “Sốt. Ho. Đau. Mỏi.” Tôi mỉm cười. Sau khi đặt máy, tôi gọi tiếp cho Radar.

“Tôi đang dở với Ben ở một đường dây khác,” Radar nói. “Để tôi gọi lại cho.”

Một phút sau Radar gọi lại. Tôi chưa kịp chào hỏi gì thì nó đã vào đề, “Ờ, tôi bị chứng đau nửa đầu trầm kha. Ngày mai không cách gì tôi có thể đi học được.” Tôi cười ngất.

Gác điện thoại, tôi cởi bớt quần áo, chỉ còn áo phông và quần cộc. Tôi đổ rác trong thùng vào hộp bàn, và đặt thùng rác cạnh giường. Tôi đặt chuông báo thức vào thời điểm không chút thánh thiện nào, sáu giờ sáng. Mấy tiếng tiếp theo tôi cố công vô ích vì không tài nào ngủ được.

8.

Sáng hôm sau mẹ vào phòng tôi và bảo, “Hôm qua con còn chẳng buồn đóng cửa phòng nữa hả sâu ngủ?” Tôi mở mắt đáp, “Bụng con khó chịu quá mẹ,” và nhích người ra phía cái thùng rác giờ đang chứa đám ói của tôi. “Quentin! Ôi trời ơi! Con thấy khó chịu từ khi nào?”

“Từ khoảng sáu giờ ạ,” tôi đáp, đúng thế thật.

“Sao không gọi bố mẹ?”

“Con mệt quá ạ,” tôi đáp, lại đúng thế thật.

“Khó chịu quá nên con không ngủ được à?” mẹ rối rít.

“Vâng,” điều này thì không đúng. Tôi thức dậy vì đồng hồ réo sáu giờ, rồi tôi rón rén vào bếp, ăn một thanh ngũ cốc và uống ít nước cam. Mười phút sau, tôi móc hai ngón tay vào họng. Tôi không muốn làm vậy từ đêm vì sợ món ói bốc mùi khắp phòng cả đêm. Màn nôn ọe khá rùng rợn nhưng cũng qua nhanh thôi.

Mẹ mang thùng rác đi, tôi nghe thấy tiếng mẹ cọ rửa nó trong bếp. Mẹ quay lại với cái thùng sạch, môi bặm lại đầy lo lắng. “Thế này có lẽ mẹ nên nghỉ một hôm—” mẹ chưa nói hết tôi đã lập tức can luôn.

“Thực sự con không sao đâu ạ. Chỉ hơi muốn ói. Chắc con ăn phải cái gì đấy.”

“Con chắc là không sao chứ?”

“Nếu thấy khó chịu hơn thì con sẽ gọi điện ạ,” tôi nói. Mẹ hôn lên trán tôi, lớp son của mẹ dính dính trên da tôi. Thực ra tôi không ốm đau gì sất, nhưng gì thì gì, mẹ đã khiến tôi thấy khá hơn.

“Con muốn mẹ đóng cửa phòng không?” mẹ hỏi, một tay đặt lên cửa. Cánh cửa vẫn chỉ đang cài hờ vào bản lề.

“Đừng, đừng, mẹ đừng đóng ạ,” tôi lắp bắp, chắc tại căng thẳng quá.

“Được rồi,” mẹ nói. “Trên đường đi làm mẹ sẽ gọi điện đến trường cho con. Cần gì thì con báo với mẹ ngay nghe chưa? Bất cứ cái gì. Hoặc nếu muốn mẹ về nhé. Mới cả gọi cho bố bất cứ lúc nào cũng được. Chiều mẹ sẽ gọi về xem tình hình thế nào nhé.”

Tôi gật đầu rồi kéo chăn kín tới tận cằm. Dù cái thùng rác đã sạch, nhưng tôi vẫn ngửi thấy mùi ói thoang thoảng lẫn trong mùi xà phòng, khiến tôi nhớ lại màn nôn ọe trước đây, và chả hiểu sao khiến tôi muốn ói thêm. Nhưng tôi chỉ thở từ từ, thậm chí há miệng ra thở cho đến khi nghe thấy tiếng chiếc Chrysler lùi xa khỏi nhà. Đồng hồ chỉ 7:32. Ít nhất lúc này, tôi nghĩ mình sẽ đúng giờ.

Không phải đúng giờ vào lớp, phải thừa nhận là vậy. Nhưng vẫn là đúng giờ.

Tôi tắm, đánh răng, tròng vào người cái quần jeans tối màu và áo phong đen tuyền, nhét mẫu báo của Margo vào túi quần. Tôi đóng đinh lại vào bản lề, rồi chuẩn bị lên đường. Tôi không chắc nên bỏ những gì vào ba-lô, nhưng có cái tua-vít để tháo thanh dọc khung cửa, bản in tấm bản đồ chụp từ vệ tinh, những hướng dẫn, chai nước, và cuốn thơ Whitman, phòng khi Margo ở đó. Tôi muốn hỏi cô ấy về tập thơ đó.

Ben và Radar có mặt lúc tám giờ đúng, không sớm không muộn một tích tắc nào. Tôi ngồi ở ghế sau. Hai thằng đang hát ông ổng theo một bài của ban nhạc Mountain Goats.

Ben quay xuống và chìa năm tay ra với tôi. Tôi khẽ đấm lại, dù không thích kiểu chào hỏi đó. “Q!” nó hét toáng át tiếng nhạc. “Thấy trò này bá cháy đến chừng nào?”

Tôi hiểu chính xác Ben muốn nói gì: nghe nhạc của Mountain Goats cùng các chiến hữu trong một cái xe đang bon bon vào một sáng thứ Tư, tháng Năm, trên cung đường dẫn đến Margo, và bất cứ giải thưởng tuyệt-như-Margo nào nếu tìm thấy cô ấy. “Bá cháy hơn món giải tích,” tôi đáp. Nhạc to rộn rã nên khó nói chuyện với nhau. Ra khỏi khu Jefferson Park, chúng tôi hạ một tấm kính cửa sổ còn hoạt động xuống để thiên hạ biết rằng chúng tôi nghe nhạc có gu ra sao.

Bọn tôi chạy dọc Colonial Drive, qua những rạp chiếu phim và hiệu sách mà tôi đã ghé qua ghé lại cả đời mình.

Nhưng chuyến đi này khác và khoái hơn nhiều, vì hành trình diễn ra trùng giờ môn giải tích, vì đồng hành cùng Ben và Radar, vì chúng tôi đang trên đường tới nơi tôi tin mình sẽ tìm thấy Margo. Và rút cục, sau hai chục dặm, thành phố Orlando nhường chỗ cho những trảng cam cuối cùng và những nông trang còn ban sơ—mặt đất bằng phẳng trải ra ngút ngàn, dày lên dưới lớp cây bụi, thiết lan bám trên những cành sồi, tự tại buông xuống trong cái nóng không một gợn gió. Đây là Florida mà tôi từng trải qua những đêm đuổi bắt con ta-tu, bị muỗi đốt chi chít, từ hồi còn là cậu nhóc hưởng đạo sinh. Trên đường lúc này toàn xe bán tải, đi chùng một dặm lại gặp một tiểu khu nằm cách đường cao tốc—những phố nhỏ ngoằn ngoèo chẳng vì lí do gì, chạy quanh những căn nhà mọc lên giữa đồng không mông quạnh, như một ngọn núi lửa bọc chất dẻo vậy.

Đi tiếp, chúng tôi chạy xe qua một bảng hiệu gỗ cũ kĩ đề GROVEPOINT ACRES. Một dải đường đen nứt nẻ, chỉ kéo dài vài trăm mét rồi cụt vào một bãi đất xám, chớm báo hiệu rằng Grovepoint Acres là một thứ như mẹ tôi vẫn gọi là “khu đô thị ma”—một tiểu khu bị bỏ hoang trước khi hoàn thành thi công xây dựng. Trước đây mấy lần đi trên đường bố mẹ đã chỉ cho tôi thấy những khu đô thị ma kiểu này, nhưng tôi chưa từng thấy nơi nào hoang vắng tiêu điều đến thế.

Chúng tôi đi quá Grovepoint Acres khoảng năm dặm thì Radar vắn nhỏ nhạc lại và thông báo, “Tầm một dặm nữa thì đến nhé.”

Tôi hít một hơi thật sâu. Cơn hứng khởi trốn học đi chơi đã xẹp dần. Nơi này chẳng có vẻ gì là chỗ Margo sẽ trú ẩn, hoặc thậm chí ghé qua. Khác một trời một vực thành phố New York. Đây là phần Florida mà người ta chỉ bay qua, tự hỏi sao có thể tá túc ở mảnh bán đảo này. Tôi chăm chăm nhìn mặt đường nhựa trống trơn, cái nóng như kéo nhòe thị giác. Phía trước, một vệt cửa hàng trông như khu mua sắm dập dờn trong ánh nắng xa xa.

“Đằng kia phải không?” tôi hỏi, rướn lên chỉ.

“Hẳn rồi,” Radar đáp.

Ben ấn nút điều khiển dàn âm thanh, và chúng tôi chìm trong yên lặng khi Ben tấp xe vào bãi đỗ từ lâu đã bị lớp đất cát xám ngoét chiếm dụng. Đã từng có biển hiệu cho bốn cửa hàng ở mặt tiền này. Một cây cột gỉ sét, cao chừng hai mét rưỡi, được cắm bên vệ đường. Nhưng biển hiệu đã tiêu đời từ lâu, bị trận bão nào đó cuốn đi hoặc do cũ kĩ tích tụ. Dãy cửa hàng trụ được khá khấm hơn: khu nhà một tầng, mái bằng, lác đác trơ ra những khối bê-tông thô. Những dải sơn bong tróc nhả nhúm bám trên tường, như đám côn trùng rắng bám vào tổ. Cạnh nước vẽ những bức tranh trừu tượng màu nâu lên các ô cửa sổ. Cửa sổ được ráp lại từ những tấm gỗ ép. Một ý nghĩ khủng khiếp bung lên trong đầu tôi, thứ suy nghĩ không thể nhất lại được một khi nó đã len vào bầu khí quyển nhận thức: dường như đây không phải nơi người ta đến để sống. Đây là nơi người ta đến để chết.

Xe vừa dừng lại, mũi và miệng tôi đã ngập trong thứ mùi khăng khăng của chết chóc. Tôi phải nuốt ngược cơn ói đang dâng lên lờm lợm và đau nhói nơi cuống họng. Chỉ đến lúc này, sau tất cả những thời gian đã mất, tôi mới nhận ra mình đã nhằm tai hại đến thế nào về trò chơi của Margo và phần thưởng cho người chiến thắng.

Tôi ra khỏi xe, Ben đứng cạnh tôi và Radar cạnh nó. Tôi lập tức hiểu rằng chuyện này không vui chút nào, rằng tất cả không phải là hãy-chứng-minh-rằng-cậu-đủ-bản-lĩnh-chơi-với-tớ. Tôi nghe được tiếng Margo đêm đó khi chúng tôi lái xe lòng vòng Orlando. Tôi nghe được cô ấy nói với tôi, “Tớ không muốn đứa trẻ con nào tìm thấy tớ trong cảnh ruồi bâu kiến đậu vào một sáng thứ Bảy ở Công viên Jefferson đâu.” Không muốn bị trẻ con tìm thấy trong Công viên Jefferson không đồng nghĩa với không muốn chết.

Chẳng có gì cho thấy lâu nay còn có người ở đây, trừ cái mùi, thứ mùi chua chua nồng nồng bệnh bệnh bốc lên để giữ người sống tránh xa người chết. Tôi tự nhủ Margo không thể nào có mùi như thế, nhưng tất nhiên là có thể rồi. Tất cả chúng ta đều có thể bốc mùi như vậy. Tôi giơ cánh tay chặn ngang mũi để ngửi mùi mồ hôi và da mình, bất kể mùi gì trừ cái chết.

“MARGO OI?” Radar gọi. Một con chim nhại đậu trên ống máng hoen gỉ của tòa nhà, phun ra hai âm tiết đáp trả. “MARGO!” Radar lại gọi lớn. Không có gì. Radar đá sục một cú vào cát, ngoa ngán rửa, “Chết tiệt.”

Đứng trước tòa nhà này, tôi hiểu được chút gì đó về nỗi sợ hãi. Tôi hiểu rằng đó không phải là ảo giác đờ đẫn của người có lẽ muốn chuyện gì đó trọng đại xảy ra với mình, dù điều trọng đại đó thực khủng khiếp. Đó không phải là cảm giác ghê sợ khi thấy một người xa lạ bị chết, cũng không phải khoảnh khắc nghẹt thở khi nghe thấy tiếng súng rít lên từ nhà Becca Arrington. Không thể điều hòa bình ổn nó bằng bài tập thở. Nỗi sợ hãi này không có chút nào tương đồng với những sợ hãi tôi từng biết trước đó. Nó nằm ở nơi sâu nhất của mọi cảm xúc có thể có, thứ cảm giác theo chúng ta từ trước khi chúng ta tồn tại, trước khi khối nhà này tồn tại, trước cả khi trái đất tồn tại. Đó là nỗi sợ hãi đã đẩy cá khỏi đất khô mà tiến hóa buồng phổi, nỗi sợ hãi đã dạy chúng ta phải chạy, nỗi sợ hãi khiến chúng ta chôn cất những người đã qua đời.

Cái mùi ấy thít lấy tôi trong cơn hoảng loạn tuyệt vọng— hoảng loạn không phải như trong phổi tôi đã cạn sinh khí, mà như chính sinh quyển đã cạn khí. Tôi nghĩ có thể lí do tôi lo lắng hết phần lớn thời gian đời mình là vì tôi cố gắng tự chuẩn bị cho bản thân, rèn luyện cơ thể sẵn sàng chống lại nỗi sợ hãi đích thực khi nó tràn tới. Nhưng tôi không sẵn sàng.

“Nên đi thôi mấy bồ,” Ben lên tiếng. “Nên gọi cảnh sát hay làm gì đại khái thế.” Chúng tôi vẫn chưa nhìn nhau. Cả ba thằng vẫn chăm chăm nhìn tòa nhà, cái nơi bị bỏ hoang từ bao nhiêu lâu nay không có khả năng cất giấu bất cứ thứ gì trừ những xác chết.

“Không,” Radar kêu lên. “Không không không không không. Bọn mình sẽ gọi khi có gì đó để trình báo. Margo để lại địa chỉ này cho Q. Không phải cho cảnh sát. Chúng ta phải tìm cách vào trong đó.”

“Vào *trong* đó?” Ben ngờ vực hỏi.

Tôi vỗ vỗ lên lưng Ben, và lần đầu tiên trong suốt cả ngày, ba đứa chúng tôi không nhìn về phía trước mà quay sang nhìn nhau. Như vậy còn có thể chịu đựng được. Khi tôi nhìn hai thằng bạn, có điều gì đó như mách bảo tôi rằng Margo không chết cho đến khi nào chúng tôi tìm ra cô ấy. “Đúng vậy, vào trong đó,” tôi nói.

Tôi không còn biết Margo là ai nữa, hay từng là ai, nhưng tôi cần tìm cô ấy.

9.

Chúng tôi đi ra phía sau tòa nhà và thấy bốn cánh cửa sắt bị khóa. Không có gì ngoài đất hoang, vài đám cỏ mọc lác đác trên mênh mông cỏ nửa vàng nửa xanh. Cái mùi khản khản ở đây còn nồng nặc hơn, tôi chần chợn không muốn đi tiếp. Ben và Radar ở ngay phía sau, bên phải và bên trái tôi. Ba thằng làm thành đội hình tam giác, bước đi chầm chậm, căng mắt quan sát xung quanh.

“Một con ra-cun!” Ben hét toáng lên. “Ôi, đội ơn Chúa, một con ra-cun, trời đất quỷ thần ơi!” Radar và tôi liền đi xa khỏi tòa nhà, lại chỗ Ben đang đứng bên một rãnh thoát nước nông. Một con ra-cun to đùng, lông dày bết, nằm chết trương phềnh, không có vết thương nào rõ rệt, lớp lông nó đang rã ra, lộ một đé xương sườn. Radar quay đi và hộc lên, nhưng không ói. Tôi cúi xuống, vòng tay giữ hai bả vai nó. Khi nhịp thở trở lại bình thường, Radar nói, “Tôi mừng kinh khủng khiếp vì đó là xác một con ra-cun kinh khủng khiếp.”

Dẫu vậy, tôi vẫn không thể hình dung Margo còn sống ở đây. Tôi chợt nhận ra rằng những câu thơ của Whitman có thể là lời nhắn tuyệt mệnh. Tôi nghĩ đến những dòng cô ấy đã đánh dấu: “Và chết chẳng giống những gì người ta huyễn tưởng, và thêm phước phận.”

“Ta trả mình về đất, nuôi những thân cỏ ta yêu, / Nếu người muốn ta, hãy tìm ta dưới đế ủng.” Trong tích tắc, tôi thấy lóe lên chút hi vọng khi nghĩ đến câu cuối bài thơ: “Ở đâu đó, ta dừng lại đợi người.” Nhưng rồi tôi nghĩ *ta* không nhất thiết phải là một con người. *Ta* cũng có thể là một cái xác.

Radar đã tránh xa khỏi con ra-cun, đang giật giật tay nắm của một trong bốn cánh cửa sắt bị khóa. Tôi cảm thấy muốn cầu nguyện cho những gì đã khuất-tụng một khúc Kaddish cho con ra-cun này–nhưng thậm chí tôi còn

không biết phải làm thế nào. Tôi thương tiếc con vật ấy, và lấy làm tiếc vì đã thềm mừng khi thấy nó như vậy.

“Cần lực mạnh hơn,” Radar gọi. “Lại giúp tôi đi.”

Ben và tôi cùng vòng tay qua hông Radar và kéo về phía sau. Nó chống chân lên tường để có thêm điểm tựa khi kéo, rồi thì cả hai thẳng ngã huỵch xuống tôi. Lưng áo đầm mồ hôi của Radar đè lên mặt tôi. Trong thoáng chốc tôi mừng rơn, tưởng đã vào được rồi. Nhưng rồi tôi thấy Radar cầm cái tay nắm cửa. Tôi vội nhồm dậy nhìn cánh cửa. Vẫn đóng im ỉm.

“Cái thứ tay nắm cửa bốn chục năm tuổi thọ đáng nguyên rủa này!” Radar rủa. Tôi chưa từng thấy nó nói năng kiểu đó bao giờ.

“Được rồi mà,” tôi nói. “Có cách. Phải có cách chứ.”

Chúng tôi vòng lại mặt trước tòa nhà. Không cửa ra vào, không lỗ hổng, không có vẻ gì là có đường ngầm. Nhưng tôi cần vào trong. Ben và Radar cố gắng nạy những mảng gỗ ép khỏi cửa sổ, nhưng tất cả đều đã được đóng đinh cố định. Radar đá tấm gỗ mà không ăn thua. Ben quay lại nói với tôi, “Không có kính sau lớp gỗ ép,” và nó bắt đầu giật lùi, đôi giày thể thao đá vung cát lên theo mỗi bước chân.

Tôi chưa hiểu gì, nhìn Ben dò hỏi. “Tôi sẽ công phá đám gỗ ép đó,” nó giải thích.

“Ông không làm được đâu.” Ben thấp bé nhất trong ba đứa. Nếu cần người công phá những cửa sổ bịt bằng gỗ ép ấy, thì đó nên là tôi.

Ben nắm tay lại thành nắm đấm rồi duỗi các ngón ra. Khi tôi tiến lại, nó bắt đầu kể. “Hồi tôi học lớp ba, mẹ tìm cách để tôi không bị bắt nạt nên cho tôi học lớp võ taekwondo. Hình như tôi chỉ đến lớp có ba buổi, và chỉ học được mỗi một chiêu, nhưng thỉnh thoảng cũng hữu hiệu ra phết: bọn nhóc tí xem sư phụ taekwondo đâm xuyên một tấm gỗ dày, đứa nào cũng trầm trồ hỏi sao thầy làm được, và thầy đã nói với cả lớp rằng nếu ta di chuyển như thể tay ta sẽ xuyên qua súc gỗ, và nếu ta tin rằng tay ta sẽ xuyên qua được, thì ắt nó xuyên được.”

Tôi toan phản bác thứ lô-gíc ăn đở trẻ con ấy, thì Ben đã xuất phát, lao vù qua tôi như một vệt nhòe. Càng đến gần tấm gỗ nó càng tăng tốc, và cuối cùng không chút nao núng, nó nhảy lên trong giây cuối cùng, xoay nghiêng

người-giơ vai ra hứng chịu va đập-rồi đâm sầm vào lớp gỗ. Tôi nửa mong nó sẽ phá tung tấm ván và để lại một lỗ hồng hình-Ben, như trong phim hoạt hình vậy. Nhưng nó bật khỏi lớp gỗ, ngã bệt xuống vạt cỏ sáng màu, trong một biển cát bụi tung bay. Ben lăn nghiêng người, xoa xoa bả vai. “Vỡ rồi,” nó tuyên bố.

Tôi nghĩ Ben muốn nói vai nó vỡ rồi nên chạy vội lại, nhưng rồi nó đứng lên, và tôi thấy một vết nứt cao-bằng-Ben trên tấm gỗ ép. Tôi bắt đầu đá vào đó, vết nứt toác dọc ra, rồi Radar và tôi lách được ngón tay qua vết nứt và bắt đầu giật mạnh. Tôi nhú mào để mồ hôi không chảy xuống làm cay mắt, ra sức kéo ra đẩy vào cho vết nứt đó loang rộng ra. Radar và tôi cùng nghiêng răng làm, cho đến khi Radar phải nghỉ một lát lấy sức và Ben thế chỗ. Cuối cùng, ba thằng khoét được một lỗ khá trên tấm gỗ ép để vào được bên trong khu mua sắm mini này. Tôi trèo vào, tù mù đặt chân lên thứ gì đó như là một đồng giấy tờ.

Chút ánh sáng lọt được vào bên trong qua cái lỗ bọn tôi vừa khoét, nhưng tôi vẫn không thể hình dung được phương hướng, cũng không nhận biết được liệu phía trên có trần hay không. Không khí trong này ngọt ngào và bức bối đến mức hít vào hay thở ra cũng na ná như nhau.

Tôi quay lại và cảm tôi va phải trán Ben. Tôi thì thào, dù chẳng có lí do gì phải thì thào như vậy. “Ông có cái-”

“Không,” Ben thì thầm lại trước khi tôi nói hết câu.

“Radar ơi, ông có mang đèn pin không?”

Tôi nghe thấy tiếng Radar trèo vào. “Có một cái trên dây đeo chìa khóa của tôi, nhưng không sáng lắm đâu.”

Ánh sáng rọi đến, tôi vẫn chẳng thấy gì rõ rệt, nhưng có thể nói được rằng chúng tôi đang ở trong một căn phòng rộng, đầy một mê hồn trận những giá sắt. Đồng giấy trên sàn là tờ lịch xé hàng ngày, những tờ lịch rải rác rơi khắp phòng, tất cả đều đã ố vàng và bị chuột gặm. Tôi tự hỏi không biết nơi này có từng là một hiệu sách nhỏ hay không, dù hàng thập kỉ đã trôi qua và trên giá không có gì ngoài bụi.

Chúng tôi đi hàng một sau Radar. Tôi nghe thấy có tiếng cọt két trên đầu, cả bọn liền dừng lại. Cố gắng nốt trôi cảm giác hoảng loạn, tôi nghe được

từng nhịp thở của Radar và Ben, từng bước chân loạt soạt. Tôi muốn ra khỏi chỗ này, nhưng đó có thể là Margo ra hiệu cho tôi. Đó cũng có thể là những con nghiện đầy ranh ma.

“Chỉ là tòa nhà này tự lắng lại sau màn rung rinh vừa rồi thôi mà,” Radar thì thầm, nhưng nó có vẻ không quả quyết như thường lệ. Tôi đứng không nhúc nhích nổi. Lát sau, tôi nghe thấy tiếng Ben. “Lần cuối sợ đến mức này, tôi đã quần ra tiều.”

“Lần cuối sợ đến mức này,” Radar góp chuyện, “tôi thực sự đã phải đối mặt với Chúa Tể Hắc Ám vì an nguy của thế giới phù thủy.”

Tôi nỗ lực một cách yếu ớt. “Lần cuối sợ đến mức này, tôi đã phải ngủ trong phòng mẹ.”

Ben khúc khích. “Q này, nếu tôi là ông, tôi sẽ muốn sợ đến mức này Mỗi Đêm.”

Tôi chẳng có tâm trạng nào cười, nhưng tiếng cười của hai thằng khiến căn phòng có cảm giác an toàn hơn, và chúng tôi bắt đầu khám phá. Ba đưa đi qua từng dãy giá sắt, chẳng thấy gì ngoài vài số tạp chí *Reader's Digest* từ những năm 1970 trên sàn. Một lúc sau, mắt bắt đầu quen với bóng tối, và trong ánh sáng mờ mờ, chúng tôi bắt đầu đi về những hướng khác nhau, nhanh chậm khác nhau.

“Không ai rời phòng này cho đến khi tất cả cùng ra nhé,” tôi thì thầm giao hẹn, và hai thằng kia thì thầm đáp đồng ý. Tôi đến trước một vách tường ngăn căn phòng và phát hiện ra bằng chứng đầu tiên cho thấy có người đã vào đây sau khi tòa nhà bị bỏ hoang. Một lỗ bán nguyệt nham nhở, cao chừng ngang hông, được đục xuyên qua tường. Hai từ LỖ QUI được phun bằng sơn màu da cam ở phía trên, và một mũi tên tận tình chỉ xuống cái lỗ bên dưới. “Này,” Radar gọi, to đến mức tiếng như vỡ ra trong chốc lát. Tôi đi về phía tiếng nó và thấy Radar đang đứng trước một mảng tường, đèn pin rọi lên một Lỗ Quỷ nữa. Chữ graffiti không đặc biệt giống kiểu của Margo, nhưng khó mà nói chắc được. Tôi mới thấy cô ấy phun sơn viết mỗi một chữ cái.

Radar chiếu đèn qua cái lỗ ấy trong khi tôi khom người chui qua đầu tiên. Căn phòng bên này hoàn toàn trống không, trừ tấm thảm cuộn lại trong góc.

Khi đèn chiếu xuống sàn, tôi thấy những vệt keo còn trên nền bê-tông, chỗ trước ắt là có tấm thảm. Nhìn qua phòng, tôi thấy thêm một lỗ thông trên tường nữa, lần này không có chữ viết.

Tôi chui qua Lỗ Quỷ đó vào một căn phòng có hàng dãy móc treo quần áo, các cọc thép không gỉ vẫn kiên cố giữa những mảng tường loang lỗ ngấm nước dột. Phòng này sáng hơn, mất một lúc tôi mới nhận ra đó là do có vài lỗ thủng trên mái-giấy phết hắc ín rã xuống, và tôi thấy được những chỗ trần mái tì vào các rầm sắt giờ trơ ra.

“Cửa hàng lưu niệm,” Ben thì thào trước mặt tôi, và tôi lập tức nhận ra nó nhận xét đúng.

Ở giữa phòng có năm tủ trưng bày được kê thành một hình ngũ giác. Lớp kính từng ngăn cách khách du lịch và những món đồ lưu niệm vô bổ đã vỡ gần hết, những mảnh thủy tinh vương vãi quanh tủ. Lớp sơn xám bong khỏi tường thành những họa tiết ngộ ngộ vui mắt, từng đa giác sơn nứt nẻ tạc thành hình một bông tuyết tàn tạ.

Nhưng kì lạ là vẫn có chút dấu tích của buôn bán: một cái điện thoại chuột Mickey, hồi bé tôi từng thấy kiểu như vậy. Mấy cái áo phong ORLANDO NGẬP NẮNG bị gián nhấm nhưng còn nếp gấp và vẫn được trưng bày, lẫn với mảnh thủy tinh vỡ. Phía dưới tủ kính, Radar thấy một hộp đầy bản đồ và sách lữ hành, quảng cáo Gator World, Crystal Gardens và những căn nhà cười giờ không còn hoạt động nữa. Ben vẫy tôi, lặng lẽ trở một món lưu niệm hình cá sấu bằng thủy tinh xanh, nằm đơn độc trong một tủ trưng bày, gần như đã chôn vùi trong bụi. Đây chính là giá trị của các món đồ lưu niệm, tôi trộm nghĩ: ta chẳng thể nào vớt chúng đi.

Chúng tôi đi ngược lại, qua căn phòng trống và phòng có nhiều giá sắt, chui qua Lỗ Quỷ cuối cùng. Gian này trông như một văn phòng, có điều không có máy vi tính, và dường như nó bị bỏ lại chóng vánh, như thể các nhân viên bị đột ngột bắt cóc vào vũ trụ hay đại loại thế. Hai mươi bàn làm việc kê thành bốn dãy. Đây đó còn mấy cái bút trên mặt bàn, và bàn nào cũng còn lại những tờ lịch tường to chẳng. Các tờ lịch nhất nhất dừng lại ở tháng Hai năm 1986. Ben đẩy một cái ghế bọc vải, cái ghế quay tròn, nhịp nhàng kêu ken két. Hàng ngàn tập giấy ghi chú quảng cáo Công Ti Thế

Chấp Martin-Gale được chất cạnh một bàn, làm thành một kim tự tháp xiêu vẹo. Những cái hộp không đậy nắp, đựng hàng tập giấy từ những máy in kim cổ lỗ sĩ, thống kê thu chi của Công Ti Thế Chấp MartinGale. Trên một bàn khác, ai đó đã xếp những cuốn quảng cáo các tiểu khu thành hình ngôi nhà một tầng. Tôi xô đổ các cuốn quảng cáo, thậm mong chúng giữ manh mối gì đó, nhưng không có.

Radar đưa ngón tay qua đồng giấy tờ, khẽ nói, “Không có gì sau năm 1986 cả.” Tôi bắt đầu xem các học bản. Có tấm bông ngoáy tai và ghim cài cra-vát. Bút và bút chì từng tá trong hộp bìa ọp ẹp, chữ in và kiểu dáng cũ kĩ. Khăn ăn. Một đôi găng tay chơi golf.

“Hai ông có thấy gì chứng tỏ có người đã ở đây trong khoảng, xem nào, hai chục năm đổ lại không?” tôi hỏi. “Không có gì trừ các Lỗ Quỷ,” Ben đáp. Nơi này là một hầm mộ, cái gì cũng nằm yên dưới bụi.

“Vậy sao Margo lại dẫn chúng ta đến đây?” Radar hỏi. Bây giờ chúng tôi đã nói được bình thường, không còn thì thào nữa.

“Không biết,” tôi đáp. Rõ ràng là Margo không ở đây.

“Có mấy chỗ ít bụi hơn,” Radar nói. “Một hình chữ nhật không chút bụi bặm trong căn phòng trống không, như thể cái gì đó đã được chuyển đi. Nhưng tôi không biết.”

“Và có mấy chỗ sơn,” Ben góp thêm. Ben chỉ, ánh đèn của Radar theo đó rọi lên một mảng ở góc xa trên tường văn phòng này. Mảng tường được phủ sơn lót, như thể ai đó nảy ra ý tưởng thiết kế lại nơi này, nhưng rồi bỏ dở dự án sau khoảng nửa tiếng đồng hồ. Tôi tiến tới mảng tường đó, và gần lại, tôi thấy có hình graffiti màu đỏ dưới lớp sơn trắng. Nhưng chỉ thấy được lấp ló màu đỏ như rỉ ra qua mảng trắng—gần như không hiểu được đó là gì. Một thùng sơn lót ở ngay sát tường, còn mở nắp. Tôi quì xuống và nhúng ngón tay vào sơn. Mặt sơn đã cứng lại, nhưng dễ dàng rạn ra, và khi rút lên ngón tay tôi đã được hoàn toàn phủ trắng. Khi những giọt sơn nhỏ từ ngón tay tôi xuống, tôi không nói gì vì chúng tôi đều có chung kết luận: rút cục gần đây đã có ai đó đến chỗ này. Tiếng cọt két lại vang lên đâu đó trong tòa nhà, Radar đánh rơi đèn pin.

“Gớm quá,” nó lăm bằm rủa.

“Xem này,” Ben thốt lên. Đèn pin vẫn ở trên sàn, tôi lùi lại để nhặt nó lên, nhưng đúng lúc đó tôi thấy Ben đang chỉ. Nó chỉ vào mảng tường. Trò chơi của ánh sáng phản chiếu đã phô bày những con chữ graffiti, đẩy chúng nổi lên khỏi lớp sơn trắng phủ bên trên, những nét chữ rờn rợn tôi nhận ra ngay là của Margo.

SẼ ĐẾN NHỮNG THÀNH PHỐ GIẤY VÀ SẼ KHÔNG BAO GIỜ TRỞ LẠI

Tôi nhặt đèn pin lên và chiếu thẳng vào lớp sơn, thông điệp đó lập tức biến mất. Nhưng khi chiếu đèn lên những mảng tường khác trong phòng, tôi lại đọc được những con chữ ấy. “Quái quái,” Radar nói trong hơi thở.

Và giờ Ben lên tiếng, “Các bồ, chúng ta đi được chưa? Vì lần cuối sợ đến mức này... quái tha ma bắt, tôi sợ đứng tim gan rồi đây. Trò này chẳng vui vẻ gì sất.”

Trò này chẳng vui vẻ gì sất là cách gần nhất Ben có thể với tới nỗi kinh hoàng tôi đang cảm thấy, có lẽ vậy. Và đối với tôi như vậy là đủ gần rồi. Tôi bước nhanh về phía Lỗ Quỷ.

Có cảm giác những bức tường đang đóng lại sau chúng tôi.

Ben và Radar thả tôi về nhà—hai thằng chịu cúp cua nhưng nhất định không bỏ tập nhạc. Tôi ngồi một mình rất lâu với “Tự khúc”. Để đến lần thứ mười tôi cố gắng đọc toàn bộ bài thơ từ đầu đến cuối, nhưng vấn đề là bài thơ dài chừng tám chục trang, vòng vo khó hiểu và lộn xộn. Dù hiểu được từng từ riêng lẻ, nhưng gộp thành tổng thể thì tôi chịu không hiểu nổi. Cả khi biết có lẽ chỉ những phần được đánh dấu là quan trọng, tôi vẫn muốn tìm hiểu xem liệu đây có phải là kiểu thơ tuyệt mệnh không. Nhưng tôi vẫn không tài nào luận ra được.

Đọc được chục trang sách loạn cào cào, tôi thấy hoang mang đến mức quyết định gọi điện cho bác thám tử. Tôi moi được danh thiếp của bác ấy từ túi quần soóc đã lảng vào giỏ quần áo bẩn. Bác ấy nhắc máy ở hồi chuông thứ hai.

“Warren nghe đây.”

“Hơ, dạ, con là Quentin Jacobsen, bạn của Margo Roth Spiegelman, bác nhớ con không ạ?”

“Bác nhớ chứ con trai. Có chuyện gì thế?”

Tôi kể với bác ấy về những manh mối, khu mua sắm mini, về những thành phố giấy và Margo đã gọi Orlando là một thành phố giấy khi chúng tôi nhìn từ tòa nhà SunTrust xuống như thế nào, nhưng cô ấy đã không dùng số nhiều. Tôi kể lại chuyện Margo đã nói với tôi rằng cô ấy không muốn bị tìm thấy, cả chuyện hãy tìm cô ấy dưới những đống đổ nát. Bác ấy thậm chí không lên giọng với tôi rằng không được vào những khu nhà hoang, không hỏi tại sao tôi lại ở trong một tòa nhà bị bỏ hoang vào lúc 10 giờ sáng một ngày phải đến trường. Bác ấy chỉ đợi cho đến khi tôi nói xong rồi mới lên tiếng, “Chúa ơi, chàng trai, con gần như là một thám tử rồi đấy. Giờ con chỉ cần có

thêm khâu súng, linh cảm nghề nghiệp và ba bà vợ cũ nữa thôi. Vậy giả thuyết của con là gì?”

“Con lo là có thể Margo đã, ừm, con sợ có khi bạn ấy đã tự vẫn rồi.”

“Trong đầu bác luôn đinh ninh rằng cô bé chỉ bỏ đi thôi, con trai ạ. Bác hiểu suy luận của con, nhưng cũng nên nhớ rằng cô bé đã từng cư xử như vậy. Bác muốn nói đến những manh mối được để lại ấy mà. Tăng thêm kịch tính cho toàn bộ quá trình. Thật lòng mà nói, con trai ạ, nếu Margo muốn con tìm thấy nó—còn sống hay đã chết—thì rồi con sẽ tìm được thôi.”

“Nhưng bác không—”

“Con trai, điều không may là Margo đã là một người trưởng thành được pháp luật công nhận, với một ý chí tự do, con hiểu chứ? Bác khuyên con thế này nhé: hãy để con bé tự về. Bác muốn nói là rồi đến lúc nào đó, con sẽ thôi không nhìn lên trời nữa, hoặc một trong những ngày đó, con sẽ nhìn xuống và thấy rằng chính con cũng đã trôi đi.”

Tôi đặt máy xuống với một cảm giác khó chịu ở trong miệng—tôi nhận ra rằng chất thi sĩ của bác Warren sẽ không đưa tôi đến với Margo. Tôi miên man nghĩ đến những dòng cuối mà Margo đã gạch chân: “Ta trả mình về đất, nuôi những thân cỏ ta yêu, / Nếu người muốn ta, hãy tìm ta dưới đế ừng.” Thứ cỏ ấy, Whitman đã viết trong những trang đầu tiên là “làn tóc mộ chí buông không buồn cắt.” Nhưng những ngôi mộ ở đâu? Những thành phố giấy ở đâu?

Tôi đăng nhập vào Toàn Thư Đủ Thứ xem trong đó có thông tin gì về “những thành phố giấy” mà tôi không biết không. Có một mục bài cực kì sâu sắc và hữu ích từ một vị tên truy cập là môngchờnhôi: “Thành Phố Giấy là một thành phố ở đó có một nhà máy giấy.” Đây là bất cập của Toàn Thư Đủ Thứ: những thứ Radar viết cực kì tỉ mỉ và tuyệt đối hữu ích; còn công trình thô sơ của môngchờnhôi chỉ khêu nhẹ vấn đề ra cho người ta thêm. Nhưng khi tìm rộng toàn bộ trên mạng, tôi thấy có khoảng bốn chục đầu mục khá thú vị, nằm tít phía dưới một diễn đàn về bất động sản ở bang Kansas.

Xem ra khu bất động sản Madison sẽ không bao giờ được hoàn thiện; vợ chồng tôi đặt mua nhà ở đó, nhưng trong tuần có người gọi điện cho chúng

tôi, báo rằng tiền đặt cọc của chúng tôi sẽ được hoàn lại vì họ không bán trước được đủ nhà để rót vốn cho dự án. Thêm một thành phố giấy cho bang Kansas!—Marge ở Cawker, KS Một khu đô thị ma! Sẽ đến những khu đô thị ma và sẽ không bao giờ trở lại. Tôi thở thật sâu và nhìn chăm chăm màn hình máy tính một lúc.

Dường như không thể tránh được kết cục ấy. Dù bên trong cô ấy mọi thứ đã tan vỡ và đã đi đến phán quyết, Margo chùng như không cho phép bản thân biến mất vĩnh viễn. Và cô ấy đã quyết định để lại thân xác mình—để lại cho tôi—trong dáng dấp khu đô thị ma *của chúng tôi*, nơi những sợi dây đầu tiên của cô ấy đã đứt. Margo đã nói rằng cô ấy không muốn thân xác mình bị những đứa trẻ vu vơ tìm thấy—và có thể lí giải được rằng trong số những người quen biết, Margo sẽ chọn tôi là người tìm ra cô ấy. Cô ấy sẽ không làm tổn thương tôi bằng một cách mới. Tôi đã từng làm việc đó. Tôi có kinh nghiệm trong lĩnh vực này.

Tôi thấy Radar đang trực tuyến, định gọi nó nói chuyện thì thấy tin nhắn của nó hiện lên màn hình của tôi.

CÔNGDÂN CỬA TÒA AN THỦ 96: Ờ.

QKẾ HỒI SINH: Những thành phố giấy = những khu đô thị ma. Tôi nghĩ Margo muốn tôi tìm thấy xác cậu ấy. Vì cậu ấy nghĩ rằng tôi có thể xoay sở được. Vì hồi còn bé, bọn tôi đã phát hiện được một xác chết.

Tôi gửi đường dẫn cho Radar.

CÔNGDÂN CỬA TÒA AN THỦ 96: Hượm để tôi đọc từ đường dẫn đã.

QKẾ HỒI SINH: Ừ.

CÔNGDÂN CỬA TÒA AN THỦ 96: Được rồi, đừng nghĩ quẩn. Ông vẫn chưa có gì chắc chắn cả mà. Tôi nghĩ chắc Margo ổn cả thôi.

QKỀHỒISINH: Đừng lòe tôi.

CÔNGDÂNCUÁTOÀANTHƯ96: Được rồi tôi không lòe ông. Nhưng nếu có ai đó còn sống bất luận bằng chứng này...

QKỀHỒISINH: Ừ, cho là vậy. Tôi đi năm một lúc đây, bố mẹ tôi sắp về rồi.

Nhưng không sao bình tĩnh được, thế là tôi nằm trên giường gọi điện cho Ben, kể lại giả thuyết của mình.

“Ông nghĩ nhiều quá hóa quẩn đó. Nhưng Margo ổn mà. Tất cả đều là một phần của trò chơi nào đó mà cậu ấy đang tiêu khiển.”

“Ông bắt đầu thờ ơ về chuyện này rồi đấy.”

Ben thở dài. “Dù sao thì Margo chơi, chà, hơi không đẹp. Ông thấy đấy, không dừng cậu ấy tung đòn đánh úp ba tuần cuối ở trường phổ thông. Ông cũng thấy rồi đấy, Margo làm cả lũ lo lắng, Lacey lo loạn lên, và dạ tiệc thì chỉ còn ba ngày nữa là đến. Chúng ta không thể có một dạ tiệc tốt nghiệp vui tới bến sao?”

“Ông nói nghiêm túc không đấy? Có thể Margo đã chết đấy Ben ạ.”

“Cậu ấy không chết đâu. Margo là nữ hoàng dựng chuyện mà. Muốn được chú ý. Tôi biết phụ huynh của Margo là hai vị chẳng ra sao cả, nhưng họ hiểu Margo rõ hơn chúng ta, đúng chứ? Và họ cũng nghĩ như thế đấy.”

“Ông là đồ cùi bắp,” tôi rủa.

“Ông nói sao cũng được. Hai thằng mình đều vừa có một ngày dài. Quá nhiều kịch tính. Tôi sẽ NCSN.” Tôi định trêu nó là sao lại dùng ngôn ngữ mạng NĐ[®] thế này, nhưng chính tôi chẳng còn hơi sức nào đùa cợt nữa.

Sau khi ngắt máy với Ben, tôi lại vào mạng, tìm danh mục những khu đô thị ma ở bang Florida. Không thấy danh mục nào như vậy, nhưng sau khi tìm “những tiểu khu bị bỏ hoang” và “Grovepoint Acres”, na ná như vậy, tôi gom được danh sách năm địa điểm nằm trong khoảng ba tiếng đồng hồ chạy xe từ Jefferson Park. Tôi in bản đồ Trung Florida ra, đánh lên khoảng tường phía trên máy tính, rồi lấy ghim mũ đánh dấu năm nơi đó. Quan sát bản đồ, tôi không thấy mối liên hệ nào. Những địa điểm đó nằm rải rác ở ngoại ô hẻo lánh, có lẽ phải mất ít nhất một tuần tôi mới đi được hết. Tại sao Margo

không khoan lại cho tôi một khu vực cụ thể? Tất cả những manh mối rừng-rợn-đến-phát-gớm này. Tất cả những cận kề thảm kịch này. Nhưng không một nơi chốn. Không có gì để bám víu. Như thế phải leo một đỉnh núi đầy sỏi đá vậy.

Ngày hôm sau Ben cho tôi mượn ẻm RHAPAW vì nó sẽ lái chiếc SUV của Lacey đi lòng vòng mua sắm chuẩn bị cho dạ tiệc tốt nghiệp. Thế là lần này tôi không phải ngồi chờ ngoài phòng tập nhạc—chuông báo kết thúc tiết thứ bảy là tôi phóng đến bên chiếc xe. Nhưng không có tài khởi động RHAPAW được như Ben, nên dù là một trong những đứa đầu tiên có mặt tại bãi đỗ xe của học sinh năm cuối, tôi là một trong những kẻ cuối cùng ra được. Dù gì cuối cùng động cơ cũng chịu hoạt động, và tôi thẳng tiến đến Grovepoint Acres.

Tôi lái xe dọc đường Colonial, chạy chậm chậm để quan sát xem có khu đô thị ma nào tôi lỡ bỏ sót khi tra trên mạng không. Một hàng dài ô-tô nối sau xe tôi. Tôi hơi bấn khi thấy cảnh ấy, rồi lập tức thán phục bản thân sao tôi vẫn còn sức lo đến những thứ trẻ con vụn vặt ngốc xít ấy: tự hỏi không biết gã trong chiếc SUV phía sau có đang nghĩ tôi là một tay lái quá ư thận trọng, chạy xe rù rì như rùa không. Tôi những muốn rằng sự biến mất của Margo sẽ thay đổi tôi; nhưng nó không thay đổi, không được là bao.

Khi dòng xe phía sau cứ nối dài như một đám đũa tang bất đắc dĩ, tôi nhận ra mình đang nói to lên với cô ấy. *Tớ sẽ lần theo dây nối. Tớ sẽ không phản bội niềm tin của cậu. Tớ sẽ tìm được cậu.*

Kì lạ là nói to lên như vậy khiến tôi bình tĩnh hơn. Tôi không vẽ ra các giả thuyết nữa. Lại đi qua tấm bảng gỗ cũ kĩ đề Grovepoint Acres, tôi gần như nghe thấy tiếng thở phào nhẹ nhõm từ đám thắt cổ chai phía sau khi tôi rẽ trái vào con đường cụt trái nhựa. Trông như một lối đi không dẫn vào căn nhà nào. Tôi cứ để RHAPAW chạy hết dải đường ấy. Lại gần, Grovepoint Acres có vẻ hoàn thiện hơn là thoát nhìn. Hai con đường đất dẫn vào một vòng cung cụt, giao cắt nhau thành những mảng trống bụi bặm. Dù đường đã bị xói lở nhiều, tôi vẫn hơi thấy được các mép đường. Đi đi lại lại trên hai con phố ấy, tôi cảm nhận được hơi nóng phả ra từ hai cánh mũi mình, theo từng nhịp thở. Mặt trời nóng như rang khiến đi lại khá mệt, nhưng tôi tự

hiểu một sự thật đẹp đẽ, dù có thể hơi xuân ngốc: cái nóng sẽ khiến mùi chết chóc phải sộc lên, và Grovepoint Acres chỉ bốc lên mùi không khí bị hun nóng và mùi khói xe—những phát thải tích tụ, bị cái ẩm đẩy xuống gần mặt đất.

Tôi tìm kiếm bằng chứng cho thấy Margo đã ở đây: những dấu chân, điều gì đó được viết lên đất hoặc ki vật nào đó. Nhưng dường như sau nhiều năm trời, tôi là người đầu tiên đặt chân lên những con phố bụi bặm vô danh này. Mặt đất bằng phẳng, cây bụi còn chưa mọc nhiều, thế nên tôi có thể bao quát được mọi hướng. Không lều lán. Không dấu lửa. Không có Margo.

Tôi quay lại RHAPAW, lái sang cao tốc I-4 rồi theo hướng đông bắc thành phố, đến một nơi tên là Holly Meadows. Tôi lái qua Holly Meadows ba lần trước khi thực sự tìm thấy nó—toàn bộ khu vực chỉ có những cây sồi và đất lừ không, còn Holly Meadows—không có biển báo ở lối vào—không mấy nổi bật. Tôi lái xe đi vài mét theo con đường đất qua cụm những cây sồi và thông đầu tiên, xem ra nơi này cũng tiêu điều không kém Grovepoint Acres. Dải đường đất chính dần nhòe vào cánh đồng đất. Tôi không thấy con đường nào khác nữa, nhưng khi đi quanh, tôi có thấy vài cọc gỗ được phun sơn năm vương trên đất; chắc từng đánh dấu địa giới. Tôi không nghĩ hay phát hiện được gì khả nghi, dù vậy tôi vẫn thấy nỗi sợ hãi trời lên trong lồng ngực. Ban đầu tôi không hiểu tại sao, nhưng rồi đã nhận ra: khi người ta giải phóng mặt bằng để xây dựng, họ đã để lại một cây sồi duy nhất ở phía cuối cánh đồng. Và thân cây xoắn vặn với lớp vỏ dày ấy trông rất giống cái cây ngày xưa ở Công viên Jefferson, nơi chúng tôi đã tìm thấy Robert Joyner, giống đến nỗi tôi gần như dám chắc Margo ở đó, phía sau thân cây.

Và lần đầu tiên, tôi phải mừng tượng điều này: Margo Roth Spiegelman, gục vào thân cây, hai mắt đờ đẫn, máu đen trào từ miệng ra, tất cả đã trương lên và biến dạng vì tôi đã mất quá nhiều thời gian mới tìm được cô ấy. Margo đã tin tưởng rằng tôi sẽ tìm thấy cô ấy sớm hơn. Đêm hôm đó cô ấy đã đặt niềm tin vào tôi. Và tôi đã phụ niềm tin ấy. Và dù không khí chỉ nghe mùi trời-sấp-mưa, tôi chắc chắn rằng sẽ thấy Margo ở đó.

Nhưng không. Chỉ có cái cây, đơn côi trên nền đất xám bạc. Tôi ngồi thụp xuống tựa vào thân cây và cố lấy lại nhịp thở. Tôi ghét phải một mình trải

qua chuyện này. Tôi căm ghét. Nếu Margo nghĩ rằng vụ Robert Joyner đã đặt tôi vào thế sẵn sàng, thì cô ấy đã nhầm rồi. Tôi không quen biết Robert Joyner. Tôi không đem lòng yêu mến Robert Joyner.

Tôi dận nắm tay mình xuống mặt đất, cứ thế dậm thành thịch, cát vùn lên cho đến khi tôi dậm phải hàng rễ trần của cây. Tôi vẫn không dừng lại, cơn đau thốn chạy khắp bàn tay và cổ tay tôi. Tôi chưa từng bật khóc vì Margo, cho đến khi đó, giờ rút cục tôi không nén nổi nữa. Tôi vẫn nện xuống mặt đất và hét lên vì chẳng có ai ở đây nghe được cả: tôi nhớ Margo, nhớ cô ấy, nhớ, nhớ, nhớ.

Tôi cứ ở đó cho đến khi cánh tay bả ra và hai mắt khô lại, cứ ngồi đó và nghĩ về cô ấy, cho đến khi ánh ngày đổ tối.

Sáng hôm sau ở trường, tôi thấy Ben đứng cạnh phòng tập nhạc, đang nói chuyện với Lacey, Radar và Angela dưới một vòm cây xòa tán thấp. Tôi chẳng có lòng dạ nào nghe chúng nó bàn về dạ tiệc tốt nghiệp, và những chuyện đại loại như Lacey đã nổi cơn tá hỏa tam tinh với Becca như thế nào. Tôi chờ đến lúc có thể kể với chúng nó những gì tôi đã thấy, nhưng rồi khi thời điểm ấy đến, rút cục tôi chỉ nói vồn vện, “Hôm qua tôi đã xem rất kỹ hai khu đô thị ma nhưng không có gì đáng chú ý.” Thực ra tôi cũng thấy chẳng có gì mới để nói với chúng nó.

Chẳng đứa nào có vẻ để tâm, trừ Lacey. Cậu ấy lúc lắc đầu khi tôi nhắc đến những khu đô thị ma, rồi nói, “Tối hôm qua tớ đọc trên mạng rằng những người chọn cách tự tử trước đó thường cắt đứt quan hệ với những ai từng khiến họ tức giận. Và họ đem cho đồ đạc của mình đi. Tuần trước Margo đã cho tớ năm cái quần jeans, cậu ấy bảo tớ mặc trông đẹp hơn, nhưng thực ra như vậy chỉ dãi bôi thôi, Margo có đường cong, ừm, chuẩn hơn tớ nhiều.” Tôi thấy thích Lacey, nhưng cũng nhớ lại những điều Margo đã nói về cô nàng thích “dìm hàng” bạn bè này.

Hình như kể lại chuyện đó khiến Lacey quá xúc động nên bắt đầu nước mắt ngấn nước mắt dài. Ben vòng tay qua Lacey và cô nàng dụi đầu vào vai nó, như vậy thực ra hơi khó vì khi đi giày cao gót thì Lacey cao nhỉnh hơn Ben.

“Được rồi mà Lacey, tại mình chỉ phải tìm đúng nơi thôi. Cậu thử nói chuyện với tại bạn xem sao. Không biết Margo đã từng nói với ai về những thành phố giấy chưa? Không biết cậu ấy có nhắc đến địa điểm cụ thể nào không? Liệu có một tiểu khu nào đó, ở đâu đó, đặc biệt có ý nghĩa với Margo không?” Lacey dụi sâu hơn vào vai Ben.

“Thôi, đừng hối Lacey quá,” Ben nói. Tôi thờ dài, không nói gì nữa.

“Tôi có theo dõi trên mạng,” Radar nói, “nhưng tên truy cập của Margo không đăng nhập vào Toàn Thư Đủ Thứ kể từ khi cậu ấy bỏ đi.”

Rồi lập tức cả lũ lại trở về chủ đề dạ tiệc tốt nghiệp. Lacey ngóc đầu khỏi vai Ben, trông vẫn ỉu xìu và lơ đãng, nhưng cố gắng mỉm cười nghe Radar và Ben bàn ra tán vào chuyện đặt hoa cài áo.

Ngày hôm đó trôi qua như mọi ngày—tốc độ chậm, với cả ngàn lần ử rử liếc nhìn đồng hồ. Nhưng giờ thậm chí tất cả còn khôn kham hơn, vì mỗi phút tôi uống phí ở trường và từng phút thất bại chưa tìm được Margo.

Giờ học duy nhất hơi hơi hào hứng với tôi ngày hôm đó là Quốc ngữ. Cô Holden hoàn toàn phá hủy *Moby Dick* trong tôi khi lầm tưởng rằng chúng tôi đều đã đọc tác phẩm. Cô hồn nhiên giảng về vị thuyền trưởng Ahab với đam mê tìm và diệt con cá voi trắng nào đó. Nhưng nhìn cô ấy càng giảng càng say sưa như vậy cũng hay. “Ahab là một kẻ điên dong buồm đi ngược số phận. Trong toàn bộ cuốn tiểu thuyết, các em không thấy ông ấy theo đuổi điều gì khác, phải không? Ông chỉ có một ám ảnh duy nhất. Và vì ông là thuyền trưởng, nên không ai trên tàu ngăn được ông. Các em có thể lập luận—hẳn là các em có thể đưa ra lập luận của mình nếu chọn viết về ông ấy trong bài luận cuối năm—rằng Ahab là gã ngốc điên dại vì đam mê ấy. Nhưng các em cũng có thể lập luận rằng có điều gì đó đầy tính anh hùng ca bi tráng khi Ahab dẫn thân vào cuộc đấu mà ông cầm chắc chiến bại. Hi vọng của Ahab có phải là một dạng điên rồ quần trí không, hay đó là hiện thân hùng hồn của nhân tính?” Tôi ngoáy vội càng nhiều càng tốt những lời cô Holden nói, thậm chí phát hiện ra rằng tôi có thể chần chuộn bài cuối kì mà không cần thực sự đọc hết tác phẩm. Trong khi nghe giảng, tôi chợt nhận ra cô Holden có khả năng đọc hiểu siêu phàm. Cô cũng từng nói rằng cô thích Whitman. Thế là khi chuông báo hết giờ, tôi lấy cuốn *Những cánh cỏ* ra và lật rất từ từ trong khi những đứa khác trong lớp ra về hoặc đi làm gì đó ngoại khóa. Tôi đợi sau một đứa đang hỏi xin cô gia hạn một bài tập đã trễ, rồi nó cũng ra khỏi lớp.

“Đọc giả hâm mộ Whitman của tôi đây,” cô nói với tôi.

Tôi nặn ra một nụ cười. “Cô có biết bạn Margo Roth Spiegelman không ạ?” tôi hỏi.

Cô ngồi xuống bàn và dịch sang một bên cho tôi cũng có chỗ. “Margo chưa bao giờ đăng kí học giờ của tôi,” cô Holden nói, “nhưng chắc chắn tôi có nghe nói đến em ấy. Tôi cũng biết em ấy đã bỏ đi.”

“Bạn ấy để lại cho em cuốn sách này trước khi bạn ấy, ờ, biến mất ạ.” Tôi đưa cuốn sách ra, cô Holden bắt đầu từ tốn giở từng trang. Trong khi đó, tôi nói tiếp, “Em đã nghĩ nhiều đến những đoạn được đánh dấu. Nếu cô xem đến phần cuối bài ‘Tự khúc’, sẽ thấy Margo đánh dấu những câu thơ về cái chết. Như câu ‘Nếu người muốn ta, hãy tìm ta dưới đế ửng’ ạ.”

“Bạn ấy để cuốn sách lại cho em hả?” Cô Holden nói khẽ.

“Vâng ạ,” tôi đáp.

Cô Holden giở ngược lại, đầu ngón tay chỉ đoạn được đánh dấu màu xanh lá cây. “Đoạn về những khung cửa này thì sao? Một khoảnh khắc chói sáng trong cả bài thơ, khi mà Whitman—em như *cảm thấy* ông ấy đang nói to với chính em: ‘Mở cửa ra! Hãy tháo tung cửa ra!’”

“Đúng là Margo đã để lại một thứ khác trong khung cửa phòng em ạ.”

Cô Holden bật cười. “Chà! Thông minh đấy! Nhưng đây thực sự là một áng thơ lớn—tôi không thích chỉ hiểu thuần túy nghĩa đen như vậy. Hình như Margo đã có cách phản ứng hơi ám muội với một áng thơ thật ra rất đối lập quan tươi tắn. Bài thơ này nói về mạch nối kết chúng ta lại với nhau—mỗi chúng ta có chung hệ gốc rễ, như những cánh cỏ vậy.”

“Nhưng với những đoạn đánh dấu, hình như Margo cũng có ý tuyệt mệnh cô ạ.” tôi nói. Cô Holden đọc lại những khổ thơ cuối rồi nhìn tôi.

“Áp ý nghĩa tuyệt vọng vào bài thơ này là một lầm lẫn. Tôi hi vọng trường hợp này không phải như vậy, Quentin ạ. Nếu em đọc toàn bộ bài thơ, tôi không nghĩ em có thể đi đến kết luận nào khác ngoài nhận ra rằng sự sống là thiêng liêng và đáng quý. Nhưng—ai mà biết được. Có thể Margo chỉ lọc lấy những đoạn em ấy cần tìm. Đôi khi chúng ta vẫn đọc thơ theo cách đó. Nhưng nếu đúng như vậy, thì Margo đã hoàn toàn hiểu nhầm những gì Whitman mong đợi ở độc giả.”

“Và mong đợi đó là gì ạ?”

Cô Holden gập sách lại, nhìn thẳng vào tôi bằng ánh mắt khiến tôi bối rối không nhìn lại được. “Em nghĩ đó là gì?”

“Em không biết ạ,” tôi đáp, dán mắt vào chồng bài đã chấm trên bàn cô. “Vô số lần em cố gắng đọc cho ra ý nghĩa, nhưng không đi xa được mấy. Đa phần em chỉ đọc những đoạn có đánh dấu thôi ạ. Em đọc để cố gắng hiểu Margo, chứ không phải để cố hiểu Whitman.”

Cô lấy bút chì viết gì đó lên mặt sau một tấm phong bì.

“Khoan đã. Tôi đang viết lại ý đó.”

“Gì cơ ạ?”

“Điều em vừa nói,” cô giải thích.

“Tại sao ạ?”

“Vì tôi cho rằng đó chính là điều Whitman đã mong đợi. Để em thấy rằng ‘Tự khúc’ không chỉ là một bài thơ mà còn là một cách để hiểu về người khác. Nhưng tôi không biết liệu em có thể đọc như đọc một bài thơ bình thường được không, chứ không phải chỉ đọc những mảnh trích và tìm manh mối. Tôi thực sự cho rằng có những liên hệ thú vị giữa thi sĩ trong ‘Tự khúc’ và Margo Spiegelman—tất cả những cá tính hoang dã và chất lãng du đó. Nhưng một bài thơ không thể trọn vẹn nếu em chỉ đọc những mảnh vụn của nó.”

“Vâng, em cảm ơn cô ạ,” tôi nói, cầm lấy cuốn sách và đứng lên. Tôi không cảm thấy khá hơn là bao.

Buổi chiều tôi về nhà cùng Ben, ở nhà nó cho đến khi nó phải đi đón Radar, đến một buổi tiệc tiền-dạ-tiệc ở chỗ Jake, bạn của bọn tôi, nhân dịp bố mẹ Jake không có nhà. Ben rủ tôi đi luôn nhưng tôi không thích lắm.

Tôi đi bộ về nhà, qua công viên nơi Margo và tôi đã tìm thấy người đàn ông tự vẫn năm nào. Tôi còn nhớ buổi sáng ấy, và bụng tôi chột quận lên khi nhớ lại—không phải tại xác chết, mà vì tôi nhớ ra cô ấy đã tìm thấy ông ta trước. Ngay cả ở sân chơi quanh quần gần nhà, tôi còn chưa bao giờ tự tìm được cái xác nào—giờ thì quỷ tha ma bắt tôi phải làm thế nào đây?

Tôi cố gắng đọc lại “Tự khúc” khi ở nhà tối hôm đó, nhưng bất chấp lời khuyên của cô Holden, bài thơ vẫn lùnh bùng là một mớ từ ngữ vô nghĩa.

Sáng hôm sau tôi dậy sớm, sau tám giờ chút xíu, và bật ngay máy tính lên. Ben đang trực tuyến, tôi liền gửi tin nhắn cho nó.

QKẾHỒISINH: Tiệc hôm qua thế nào?

CHỈVIÊMTHẬNTHUIMÀ: Chán òm, dĩ nhiên rồi. Tiệc nào tôi đến cũng thấy chán òm.

QKẾHỒISINH: Xin lỗi tôi không đi cùng được. Hôm nay dậy sớm thế.

Sang đây không, chơi Hội Sinh không?

CHỈVIÊMTHẬNTHUIMÀ: Ông đùa đấy à?

QKẾHỒISINH: Ờ... không. Sao thế?

CHỈVIÊMTHẬNTHUIMÀ: Ông không biết hôm nay ngày gì à?

QKẾHỒISINH: Thứ Bảy 15 tháng Năm. Sao vậy?

CHỈVIÊMTHẬNTHUIMÀ: Này người anh em, dạ tiệc tốt nghiệp sẽ bắt đầu sau mười một tiếng và mười bốn phút nữa. Còn chưa đầy chín tiếng đồng hồ nữa tôi phải đi đón Lacey. Mà tôi còn chưa tắm rửa gì ẻm RHAPAW, sau chiến công ông quét đất lên ẻm. Rồi tôi còn phải tắm, cạo râu, cắt tỉa lông mũi, và tút tát cho chính tôi nữa. Giời ạ, lu bu công việc mà tôi còn chưa động được vào việc gì. Bận lắm lắm. Nghe này, tôi sẽ gọi cho ông sau nhá, nếu sênh ra được lúc nào.

Radar cũng đang trực tuyến, tôi nhắn tiếp cho nó.

QKẾHỒISINH: Ben ăn nhầm cái gì vậy?

CÔNGDÂNCÚATOÀNTHU'96: Hự, sao thế?

QKẾHỒISINH: Xin lỗi, tôi đang cáu vì thằng khỉ ấy làm rối lên cái màn dạ tiệc ôi-chao-quá-trọng-đại đó.

CÔNGDÂNCÚATOÀNTHU'96: Ông sẽ còn cáu cho ra cáu nếu biết lí do duy nhất tôi dậy sớm thế này là do tôi thực sự phải té đi đây, vì tôi phải đi lấy bộ lễ phục đuôi tôm. Sắp cáu chưa?

QKẾHỒISINH: Lạy Chúa lòng lành, ông đang nghiêm túc ư?

CÔNGDÂNCÚATOÀNTHU'96: Q ời, ngày mai, ngày kia, ngày kia ngày kia, và tất cả những ngày còn lại của đời tôi, tôi sẽ lấy làm hân hạnh được tham gia cuộc điều tra của ông. Nhưng tôi có một cô bạn gái. Cô ấy muốn có

một dạ tiệc mỹ mãn. Tôi muốn có một dạ tiệc mỹ mãn. Không phải lỗi của tôi nếu Margo Roth Spiegelman không muốn chúng ta có một dạ tiệc mỹ mãn.

Tôi không biết phải nói gì. Có lẽ Radar đã đúng. Có lẽ Margo đáng bị quên luôn đi cho rồi. Nhưng ở bất cứ góc độ nào, *tôi* không thể quên được cô ấy.

Bố mẹ vẫn chưa ra khỏi giường, đang xem một bộ phim cũ trên ti-vi. “Con lấy xe đi được không ạ?” tôi hỏi.

“Được chứ, sao thế con?”

“Con đổi ý, sẽ đi dạ tiệc ạ,” tôi đáp nhanh. Lời nói dối cứ thế bật ra khi tôi mở miệng. “Con đi chọn lễ phục rồi qua chỗ Ben, hai thằng đi với nhau ạ.” Mẹ liền nhòm dậy, miệng nở nụ cười.

“Có thể chứ, thế là tốt rồi. Hai đứa đi với nhau vui nhé, có về qua nhà không để bố mẹ làm kiểu ảnh kỉ niệm?”

“Mẹ ơi, mẹ thực sự cần ảnh tang chứng con đi tiệc ạ? Đời con cảm cảnh đến mức này chưa đủ sao ạ?” Mẹ cười rữ.

“Gọi điện trước giờ giới nghiêm nhé,” bố dặn, tức là trước nửa đêm.

“Nhất định ạ,” tôi đáp. MÀN NÓI DỐI BỐ MẸ TRƠN TRU ĐẾN MỨC TÔI TỰ HỎI SAO MÌNH CHƯA TỪNG PHÁT HUY KHẢ NĂNG NÀY TRƯỚC CÁI ĐÊM ĐI CÙNG MARGO.

Tôi vào cao tốc I-4, theo hướng tây về phía Kissimmee và các công viên chủ đề, qua I-Drive nơi Margo và tôi đã lén vào SeaWorld, rồi theo Cao tốc 27 đi xuôi xuống thành phố Haines. Khu này có nhiều hồ, và ở Florida cứ chỗ nào có hồ là lại lắm người giàu kéo nhau đến ở, nên nơi này khó có thể thích hợp với một khu đô thị ma. Nhưng trang mạng tôi tra đã nói rất cụ thể rằng có một khu đất lớn bị tịch biên đã lâu mà chưa có ai ngó ngàng tới xây dựng. Tôi lập tức nhận ra lô đất ấy, vì mỗi tiểu khu bên đường đều có tường bao, trong khi Quail Hollow chỉ có tấm bảng nhựa đóng xuống đất. Khi đến nơi, tôi đọc được những tờ quảng cáo rao vặt đề **BÁN ĐẤT, ĐỊA ĐIỂM LÍ TƯỞNG** và **CƠ HỘI THỨC ĐÃY \$!**

Không giống như những đô thị ma trước, Quail Hollow có người nhòm nom đến. Chưa có ngôi nhà nào được xây, nhưng các lô đất được đánh dấu

bằng cọc địa giới, và thảm cỏ mới được cắt. Các con phố trong khu này được lát và đề tên hàng hoàng. Ở trung tâm tiểu khu, một cái hồ tròn vành vạnh đã được đào xong, nhưng không hiểu sao chưa dẫn nước vào. Chạy xe qua, tôi ước chừng cái hồ sâu khoảng ba mét, đường kính tầm hơn một trăm mét. Một đường ống cao su chạy ngoằn ngoèo trong lòng hồ, nối vào chính giữa, nơi một đài phun nước bằng nhôm và thép được dựng từ đáy lên ngang tầm mắt. Tôi lấy làm mừng vì hồ đang cạn, tức là tôi không phải chăm chăm nhìn mặt nước, tự hỏi không biết Margo có ở dưới đáy không, có đang đợi tôi mặc bộ đồ lặn xuống tìm cô ấy không.

Tôi cảm thấy chắc chắn rằng Margo không ở Quail Hollow. Nơi này nằm lọt giữa quá nhiều tiểu khu, không thể là địa điểm lí tưởng để ẩn náu, dù là người sống hay xác chết. Nhưng tôi vẫn xem xét kĩ, và khi ngồi trong xe lơ đãng nhìn theo những con phố, tôi thấy thật tuyệt vọng. Tôi những muốn vui vì không phải nơi này. Nhưng nếu không phải Quail Hollow, thì có thể là địa điểm tiếp theo, hoặc tiếp theo nữa, hoặc tiếp theo nữa nữa. Hoặc có thể tôi sẽ không bao giờ tìm thấy Margo. Liệu đó có phải là định mệnh tốt đẹp hơn không?

Chốt lại là không có gì ở Quail Hollow, tôi trở lại đường cao tốc. Tôi mua đồ ăn trưa ở một tiệm phục vụ tận cửa xe, vừa ăn vừa lái về hướng tây, tới khu mua sắm mini hôm trước.

Khi tắt bãi đỗ bên khu mua sắm mini, tôi nhận thấy ai đó đã dán băng dính dày màu xanh da trời bít cái lỗ bọ tôi phá trên ván gỗ ép hôm nọ. Không biết ai đã ở đây sau khi bọ tôi rời đi nhỉ.

Tôi lái xe ra phía sau, đỗ cạnh một thùng rác to hoen gỉ, hàng thập kỉ nay chưa được gặp cái xe chở rác nào. Tôi tính nếu cần thì cứ lao mình qua đám băng dính, nên toan đi vòng lại phía trước thì phát hiện ra những cánh cửa hậu bằng kim loại không gắn với tấm bản lề nào cả.

Nhờ Margo, tôi đã thêm chút chuyên môn về bản lề cửa, và kịp nhận ra rằng tại sao ba thằng không cách gì kéo được những cánh cửa ấy ra: vì chúng đều mở vào trong. Tôi đến trước cửa văn phòng công ti thế chấp và đẩy vào. Cánh cửa bật ra dễ như bỡn. Trời ạ, hôm nọ rặt cả ba thằng đều ngố. Chắc chắn ai đó quan tâm đến tòa nhà này cũng đã biết về cánh cửa không khóa, cho nên những dải băng dính xanh bên kia xem ra càng thừa thãi.

Tôi lẳng cái ba-lô đã gói ghém từ sáng xuống, lấy đèn pin Maglite công suất lớn của bố ra và rọi khắp căn phòng. Tuồng như thứ gì đó to lớn ở giữa những xà rầm trên mái vừa lẩn đi. Tôi rùng mình. Mấy con thằn lằn con nhảy vào góc tối, tránh đường đi của ánh sáng.

Dải sáng duy nhất qua một lỗ thủng trên trần rơi xuống góc phía trước căn phòng, và chút nắng le lói sau những ván gỗ ép, nhưng tôi hầu như chỉ dựa vào ánh đèn pin. Tôi đi qua đi lại những dãy bàn, xem những thứ chúng tôi đã thấy trong các ngăn kéo và để lại. Cảm giác rờn rợn cuộn lên ghê gớm khi nhìn từ bàn này sang bàn kia đều là một trang lịch không kèm bất cứ ghi chú nào: tháng Hai 1986. Tháng Hai 1986. Tháng Hai 1986. Tháng Sáu 1986. Tháng Hai 1986. Tôi quay một vòng rồi chiếu đèn vào cái bàn ở chính giữa phòng. Lịch được giở đến tháng Sáu. Tôi cúi gập lại và sẫm soi tờ lịch,

hi vọng thấy một góc nham nhở, chỗ mấy tháng trước được xé đi, hoặc dấu tích gì đó trên giấy chứng tỏ bút đã lướt qua, nhưng chẳng có gì khác những tờ lịch khác, trừ ngày tháng.

Kẹp đèn pin giữa cổ và vai, tôi kiểm tra lại các học bàn lần nữa, đặc biệt chú ý đến cái bàn tháng Sáu: vài tờ khăn ăn, mấy cái bút chì còn nhọn, ghi chú về những thế chấp của một vị Dennis McMahon nào đó, bao thuốc lá Marlboro rỗng không, và lọ sơn móng tay màu đỏ còn gần đầy.

Tôi chuyển đèn pin sang một tay, tay kia cầm lọ sơn móng tay và quan sát thật kỹ. Màu đỏ bầm đến mức như ngả sang đen. Tôi từng nhìn thấy màu đỏ này. Trên bảng điều khiển chiếc minivan đêm hôm đó. Đột nhiên, những sinh vật to lớn lẩn khuất trên mái và tiếng cọt két trong tòa nhà chẳng còn nghĩa lí gì nữa—tôi chỉ cảm thấy một niềm hân hoan kì dị. Tất nhiên tôi không thể biết được có phải cùng một lọ sơn hay không, nhưng chắc chắn là cùng một gam màu.

Tôi xoay xoay cái lọ và thấy, không nghi ngờ gì nữa, một vết bé xíu sơn xanh da trời lem trên vỏ lọ. Lem từ ngón tay dính sơn xanh da trời của Margo. Bây giờ tôi có thể chắc chắn được rồi. Cô ấy đã đến đây *sau khi* chúng tôi tạm biệt nhau buổi sáng hôm ấy. Có lẽ cô ấy còn ở đây. Có lẽ phải khuya cô ấy mới xuất hiện. Có lẽ cô ấy đã dán băng dính lên tấm gỗ ép để bảo toàn sự riêng tư.

Tôi lập tức quyết định mình sẽ ở lại đây đến sáng. Nếu Margo ngủ được ở chỗ này thì tôi cũng ngủ được. Và thế là một cuộc tự vấn chóng vánh diễn ra.

Tôi: Còn lũ chuột đấy.

Tôi: Ừa, nhưng hình như chúng chỉ duyệt binh trên trần thôi.

Tôi: Thẩn lẩn nữa.

Tôi: Ôi dào, hồi bé vẫn kéo đứt đuôi thẩn lẩn đấy thôi.

Thẩn lẩn thì sợ gì.

Tôi: Nhưng còn *chuột*.

Tôi: Dù gì thì chuột làm đau được ai chứ. Chuột sợ mình hơn là mình sợ chuột nhiều.

Tôi: Ờ, thế còn lũ chuột thì sao?

Tôi: Thôi ngay.

Cuối cùng, lũ chuột thực sự cũng chẳng hề gì, vì tôi đang ở nơi Margo từng ở. Tôi đang ở nơi đã được chiêm ngưỡng cô ấy sau khi tôi được chiêm ngưỡng, và sự ấm áp từ suy nghĩ đó khiến khu mua sắm mini này trở nên gần như dễ chịu. Tôi không cảm thấy mình như đứa trẻ con, động làm gì cũng có mẹ theo sát, nhưng tôi vẫn nín thở mỗi khi nghe thấy tiếng động lạ. Và vì cảm giác dễ chịu, nên nơi này thành ra dễ khám phá hơn. Còn nhiều điều để khám phá, và giờ, tôi đã sẵn sàng.

Tôi rời văn phòng, chui qua một Lỗ Quí sang căn phòng mê hồn trện những giá sắt. Tôi đi tới đi lui theo lối đi giữa các dãy giá trong chốc lát, đến cuối căn phòng, qua Lỗ Quí tiếp theo sang gian phòng trống. Tôi ngồi xuống tấm thảm đã cuộn lại, dựa vào tường ở góc phòng. Lớp sơn trắng loang lổ nghe giòn và nứt nẻ hơn sau lưng tôi. Tôi ngồi thế một lúc, đủ lâu để chùm sáng duệch doạ từ trên trần rơi xuống bò được vài phân trên sàn, trong khi tôi dần thích nghi với những âm thanh.

Một lúc sau, tôi chán, chui qua Lỗ Quí cuối cùng vào phòng lưu niệm. Tôi đảo qua đám áo phông. Lôi cái hộp đựng sách lữ hành dưới tủ trưng bày ra và xem một lượt, tìm xem Margo có ngoáy dăm ba chữ vào không, nhưng tôi không thấy gì.

Tôi quay trở lại căn phòng bây giờ tôi đặt tên là thư viện. Giở qua đồng tạp chí *Reader's Digest*, tôi thấy một tập mấy tờ *National Geographic* từ những năm 1960. Nhưng mấy món này bụi chồng bụi chất nên tôi biết Margo chưa từng xem qua.

Phải đến khi quay lại căn phòng trống, tôi mới thu được bằng chứng cho thấy sinh hoạt của con người. Trên mảng tường gần cuộn thảm, tôi phát hiện ra chín lỗ găm ghim mũ trên nền tường sơn đã tróc và nứt nẻ. Bốn lỗ dựng thành một hình tương đối vuông, và trong hình vuông đó có năm lỗ nữa. Tôi

đoán có lẽ Margo đã ở đây từ khá lâu, đủ thời gian để muốn treo tấm áp-phích nào đó lên chẳng hạn, dù chúng tôi không thấy thiếu gì khi tìm trong phòng cô ấy.

Tôi trải tấm thảm được nửa chừng thì phát hiện ra còn có thứ khác nữa: một hộp rỗng, gấp phẳng, từng đựng hai mươi tư thanh dinh dưỡng tổng hợp. Tôi bắt đầu tưởng tượng được Margo đã ở đây, dựa lưng vào tường, trên tấm thảm ấm mồm cuộn lại làm chỗ ngồi, ăn một thanh dinh dưỡng. Cô ấy hoàn toàn một mình, chỉ có thứ này để ăn. Có thể hàng ngày Margo vẫn lái xe đến cửa hàng tiện lợi mua bánh mì kẹp và vài chai Mountain Dew, nhưng hầu hết thời gian trong ngày là ở đây, ở trên hoặc gần tấm thảm. Hình dung đó dường như quá âm đạm, khó có thể là thật được—tất cả đều dựng nên trong tâm trí tôi một Margo quá cô đơn và quá không-giống-Margo. Nhưng mọi bằng chứng từ mười ngày qua đều tụ đến một kết luận đáng ngạc nhiên: chính Margo—chỉ ít là cũng có lúc—rất không giống Margo.

Tôi trải nốt tấm thảm ra và thấy một cái chăn len đan màu xanh da trời, mỏng gần như giấy báo. Tôi vội cầm lấy và đưa lên mặt, phải rồi, ờn Chúa, đúng vậy. Mùi của Margo. Dầu gội đầu mùi tử đinh hương và kem dưỡng da mùi hạnh nhân, lẫn quất trong đó thoáng chút ngọt ngào của làn da.

Tôi tưởng tượng lại về cô ấy: hàng đêm Margo trải tấm thảm này ra nửa chừng để hông không bị tì lên bê-tông cứng khi cô ấy nằm nghiêng. Cô ấy cuộn mình dưới tấm chăn này, gối lên đoạn thảm không trải ra hết, và nhắm mắt ngủ. Nhưng tại sao lại ở đây? Chỗ này có gì tốt hơn ở nhà? Nếu thích ở đây đến thế, sao còn ra đi? Những điều đó tôi không thể tưởng tượng được, tôi nhận ra mình không thể tưởng tượng vì mình không hiểu Margo. Tôi biết cô ấy thơm như thế nào, tôi biết cô ấy cư xử ra sao trước mặt tôi, tôi biết cô ấy cư xử ra sao trước mặt những người khác, tôi biết cô ấy thích Mountain Dew, thích phiêu lưu và những trò kịch tích, tôi cũng biết cô ấy hài hước, thông minh, nhìn chung là *vượt trội* những đứa còn lại trong chúng tôi. Nhưng tôi không biết điều gì đã khiến Margo tới đây, điều gì đã khiến cô ấy nán lại đây, điều gì đã khiến cô ấy ra đi. Tôi không biết tại sao cô ấy có hàng ngàn đĩa ghi âm nhưng không bao giờ kể với ai rằng cô ấy thích âm nhạc đến thế nào. Tôi không biết những gì cô ấy làm hàng đêm, sau tấm rèm

buông kín đáo, sau cánh cửa khóa, trong không gian riêng tư bất khả xâm phạm là căn phòng của cô ấy.

Và có lẽ hơn hết đây chính là điều tôi cần làm. Tôi cần khám phá xem Margo ra sao khi cô ấy không phải là Margo.

Tôi nằm đó một lúc trong tấm chăn mang mùi Margo, chong chong nhìn lên trần. Vạt trời chiều chạng vạng buông qua vết nứt trên mái, như tấm toan tước ra một dải xanh nhạt. Đây hẳn là nơi hoàn hảo để chìm vào giấc ngủ: đêm được ngắm sao trời mà không sợ ướm mưa.

Tôi gọi điện về nhà để báo an. Bố nghe máy, tôi nói chúng tôi đang trong xe, trên đường đến chỗ Radar và Angela, và tôi sẽ ở lại với Ben cả đêm. Bố dặn tôi đừng uống tạp nham, tôi đáp tôi sẽ không như vậy, và bố bảo bố rất vui vì tôi đã đi dạ tiệc. Còn tôi tự hỏi không biết bố có vui nếu thực sự biết những gì tôi đang làm hay không.

Nơi này chán ngắt. Một khi đã trên cơ bè lữ gặm nhấm và bắt bài những rên rỉ bí ẩn tòa-nhà-sập-đến-nơi-rồi văng ra từ những bức tường, thì chẳng còn gì để làm nữa. Không Internet, không ti-vi, không nhạc nhẽo. Tôi thấy chán, thế nên tôi càng không hiểu tại sao Margo lại chọn nơi này, cô ấy luôn để lại ấn tượng rằng mình dành rất ít khoan dung cho những nhàm chán. Hay cô ấy thích cảnh điêu tàn xập xệ này chẳng? Có lí nào. Với cô Margo diện quần jeans điệu đột nhập vào SeaWorld đó.

Chính tình cảnh thiếu những kích thích thay thế đã khiến tôi quay lại với “Tự khúc,” món quà chắc chắn duy nhất tôi nhận từ Margo. Tôi đến khoảng sàn nhà loang lổ vết nước đã khô róc từ lâu, thẳng dưới lỗ hổng trên trần, ngồi xếp chéo chân, nghiêng người để ánh sáng soi xuống trang sách. Rút cục, không hiểu sao, tôi đã đọc trôi được nó.

Vấn đề ở chỗ bài thơ mở đầu cực kì chậm chạp—khúc vào đề kéo dài lê thê, tới đâu tận dòng thứ chín, rút cục Whitman mới chịu hé ra câu chuyện, và đó là chỗ tôi bắt đầu thấy vỡ vạc ra. Vậy là Whitman đang ngồi sông (mà ông gọi là an nhiên) trên cỏ, thì:

Một đứa trẻ lên tiếng, Cỏ là gì ạ? và mang đến cho ta một nắm đầy tay;

Biết trả lời cháu bé sao đây?... Ta không biết rộng hơn những gì cháu bé biết.

Có lẽ đó hẳn là ngọn cờ thiên lương của ta, dệt bằng màu xanh hi vọng.

Đây là hi vọng mà cô Holden đã nhắc đến—cỏ là ẩn dụ của hi vọng. Nhưng không chỉ có thế, nhà thơ tiếp:

Hay có lẽ đó là tấm khăn tay của Người,

Món quà mang hương thơm, kỉ vật Người ban xuống.

Kiểu như cỏ là ẩn dụ cho sự vĩ đại của Chúa Trời, và còn nữa...

Hay có lẽ cỏ chính là trẻ thơ...

Và ngay sau đó,

Hay có lẽ cỏ là tượng hình đồng nhất,

Vươn lên giữa đại ngàn và từ góc hữu hạn,

Xanh mọc giữa những băng hữu đen cũng như những người bạn trắng.

Vậy có lẽ cỏ là ẩn dụ cho sự bình đẳng và liên hệ mật thiết giữa chúng ta, như cô Holden đã nói. Và những lời cuối của Whitman về cỏ:

Và giờ với ta, cỏ là làn tóc mộ chí buông không buồn cắt.

Như vậy cỏ cũng là cái chết—mọc lên từ những thân xác đã chôn vùi. Có quá nhiều lớp lang ý nghĩa trong hình ảnh cỏ, thật đúng là rối mòng mòng. Tóm lại cỏ là ẩn dụ chỉ sự sống, cái chết, sự bình đẳng, mối liên kết, ám chỉ cả trẻ thơ, Chúa Trời và hi vọng.

Tôi chưa luận ra được điều gì trong những hình ảnh trên, nếu có, là cốt lõi của bài thơ này. Nhưng nghĩ đến cỏ và những cách nhìn nhận khác nhau về nó khiến tôi nghĩ đến tất cả những cách tôi đã nhìn và nhìn-nhằm Margo. Chẳng thiếu cách để nhìn cô ấy. Tôi đã quá tập trung vào những gì trở thành cô ấy, nhưng bây giờ, khi cố gắng hiểu tính đa biểu hiện của cỏ, khi mùi Margo từ tấm chăn vẫn còn vương vít trong cổ họng tôi, tôi nhận ra rằng câu hỏi quan trọng nhất chính là: tôi đang muốn tìm ai. Nếu “Cỏ là gì?” cần câu trả lời phức tạp đến vậy, thì điều tương tự ắt cũng đúng với câu “Margo Roth Spiegelman là ai?” Như một ẩn dụ không thể tức khắc được truyền tải trọn vẹn bởi những tầng đa nghĩa đồng hiện của nó, trong những gì Margo để lại cho tôi, có đủ chỗ cho những tưởng tượng bất tận, cho một chuỗi không giới hạn những Margo khác nhau.

Tôi phải thu hẹp cô ấy lại, và tôi hiểu ra rằng ở nơi này, ắt có những điều tôi đã nhìn sai đi hoặc không nhìn thấy. Tôi những muốn xé toang trần mái

phía trên, rọi sáng mọi góc ngách để đồng thời thấy được tất cả, chứ không phải chỉ nhìn theo ánh đèn pin rời rạc quét qua quét lại. Tôi đặt tấm chắn của Margo sang một bên và hét lên, đủ lớn để tất cả bè lũ gặm nhấm phải nghe thấy, “Tôi Sẽ Tìm Ra Điều Gì Đó Ở Nơi Đây!”

Tôi dò lại từng bàn làm việc trong văn phòng, càng tìm càng thấy rõ rằng Margo chỉ dùng cái bàn có lọ sơn móng tay trong ngăn kéo và tờ lịch dừng ở tháng Sáu.

Tôi chui qua Lỗ Quĩ, quay lại thư viện, một lần nữa đi dọc các giá sắt bỏ không. Trên mỗi giá tôi căng mắt tìm xem có chỗ nào không dính bụi, chứng tỏ Margo đã dùng vào việc gì không, nhưng tôi không thấy gì. Rồi đèn pin của tôi tình cờ lướt qua thứ gì đó trên nóc một giá ở góc phòng, ngay gần cửa sổ mặt tiền được chắn bằng gỗ ép. Đó là gáy một cuốn sách.

Cuốn sách có tựa đề *Men theo nước Mĩ: Cẩm nang du lịch*, xuất bản năm 1998, sau khi nơi này bị bỏ hoang. Tôi kẹp đèn pin giữa cổ và vai, tay giữ qua các trang sách. Cuốn sách liệt kê hàng trăm thắng cảnh có thể ghé thăm, từ cuộn dây thừng lớn nhất thế giới ở Darwin, bang Minnesota, tới quả cầu tem lớn nhất thế giới ở Omaha, bang Nebraska. Ai đó đã gấp mép vài trang có vẻ là ngẫu nhiên. Cuốn sách không mấy bám bụi. Có lẽ SeaWorld chỉ là điểm dừng chân đầu tiên của cơn lốc xoáy những cuộc phiêu lưu. Đúng vậy. Như thế có lí lắm. Thế mới là Margo. Bằng cách nào đó cô ấy đã phát hiện ra nơi này, đến đây sửa soạn hành lí, ngủ lại một, hai đêm, rồi thế là lên đường. Tôi có thể hình dung được cô ấy nảy qua nảy lại giữa những địa danh hút hầu bao khách du lịch.

Trong khi chùm sáng cuối cùng mảnh dần qua cái lỗ trên trần, tôi tìm thấy thêm mấy cuốn sách trên các giá khác. *Sơ lược hành trình đến Nepal; Canada hùng vĩ; Rong ruổi bằng ô-tô trên đất Mĩ; Cẩm nang của Fodor đến Bahamas; Bhutan thẳng tiến*. Dường như không có liên hệ nào giữa những cuốn sách, trừ việc tất cả đều là sách hướng dẫn du lịch và đều được xuất bản sau khi khu mua sắm mini này bị bỏ hoang. Tôi kẹp đèn pin dưới cằm, xếp tất cả sách thành một chồng từ thắt lưng cao đến ngực, bê hết sang gian phòng trống mà bây giờ tôi hình dung là phòng ngủ.

Rút cục hóa ra tôi đã trải qua đêm dạ tiệc với Margo, chỉ là không giống lắm với những mơ mộng của tôi. Không cùng nhau oanh tạc sàn nhảy, tôi ngồi dựa vào cuộn thảm của cô ấy, phủ tấm chăn cũ của cô ấy qua đầu gối, dò đèn pin đọc những cuốn hướng dẫn du lịch, ngồi tĩnh lặng trong bóng tối khi lũ ve sầu du dương hòa âm trên đầu và xung quanh tôi.

Có lẽ Margo từng ngồi đây, trong thứ bóng tối gào thét, cảm thấy nỗi tuyệt vọng nào đó trào dâng lên mãi. Và có lẽ cô ấy nhận ra rằng không thể không tua ngược suy nghĩ về cái chết. Tôi tưởng tượng như vậy, tất nhiên rồi.

Nhưng tôi cũng tưởng tượng thế này nữa: Margo nhặt nhanh những sách này từ nhiều đợt bán hàng thanh lí, mua bất cứ cuốn hướng dẫn du lịch nào với giá dưới hai mươi lăm xu mà cô ấy tìm được. Rồi Margo đến đây—trước cả khi cô ấy biến mất—đọc sách và tránh xa những cặp mắt tò mò. Đọc hết, cố gắng vạch ra hành trình. *Đúng vậy.* Cô ấy sẽ rong ruổi và không để lại dấu vết, một quả bóng bay phiêu du trên bầu trời, thuận chiều ngọn gió miên viễn, mỗi ngày bỏ lại đằng sau hàng trăm dặm đường. Và trong tưởng tượng này của tôi, Margo đầy sức sống. Có phải Margo dẫn tôi đến đây để trao cho tôi những manh mối ghép lại với nhau thành một hành trình hay không? Có thể. Tất nhiên tới giờ tôi vẫn chưa mon men tới gần được hành trình ấy. Dựa theo những cuốn sách, Margo có thể đang ở Jamaica hoặc Namibia, Topeka hoặc Bắc Kinh.

Nhưng tôi chỉ mới bắt đầu tìm kiếm thôi mà.

13.

Tôi nằm mơ, mái đầu Margo gối lên vai tôi còn tôi nằm thẳng, chỉ có góc thảm giữa chúng tôi và sàn bê-tông. Cánh tay cô ấy ôm ngang người tôi. Chúng tôi nằm đó, say ngủ. Chúa phù hộ cho tôi. Tôi là gã mới lớn duy nhất trên đất Mỹ mơ tưởng ngủ với các cô gái, và *chỉ* ngủ với họ thôi. Rồi điện thoại đổ chuông. Chuông reo thêm hai hồi nữa tay tôi mới loạng quạng quờ thấy điện thoại trong nẹp thảm. Lúc này là 3:18 sáng. Ben gọi.

“Chào Ben,” tôi nói.

“ỪAAA!!!!” Ben gào lên đáp lại, tôi biết ngay rằng giờ không phải lúc cố công giải thích với nó về tất cả những gì tôi mới biết và hình dung về Margo. Tôi xém ngủ thấy mùi cồn trong hơi thở của nó. Chỉ một từ “ừ” thôi, theo cái cách vừa được tuôn ra như vậy, đã chứa đựng nhiều cảm thán hơn bất cứ điều gì Ben từng nói với tôi trong suốt cuộc đời nó.

“Tôi tự hiểu là tiệt vui lắm hả?”

“ỪAAA! Quentin Jacobsen! Ngài Q! Quentin vĩ đại nhất nước Mỹ! Đúng vậy!” Giọng nó có vẻ ra xa điện thoại nhưng tôi vẫn nghe rõ. “Mọi người ơi, nào, yên lặng, yên nào, yên lặng–QUENTIN! JACOBSEN! ĐANG NÓI CHUYỆN VỚI TÔI!” Một tràng chúc tụng rộ lên, rồi lại là giọng Ben.

“Đúng, Quentin! Đúng! Chiến hữu ơi, ông phải đến đây.”

“Đây là đâu?” tôi hỏi.

“Nhà Becca! Ông có biết ở đâu không?”

Hú hồn thật, tôi biết chính xác chỗ đó ở đâu. Tôi đã vào tầng hầm nhà Becca. “Tôi biết, nhưng đang nửa đêm.

Và tôi đang–”

“ỪAAA!!! Ông phải đến ngay! Ngay và luôn!”

“Ben ơi, có nhiều chuyện quan trọng hơn,” tôi đáp.

“TÀI XẾ ĐƯỢC BỔ NHIỆM!”

“Hả?”

“Tôi bổ nhiệm ông làm tài xế cho tôi! Phải! Ông xứng đáng được bổ nhiệm! Ông trả lời điện thoại tôi ừng lăm! Bá cháy con bọt chét! Tôi phải về nhà trước sáu giờ! Và tôi bổ nhiệm ông đưa tôi về! ỪAAAAAAA!”

“Ông ở lại cả đêm không được sao?” tôi hỏi.

“KHÔÔÔNG! Lêu lêuuuuu. Lêu lêuuuuu Quentin. Này, mọi người ơi! Lêu lêuuuuu Quentin!” Và cả lũ cùng lêu lêu tôi. “Đứa nào cũng say. Ben say. Lacey say. Radar say. Không có ai lái xe cả. Về nhà trước sáu giờ. Đã hứa với mẹ rồi. Lêu lêu, đồ Quentin hám ngủ! Chắc, tài xế được bổ nhiệm! ỪAAA!”

Tôi hít một hơi thật sâu. Nếu Margo quay lại nơi này, hẳn là cô ấy đã đến trước ba giờ sáng. “Nửa tiếng nữa tôi qua.”

“CÓ THỂ CHỨ! Ừ! Ừ! Ừ! Ừ! Ừ! Ừ! Ừ! Ừ! Ừ! Ừ! Ừ! Ừ! Ừ! Ừ! Ừ! Ừ! Ừ!”

Ben vẫn còn điên cuồng xác nhận sự khẳng định khi tôi cắt điện thoại. Tôi nằm thêm lúc nữa, tự bảo mình phải dậy thôi, và tôi nhồm dậy. Vẫn còn ngái ngủ, tôi chui qua Lỗ Quỷ, đi ngang thư viện vào văn phòng, rồi kéo mở cửa sau và đi ra xe.

Chớm bốn giờ sáng, tôi rẽ vào khu nhà Becca Arrington. Có hàng chục ô-tô đỗ dọc hai vỉa hè phố nhà Becca. Tôi biết trong nhà còn đông hơn vì nhiều đứa được xe limo chở đến. Tôi tìm được chỗ đỗ cách RHAPAW vài xe.

Tôi chưa bao giờ thấy Ben say xỉn. Hồi lớp mười, tôi từng uống một chai “vang” hồng ở một buổi tiệc của ban nhạc. Mùi vị kinh đến nổi nuốt vào hay phun ra cũng không khác nhau là mấy. Chính Ben đã ngồi với tôi trong phòng tắm theo-chủ-đề-gấu-Pooh của Cassie Hiney trong khi tôi nôn thốc thứ chất lỏng màu hồng ấy lên bức tranh chú lừa Eeyore. Có lẽ trải nghiệm ấy đã chặn đường bia rượu của cả hai đứa tôi. Cho đến đêm nay, dù sao cũng là như vậy.

Lần này tôi biết Ben say mềm. Nghe giọng nó trong điện thoại là đủ biết. Không có ai tỉnh táo mà lại tuôn ra hàng tràng “ừ” với “ừ” đậm đặc trong một phút như vậy. Tuy nhiên, khi chen qua mấy người đang hút thuốc trên thảm cỏ trước nhà Becca và mở cửa vào, tôi không ngờ lại thấy cảnh Jase

Worthington và hai cậu khác trong đội bóng chày đang dốc ngược anh chàng Ben xúng xính lễ phục đuôi tôm, giữ anh chàng lơ lửng trên một bom bia. Vòi từ bom bia cắm vào mồm Ben, và toàn bộ căn phòng đang đổ dồn vào nó. Tất cả cùng đồng thanh đếm, “Mười tám, mười chín, hai mươi.” Tôi thoát tưởng như Ben đang bị bắt nạt hội đồng hay chơi đùa gì đó. Nhưng không, nó đang nhiệt liệt hút bia như thể đó là sữa mẹ vậy, mấy rãnh bia còn trào ra từ mép vì nó đang cười. “Hai mươi ba, hai mươi tư, hai mươi lăm,” mọi người vẫn hô, có thể nghe thấy lẫn trong đó là cơn phấn khích cuồng nhiệt. Rõ ràng đang diễn ra một sự kiện trong đại.

Nhưng tất cả đều thật trẻ con, thật đáng xấu hổ. Tất cả đều là những đứa trẻ giấy đang tiêu khiển bằng trò vui giấy. Tôi len qua đám đông đi về phía Ben, ngạc nhiên vì giữa đường gặp ngay Radar và Angela.

“Chuyện quái gì vậy?” tôi hỏi.

Radar không đếm nữa và quay sang tôi. “Phải!” Nó cũng loạn lên. “Tài xế được bổ nhiệm tới òi! Phải!”

“Sao đêm nay ai cũng ‘ừ’ với ‘phải’ vậy?”

“Hỏi hay đấy,” Angela hét lên trả lời tôi. Cậu ấy phồng má và thở dài, trông có vẻ cũng đang khó chịu y như tôi.

“Khi ạ, ừ, hỏi hay đấy!” Radar nói, mỗi tay cầm một cốc nhựa đỏ sóng sánh bia.

“Của cậu ấy cả đấy,” Angela bình tĩnh giải thích cho tôi.

“Sao *cậu* không phải là tài xế được bổ nhiệm?” tôi hỏi. “Vì mọi người muốn *cậu*,” Angela đáp. “Cho là như thế thì mới lôi được *cậu* đến.” Tôi trợn mắt. Angela cũng trợn mắt đầy thông cảm.

“Cậu thích *cậu* ấy lắm hả?” tôi hỏi, hất đầu về phía Radar, lúc này đang giơ hai cốc bia lên cao quá đầu và hòa vào đám đếm đồng thanh. Đứa nào cũng có vẻ tự hào rằng giờ này mình vẫn còn đếm được.

“Kể cả bây giờ thì *cậu* ấy đáng yêu mà,” Angela đáp.

“Chịu *cậu* đấy!” tôi nói.

Radar khều tôi bằng một trong mấy cốc bia của nó. “Nhìn Ben bé bỏng của chúng ta xem! Động đến màn quán quân bom bia thì anh chàng thành thiên tài thông thái đấy. Xem nó lập kỉ lục thế giới đến nơi rồi.”

“Quán quân bom bia là sao?” tôi hỏi.

Angela chỉ phía Ben, nói. “Đó.”

“Ờ,” tôi nói, “Chà, sao mà–bị dốc ngược thế kia thì khó chịu lắm nhỉ?”

“Thì rõ, hiện giờ kỉ lục quán quân bom bia trong lịch sử trường Winter Park là sáu mươi hai giây,” Angela giải thích. “Người giữ kỉ lục là Tony Yorrick,” một anh chàng khổng lồ đã ra trường khi tôi mới vào lớp chín, hiện đang chơi cho đội bóng bầu dục của Đại học Florida.

Tôi hoàn toàn ủng hộ màn lập kỉ lục của Ben, nhưng không thể nào bắt bản thân tham gia màn gào đấm của mọi người, “Năm mươi tám, năm mươi chín, sáu mươi, sáu mươi một, sáu mươi hai, sáu mươi ba!” Và khi đó Ben nhả vòi bia ra và hét lên: “ỪAAA! TA LÀ QUÁN QUÂN! TA LÀM RUNG CHUYỂN THẾ GIỚI!” Jase và mấy cậu nữa trong đội bóng chày xoay Ben trở lại bình thường rồi công kênh nó luôn trên vai. Lúc đó Ben nhác thấy tôi, giơ tay chỉ tôi và tuôn ra từ “ỪAAAA!!!!” đồng đục nhất, nhiệt thành nhất mà tôi từng nghe thấy. Mấy anh cầu thủ bóng đá khi giành cúp vô địch thế giới cũng không đạt đến độ phấn khích ấy.

Ben nhảy từ vai mấy cậu bóng chày xuống, chạm đất trong tư thế khá khôi hài rồi loạng choạng đứng dậy. Nó khoác vai tôi, vẫn bắn tia lia, “PHẢI RỒI! Quentin đây rồi! Vĩ Nhân đây rồi! Hãy nghe vì Quentin, chiến hữu xịn nhất của nhà quán quân bom bia thế giới!” Jase quờ quờ đầu tôi nói, “Đáng mặt đàn ông đấy Q!” rồi cả Radar rót vào tai tôi, “Tiện nói với ông luôn, bọn mình đều là anh hùng kiệt xuất trong mắt mọi người hết. Angela và tôi đã gác màn hậu-dạ-tiệc của bọn tôi sang một bên để đến đây, vì Ben nói rằng tôi sẽ được đối đãi như vua. Cả lũ hát tên tôi thật. Rõ là mọi người khoái Ben lắm nên cũng khoái luôn bọn mình.”

Với Radar, và cũng là với tất cả những người khác, tôi thốt lên, “Ôi tuyệt!”

Ben ngây懵懂 đi, tôi thấy nó dính lấy Cassie Hiney, tay chàng trên vai nàng, tay nàng trên vai chàng, và chàng thổ lộ, “Nàng đi cùng tớ hôm nay suýt thành nữ hoàng dạ tiệc đấy,” còn Cassie đáp, “Tớ biết. Tuyệt thật!” Ben lại liến thoắng, “Ba năm vừa qua không ngày nào tớ không ao ước được hôn cậu!” Cassie trả lời, “Cậu nên làm thế,” và Ben reo lên, “ĐÚNG! *Bá cháy*”

thiệt!” Nhưng nó không hôn Cassie. Ben quay lại chỗ tôi và tuyên bố, “Cassie muốn hôn tôi ông ạ!” Tôi hưởng ứng, “Tốt!” và Ben bồng nốt, “*Bá cháy* thiệt!” Nhưng rồi hình như nó quên luôn cả Cassie lẫn tôi, như thể ý niệm hôn Cassie Hiney còn tuyệt hơn cả nụ hôn thực sự.

Cassie nói với tôi, “Tiệc vui quá phải không?” nên tôi đáp, “Ừ.”

“Trái ngược hẳn tiệc của ban nhạc nhỉ,” Cassie nói. “Ừ,” tôi đáp. “Ben ngu nga ngu ngơ, nhưng tớ thích cậu ấy,” Cassie nói. “Ừ,” tôi đáp. “Thêm nữa mắt cậu ấy xanh ời là xanh,” Cassie bổ sung. “Ừm, ừ,” tôi đáp. “Ai cũng bảo cậu đáng yêu hơn, nhưng tớ thích Ben,” Cassie nói tiếp. “Tốt thôi,” tôi đáp. “Tiệc vui quá phải không?” Cassie lại hỏi, và tôi đáp, “Ừ.” Tiếp chuyện người say giống hệt như bi xô với một đĩa trẻ lên ba có vấn đề về não nặng và đang lên cơn phấn kích cao trào vậy.

Cassie vừa đi thì Chuck Parson tiến đến trước tôi.

“Jacobsen,” nó nói, sặc mùi ta-đây-người-trong-cuộc.

“Chào Parson,” tôi đáp.

“Mày cạo lông mày của tao phải không?”

“Thực ra tao không cạo,” tôi trăn trăn. “Tao chỉ dùng kem triệt mao thôi.”

Nó túm mạnh ngay giữa ngực tôi. “Mày là đồ chuyên gia làm lông,” nó nói rồi cười hô hố. “Cũng cần bi khờ khờ đấy chú em. Bây giờ còn bày trò múa rối này nữa.

Chắc tao say thật, nhưng tao hơi hơi mẫn cái mông nhẩn thín của mày rồi đấy.”

“Cảm ơn,” tôi nói, thấy mình thờ ơ với tất cả những món hổ lốn này, những màn màu mè sắp-tốt-nghiệp-rồi-hãy-thổ-lộ-cõi-lòng-rằng-ta-yêu-tất-cả-mọi-người-đi. Và tôi tưởng tượng Margo ở đây, hoặc trong hàng ngàn những tiệc tùng kiểu này. Đời sống lụi đi trong mắt cô ấy. Tôi tưởng tượng cô ấy nghe Chuck Parson ậm ọe bắt chuyện và cô ấy tìm cách thoát ra, bằng cả đường sống lẫn đường chết. Tôi hình dung được cả hai đường ấy với sự sáng tỏ tương đương.

“Bia không mày?” Chuck hỏi. Có lẽ tôi đã quên là nó vẫn ở đây, nhưng với mùi cồn phả ra từ hơi thở của nó thì khó mà vờ như không thấy được. Tôi chỉ lắc đầu, và nó đảo đi chỗ khác.

Tôi muốn về nhà, nhưng cũng biết rằng không thể giục Ben được. Đây có lẽ là đêm huy hoàng duy nhất trong đời Ben. Nó xứng đáng được vui.

Trong khi chờ đợi, tôi theo cầu thang đi xuống tầng hầm. Tôi đã ở trong bóng tối rất lâu nhưng vẫn thấy thèm, muốn ngả lưng đầu đó nửa yên tĩnh nửa tối tăm, và trở lại với những tưởng tượng về Margo. Nhưng khi đi ngang qua phòng Becca, tôi nghe thấy những tiếng rủ rừ—đặc biệt nghe như tiếng rên—nên tôi dừng lại trước cửa phòng khép hờ.

Tôi thấy hai phần ba phía trên người Jase, mình trần, đang ở trên Becca, còn hai chân cô nàng quặp quanh anh chàng. Cả hai đều không khóa thân, nhưng đang tiến triển theo chiều hướng đó. Có lẽ một người đứng dẫn hơn sẽ quay đi, nhưng những đứa như tôi không có nhiều cơ hội thấy những nàng như Becca Arrington khóa thân, nên tôi vẫn đứng nguyên trước ngưỡng cửa, lom lom nhìn vào trong. Rồi hai người đó lộn một vòng, Becca ở trên Jase, thở dài mơn trớn theo nụ hôn, bắt đầu lần cởi áo. “Anh thấy em nóng bỏng không?” Becca lả lướt.

“Trời ạ, ừ, nóng bỏng lắm Margo,” Jase đáp.

“Sao?!” Becca nộ khí xung thiên rít lên, sự thể lập tức trở nên rõ ràng rằng tôi sẽ không được thấy Becca khóa thân. Cô nàng bắt đầu gào rú, tôi lùi khỏi cửa, Jase nhác thấy tôi và cũng găm lên, “Mày làm trò gì ở đây?” Becca choe chóe, “Mặc xác nó, ai thèm quan tâm đến nó? Còn em thì sao? Sao anh nghĩ đến ả đấy mà không nghĩ đến em?”

Có lẽ đó là thời điểm hoàn hảo cho tôi rút êm khỏi trận địa, nên tôi đóng cửa lại và vào phòng tắm. Tôi không cần tiêu tiểu gì cả, phần nhiều chỉ muốn tránh xa tiếng người thôi.

Bao giờ tôi cũng mất mấy giây mới tiểu được sau khi mọi trang thiết bị đã vào vị trí, thế nên tôi cứ đứng yên chốc lát, đợi, và tôi bắt đầu tiểu. Tôi vào đoạn cao trào của khúc giải-quyết-nỗi-buồn thì có tiếng con gái vọng ra từ phía bồn tắm, “Ai đấy?”

Tôi liền đáp, “Tớ, Lacey đấy à?”

“Quentin hả? Cậu làm cái quái gì ở đây?” Tôi muốn dừng tiểu mà không nổi, dĩ nhiên rồi. Tiểu là một cuốn sách lí thú, một khi đã bắt đầu thì cực kì, cực kì khó dừng lại được.

“Ờ, tớ đi tiểu,” tôi đáp.

“Ổn không?” Lacey hỏi vọng qua tấm rèm che quanh bồn tắm.

“Ừm, cậu ổn chứ?” tôi chốt hạ khúc cuối, kéo khóa quần và xả nước.

“Cậu muốn tán phét trong bồn tắm không?” Lacey hỏi. “Tớ không buông lời tán tỉnh gì đâu.”

Cân nhắc trong chốc lát, tôi đáp, “Được thôi.” Tôi kéo tấm rèm ra. Lacey mỉm cười, ngồi co đầu gối lại trước ngực. Tôi ngồi xuống phía đối diện, lưng dựa vào thành bồn bằng sứ lạnh toát. Bàn chân hai đứa xen kẽ nhau. Lacey mặc quần soóc và áo phong cộc tay, chân xỏ đôi dép lê xinh xinh. Son phấn trang điểm hơi nhòe đi quanh mắt. Tóc Lacey vẫn còn vấn cao theo kiểu đi dạ tiệc, và đôi chân cậu ấy rám nắng. Phải công nhận rằng Lacey Pemberton rất xinh. Không phải kiểu con gái có thể khiến ta quên đi Margo Roth Spiegelman, nhưng là kiểu con gái có thể khiến ta quên phắt rất nhiều thứ.

“Dạ tiệc thế nào?” tôi hỏi.

“Ben rất ngọt ngào,” Lacey đáp. “Tớ vui lắm. Nhưng rồi Becca và tớ xích mích với nhau ra trò. Becca gọi tớ là đồ lẳng lơ, rồi đứng luôn lên xô-pha ở tầng trên, suýt mọi người hã yê n lặ ng, và tuyên bố với tất cả rằng tớ bị bệnh lây nhiễm qua đường tình dục.”

Tôi nhăn mặt thốt lên, “Ôi trời!”

“Đúng vậy đấy. Tớ suy sụp quá. Chỉ là... giờ ạ. Thực lòng thật là gớm ghiếc, vì... như vậy là xúc phạm, Becca biết như vậy, thế mà... Nên tớ chui vào đây, Ben đi theo, tớ bảo cậu ấy hãy để tớ một mình. Tớ không trách Ben, nhưng cậu ấy không hẳn là biết lắng nghe người khác. Mà cậu ấy cũng say rồi. Tớ từng bị. Nhưng được điều trị khỏi rồi. Gì thì gì. Cơ mà tớ không phải đứa lẳng lơ. Chỉ có một gã duy nhất. Đồ tồi nhu nhược ấy. Trời ơi, tớ không thể tin là đã từng tâm sự với Becca. Lẽ ra tớ chỉ nên nói với Margo khi không có mặt Becca thôi.”

“Tớ rất tiếc chuyện đã xảy ra như vậy,” tôi nói. “Vấn đề là Becca ghen tị thôi mà.”

“Sao Becca phải ghen tị chứ? Cậu ấy là nữ hoàng dạ tiệc. Cậu ấy hẹn hò với Jase. Cậu ấy là Margo mới.”

Mông tôi tê rần vì tì vào men sứ, nên tôi cố gắng nhúc nhích đổi tư thế. Đầu gối tôi chạm vào đầu gối Lacey. “Không bao giờ có ai có thể là Margo mới cả,” tôi nói. “Cậu có thứ mà Becca thực sự rất muốn. Mọi người quý cậu. Mọi người thấy cậu đáng mến hơn.”

Lacey bẽn lễn nhún vai, “Cậu có nghĩ tớ phù phiếm nông cạn không?”

“Ờ, cũng hơi hơi.” Tôi nghĩ lại cảnh tôi đứng bên ngoài phòng ngủ của Becca, hăm hở hi vọng Becca sẽ khóa thân. “Nhưng tớ cũng thế mà,” tôi nói thêm. “Ai chả thế.” Tôi vẫn thường nghĩ, *Giá mà mình có thân hình chuẩn như Jase Worthington. Đi đứng đĩnh đạc như thế mình biết phải đi thế nào. Hôn điệu nghệ như thế mình biết phải hôn thế nào.*

“Nhưng theo những cách khác nhau. Ben và tớ cùng phù phiếm nông cạn một kiểu. Cậu thì chẳng để tâm liệu mọi người có mến cậu hay không.”

Điều đó vừa đúng vừa không đúng. “Tớ để tâm nhiều hơn là tớ muốn đấy,” tôi nói.

“Không có Margo mọi thứ cứ loạn lên,” Lacey nói. Cậu ấy cũng say rồi, nhưng tôi không thấy khó chịu vì kiểu say này.

“Ừ,” tôi đồng tình.

“Tớ muốn cậu đưa tớ đến đó,” Lacey nói tiếp. “Mấy gian cửa hàng bỏ không ấy. Ben đã nói với tớ rồi.”

“Ừ, chúng ta có thể đi bất cứ khi nào cậu muốn,” tôi đáp, rồi kể với Lacey rằng tôi đã ở đó cả đêm, rằng tôi đã tìm thấy lọ sơn móng tay và chân của Margo.

Lacey yên lặng một lúc, há miệng ra thở. Rút cục khi lên tiếng, cậu ấy gần như thì thầm. Tìm từ cho một câu hỏi và nói ra như một khẳng định, “Margo chết rồi, phải không.”

“Lacey à, tớ không biết. Cho đến tối hôm nay, tớ cũng nghĩ vậy, nhưng giờ tớ không biết nữa.”

“Cậu ấy chết rồi còn chúng ta... bày ra những trò này.”

Tôi chợt nghĩ đến một câu được đánh dấu trong Whitman: “Nếu không ai khác trên thế gian này điệu ngộ, ta ngồi an nhiên, / Và nếu mỗi và mọi người điệu ngộ, ta ngồi an nhiên.” Tôi nói với Lacey, “Có thể đó là những gì Margo muốn, cuộc sống hãy cứ tiếp diễn.”

“Như thế chẳng giống Margo chút nào,” Lacey nói, và tôi nghĩ đến Margo của tôi, Margo của Lacey, Margo của cô Spiegelman, tất cả chúng tôi đều nhìn hình phản chiếu của Margo lên những tấm gương khác nhau trong nhà cười. Tôi định nói gì đó, nhưng Lacey thực sự đã há hốc miệng, đầu tựa vào tường phòng tắm lát đá men lạnh ngắt, ngủ ngon lành.

Sau khi có thêm hai người nữa vào phòng tắm đi tiểu, tôi quyết định đánh thức Lacey. Gần 5 giờ sáng, tôi cần đưa Ben về nhà.

“Lacey ơi, dậy thôi,” tôi gọi, giày khê khều sang đôi dép của cậu ấy.

Lacey lúc lắc đầu. “Tớ thích được đánh thức như vậy đấy,” cậu ấy nói. “Cậu biết không, hiện giờ cậu cứ như bạn thân nhất của tớ vậy.”

“Hân hạnh quá,” tôi nói, Lacey vẫn còn ngà ngà, mệt và chưa chịu dậy. “Vậy nghe tớ, chúng ta cùng lên gác, nếu có đứa nào dám động đến cậu thì tớ sẽ bảo vệ danh dự cho cậu.”

“Đồng ý,” Lacey nói. Chúng tôi cùng đi lên gác, bữa tiệc đã vãn bót, nhưng vẫn còn mấy cậu trong đội bóng chày, có cả Jase, ngồi quanh bom bia. Đa phần mọi người đang ngủ trong những túi ngủ la liệt trên sàn; có mấy đứa thu mình nằm cho vừa ghế xô-pha. Angela và Radar nằm cạnh nhau trên một xô-pha đôi, chân Radar duỗi sang một bên. Cả hai đang ngủ say.

Tôi đang định hỏi mấy cậu tụ tập quanh bom bia xem có thấy Ben đâu không, thì Ben đã chạy sầm sầm vào phòng khách. Nó đội cái mũ nôi trẻ con màu xanh da trời trên đầu, tay lăm lăm thanh gươm chế từ tám lon bia Milwaukee’s Best Light rỗng. Xem chừng Ben đã lấy keo dính tất cả lại.

“THẤY RỒI NHÉ!” Ben réo rất, chỉ thanh gươm vào tôi.

“TÔI PHÁT HIỆN RA QUENTIN JACOBSEN! PHẢIII! Lại đây! Quì xuống!”

“Trò gì nữa đây? Bình tĩnh đi Ben.”

“QUÌ XUỐNG!”

Tôi ngoan ngoãn quì, ngược lên nhìn nó.

Ben hạ thanh gươm lon bia xuống, chạm vào từng bên vai tôi. “Với sức mạnh của thanh gươm lon bia gắn keo siêu dính, ta phong cho người tước hiệu tài xế!”

“Cảm ơn,” tôi lau bầu. “Đừng có nôn ra xe đấy.”

“Ừ!” nó gào lên. Tôi định đứng dậy thì Ben đã lại ấn tôi quì tiếp bằng bên tay không-vũ-trang-guơm-lon-bia. Nó lại chạm guơm vào hai bên vai tôi, long trọng nói, “Với sức mạnh của thanh guơm lon bia gắn keo siêu dính, ta tuyên bố người sẽ khóa thân dưới tà áo chùng tại lễ tốt nghiệp.”

“Hả?” tôi đứng phắt dậy.

“Ừ! Tôi và ông và Radar! Khóa thân dưới tà áo chùng!

Tại lễ tốt nghiệp! Sẽ long trời lở đất cho coi!”

“Để coi,” tôi nói, “sẽ nóng lắm đó.”

“Ừ!” Ben rên rỉ. “Hãy thề ông sẽ giữ lời đi! Radar đã thề rồi! RADAR ƠI, ÔNG THỀ RỒI PHẢI KHÔNG?”

Radar khẽ nghiêng đầu, lé mắt lăm bằm. “Tôi đã thề.”

“Ờ, vậy thì được, tôi cũng thề,” tôi nói.

“CÓ THỂ CHỨ!” Rồi Ben quay sang Lacey. “Tớ yêu cậu.”

“Tớ cũng yêu cậu, Ben ạ.”

“Không, *tớ yêu cậu*. Không phải kiểu anh trai yêu em gái, bạn bè yêu bạn bè. Tớ yêu cậu như một thằng say bí tỉ yêu cô gái đáng yêu nhất thế giới.” Lacey mỉm cười.

Tôi tiến tới, nỗ lực giải cứu nó khỏi sa đà thêm vào trò gì đáng xấu hổ, đặt tay lên vai nó và nói, “Nếu muốn về nhà trước sáu giờ thì phải đi thôi.”

“Được rồi mà,” Ben nói. “Tôi chỉ đi cảm ơn Becca đã tổ chức tiệc mừng mừng thôi.”

Lacey và tôi theo Ben xuống dưới, Ben mở cửa phòng Becca và nói, “Tiệc của cậu khôi hài thật đấy! Cơ mà cậu gớm quá! Cứ như tim cậu không bơm máu mà bơm đi toàn dung-dịch-gớm ấy. Nhưng cảm ơn đã đãi bia nhé!” Becca chỉ có một mình, đang nằm trên giường, nhìn chòng chọc lên trần nhà. Chẳng buồn liếc nhìn Ben, Becca lăm bằm, “Cuốn xéo xuống địa ngục đi, đồ mặt thộn, chúc con của bà từ cô nàng ấy sang mày.”

Không chút mĩa mai ác ý, Ben đáp, “Rất vui được nói chuyện với cậu!” và đóng cửa lại. Tôi nghĩ Ben không có chút ý niệm nào rằng những lời của Becca thực ra rất xúc phạm.

Chúng tôi lên gác và gần ra đến cửa. “Ben ơi,” tôi nói, “bỏ thanh gươm lon bia lại thôi.”

“Ừ nhỉ,” Ben nói. Tôi cầm một đầu thanh gươm và giật ra, nhưng Ben không chịu thả. Tôi sắp sửa nối cáu với thẳng khi say xỉn này thì phát hiện ra nó *không thể* buông thanh gươm được.

Lacey cười phá lên, “Ben ơi, cậu dính luôn chính mình vào gươm à?”

“Không,” Ben đáp. “Tớ *siêu* dính luôn. Như thế mới không bị trộm mất!”

“Tư duy sắc bén đấy,” Lacey cố tỏ ra nghiêm túc.

Lacey và tôi gỡ được các lon bia ra, chỉ trừ lon cuối siêu dính trực tiếp vào tay Ben. Tôi kéo mạnh đến đâu, tay Ben liền xụi lơ đi theo đến đấy, như thể lon bia là sợi dây và tay Ben là con rối. Cuối cùng Lacey nói, “Phải đi thôi.” Thế là chúng tôi ra xe, tổng Ben lên ghế sau trong chiếc minivan. Lacey ngồi cạnh nó, vì “Tớ nên trông chừng để cậu ấy không nôn hoặc tự đánh mình đến chết bằng cái tay lon bia này.”

Nhưng Ben ngủ chết giấc nên Lacey có thể thoải mái nói về nó. Khi tôi chạy xe trên cao tốc liên bang, Lacey nói, “Cậu biết đấy, nếu đã nỗ lực thì cần được ghi nhận. Ý tớ là Ben đã hết sức nỗ lực, nhưng sao chuyện lại tệ như vậy? Cậu ấy ngọt ngào đấy chứ, phải không?”

“Tớ cũng nghĩ vậy,” tôi đáp. Đầu Ben lắc lư lung tung, trông như đã lìa khỏi cột sống vậy. Đối với tôi Ben không đặc biệt ngọt ngào, nhưng không hề gì.

Tôi thả Lacey xuống trước, ở phía bên kia Công viên Jefferson. Khi Lacey cúi xuống hôn phớt lên môi Ben, nó chớp chớp miệng đủ thành một tiếng “Ừ.”

Lacey đi về phía bên cổng cho xe ô-tô để lên căn hộ nhà mình. “Cảm ơn nhé,” Lacey nói. Tôi chỉ gật đầu.

Tôi lái xe qua tiểu khu này. Trời không còn tối và chưa hẳn sáng. Ben ngáy bình yên trên băng ghế sau. Tôi dừng lại trước nhà nó, xuống mở cửa xe và tháo đai an toàn cho Ben.

“Về nhà rồi Ben ơi.”

Nó khụt khịt lúc lắc đầu, rồi tỉnh ngủ. Nó định dụi mắt và có vẻ ngạc nhiên thấy một lon Milwaukee’s Best Light rỗng dính trên tay phải. Nó cố

nắm tay lại bóp bẹp cái lon nhưng không ăn thua. Ben nhìn lon bia chừng một phút rồi gật đầu thốt lên, “Quái vật cứ bám riết lấy tôi!”

Nó ra khỏi xe, loạng choạng lên vỉa hè để vào nhà. Khi đã đứng dưới mái hiên trước nhà, Ben quay lại, mỉm cười.

Tôi vậy nó. Lon bia vậy lại.

Tôi ngủ mấy tiếng, rồi dành cả buổi sáng đọc không sót đám sách du lịch vừa khai được hôm trước. Tôi đợi đến trưa mới gọi cho Ben và Radar. Tôi gọi Ben trước, “Chào buổi sáng, vầng thái dương đã lên cao ngất rồi.”

“Ôi, Chúa ơi,” Ben đáp, giọng nó chảy ra nghe như nổi thống khổ tuyệt vọng. “Ôi, Chúa Trời bé bỏng ngọt ngào ơi, hãy đến đây và xoa dịu người anh em Ben này đi. Ôi, xin hãy đỡ xuống tôi sự cứu rỗi của Người.”

“Có nhiều tiến triển về Margo lắm nhé,” tôi hào hứng, “Bê cái mông của ông đến đây. Tôi sẽ gọi cả Radar nữa.”

Hình như Ben không cho vào tai những điều tôi vừa nói. “Này, mẹ vào phòng tôi lúc chín giờ sáng nay, lúc ấy tôi nhóm dậy ngáp, mẹ con tôi cùng phát hiện ra có lon bia dính vào tay tôi là sao hả ông?”

“Ông siêu dính một lô lon vào nhau thành một thanh gươm lon bia, rồi ông siêu dính tay ông vào đó.”

“Ờ ờ. Gươm lon bia. Nghe quen quen.”

“Ben, sang nhà tôi đi.”

“Tôi thấy trong người loạn lắm ông ạ.”

“Thế để tôi sang nhà ông. Khi nào ông sẵn sàng?”

“Bồ tèo đừng có đến. Tôi phải ngủ thêm mười ngàn giờ đồng hồ nữa. Còn phải uống mười ngàn ga-lông nước, và cần một liều mười ngàn viên giảm đau Advil. Hẹn mai gặp ông ở trường nhé.”

Tôi hít một hơi thật sâu cho khỏi cáu. “Tôi đã lái xe băng ngang Trung Florida vào lúc nửa đêm để đóng vai kẻ tinh táo duy nhất tại bữa tiệc say xỉn nhất thế giới, đưa cái mông chảy nước của ông về nhà, và đây—” Tôi còn chưa nói xong nhưng nhận ra Ben đã gác máy rồi. Nó dám gác máy với tôi. Thằng bựa này.

Thời gian càng trôi, tôi càng cáu tợn. Không quan tâm đến Margo đã đành. Đẳng này, Ben còn không đoái hoài gì đến tôi nữa. Có lẽ tình bạn của hai thằng luôn chỉ là một tiện nghi đối với nó—nó chẳng kiếm được thằng nào oách hơn tôi để cùng bắn trò chơi điện tử. Bây giờ nó không cần phải tử tế với tôi nữa, hoặc quan tâm đến những điều tôi quan tâm, vì nó đã có Jase Worthington. Ben đã là quán quân bom bia ở trường. Nó đã mời được một nàng nóng bỏng đến dạ tiệc. Nó đã chớp được cơ hội đầu tiên để gia nhập hàng ngũ những thằng bỉ bựa chân chính.

Năm phút sau khi Ben gác máy, tôi gọi lại vào điện thoại di động của nó. Ben không bắt máy, nên tôi để lại tin nhắn, “Ông muốn hoành tở-ráng như Chuck phải không Ben Bỉ Bựa? Ông vẫn thèm được như vậy lắm hả? Ồ, chúc mừng nhé! Ông làm được rồi đó. Ông và nó đôi lứa xứng đôi, vì ông cũng là một đồng bốt mùi. Đừng gọi lại.”

Rồi tôi gọi điện cho Radar. “Chào,” tôi nói.

“Chào,” nó đáp. “Tôi vừa ói trong khi đang tắm. Tôi gọi lại sau được không?”

“Được thôi,” tôi đáp, cố không tỏ ra cáu kỉnh khó chịu. Tôi chỉ muốn *ai* đó giúp tôi sắp xếp lại thế giới này theo qui chiếu Margo mà thôi. Nhưng Radar không phải là Ben, mấy phút sau nó gọi lại ngay.

“Kính đến mức tôi đã ói trong khi lau dọn, và khi lau dọn *đám đó*, tôi lại ói. Cứ như động cơ vĩnh cửu vậy. Chỉ cần cho tôi ăn là tôi có thể ói nữa ói mãi.”

“Ông qua đây được không? Hay để tôi sang nhà ông?”

“Hả, được chứ. Có chuyện gì vậy?”

“Margo đã ở trong khu mua sắm mini ít nhất một đêm sau khi cậu ấy biến mất.”

“Tôi sẽ qua chỗ ông. Bốn phút nữa.”

Radar có mặt ở cửa sổ phòng tôi chính xác bốn phút sau đó. “Ông nên biết là tôi đang đại chiến với Ben,” tôi nói khi Radar trèo vào phòng.

“Tôi oải đến mức chẳng buồn hòa giải hai ông nữa,” Radar khẽ đáp. Nó nằm vật xuống giường, mắt nhắm hờ, bới bới mái đầu bù xù. “Cảm giác như tôi vừa bị trúng sét vậy,” nó khụt khịt nói. “Được rồi, ông cập nhật tình hình

đi.” Tôi ngồi xuống ghế bên bàn học và kể cho Radar nghe cả đêm tôi đã ở trong chỗ trú chân của Margo ra sao, hết sức cố gắng không bỏ sót bất cứ chi tiết nào có thể hữu ích. Tôi biết Radar có tài giải mã câu đố hơn tôi, và tôi mong là lần này nó có thể khớp được các mảnh ghép vào nhau.

“Rồi Ben gọi điện và tôi đến đám tiệc.”

Radar chờ đến khi tôi kết thúc mới lên tiếng, “Ông có cuốn sách ấy ở đây không? Cuốn có mấy trang bị gấp mép ấy?” nó hỏi. Tôi nhòm dậy bối trong đồng chăn mềm, cuối cùng cũng mò ra cuốn sách. Radar giơ cuốn sách lên cao quá đầu, nheo nheo mắt vì đầu óc còn váng vất, và giở qua các trang sách.

“Ông viết lại đi,” nó nói. “Omaha, bang Nebraska. Sac City, bang Iowa. Alexandria, bang Indiana. Darwin, bang Minnesota. Hollywood, bang California. Alliance, bang Nebraska. Xong nhé. Trong cả mớ thông tin, đây là những nơi mà Margo—chà, hoặc bất cứ ai đọc cuốn sách này— thấy lí thú.” Nó nhòm dậy, xua tôi ra khỏi ghế, ngồi xuống và xoay qua máy tính. Radar có biệt tài kì diệu vừa nói chuyện vừa đánh máy được. “Có một chương trình máy tính tích hợp bản đồ cho phép ông nhập vào một số địa danh, nó sẽ vạch ra được nhiều lộ trình khác nhau. Không rõ Margo có biết đến chương trình đó không. Cơ mà, tôi muốn thử xem sao.”

“Sao ông biết tuốt tuột như vậy?” tôi hỏi.

“Ừm, nhắc lại nhé: Tôi. Hiến. Đời. Minh. Cho. Toàn. Thư. Trong một tiếng từ khi về nhà sáng nay đến lúc phi vào nhà tắm, tôi đã hoàn toàn viết lại mục bài về cá Anglerfish đốm xanh. Tôi có vấn đề đấy. Được rồi, nhìn xem này,” Radar gọi. Tôi nhoài sang và thấy mấy tuyến đường gấp khúc được vạch ra trên bản đồ nước Mỹ. Tất cả đều xuất phát từ Orlando và kết thúc ở Hollywood, bang California.

“Margo ở Los Angeles chẳng?” Radar đặt giả thuyết.

“Có thể,” tôi đáp. “Nhưng chẳng cách nào biết được Margo đi tuyến nào nhỉ.”

“Ừ. Cũng chẳng có gì ám chỉ Los Angeles cả. Căn cứ vào lời Margo nói với Jase, có thể là New York. Còn thông điệp ‘sẽ đi đến những thành phố giấy và sẽ không bao giờ trở lại’ hình như nhắm đến những khu đô thị ma

quanh đây. Lọ sơn móng tay có thể ngụ ý rằng Margo vẫn chưa đi xa chẳng? Chúng ta có thể thêm cả địa danh có viên bóng ngô lớn nhất thế giới vào danh sách những nơi có khả năng Margo sẽ đến.”

“Hành trình du lịch khớp với ý thơ Whitman: ‘Ta dẫn mình vào chuyến đi miền viễn.’”

Radar vẫn lui cui bên máy tính. Tôi ngồi xuống giường. “Này, ông in bản đồ ra để tôi định vị các nơi được không?” tôi hỏi.

“Làm trên máy tính được mà,” Radar nói.

“Ừ, nhưng tôi muốn nhìn trực tiếp hơn.” Mấy giây sau máy in kêu rò rè, và tôi treo bản đồ nước Mỹ lên tường, cạnh tấm bản đồ các khu đô thị ma. Tôi đính ghim mũ lên từng nơi trong số sáu địa điểm mà Margo (hoặc ai đó) đã đánh dấu trong sách. Tôi cố gắng quan sát như thể đó là một chòm sao, xem chúng có tạo thành hình thù hay chữ nghĩa gì không—nhưng tôi chẳng nhận ra gì cả. Những địa danh rải rác ngẫu nhiên, như thể cô ấy đã tự bịt mắt rồi phóng phi tiêu lên bản đồ vậy.

Tôi thờ dãi.

“Ông có biết nên thế nào bây giờ không?” Radar hỏi. “Giá mà có bằng chứng cho thấy Margo đã mở hộp e-mail hoặc truy cập đâu đó trên Internet. Ngày nào tôi cũng gõ tên cậu ấy để tìm. Tôi có một chương trình tự động, sẽ báo cho tôi nếu Margo đăng nhập vào Toàn Thư Đủ Thứ bằng tên truy cập của mình. Tôi lần theo những địa chỉ IP của những người tìm cụm từ ‘những thành phố giấy.’ Mệt mỏi kinh lên được.”

“Tôi không ngờ ông lại lọ mọ làm tất cả đấy,” tôi nói.

“Ờ, có gì đâu. Chỉ làm những gì tôi muốn người khác sẽ làm thôi mà. Tôi biết tôi không phải là bạn của Margo, nhưng cậu ấy xứng đáng được tìm thấy, ông hiểu ý tôi chứ?”

“Trừ phi Margo không muốn được tìm thấy,” tôi nói.

“Ừ, cũng có khả năng ấy. Mọi khả năng còn để ngỏ.” Tôi gật gật.

“Ờ, vậy—được rồi.” Radar chuyển chủ đề. “Chúng ta tiếp tục động não bằng trò chơi điện tử nhé?”

“Tôi không có hứng.”

“Hay là gọi Ben?”

“Không. Ben là đồ bị bựa.”

Radar nhìn nghiêng phía tôi. “Tất nhiên Ben bựa rồi. Nhưng ông có biết vấn đề của ông là gì không hả Quentin? Ông cứ mong đợi người khác không là chính họ. Thử nghĩ mà xem, tôi có thể quá ngán ông vì ông trẻ giờ vô đối, chẳng hứng thú với bất cứ chủ đề gì trừ Margo Roth Spiegelman, hoặc, kiểu như chẳng bao giờ ỏ ê hỏi tôi với bạn gái tiến triển tới đâu rồi. Nhưng tôi không để bụng đâu, bồ tèo ạ, vì ông là ông. Bố mẹ tôi ôm khư khư cả tấn các ông già Noel da đen chẳng để làm gì, nhưng cũng chả sao. Bố mẹ là bố mẹ mà. Tôi quá ham một trang mạng tích trữ đủ thứ thông tin, đến nỗi không trả lời điện thoại khi bạn bè hoặc bạn gái tôi gọi. Nhưng như thế cũng không sao. Đó là tôi. Ông vẫn kết tôi mà. Tôi cũng kết ông. Ông ngộ ngộ, đầu óc hay hay, ông hay đến muộn thật, nhưng rút cục ông luôn có mặt là ổn.”

“Cảm ơn ông.”

“Ừ, rồi, tôi không có nịnh ông đâu. Nhưng mà này: đừng nghĩ rằng Ben nên là ông, nó cũng cần bỏ ý nghĩ rằng ông nên là nó, rồi hai ông lại tiếp tục quây tưng thiên đường địa ngục cho coi.”

“Được rồi mà,” rút cục tôi nói, và gọi điện cho Ben. Thông tin rằng Radar đang ở đây và muốn chơi điện tử chính là một liệu pháp giải say kì diệu.

“Vậy,” tôi nói sau khi ngắt điện thoại, “chuyện Angela thế nào rồi?”

Radar cười ngất. “Ổn cả, người anh em ạ, tốt đẹp cả. Cảm ơn ông đã có nhờ hỏi thăm.”

“Ông vẫn còn tâm à?” tôi tò mò.

“Đây không chơi trò hun rùi đi buôn chuyện thế đâu nhé. Cơ mà, đúng, vẫn tâm. Ờ, mà sáng nay hai đứa vừa giận nhau xong. Bọn tôi ăn sáng ở tiệm Waffle House, Angela cứ ca đi ngợi lại rằng những ông già Noel da đen thật tuyệt, rằng bố mẹ tôi là những con người mẫu mực đã lập bộ sưu tập đó, vì chúng ta cần tránh tư duy định kiến rằng những nhân vật hay ho như Chúa hay ông già Noel đều da trắng, và rằng ông già Noel da đen sẽ cố kết, đẩy mạnh cộng đồng người Mĩ gốc Phi ra sao.”

“Thực ra tôi cũng đồng tình với Angela mà,” tôi nói.

“Được thôi, xuất phát là một ý tưởng hay, nhưng thực tế diễn ra thì dẫm dớ. Bố mẹ tôi sẽ không truyền giảng sách phúc âm về ông già Noel da đen

đâu. Nếu muốn thế thì họ đã tự *làm* ra các ông già Noel da đen rồi. Đằng này, họ chỉ tìm cách mua lại từ nguồn cung sẵn có thôi. Có một ông cụ ở Pittsburgh sở hữu bộ sưu tập lớn thứ hai, bố mẹ tôi suốt ngày gạ mua lại bộ sưu tập của ông cụ.”

Tiếng Ben réo rắt ở ngưỡng cửa, rõ là nó đã đứng đó được một lúc rồi. “Radar ơi, chiến bại trong việc xử nòng thỏ của ông chính là thảm họa nhân đạo khốc liệt nhất trong thời đại của chúng ta.”

“Lèm bèm gì thế Ben?” tôi hỏi.

“Cảm ơn chiến hữu đêm qua đã xế tôi về nhà nhá.”

Dù chỉ còn một tuần trước kì thi cuối, cả buổi chiều thứ Hai tôi vẫn ngồi đọc “Tự khúc.” Tôi muốn đến nốt hai khu đô thị ma còn lại, nhưng Ben cần đi xe. Tôi không còn tìm kiếm những manh mối trong bài thơ như thể đang tìm kiếm chính Margo nữa. Lần này đọc được nửa chừng “Tự khúc,” tôi sa vào một phần mà tôi cứ trở đi trở lại.

“Ta nghĩ thời gian dài trước mắt ta sẽ chỉ lắng nghe,” Whitman viết như vậy. Và hai trang tiếp theo, ông chỉ nghe thôi: nghe suốt róc rách, nghe tiếng người, nghe hòa nhạc opera. Ông ngồi trên cỏ và để âm thanh tràn qua mình. Có lẽ đây cũng là điều tôi đang cố thực hiện: lắng nghe tất cả những âm thanh tinh tế nhất của cô ấy, vì trước khi hiểu được, thì phải nghe thấy đã. Đã quá lâu rồi, tôi không thực sự *nghe thấy* Margo—tôi đã thấy cô ấy la hét và ngỡ rằng cô ấy đang cười—nhưng giờ tôi nhận ra đó là việc cần làm. Cố gắng, thậm chí từ khoảng cách xa xôi diệu vợi này, nghe thấy bản opera của Margo.

Nếu không nghe được Margo, ít nhất tôi có thể nghe những gì cô ấy từng nghe. Tôi bèn tải album những bản hát lại ca khúc của Woody Guthrie. Tôi ngồi bên máy tính, nhắm mắt, khuỷu tay tì lên bàn, lắng nghe giọng hát ở cung thứ. Tôi cố gắng nghe, trong bài hát tôi chưa từng nghe, một giọng nói tôi bắt đầu thấy khó nhớ sau mười hai ngày.

Tôi vẫn đang nghe nhạc—bây giờ là một ca sĩ yêu thích khác của Margo, Bob Dylan—thì thấy mẹ về. “Hôm nay bố về muộn,” mẹ nói qua cửa phòng tôi vẫn đóng. “Mẹ làm bánh kẹp thịt gà tây nhé?”

“Vâng, ngon ạ,” tôi đáp, rồi lại nhắm mắt nghe nhạc. Nghe thêm một album rưỡi nữa, tôi mới đứng lên khi bố gọi ra ăn tối.

Bữa tối, bố mẹ nói chuyện tình hình chính trị Trung Đông. Dù hoàn toàn đồng quan điểm với nhau, nhưng cả hai vẫn lớn tiếng chỉ trích, thế-này-thế-

kia là đồ dối trá, thế-này-thế-kia là quân bịp bợm và cướp bóc, và rằng cả đám nên từ chức đi cho rồi. Tôi chăm chú vào bánh kẹp thịt gà tây, ngon tuyệt, dấm tương cà chua và hành nướng thơm lừng.

“Thôi, dừng ở đây nhé,” mẹ chốt lại sau hồi bàn luận.

“Ngày hôm nay ra sao hả Quentin?”

“Ồn ả,” tôi đáp. “Sẵn sàng đi thi, con nghĩ thế ả.”

“Không tin nổi là con đi học tuần cuối ở trường,” bố nói. “Thực sự chỉ mới như hôm qua thôi...”

“Đúng vậy,” mẹ bùi ngùi. Một giọng nói trong đầu tôi đang gào lên: CẢNH BÁO CÓ NGƯỜI HOÀI CỐ CẢNH BÁO CẢNH BÁO CẢNH BÁO. Bố mẹ tôi tốt nhất quả đất, hiềm nỗi dễ mũi lòng xúc động sến sẩm kinh lên được.

“Bố mẹ rất tự hào về con,” mẹ nói. “Nhưng Chúa ơi, mùa thu sang năm bố mẹ sẽ nhớ con lắm.”

“Ồ, vâng, nhưng cũng không nói quá sớm được. Có khi con trượt môn Quốc ngữ đấy ả.”

Mẹ bật cười, rồi nói, “À, con có biết hôm qua mẹ gặp ai ở Hiệp Hội Thanh Niên Cơ-đốc không? Cô Betty Parson đấy. Cô ấy nói là mùa thu tới Chuck sẽ vào Đại học Georgia. Mẹ mừng cho Chuck, thằng bé đã nỗ lực nhiều.”

“Nó chỉ được cái thúì hoặc thôi mà mẹ,” tôi nói.

“Chậ,” bố nói, “Chuck hay bắt nạt các bạn. Hành vi như thế cần được uốn nắn.” Đúng kiểu suy nghĩ của bố mẹ tôi: trong mắt họ, không có ai chỉ được cái thúì hoặc cả. Luôn có gì đó không ổn đối với mọi người, không phải tại họ bẩm sinh xấu xa: họ bị rối loạn giao tiếp xã hội, hội chứng nhân cách kẻ bên lề, đại khái thế.

Mẹ tiếp tục câu chuyện, “Nhưng Chuck có khó khăn trong khi học. Thằng bé gặp đủ vấn đề—như bất cứ ai. Mẹ biết bây giờ con không nhìn nhận bạn bè theo cách đó, nhưng khi nào trưởng thành hơn, con bắt đầu nhìn ra được—đứa ngoan, đứa hư, tất cả đám bạn bè—đều là con người. Đều là những người đáng được quan tâm. Với những mức độ khác nhau về thể trạng, tâm lí, khả năng hiện thực hóa bản thân. Nhưng con biết đấy, mẹ luôn mến cô Betty

Parson, luôn đặt hi vọng vào Chuck. Cho nên thằng bé sẽ vào đại học là chuyện đáng mừng, con có nghĩ thế không?”

“Mẹ ơi, thật ra con không thực sự quan tâm đến nó, bố ngang hay bố dọc cũng thế thôi ạ.” Nhưng tôi có nghĩ rằng, nếu ai cũng là con người, sao bố mẹ vẫn bức xúc đả kích khách ở Israel và Palestine nhỉ? Bố mẹ không nói về họ như thế họ cũng là con người.

Bố ngừng nhai gì đó, đặt đĩa xuống và nhìn tôi. “Càng làm việc,” bố nói, “bố càng nhận ra rằng con người thiếu những cái gương chuẩn. Thật khó để ai đó cho ta thấy trông ta thực sự thế nào, và thật khó để chính ta cho người khác hay ta cảm thấy ra sao.”

“Nghe hay quá anh ạ,” mẹ nói. Tôi thích kiểu bố mẹ tôi thích nhau như vậy. “Nhưng chẳng phải sâu xa trong lòng, ta thấy khó có thể hiểu được rằng những người khác là con người như chính ta cũng là con người sao? Ta lí tưởng hóa họ thành thánh thần hoặc liệt họ vào hàng động vật.”

“Đúng đấy. Nhận thức cũng làm nên những cửa sổ méo mó. Có lẽ anh đã không nghĩ nhiều theo hướng đó.”

Tôi ngồi sau. Tôi đang lắng nghe. Và tôi nghe thấy gì đó về cô ấy, những ô cửa sổ và gương. Chuck Parson là một con người. Giống như tôi. Margo Roth Spiegelman cũng là một con người. Và tôi chưa từng nghĩ về cô ấy theo cách đó, chưa thực sự; đó là sự thất bại của tất cả những tưởng tượng trước đây của tôi. Suốt thời gian dài—không chỉ sau khi cô ấy bỏ đi, mà cả thập kỉ trước đó—tôi đã tưởng tượng về Margo mà không lắng nghe, không biết rằng ô cửa sổ cô ấy dựng lên cũng dờ ọc như tôi. Do vậy, tôi không hình dung được cô ấy là một con người có thể cũng cảm thấy sợ hãi, cảm thấy bị cô lập giữa chốn đông người, xấu hổ cất giữ bộ sưu tập đĩa nhạc vì nó quá riêng tư để có thể chia sẻ được. Một người có thể đã đọc các cuốn sách du dịch để thoát khỏi đời sống ở một thành phố nơi có quá nhiều người đổ xô đến. Một người—vì không ai nghĩ rằng cô ấy là một con người—chẳng có ai thực sự nói chuyện cùng.

Và lập tức tôi nhận ra Margo Roth Spiegelman cảm thấy thế nào khi cô ấy không phải là Margo Roth Spiegelman: cô ấy trống rỗng. Cô ấy cảm thấy có bức tường vô tận bủa vây mình. Tôi nghĩ đến cô ấy nằm ngủ trên thảm với

mảnh trời rách ở phía trên. Có lẽ Margo thấy dễ chịu khi ở đó vì Margo-con-
người luôn sống như vậy: trong căn phòng bị bỏ hoang với những ô cửa sổ
kín mít, ánh sáng duy nhất rơi xuống qua những lỗ thủng trên trần. *Đúng*
vậy. Lỗi nghiêm trọng tôi đã luôn mắc phải–nói công bằng, cô ấy đã luôn
khiến tôi mắc phải–chính là: Margo không phải là một điều kì diệu. Cô ấy
không phải là một cuộc phiêu lưu. Cô ấy không phải là một món đẹp để quý
giá. Margo là một cô gái.

Cái đồng hồ như tra tấn tôi, nhưng linh cảm rằng mình sắp gỡ được nút thắt khiến thời gian dường như hoàn toàn đứng lại ở ngày thứ Ba. Chúng tôi đều quyết định sẽ đến khu mua sắm mini ngay sau khi tan học, sự chờ đợi thật không thể chịu đựng được. Rút cục chuông báo hết giờ Quốc ngữ, tôi chạy vội xuống cầu thang và suýt ra khỏi cổng thì nhớ ra Ben và Radar còn tập nhạc nên chưa đi ngay được. Tôi ngồi bên ngoài phòng tập nhạc, lấy cái bánh pizza cỡ nhỏ gói trong khăn giấy từ ba-lô ra, tôi đã để đấy từ lúc ăn trưa. Tôi ăn được chừng một phần tư thì Lacey Pemberton tới ngồi cạnh. Tôi mời pizza nhưng Lacey từ chối.

Chúng tôi nói chuyện về Margo, tất nhiên rồi, lỗ hổng chung giữa chúng tôi. “Tớ cần xác định được,” tôi nói, chùi tay dính mỡ vào quần jeans, “một địa điểm. Nhưng tớ cũng không chắc suy luận về những đô thị ma có đúng hướng không. Có lúc tớ nghĩ chúng ta hoàn toàn trật lất rồi.”

“Ừ, tớ cũng không biết nữa. Nói thật nhé, gạt tất cả sang bên, tớ thích tìm lại những gì có liên quan đến Margo. Những gì trước đây tớ chưa từng biết. Tớ đã không biết cậu ấy thực sự là ai. Thật lòng tớ chưa bao giờ nghĩ gì khác ngoài coi Margo là cô bạn tuyệt đẹp điên rồ, làm đủ mọi trò điên rồ tuyệt đẹp.”

“Ừ, nhưng Margo không *bật phát* thực hiện tất cả,” tôi nói. “Tất cả những cuộc phiêu lưu của cậu ấy đều có gì đó... tớ không biết nữa.”

“Duyên dáng và lộng lẫy,” Lacey nói. “Margo là người duy nhất mà tớ biết chưa phải, ờ, người lớn, mà đã có sự duyên dáng lộng lẫy đó rồi.”

“Ừ.”

“Nên khó có thể hình dung nổi cậu ấy ở trong một căn phòng bụi bặm tối tăm ảm thấp.”

“Ừ,” tôi nói. “Có cả chuột nữa.”

Lacey co đầu gối trước ngực, dáng ngồi như em bé trong bụng mẹ. “Eo. Như thế không giống Margo lắm.”

Lacey ngồi ở ghế trước cạnh lái xe, dù gì cậu ấy cũng là đứa thấp nhất bọn. Ben lái xe. Tôi thở dài thườn thượt trong khi Radar ngồi cạnh tôi đã rút máy tính cầm tay ra và bắt đầu công việc trong Toàn Thư Đủ Thứ.

“Vừa xóa những thứ tào lao trong bài về Chuck Norris,” nó nói. “Chẳng hạn, tôi cực kì đồng ý rằng tuyệt chiêu của Chuck Norris là cú đá vòng cầu, cơ mà tôi nghĩ viết thế này thì nhảm quá, ‘Nước mắt của Chuck Norris chữa được ung thư, nhưng rũi thay, ông chẳng bao giờ khóc.’ Thao tác xóa-những-thứ-tào-lao dù sao cũng chỉ chiếm khoảng bốn phần trăm trí óc của tôi thôi.”

Dù hiểu rằng Radar đang cố chọc cười, nhưng tôi vẫn chỉ muốn nói đến một việc thôi. “Tôi không tin là Margo đang ở khu đô thị ma nào đó. Thậm chí đây chưa chắc đã là ‘những thành phố giấy’ mà Margo nói đến. Có quá nhiều manh mối về các địa điểm, nhưng chẳng có gì *cụ thể* cả.”

Radar nhìn lên một giây rồi lại đưa mắt xuống màn hình, “Cá nhân tôi nghĩ Margo đang ở xa rồi, theo một tua du lịch kì thú nào đó và nhằm tưởng là đã để lại đủ manh mối. Nên tôi cho rằng cậu ấy đang ở, xem nào, Omaha, bang Nebraska, đi thăm quả cầu tem lớn nhất thế giới, hoặc đến bang Minnesota thường lãm cuộn dây thừng lớn nhất thế giới.”

Lé mắt nhìn qua gương chiếu hậu, Ben lên tiếng, “Tức là ông cho rằng Margo đang đi một tua xuyên quốc gia chiêm ngưỡng đủ thể loại Tròn Tròn Lớn Nhất Thế Giới phỏng?” Radar gật gù.

“Ái chà,” Ben tiếp tục, “ai đó cần nói với Margo rằng chỉ cần về nhà thôi, vì cậu ấy sẽ sững sờ trước đôi bi lớn nhất thế giới ở ngay đây, chính thành phố Orlando, bang Florida. Bảo vật ấy tại vị trong gian trưng bày đặc biệt có tên là ‘chỗ ấy của tôi’.”

Radar cười lớn, Ben bồi thêm, “Tôi nói nghiêm túc đó. Đôi bi của tôi bự đến mức khi gọi khoai tây chiên ở McDonald’s, các ông cứ việc chọn bốn kích cỡ: nhỏ, vừa, lớn, và cỡ bi của Ben.”

Lacey không nhìn nổi Ben nữa, nói, “Chuyện. Chả. Liên. Quan.”

“Xin lỗi mà,” Ben thì thào. “Chắc Margo ở Orlando đấy,” nó nói. “Đang quan sát tụi mình đi tìm cậu ấy. Và quan sát bố mẹ cậu ấy không đi tìm.”

“Tớ vẫn ủng hộ giả thuyết New York,” Lacey nói.

“Mọi khả năng đều có thể xảy ra,” tôi nói. Mỗi Margo cho mỗi đứa chúng tôi—và thêm mỗi tấm gương hơn là cửa sổ.

Khu mua sắm mini trông vẫn như mấy ngày trước. Ben đỗ xe, tôi đưa cả bọn qua cánh cửa đẩy-vào-trong vào gian văn phòng. Khi tất cả đã ở trong hết, tôi nói khẽ: “Đừng bật đèn pin vội, cứ để mắt điều tiết một lúc đã.” Có mấy móng tay cắm vào cẳng tay tôi. “Không sao đâu Lacey,” tôi thì thầm.

“Ồi,” Lacey thốt lên. “Nhầm tay rồi.” Hóa ra là cô nàng tìm tay của Ben.

Từ từ, căn phòng bắt đầu rõ ra những hình khối mờ mờ xam xám. Tôi thấy mấy dây bàn, vẫn đang đợi nhân viên đến. Tôi bật đèn pin, mấy đứa kia cũng bật đèn pin của mình lên. Ben và Lacey đi cùng nhau, chui qua Lỗ Qui thăm dò những phòng khác. Radar đi cùng tôi đến bên bàn của Margo. Nó quì xuống nhìn sát vào tờ lịch đã ngưng lại ở tháng Sáu.

Tôi đang cúi theo nó thì bất ngờ nghe thấy tiếng bước chân đi nhanh về phía chúng tôi.

“*Có người,*” Ben gấp gáp thì thào. Nó chui ngay xuống gầm bàn của Margo, kéo Lacey theo.

“Gì cơ? Ở đâu?”

“Phòng bên cạnh!” nó nói. “Đeo mặt nạ. Trông như người của chính quyền. Biến thôi.”

Radar soi đèn pin về phía Lỗ Qui nhưng Ben kéo mạnh. “Chúng. Ta. Phải. Ra. Khỏi. Đây.” Lacey nhìn tôi, đôi mắt mở to, chắc hơi cáu vì tôi đã hứa hươu hứa vượn rằng cậu ấy sẽ được an toàn.

“Được rồi,” tôi nói. “Ta ra thôi, qua cửa ra vào nhé. Gọn gàng mau lẹ nhé.” Tôi mới dợm bước thì nghe thấy một giọng nổ như sấm rền: “AI TRONG ĐÓ!”

Bực thật. “Ừm,” tôi đáp, “tụi này đi xem loanh quanh thôi.” Đúng là lời chống chế chết nhất hạng nhất. Từ Lỗ Qui, một luồng sáng trắng khiến tôi lóa mắt. Có thể chính là Chúa Trời lăm chừ.

“Ý đồ gì đây?” Tiếng nói hơi cố giả giọng Anh–Anh.

Tôi thấy Ben đã đứng dậy cạnh tôi. Thật tốt khi không phải đơn độc. “Tụi này đang điều tra một vụ mất tích,” nó nói với vẻ tự tin ngời ngời. “Tụi này không định gây ra thiệt hại gì cả.” Ánh đèn lái đi chỗ khác, tôi chớp chớp mắt trong bóng tối cho đến khi thấy hình dáng ba người, đều mặc quần jeans, áo phông, đeo mặt nạ chống độc. Một người kéo mặt nạ lên trán và nhìn chúng tôi. Tôi nhận ra chòm râu dê và cái miệng rộng, môi mỏng.

“Anh Gus ạ?” Lacey hỏi, đứng dậy. Anh bảo vệ tòa nhà SunTrust.

“Lacey Pemberton. Trời ơi. Các cô cậu làm gì ở đây? Không có mặt nạ à? Ở đây có cả tấn a-mi-ăng đấy.”

“Các *anh* làm gì ở đây ạ?”

“Thám hiểm,” anh ta đáp. Không hiểu sao Ben lên phong độ hẳn, tự tin tiến đến trước hai người kia và chủ động giơ tay ra bắt. Họ giới thiệu mình là Át và Thợ Mộc. Tôi đoán mò rằng đó là những cái tên “ma.”

Chúng tôi kéo mấy cái ghế xoay lại, ngồi thành vòng gần tròn quay mặt vào nhau. “Mấy đứa nện thùng ván gỗ ngoài kia phải không?” Gus hỏi.

“Em nện thôi ạ,” Ben giải thích.

“Bọn anh dán lại vì không muốn người khác vào trong. Nếu từ ngoài đường thấy có lối vào thì nhiều người sẽ kéo đến, toàn những loại không biết gì về thám hiểm cả. Những gã lang thang vô công rồi nghề, nghiện ngập đủ thứ.”

Tôi tiến về phía họ và hỏi, “VẬY, các anh, Ờ, có biết là Margo đã đến đây không?”

Gus chưa kịp trả lời thì Át đã nói qua lớp mặt nạ. Giọng anh ta hơi bị méo đi nhưng vẫn dễ hiểu. “Trời, Margo ở đây suốt mà. Bọn anh một năm ghé có vài lần thôi; chỗ này nhiều a-mi-ăng, mới cả cũng không có gì đặc sắc lắm. Nhưng mấy năm nay, dễ quá nửa những lần bọn anh đến đều thấy con bé ở đây. Cũng đã ngon lành lắm, nhỉ?”

“Sao lại là ‘đã’?” Lacey tình ý.

“Con bé bỏ đi rồi còn gì, đúng chứ?”

“Anh biết gì về chuyện đó?”

“Chúa ơi, chẳng biết gì cả. Anh thấy Margo từng đi chung với cậu này,” Gus nói và chỉ vào tôi, “cách đây mấy tuần. Rồi anh nghe tin con bé bỏ nhà

đi rồi. Mấy ngày sau anh sức nhớ có khi con bé đến đây, nên bọn anh ghé qua xem sao.”

“Chẳng hiểu sao con bé thích chỗ này thế. Có quái gì đâu,” Thợ Mộc nói. “Chẳng có vị gì mà thám hiểm.”

“Anh nói *thám hiểm* là sao?” Lacey hỏi Gus.

“Thám hiểm thành phố. Bọn anh vào những tòa nhà hoang, khám phá và chụp ảnh. Bọn anh không lấy gì đi cả, cũng không để lại gì, chỉ thích quan sát thôi.”

“Một sở thích ấy mà,” Át nói. “Hồi còn đi học, Gus hay kéo Margo lẳng nhăng theo những chuyến thám hiểm như vậy.”

“Con bé có con mắt sắc sảo lắm, mà hồi đó mới có, xem nào, mười ba tuổi,” Gus nói. “Nó tìm được đường vào bất cứ đâu. Hồi đó chỉ thỉnh thoảng thôi, còn bây giờ bọn anh đi thám hiểm ba lần một tuần. Khắp nơi đều có chỗ để xem. Mới có một bệnh viện tâm thần bị bỏ không ở Clearwater. Một nơi hết sảy. Được xem chỗ người ta đã trói gô những gã điên và chích sốc điện như thế nào. Có một nhà tù cũ ở phía tây chỗ này. Nhưng Margo không thực sự ham khám phá. Nó thích vào bên trong, nhưng rồi chỉ muốn ở một chỗ thôi.”

“Ừ, khó chịu chết đi được,” Át nói thêm.

Thợ Mộc nói, “Con bé còn chẳng buồn chụp ảnh. Cũng không chạy tới chạy lui xem cái này cái kia. Nó chỉ muốn vào được bên trong và ngồi. Có nhớ nó hay mang theo quyển sổ đen không? Nó chỉ ngồi trong góc và viết, cứ như đang ở nhà, kiểu như ngồi làm bài tập.”

“Thật ra,” Gus nói, “Margo chưa bao giờ thực sự tham gia vào trò vui cả. Tất cả những phiêu lưu đó. Mà thực tế con bé có vẻ rầu rĩ lắm.”

Tôi muốn để họ nói, vì tôi nhận ra tất cả những lời ấy sẽ giúp tôi tưởng tượng ra Margo. Nhưng bỗng nhiên, Lacey đứng bật dậy và đá cái ghế ra phía sau. “Các anh chưa bao giờ nghĩ đến chuyện hỏi xem sao Margo lại rầu rĩ thế ư? Hay tại sao Margo lại theo các anh đến những xó thế này? Các anh chưa bao giờ thắc mắc sao?” Lacey đứng ngay trước mặt Gus, gào loạn lên. Gus cũng đứng dậy, cao hơn Lacey cả một cái đầu. Thợ Mộc chen vào, “Trời ơi, ai đó hạ hỏa bà chằn này lại đi.”

“Ồ không đâu!” Ben gào lên. Tôi còn chưa hiểu chuyện gì, Ben đã xáp đến giáp lá cà với Thợ Mộc, anh ta ngã khỏi ghế, nện vai xuống sàn. Ben ngồi hẳn lên anh ta và bắt đầu nện túi bụi, giận dữ và ngớ ngẩn vừa đấm vừa tát cái mặt nạ của anh ta, hét âm lên, “ANH LÀ ĐỒ BÀ CHẶN THÌ CÓ!” Tôi chồm lên giữ một cánh tay Ben, Radar ghì cánh tay bên kia. Bọn tôi kéo Ben ra, nhưng nó vẫn la lối om sòm, “Tôi đang điên tiết đây! Đánh anh vui ghê! Được đánh tiếp càng vui!”

“Ben,” tôi gọi, cố gắng giữ giọng bình tĩnh, cố gắng tỏ vẻ giống mẹ tôi. “Ben ơi, được rồi mà. Ông nói rõ quan điểm rồi mà.”

Gus và Át đỡ Thợ Mộc dậy, Gus nói, “Chúa ơi, bọn này đi là được chứ gì? Của mấy đứa hết đây.”

Át nhặt máy ảnh của họ lên rồi cả ba đi nhanh ra cửa sau. Lacey bắt đầu giải thích chuyện quen biết Gus, “Anh ta học năm cuối còn tụi mình mới lớp-.” Nhưng tôi xua đi, chuyện ấy chẳng còn quan trọng nữa.

Radar biết chuyện gì là quan trọng. Nó lập tức quay lại cuốn lịch, mắt chỉ cách trang giấy vài phân. “Chắc không có gì đó được viết trên tờ tháng Năm đâu,” nó nói. “Giấy rất mỏng và tôi không thấy dấu vết gì. Nhưng cũng khó nói chắc chắn lắm.” Nó tiếp tục tìm thêm các đầu mối. Tôi thấy ánh đèn của Lacey và Ben chúc xuống khi hai đứa chui qua một Lỗ Quỉ, nhưng tôi chỉ đứng đó trong gian văn phòng, tưởng tượng về Margo. Tôi nghĩ đến cô ấy đã theo mấy anh chàng vừa rồi, lớn hơn cô ấy bốn tuổi, vào những tòa nhà bị bỏ hoang. Đó là Margo mà tôi từng thấy. Nhưng rồi, bên trong những tòa nhà, cô ấy không phải Margo mà tôi luôn hình dung nữa. Trong khi mọi người khám phá xung quanh, chụp ảnh và nhảy qua những bức tường, Margo ngồi trên sàn, viết lách gì đó.

Tiếng Ben kêu lên từ phòng bên cạnh, “Q ơi! Bọn tôi có cái này!”

Tôi đưa ống tay áo lên quệt mồ hôi trên mặt, tì vào bàn của Margo để đứng cho thẳng. Tôi đi ngang gian phòng, chui qua Lỗ Quỉ, theo hướng ba luồng sáng đang quét lên mảng tường phía trên cuồn thảm.

“Coi nè,” Ben bảo, rọi đèn vẽ một hình vuông trên tường. “Ông nhớ mấy cái lỗ nhỏ mà ông đã kể không?”

“Ừ?”

“Ắt phải có những món lưu niệm được dính ở đây. Bưu thiếp này, tranh ảnh này, bọn tôi nghĩ thế, căn cứ vào khoảng cách giữa các lỗ. Có lẽ Margo đã mang những thứ ấy theo rồi,” Ben nói.

“Ừ, có thể,” tôi đáp. “Giá mà chúng ta tìm thấy cuốn sổ Gus vừa nói đến nhỉ.”

“Ừ, nghe anh ta kể, tớ nhớ đã thấy cuốn sổ đó,” Lacey nói, chòm sáng từ đèn pin của tôi chỉ chiếu lên chân cậu ấy. “Margo lúc nào cũng có cuốn sổ. Tớ chưa bao giờ thấy cậu ấy viết vào đó, nhưng tớ đoán đó là lịch kế hoạch hay gì đó như vậy. Trời ạ, tớ chưa bao giờ hỏi Margo cả. Tớ làm loạn lên với Gus, anh ta còn không phải bạn của Margo. Nhưng chính tớ đã bao giờ hỏi cậu ấy đâu?”

“Margo cũng sẽ không trả lời đâu,” tôi nói. Thật xạo sự khi làm như Margo không tham gia vào màn đánh lạc hướng của chính cô ấy.

Bọn tôi đi quanh thêm một tiếng đồng hồ nữa. Khi tôi bắt đầu thấy chắc rằng chuyến đi này chẳng thu được gì, đèn pin của tôi tình cờ quét qua mấy cuốn quảng cáo các tiểu khu từng được dựng thành hình ngôi nhà khi bọn tôi tới đây lần đầu. Một trong các cuốn quảng cáo là khu Grovepoint Acres. Tôi nghẹn thở khi dần các cuốn khác ra. Tôi đi nhanh đến ba-lô đặt cạnh cửa và quay lại với cây bút, cuốn sổ, ghi lại tên tất cả các tiểu khu được quảng cáo. Một cái tên tôi lập tức nhận ra: Collier Farms—một trong hai khu đô thị mà tôi đã khoanh vùng mà chưa đến. Tôi ghi lại hết rồi cất sổ vào ba-lô. Bảo tôi ích kỉ cũng được, nhưng nếu tôi tìm thấy Margo, tôi muốn chỉ có hai đứa.

Thứ Sáu, lúc mẹ đi làm về, tôi báo cáo là sẽ đi xem ca nhạc với Radar, nhưng rồi dong xe chạy thẳng ra vùng nông thôn, hạt Seminole, tới Collier Farms. Tất cả các tiểu khu khác trong tập quảng cáo rút cục đều đã được hoàn thiện—đa phần nằm ở phía bắc thành phố, khu vực được phát triển hoàn toàn từ cách đây rất lâu rồi.

Tôi nhận ra lối rẽ vào Collier Farms chỉ vì tôi đã thành chuyên gia xác định những con đường lờ mờ lẫn vào đất. Nhưng Collier Farms không giống khu đô thị ma nào tôi từng đến. Nơi này cỏ dại mọc um tùm, như thể đã bị bỏ hoang năm chục năm nay rồi. Không rõ thâm niên nơi này có cao hơn những đô thị ma khác không, hay do địa thế thấp, đất đầm lầy ẩm mà mọi thứ mọc nhanh hơn. Tôi vừa rẽ đã thấy không thể đi tiếp được theo đường vào Collier Farms vì những bụi mâm xôi đâm lên um tùm chặn hết lối đi.

Tôi xuống cuộc bộ. Cỏ lác quệt vào ống chân tôi, đôi giày thể thao dận xuống bùn theo mỗi bước đi. Tôi không thể không hi vọng rằng Margo dựng một căn lều ở đâu đó, trên một vạt đất nhỏ nhẵn cao hơn những thứ khác chừng nửa mét và không bị úng nước mưa. Tôi đi từ từ, vì nơi này cần được quan sát nhiều hơn những nơi khác, vì có nhiều chỗ trú ẩn hơn, và vì tôi biết khu đô thị ma này có liên hệ trực tiếp với khu mua sắm mini. Mặt đất rất dày, tôi đi thật chậm để thu vào tầm mắt từng cảnh quan mới, kiểm tra những chỗ đủ lớn để chứa được một người. Đến cuối phố, tôi thấy một hộp các-tông màu xanh da trời và trắng trên đất bùn, trong tích tắc trông nó rất giống hộp đựng thanh dinh dưỡng tổng hợp tôi đã thấy trong khu mua sắm mini. Nhưng, không. Đó là cái hộp cũ nát, loại đựng mười hai chai bia. Tôi chật vật quay lại xe, đi về phía bắc, đến một nơi tên là Logan Pines.

Đường đi mất một tiếng đồng hồ, giờ tôi đang ở mạn gần rừng quốc gia Ocala, không thực sự còn nằm trong khu vực có tàu điện ngầm Orlando nữa.

Tôi còn cách vài dặm thì Ben gọi điện.

“Có chuyện gì đấy?”

“Ông đang đến những thành phố giấy đầy phông?” Ben hỏi.

“Ừ, tôi gần đến nơi cuối cùng mà tôi biết rồi. Chưa có gì.”

“VẬY BỒ TÈO NGHE ĐÂY, BỐ MẸ CỦA RADAR PHẢI RA KHỎI THÀNH PHỐ VÌ CÔNG VIỆC CỰC KÌ ĐỘT XUẤT.”

“Tất cả vẫn ổn chứ?” tôi hỏi, biết rằng ông bà của Radar đã rất cao tuổi và sống trong một khu điều dưỡng ở Miami.

“Ổn, chuyện là: ông có nhớ ông cụ ở Pittsburgh có bộ sưu tập ông già Noel da đen đồ sộ thứ nhì thế giới không?”

“Ừ, sao?”

“Cụ ấy vừa thắng rồi.”

“Đùa à?”

“Này, tôi không đùa về chuyện sinh tử của những nhà sưu tầm ông già Noel da đen đâu. Cụ ấy bị chứng phình động mạch. Bố mẹ Radar đang trên đường bay tới Pennsylvania tìm cách mua lại bộ sưu tập của ông cụ. Thế là chúng ta sẽ có mấy vị khách.”

“Chúng ta là ai?”

“Ông, tôi, và Radar. Bọn mình là chủ.”

“Tôi chưa biết được,” tôi nói.

Im lặng một hồi, rồi Ben réo nguyên tên tôi, “Quentin,” nó nói, “tôi biết ông muốn tìm Margo. Tôi biết Margo là điều quan trọng nhất với ông. Như thế đáng mặt đấy. Nhưng còn một tuần nữa là cả lũ tốt nghiệp. Tôi không bảo ông hãy từ bỏ cuộc tìm kiếm. Tôi mời ông hãy đến dự tiệc với hai cạ cứng mà ông đã quen biết trong phân nửa cuộc đời. Tôi mời ông hãy dành khoảng hai, ba tiếng đồng hồ nhâm nhi mấy món đồ uống ngọt ngọt lạnh lạnh hơi hơi vị rượu, như một cô bé ngoan, và khoảng hai, ba tiếng đồng hồ nữa ới món đồ uống trên qua đấng mũi. Rồi xin mời ông tiếp tục điều tra các dự án nhà bỏ hoang.” Tôi thấy khó chịu vì Ben chỉ muốn nói đến Margo khi có mùi phiêu lưu thu hút nó, vì nó nghĩ tôi có vấn đề khi chỉ biết có Margo mà quên cả bạn bè, dù cô ấy mất tích còn chúng nó thì không. Nhưng Ben là

Ben, như Radar đã nói. Và dù sao sau Logan Pines, tôi cũng chẳng còn gì để tìm kiếm nữa. “Tôi đến khu cuối cùng này rồi sẽ qua chỗ các ông.”

Vì Logan Pines là đô thị ma cuối cùng ở Trung Florida— hoặc ít nhất là khu cuối cùng mà tôi biết—nên tôi đặt rất nhiều hi vọng vào nơi này. Nhưng khi cầm đèn pin đi quanh con phố cụt duy nhất, tôi không thấy căn lều nào. Không có dấu lửa nào. Không có bao bì thực phẩm. Không dấu tích của con người. Không Margo. Ở cuối con đường, tôi thấy một móng bê-tông duy nhất ăn vào đất. Nhưng không có gì được xây ở phía trên, chỉ có hố móng lõm xuống như cái miệng há hốc của một xác chết, cây gai và cỏ dại cao đến hông rồi vào nhau đâm lên xung quanh. Nếu đúng là Margo muốn tôi thấy những nơi này, tôi cũng không hiểu tại sao cô ấy muốn vậy. Và nếu Margo đã đến những khu đô thị ma và không bao giờ trở lại, cô ấy biết một nơi mà những tìm kiếm của tôi đã không phát hiện ra được.

Mất một tiếng rưỡi lái xe về Jefferson Park, tôi về nhà cất xe, mặc áo phông có cổ và cái quần jeans đẹp nhất, rồi đi bộ qua Jefferson Way sang Jefferson Court, rẽ phải vào Jefferson Road. Có mấy chiếc xe đã đỗ dọc hai bên Jefferson Place, phố nhà Radar. Mới tám-giờ-bốn-mười-lăm-phút.

Tôi mở cửa. Radar đón tôi, tay ôm đầy nhóc các ông già Noel da đen bằng thạch cao. “Phải cất những ông đẹp nhất đi,” nó nói. “Chúa cấm làm vỡ bất cứ ông nào.”

“Cần tôi giúp gì không?” tôi hỏi. Radar hất đầu về phía phòng khách. Trên các bàn kê dọc xô-pha có bày ba bộ búp bê làm tổ hình ông già Noel da đen. Trong khi lồng chúng vào nhau, búp bê nhỏ nằm gọn trong bụng búp bê lớn hơn, tôi không khỏi thán phục bộ búp bê rất đẹp—sơn thủ công và cực kì tinh tế. Nhưng tôi không dám hờ ra với Radar vì sợ nó sẽ xử tôi tới chết bằng cây đèn hình ông già Noel da đen trong phòng khách.

Tôi mang bộ búp bê sang phòng ngủ dự phòng để Radar cẩn thận cất vào ngăn tủ. “Ông biết không, khi thấy tất cả các ông già Noel da đen này ở cùng một chỗ, điều đó thực sự khiến ta phải đặt câu hỏi về cách chúng ta tưởng tượng ra những giai thoại.”

Radar tròn mắt. “Ừ, tôi luôn tự đặt câu hỏi về cách tôi tưởng tượng ra các giai thoại của mình khi tôi ăn ngũ cốc Bùa May Mãn mỗi sáng bằng thìa có

hình ông già Noel da đen.”

Bàn tay ai đó đặt lên vai tôi và xoay tôi lại. Là Ben, hai chân nó nhún nhảy chộn rộn trông như đang mắc tiếu. “Tụi tui hun nhau rùi. Lacey đã hôn tôi. Khoảng mười phút trước. Trên giường của bố mẹ Radar.”

“Gớm quá,” Radar nói. “Đừng có mà gặm nhau trên giường bố mẹ tôi chứ.”

“Ái chà chà, tôi hiểu là ông đã thạo rồi nhá,” tôi trêu.

“Ồ tú ông!”

“Thôi ngay, ghê răng quá!” Ben nói, nó nhìn tôi, gần như thẳng vào mắt, “Tôi không nghĩ mình làm tốt lắm.”

“Làm gì cơ?”

“Hun ấy mà. Nghĩ mà xem, suốt những năm tháng qua Lacey đã hôn nhiều hơn tôi rất nhiều. Tôi không muốn mình động khẩu dờ ọc đến mức làm cậu ấy đá tôi. Các cô gái chôn ông luôn đấy,” nó nói với tôi, điều đó tối đa chỉ đúng nếu định nghĩa *các cô gái* theo kiểu “các cô gái trong đội điều hành.”

“Này ông, tôi đang hỏi xin lời khuyên đấy.”

Suýt chút nữa tôi đã khuấy động bầu nặng xì vô đáy của Ben về những cách khác nhau nó thể áp dụng với các cô gái khác nhau, nhưng rồi tôi chỉ nói, “Theo thiện ý của tôi, có hai nguyên tắc căn bản: 1. Đừng cắn lung tung nếu không được phép, và 2. Lưỡi con người như mù tạt vậy: nồng nàn khó quên, nhưng sử dụng thận trọng thôi.”

Hai mắt Ben đột nhiên hoàng hốt sáng trưng lên. Tôi đỏ mặt nói, “Cậu ấy đang đứng sau tôi, phải không?”

“Lưỡi con người như mù tạt vậy,” Lacey nhại tôi bằng thứ giọng trầm trầm dờ dẩn mà tôi hi vọng rằng không thực sự giống giọng tôi. Tôi quay lại. “Thực ra tớ thấy lưỡi Ben giống kem chống nắng,” Lacey nói tiếp. “Tốt cho sức khỏe và cần được áp dụng rộng rãi.”

“Tôi nôn trong chính miệng mình mất,” Radar rên rĩ.

“Lacey ơi, cậu vừa lấy đi ý chí tiến lên của tớ rồi,” tôi nói thêm.

“Giá mà tôi có thể ngăn được trí tưởng tượng của mình,” Radar nói.

Tôi tiếp, “Chính ý tưởng đó gây xúc phạm đến mức trên thực tế, đề cập đến cụm từ ‘lưỡi của Ben Starling’ trên truyền hình là hành vi phạm pháp.”

“Hình phạt đối với đối tượng vi phạm pháp luật là mười năm tù hoặc một châu tằm lưỡi Ben Starling,” Radar tuyên án.

“Ai ai,” tôi nói.

“Cũng chọn,” Radar cười mím chi.

“Nhà tù,” bọn tôi cùng kết thúc.

Và rồi Lacey hôn Ben ngay trước mặt chúng tôi. “Chúa ơi,” Radar than, vắt cánh tay trước mặt. “Ôi Chúa ơi, con mù rồi, con mù rồi.”

“Thôi thôi,” tôi nói, “các cậu làm các ông già Noel da đen buồn đấy.”

Bữa tiệc khép lại ở phòng tiếp khách quí trên lầu hai nhà Radar, tất cả có hai mươi đĩa. Tôi dựa vào tường, đầu cách bức chân dung ông già Noel da đen vẽ trên nhung vài phân. Nhà Radar có bộ xô-pha rất bụi nên mọi người đều tụ tập quanh đó. Có bia trong thùng giữ lạnh cạnh ti-vi, nhưng không ai uống cả. Thay vào đó, hết đĩa nọ đến đĩa kia kể chuyện. Hầu hết tôi đã từng nghe rồi—những chuyện éo le dở khóc dở cười, chuyện về Ben Starling, chuyện nụ hôn đầu—nhưng Lacey chưa nghe chuyện nào, và dù sao đó đều là những chuyện rất vui. Tôi hầu như đứng ngoài cuộc cho đến khi bị Ben tóm gáy, “Q ơi, ông sẽ tốt nghiệp ra sao ta?”

Tôi mím chi nói, “Nhân trần dưới áo chùng.”

“Có thể chứ!” Ben nhấp một ngụm Dr Pepper.

“Đây sẽ không mang quần áo đâu, đừng tưởng đây sợ nhé,” Radar tuyên bố.

“Tôi cũng vậy! Q, ông thề là ông sẽ không mang quần áo theo đi.”

Tôi cười, “Long trọng xin thề.”

“Tôi nhập cuộc với!” Frank bạn của bọn tôi nói. Cứ thế càng có thêm mấy thằng con trai gia tăng quân số nhân trần dưới áo chùng. Tụi con gái có lí do để kháng cự.

Radar quay sang Angela, “Sự phủ quyết của cậu khiến tớ phải đặt dấu hỏi cho nền móng tình cảm của chúng ta.”

“Cậu chẳng hiểu gì cả,” Lacey nói. “Tụi này không sợ. Chỉ là tụi này đã chọn sẵn áo đầm để diện rồi.”

Angela chỉ vào Lacey, hưởng ứng ngay. “*Chính xác.*” Rồi Angela còn dặn, “Các cậu nên hi vọng hôm ấy trời đừng trở gió.”

“Tớ lại mong gió *to*,” Ben nói. “Không khí trong lành có lợi cho đôi bi bụi nhất thế giới.”

Lacey che mặt xấu hổ. “Cậu là anh bạn trai khó nhằn,” Lacey nói. “Ra tắm ra món, nhưng khó nhằn.” Bọn tôi cười nghiêng ngả.

Đây là những gì tôi yêu nhất ở những người bạn của mình: chỉ ngồi với nhau và tán chuyện. Những câu chuyện cửa sổ và những câu chuyện gương soi. Tôi chỉ lắng nghe—những câu chuyện trong tâm trí tôi không vui vẻ rộn rã đến vậy.

Tôi không thể không nghĩ đến trường phổ thông và kết thúc của tất cả. Tôi thích chỉ đứng cạnh xô-pha và nhìn ngắm đám bạn—có vẻ hơi buồn một chút nhưng tôi thấy ổn, và tôi chỉ lắng nghe, mặc tất cả những niềm vui và nỗi buồn của kết cục này xoáy cuộn quanh tôi, cái này mài vào cái kia. Trong khoảnh khắc dài nhất, dường như lồng ngực tôi đang rạn mở, nhưng không phải là một cách không dễ chịu.

Tôi ra về trước nửa đêm. Máy đưa khác ở lại muộn hơn, nhưng đó là giờ giới nghiêm của tôi, mà tôi cũng không muốn ở lại thêm. Mẹ lơ mơ ngủ trên xô-pha, nhưng nhồm dậy khi thấy tôi. “Vui không con?”

“Dạ,” tôi đáp, “vui run cả người ạ.”

“Y như con nhỉ,” mẹ cười. Cảm giác đó làm tôi thấy phấn chấn, nhưng tôi không nói gì. Mẹ đứng dậy kéo tôi vào lòng, hôn lên má tôi. “Mẹ thích làm mẹ của con lắm.”

“Cảm ơn mẹ,” tôi nói.

Tôi leo lên giường với cuốn Whitman, giờ đến đoạn tôi thích, khi ông ấy dành toàn bộ thời gian nghe opera và những người khác.

Sau tất cả những ngồi nghe ấy, ông viết, “Ta được phô bày... bị cắt rời trong mưa đá đấng độc.” Thật hoàn hảo, tôi nghĩ: mình lắng nghe người khác để mình có thể tưởng tượng được về họ, mình nghe thấy tất cả những khủng khiếp và kì diệu con người gây ra cho bản thân và cho những người khác, nhưng rút cục sự lắng nghe phô bày chính mình nhiều hơn là nó phô bày những người mình đang gắng sức lắng nghe.

Lang thang trong những đô thị ma và cố gắng lắng nghe cô ấy không làm nứt được cái vỏ bọc Margo Roth Spiegelman nhiều như đã làm nứt chính tôi. Máy trang sau-nghe và bị phô bày-Whitman bắt đầu viết về tất cả những viễn du ông có thể thực hiện trong tưởng tượng, và liệt kê tất cả những nơi ông có thể ghé thăm trong khi an nhiên trên cỏ. “Lòng bàn tay ta trù lên những lục địa,” ông viết.

Tôi vẫn nghĩ về những tấm bản đồ, như hồi bé thỉnh thoảng tôi xem bản đồ, và chỉ xem thôi cũng có chút cảm giác như mình đang ở nơi khác rồi. Đây là những gì tôi phải làm. Tôi phải nghe và tưởng tượng con đường của tôi trong bản đồ của cô ấy.

Nhưng chẳng phải tôi đã cố làm vậy rồi hay sao? Tôi đã xem những bản đồ treo phía trên máy tính của tôi. Tôi đã cố gắng vạch ra lộ trình cô ấy có thể đi, nhưng giống như cánh cỏ mang quá nhiều ẩn dụ, ở Margo cũng có quá nhiều. Dường như không thể nào ghim được cô ấy xuống những bản đồ. Cô ấy quá bé nhỏ và không gian những tấm bản đồ quá lớn. Những bản đồ này còn hơn cả sự lãng phí thời gian—chúng là biểu hiện hữu hình của những kết luận hoàn toàn vô ích, sự bất lực tuyệt đối của tôi khi muốn tạo ra những lòng bàn tay trù lên các lục địa, muốn có bộ óc biết tưởng tượng đúng.

Tôi đứng dậy, đến trước những tấm bản đồ và giật chúng khỏi tường, những ghim mũ bung khỏi mặt giấy, rơi vương xuống sàn. Tôi vo tròn lũ bản đồ và ném hết vào thùng rác. Khi quay về giường, tôi ngớ ngẩn đâm phải một ghim mũ. Dù đang cúi, cạn kiệt sức lực và ý tưởng, cạn kiệt cả những khu đô thị ma, tôi vẫn phải nhặt đám ghim mũ lăn lung tung trên thảm lên để không đâm phải nữa. Tôi chỉ muốn dồn sức nện lên tường, nhưng tôi phải nhặt hết đám ghim mũ ngu ngốc chết tiệt này đã. Xong hết, tôi quay về giường, đâm thật lực vào gối, hai hàm răng nghiến chặt.

Tôi cố đọc Whitman trở lại, nhưng giữa những trang sách và suy nghĩ về Margo, tôi cảm thấy đêm nay mình bị phơi bày thế là quá đủ rồi. Cuối cùng tôi đặt sách xuống, không buồn dậy tắt đèn nữa. Tôi chỉ nhìn chong chong lên tường, dần dần nhắm mắt lại lâu hơn. Mỗi lần mở mắt ra, tôi lại thấy mảng tường treo từng tấm bản đồ—bốn lỗ thành hình chữ nhật, những lỗ cắm

ghim mũ rải rác trong hình chữ nhật đó. Tôi từng nhìn thấy khuôn hình kiểu này rồi. Trong gian phòng trống, phía trên tấm thảm được cuộn lại.

Một bản đồ. Với những địa danh được đánh dấu.

Tôi thức dậy trong nắng, chưa đến bảy giờ sáng thứ Bảy. Đáng ngạc nhiên, Radar đang ở trên mạng.

QKẾHỒISINH: Tôi tưởng ông còn ngủ.

CÔNGDÂNCỦATOÀANTHƯ96: Đời nào. Tôi dậy từ sáu giờ, viết thêm vào một bài về một ca sĩ nhạc pop Malaysia. Nhưng Angela còn ngủ.

QKẾHỒISINH:Ồ, Angela ở lại qua đêm à?

CÔNGDÂNCỦATOÀANTHƯ96:Ừ, nhưng sự thanh tân của tôi vẫn bảo toàn. Cơ mà đêm tốt nghiệp... Dự là thế. QKẾHỒISINH: Này ông, đêm qua tôi chợt nghĩ chuyện này. Mấy cái lỗ nhỏ trên tường ở khu mua sắm bị bỏ hoang ấy—có khả năng trước đây từng có bản đồ và những điểm được đánh dấu bằng ghim mũ không?

CÔNGDÂNCỦATOÀANTHƯ96: Như một tuyến đường.

QKẾHỒISINH: Chính xác.

CÔNGDÂNCỦATOÀANTHƯ96: Muốn đi xem sao không?

Nhưng tôi phải đợi Ange dậy đã. QKẾHỒISINH: Nghe ổn đấy.

Radar gọi điện thoại lúc mười giờ. Tôi lái minivan qua đón nó rồi đến nhà Ben, mong rằng đòn tấn công bất ngờ là cách duy nhất để dựng nó dậy. Nhưng dù có hát sai quai hàm “Chàng là ánh dương của em” bên ngoài cửa sổ phòng nó thì kết quả thu được chỉ là nó hé cửa sổ ra hách dịch xùy bộn tôi, “Từ giờ đến trưa tôi không làm gì cả.”

Thế là chỉ có Radar và tôi lên đường. Nó kể chút chút về Angela, nó thích cậu ấy đến mức nào, và cảm thấy lạ lùng ra sao khi mới mến nhau được mấy tháng thì đã mỗi đứa theo một trường đại học. Nhưng tôi khó có thể nghe được thấu đáo. Tôi muốn tấm bản đồ đó. Tôi muốn thấy những nơi Margo đã đánh dấu. Tôi muốn găm lại những ghim mũ đó lên tường.

Tụi tôi vào từ gian văn phòng, đi vội qua thư viện, dừng lại kiểm tra nhanh các lỗ trên tường phòng ngủ, rồi sang cửa hàng lưu niệm. Nơi này không khiến tôi sợ chút nào nữa. Một khi đã ở bên trong và biết chắc rằng chỉ có mình, tôi thấy an toàn như đang ở nhà. Dưới một quây trưng bày, tôi thấy hộp đựng bản đồ và quảng cáo du lịch tôi đã bôi trong đêm dạ tiệc. Tôi bê cái hộp lên, đặt thẳng bằng trên các góc một tủ trưng bày đã vỡ hết kính. Radar lọc trước một lượt, lấy ra tất cả những gì có bản đồ, rồi tôi mở ra, soi xem có lỗ thủng nào không.

Gần đến đáy hộp, Radar nhắc lên một tập in đen trắng, tựa đề NĂM NGÀN THÀNH PHỐ MỸ. Bản quyền năm 1972 của công ti Esso. Khi thận trọng mở ra, cố gắng vượt phẳng các mép quăn, tôi thấy một lỗ cắm ghim ở góc. “Đây rồi,” tôi khẽ reo. Quanh lỗ ghim có chút rách nhỏ, trông như giấy bị giật khỏi tường. Đó là tấm bản đồ nước Mỹ cỡ treo trong lớp học, giấy giòn và ngả vàng, in dày đặc những điểm đến tiềm năng. Chút rách ở góc nói với tôi rằng Margo không chủ định để bản đồ này lại làm manh mối—cô ấy quá chính xác và chắc chắn với những manh mối nên sẽ không chơi trò tung hỏa mù. Trời xui đất khiến chúng tôi rơi đúng vào phần Margo *không* dự kiến trước, và khi thấy được những gì cô ấy không dự kiến, tôi nghĩ lại cô ấy đã dự kiến nhiều đến mức nào. Và có lẽ, tôi nghĩ, đó là những gì cô ấy đã làm trong bóng tối tĩnh lặng ở đây. Phiêu du trong khi ngồi an nhiên, như Whitman, trong khi chuẩn bị cho những gì đích thực.

Tôi chạy một mạch sang văn phòng, thấy một năm ghim mũ trên cái bàn cạnh bàn của Margo. Rồi Radar và tôi cẩn thận mang bản đồ đã vượt phẳng sang phòng Margo. Tôi giơ nó lên trước tường trong khi Radar tìm cách ghim các góc, nhưng ba trong bốn góc đã rách, cả ba trong số năm điểm trên bản đồ cũng vậy, chắc bị rách khi bản đồ được gỡ khỏi tường. “Cao lên, sang trái,” Radar nói. “Không, xuống. Thế. Đừng nhúc nhích.” Cuối cùng

bọn tôi đã có tấm bản đồ trên tường. Chúng tôi căn các lỗ trên giấy với các lỗ trên tường, năm ghim mũ dễ dàng về vị trí. Nhưng có mấy lỗ trên bản đồ bị rách hơi to nên không thể xác định được vị trí CHÍNH XÁC. Và vị trí chính xác rất có giá trị trên một tấm bản đồ đen đặc năm ngàn địa danh. Những con chữ nhỏ li ti san sát, tôi phải đứng lên cuộn thảm, gí mắt lại gần đoán từng địa danh. Trong khi tôi đọc tên các thành phố lên, Radar lấy máy tính cầm tay ra và tra trong Toàn Thư Đủ Thứ.

Có hai chỗ cắm ghim không bị rách: một có vẻ là Los Angeles, dù có vô khối thành phố cụm lại gần nhau ở Nam California nên chữ in bị lấn lên nhau. Một lỗ ghim còn nguyên nữa là ở phía trên Chicago. Một lỗ ghim bị rách ở New York, căn cứ theo vị trí lỗ thủng trên tường, là một trong năm khu của thành phố New York.

“Khớp với những gì chúng ta đã biết.”

“Ừ,” tôi nói. “Nhưng Chúa ơi, *nơi nào ở New York đây? Vấn đề là ở đó.*”

“Tụi mình đang bỏ sót gì đó,” Radar nói. “Gợi ý nào đó về địa điểm. Những lỗ ghim còn lại là gì?”

“Một cái nữa ở bang New York, nhưng không gần thành phố. Ông xem, tất cả các địa danh đều nhỏ xíu. Có thể là Poughkeepsie hoặc Woodstock hoặc Catskill Park.”

“Woodstock,” Radar nói. “Chỗ này hay đấy. Margo không có vẻ gì là dân hippie, nhưng cậu ấy mang khí chất của tâm hồn tự do đó.”

“Tôi không biết nữa,” tôi nói. “Điểm cuối cùng có thể là Washington, D.C., hoặc Annapolis, hoặc vịnh Chesapeake. Thực ra điểm này có thể là vô thiên lủng.”

“Nếu chỉ có một điểm trên bản đồ thì hữu ích hơn đấy,” Radar gắt.

“Nhưng biết đâu Margo muốn đi từ nơi này sang nơi khác,” tôi nói. Dẫn mình vào chuyến đi miên viễn của cô ấy.

Tôi ngồi xuống thảm một lát trong khi Radar đọc to thông tin về New York, dãy núi Catskill, thủ đô, buổi hòa nhạc ở Woodstock năm 1969. Hình như chẳng có gì liên quan. Tôi cảm thấy như chúng tôi đang lần theo dây nổi và chẳng tìm thấy gì.

Chiều hôm đó, sau khi đưa Radar về, tôi ngồi quanh nhà đọc “Tự khúc”, nửa để tâm vào chuyện học thi. Thứ Hai thi giải tích và tiếng La-tinh, có lẽ là hai môn khó nhất, tôi không thể hoàn toàn bỏ bê được. Tôi học gần hết tối thứ Bảy và cả ngày Chủ nhật, nhưng vừa sau bữa tối, suy nghĩ về Margo chợt hiện lên trong đầu tôi. Tôi tạm rời bài luyện dịch Ovid và đăng nhập vào tin nhắn trực tuyến. Lacey đang ở trên mạng. Tôi mới biết biệt hiệu dùng trên mạng của Lacey qua Ben, nhưng chắc tôi và Lacey đã đủ quen biết để tôi gửi tin nhắn trực tiếp tới cậu ấy luôn.

QKÉHỒISINH: Chào, tớ Q đây.

VÀIGAIVÀTROTÀN: Chào cậu!

QKÉHỒISINH: Có bao giờ cậu nghĩ đến chuyện Margo đã mất bao nhiêu thời gian lên kế hoạch tất cả không?

VÀIGAIVÀTROTÀN: Ờ, như để lại chữ trong bát súp trước khi đi Mississippi và chỉ dẫn cậu đến khu mua sắm mini ấy hả?

QKÉHỒISINH: Ừ, những việc đó không thể chỉ nghĩ mười phút là xong.

VÀIGAIVÀTROTÀN: Cuốn sổ chẳng? QKÉHỒISINH: *Chính xác.*

VÀIGAIVÀTROTÀN: Ừ nhỉ. Hôm nay tớ cũng nghĩ đến cuốn sổ. Tớ nhớ có lần đi mua sắm với nhau, Margo cứ cố thử nhét sổ vào mấy cái ví cậu ấy thích xem có vừa không.

QKÉHỒISINH: Giá có cuốn sổ ấy thì tốt.

VÀIGAIVÀTROTÀN: Ừ, nhưng chắc cậu ấy mang theo rồi.

QKÉHỒISINH: Ừ, không có trong ngăn tủ ở trường của Margo à?

VÀIGAIVÀTROTÀN: Không, trong đó chỉ có sách giáo khoa, xếp ngay ngắn như thường ngày.

Tôi ngồi học và đợi những đứa khác lên mạng. Một lúc sau Ben xuất hiện, tôi mời nó vào phòng tán gẫu với tôi và Lacey. Chàng và nàng nói với nhau là chính–tôi vẫn đang dịch nửa chừng–cho đến khi Radar đăng nhập và cùng tham gia. Lúc ấy tôi đặt bút xuống không học nữa.

CÔNGDÂNCỦATOÀNTHƯ96: Hôm nay có người ở thành phố New York đã tìm tên Margo Roth Spiegelman trong Toàn Thư Đủ Thứ.

CHỈVIÊMTHẬNTHUIMÀ: Ông có biết *chỗ nào* ở thành phố New York không?

CÔNGDÂNCỦATOÀNTHƯ96: Rất tiếc, không.

VÀIGAIVÀTROTÀN: Vẫn còn mấy tờ rơi trong các cửa hàng băng đĩa ở đó mà. Có khi ai đó đang thử tìm hiểu về Margo.

CÔNGDÂNCỦATOÀNTHƯ96: Ồ, có lí đấy. Tớ quên mất vụ đó. Chán thật!

QKẾHỒISINH: Này, tôi lúc có lúc không xuất hiện ở đây nhé, vì tôi đang vào trang mạng mà Radar chỉ, cái trang vạch được nhiều lộ trình từ những nơi Margo đã đánh dấu ấy.

CHỈVIÊMTHẬNTHUIMÀ: Đường dẫn thế nào?

QKẾHỒISINH: duongdaivongquanh.com

CÔNGDÂNCỦATOÀNTHƯ96: Tôi có một giả thuyết mới. Margo sẽ xuất hiện ở lễ tốt nghiệp, ngồi trong đám khán giả.

CHỈVIÊMTHẬNTHUIMÀ: Tôi theo giả thuyết cũ, Margo vẫn ở đâu đó tại Orlando, khuấy đảo bọn mình và đảm bảo rằng cậu ấy là trung tâm vũ trụ của chúng ta.

VÀIGAIVÀTROTÀN: Ben!

CHỈVIÊMTHẬNTHUIMÀ: Xin lỗi, nhưng tớ đúng triệt để đấy.

Tụi nó cứ tiếp tục như thế, nói với nhau về Margo của mình, trong khi tôi tìm cách vạch ra lộ trình của cô ấy. Nếu Margo không dự định rằng tấm bản đồ là một manh mối—và những lỗ rách trên bản đồ đã chỉ ra rằng cô ấy không định thế—tôi rút ra kết luận chúng tôi đã có mọi manh mối cô ấy chú ý để lại, và giờ còn được thêm. Vậy chắc chắn tôi đã có thứ mình cần. Nhưng sao tôi vẫn thấy xa cách Margo đến thế.

Sau ba tiếng đồng hồ một mình với tám trăm chữ của Ovid vào sáng thứ Hai, tôi đi trong hành lang, cảm tưởng như bộ óc mình sắp nhỏ tong tong từ tai ra. Nhưng tôi làm bài ổn. Chúng tôi có một tiếng rười ăn trưa, để nào có thời gian đông trở lại trước buổi thi thứ hai trong ngày. Radar đang đợi trước ngăn tủ đựng đồ của tôi.

“Tôi vừa đánh bom tôi bằng tiếng Tây Ban Nha,” Radar nói.

“Chắc chắn ông làm tốt mà.” Nó sẽ đến Dartmouth bằng một học bổng khổng lồ. Radar thừa thông minh.

“Tôi cũng chẳng biết ông ạ. Tôi cứ gà gật suốt lúc thi vấn đáp. Nhưng này, tôi đã thức đến nửa đêm để viết chương trình này. Ngon lành lắm. Nó cho phép ông nhập một mục từ vào—có thể là vùng địa lí hoặc chi họ động vật nào đó—và rồi ông có thể đọc được những câu đầu tiên của khoảng một trăm bài trong Toàn Thư Đủ Thứ về chủ đề ông đang cần, chỉ trên một trang duy nhất. Ví dụ, ông đang tìm một giống thỏ nào đó nhưng không nhớ tên chính xác. Ông có thể đọc phần giới thiệu tất cả hai mươi một loài thỏ trên cùng một trang, trong, xem nào, ba phút.”

“Ông làm việc này trong đêm trước ngày thi sao?” tôi hỏi.

“Ừ, tôi biết, sao chứ? Cơ mà tôi sẽ gửi vào e-mail cho ông. Trò này vui nào lắm.”

Ben xuất hiện. “Q ời, thề có Chúa chứng giám, Lacey và tôi ngồi trên mạng đến hai giờ sáng, nghịch cái trang duongdaivongquanh ấy. Sau khi soát hết từng tuyến Margo có thể đi từ Orlando đến năm điểm kia, tôi kết luận hóa ra suốt từ đầu tôi đã sai lè. Margo không ở Orlando. Radar nói đúng. Cậu ấy sẽ quay lại vào ngày lễ tốt nghiệp.”

“Tại sao?”

“Thời điểm *hoàn hảo*. Lái xe từ Orlando đến New York đến rặng núi đến Chicago đến Los Angeles rồi quay về Orlando là một chuyến đi *chính xác* hai mươi ba ngày. Thêm nữa, trò này thâm thật, nhưng đó là kiểu của Margo. Khiến mọi người tin rằng mình đã tiêu rồi. Giăng một màn khói bí ẩn, giấu mình trong đó để ai cũng phải chú ý. Và rồi khi sự chú ý bắt đầu nhạt đi, thì đột ngột lộ diện ở lễ tốt nghiệp.”

“Không,” tôi nói. “Không thể nào.” Bây giờ tôi đã hiểu Margo rõ hơn. Cô ấy muốn được chú ý. Tôi tin như vậy. Nhưng Margo không đùa với sinh mạng để mua vui. Cô ấy không bỏ đi chỉ để chơi khăm như vậy.

“Này bồ, tôi đang nói với ông đấy. Hãy tìm Margo ở lễ tốt nghiệp ấy. Cậu ấy sẽ xuất hiện cho coi.” Tôi chỉ lắc đầu. Mọi người ăn trưa cùng một thời gian nên căng-tin đông như nêm, bọn tôi bèn thực hành quyền của học sinh năm cuối và lái xe đến tiệm kem Wendy’s. Cố gắng tập trung vào bài thi giải tích sắp tới, nhưng tôi bắt đầu cảm thấy hình như câu chuyện còn cần thêm dây nối. Nếu Ben đúng về chặng đường hai mươi ba ngày, điều đó quả cũng rất thú vị. Có thể đó là những gì Margo đã lập kế hoạch trong cuốn sổ màu đen, một hành trình bằng ô-tô, dài và đơn độc. Điều đó không giải thích được tất cả, nhưng hợp với một Margo thích lập kế hoạch. Như thế không có nghĩa là điều đó nhích tôi đến gần cô ấy hơn. Xác định một chấm trong mảnh bản đồ rách đã khó, khi cái chấm di chuyển thì còn khó hơn.

Sau một ngày dài toàn thi cử, trở về với sự bất khả xâm phạm để chịu của “Tự khúc” gần như là một giải tỏa nhẹ nhõm. Tôi đọc đến một đoạn rất lạ của bài thơ—sau tất cả thời gian nghe và lắng nghe con người, rồi phiêu du cùng họ, Whitman không nghe nữa và không phiêu du nữa, ông bắt đầu *trở thành* những người khác. Như thế thực sự ở trong họ. Ông kể chuyện vị thuyền trưởng một con tàu đã cứu được tất cả mọi người trên tàu, trừ chính ông ta. Whitman nói rằng thi sĩ kể được câu chuyện vì ông đã trở thành vị thuyền trưởng đó. Khi ông viết, “Ta là người đàn ông ấy... Ta chịu đựng... Ta đã ở đó.” Mấy dòng sau, càng rõ ràng là Whitman không cần phải lắng nghe để trở thành người khác nữa: “Ta không hỏi người mang vết thương rằng anh có thấy đau không... Chính ta trở thành người mang vết thương.”

Tôi đặt cuốn sách xuống và nằm nghiêng, nhìn ra ô cửa sổ đã luôn ở giữa tôi và cô ấy. Chỉ nhìn hoặc nghe thấy cô ấy là không đủ. Để tìm được Margo Roth Spiegelman, ta phải trở thành Margo Roth Spiegelman.

Tôi đã làm nhiều điều cô ấy có thể đã làm: Tôi đã chế ra một đôi ít có khả năng đi dạ tiệc cùng nhau nhất. Tôi đã dẹp yên bầu chớ sẵn của cuộc chiến đẳng cấp. Tôi đã tự nhiên thoải mái ở trong căn nhà ma nơi bọn chuột là bá chủ, nơi cô ấy đã suy tư nhiều nhất. Tôi đã thấy. Tôi đã lắng nghe. Nhưng tôi chưa thể trở thành người mang vết thương.

Ngày hôm sau, tôi lờ đờ suốt bài thi vật lí và môn nhà nước và chính quyền, rồi thứ Ba thức đến 2 giờ sáng hoàn thành bài luận cuối cùng môn Quốc ngữ, về *Moby Dick*.

Ahab là anh hùng, tôi đã quyết định như vậy. Không có lí do gì đặc biệt cho quyết định đó—đặc biệt trong hoàn cảnh tôi chưa đọc cuốn sách—nhưng tôi đã quyết định vậy và cứ thế viết nốt thôi.

Tuần thi được rút gọn đồng nghĩa rằng thứ Tư là ngày cuối của chúng tôi ở trường. Suốt cả ngày hôm đó, khó mà không đi vòng vòng, nghĩ đến những sự cuối cùng của tất cả: Lần cuối đứng với mấy đứa thành một vòng tròn bên ngoài phòng tập nhạc, dưới bóng sồi đã bảo bọc bao thế hệ nhạc công kì tài này. Lần cuối ăn pizza trong căng-tin với Ben. Lần cuối ngồi trong ngôi trường này, một tay viết vội bài luận, một tay kẹp giữa cuốn sách màu xanh. Lần cuối lé mắt liếc đồng hồ. Lần cuối thấy Chuck Parson lăm lăm đi qua hành lang, nụ cười thoáng vẻ khinh mạn bất cần đời. Trời đất. Tôi bắt đầu lưu luyến Chuck Parson mới ghê chứ. Thứ bệnh gì đó đang hoành hành trong tôi mất rồi.

Với Margo hẳn tất cả cũng như vậy. Với tất cả thời gian lập kế hoạch, hẳn cô ấy biết mình sẽ ra đi, thậm chí lẽ ra cô ấy đã không hoàn toàn miễn dịch với cảm xúc. Cô ấy đã có những ngày tươi đẹp ở đây. Những giờ phút cuối cùng, thật khó gọi lại những ngày tồi tệ, vì bằng cách này hay cách khác, cô ấy đã qua một phần đời ở nơi này, cũng giống như tôi. Thành phố này là giấy, nhưng những kỉ niệm thì không. Tất cả những gì tôi đã làm ở đây, tất cả những trù mến, xót xa, thương cảm, tàn bạo và độc ác, tất cả đang đầy lên trong tôi. Những bức tường tổ ong sơn trắng. Những bức tường trắng của

tôi. Những bức tường trắng của Margo. Chúng tôi đã bị hãm giữa những bức tường ấy quá lâu, bị mắc kẹt trong bụng nó như Jonah bị mắc kẹt trong bụng cá vậy.

Suốt cả ngày, tôi đã nghĩ có lẽ chính cảm xúc này là lí do tại sao cô ấy lại lên kế hoạch tất cả thật chi tiết và chính xác: dù có muốn đi nữa, ra đi vẫn thật khó khăn. Cần được chuẩn bị, và có lẽ ngồi vạch kế hoạch trong khu mua sắm bỏ hoang đó là một việc vừa trí tuệ vừa đầy cảm xúc—cách Margo hình dung về chính mình dẫn thân vào số phận.

Ben và Radar tập nhạc ròn rã để đảm bảo rằng tụi nó sẽ khiến tất cả phải rung chuyển trong hành khúc “Pomp and Circumstance” ở lễ tốt nghiệp. Lacey nói có thể đưa tôi về, nhưng tôi quyết định dọn dẹp ngăn tủ cá nhân vì không muốn quay lại trường và lại phải cảm thấy hai lá phổi mình sắp chết chìm trong những nhớ nhung ngang ngạnh trào lên.

Ngăn tủ của tôi thuần túy là một hố tạp nham—nửa đựng rác, nửa đựng sách. Ngăn của Margo sách vở vẫn gọn gàng đâu ra đấy khi Lacey mở nó ra, tôi vẫn nhớ thế, như thế Margo định quay lại trường ngay hôm sau. Tôi kéo thùng rác lại gần dãy tủ và mở ngăn của mình. Tôi bắt đầu từ bức ảnh chụp Radar, Ben và tôi, ba thằng đều làm biếng đang thộn mặt ra. Tôi bỏ bức ảnh vào ba-lô, rồi khởi động qui trình kinh hoàng nhất ra đủ thứ bần thiêu tích tụ cả năm trời—bã kẹo cao su vo viên trong giấy xé vụn, cơ man bút hết mực, khăn giấy lem nhem dầu mỡ—tôi lẳng hết vào thùng rác. Suốt lúc đó, tôi cứ nghĩ, *Mình sẽ không bao giờ làm lại việc này nữa, mình sẽ không bao giờ ở đây nữa, đây không bao giờ còn là ngăn tủ đựng đồ của mình nữa, Radar và mình sẽ không bao giờ viết giấy nói chuyện riêng trong giờ giải tích nữa, mình sẽ không bao giờ thấy Margo đi ngoài hành lang nữa.* Lần đầu tiên trong đời tôi, có nhiều đến thế những điều sẽ không bao giờ xảy ra nữa.

Và cuối cùng thì quá nhiều rồi. Tôi không thể lái được dòng cảm xúc, và những xúc cảm trở thành bất khả chịu đựng. Tôi sục sâu vào ngăn tủ, lôi ra tất cả—những tranh ảnh, ghi chép và sách vở—gạt hết vào thùng rác. Tôi để ngổ ngăn tủ đấy mà đi. Ngang phòng tập nhạc, tôi nghe thấy bài “Pomp and Circumstance” lùng bùng vọng ra qua những bức tường. Tôi cứ đi. Bên

ngoài trời nóng, nhưng không nóng như mọi khi. Có thể chịu đựng được. *Đường về nhà đa phần là via hè, tôi nghĩ. Thế là tôi cứ đi tiếp.*

Cũng đỡ dần và rệu rã như tất cả những không-bao-giờ-nữa, sự rời bỏ cuối cùng này thật hoàn hảo. Thuần khiết. Dạng thức dễ chắt lọc được nhất của sự giải phóng. Tất cả những dính mắc, trừ một tấm ảnh dờ ọc, đều ở yên trong thùng rác, nhưng cảm giác thật tuyệt vời. Tôi bắt đầu bước nhanh, muốn đoãng thêm khoảng cách giữa tôi và ngôi trường.

Ra đi thật khó khăn—cho đến khi ta ra đi. Và sau đó là điều dễ dàng nhất trên thế giới này.

Trong khi chạy, tôi cảm thấy mình lần đầu tiên trở thành Margo. Tôi biết: *cô ấy không ở Orlando. Cô ấy không ở bang Florida.* Ra đi mang lại cảm giác quá tuyệt vời, một khi đã ra đi. Nếu đang ngồi ô-tô, không phải đang đi bộ, hẳn tôi cũng sẽ lái xe đi mãi. Margo đã ra đi và sẽ không quay lại lễ tốt nghiệp hay bất cứ gì khác. Bây giờ tôi đã cảm thấy chắc chắn.

Tôi ra đi, và sự ra đi quá phấn chấn nên tôi biết mình có thể không bao giờ trở lại. Nhưng rời sao? Liệu tôi có tiếp tục rời bỏ nơi nào đó, ra đi và lại ra đi, dẫn mình vào một chuyến đi miên viễn hay không?

Ben và Radar lái xe ngang qua khi tôi còn cách Công viên Jefferson một phần tư dặm. Ben dừng huých RHAPAW ngay ở Lakemont, bắt chấp giao thông tứ phía. Tôi chạy đến và vào xe. Hai thằng muốn đến nhà tôi chơi Hồi Sinh, nhưng tôi phải nói rằng không được, vì tôi đang ở gần hơn lúc nào hết.

Suốt đêm thứ Tư, và cả ngày thứ Năm, tôi cố gắng tận dụng những hiểu biết mới của tôi về Margo để rút ra ý nghĩa nào đó từ những manh mối đã có—mối liên hệ giữa tấm bản đồ và những cuốn sách du lịch, hoặc giữa Whitman và tấm bản đồ, những liên hệ sẽ khiến tôi hiểu được phiêu-du-ngữ của cô ấy. Nhưng tôi càng cảm thấy rõ hơn rằng có lẽ niềm hoan của sự ra đi đã cuốn hút Margo đến mức cô ấy không thực sự để tâm rắc một dải vụn bánh mì hoàn chỉnh. Nếu đúng như vậy, tấm bản đồ Margo không định để cho bọn tôi phát hiện ra có thể là cơ hội khả quan nhất để tìm thấy cô ấy. Nhưng không có địa điểm nào trên bản đồ đủ chính xác. Ngay cả Catskill Park, chỗ khiến tôi chú ý vì là nơi duy nhất không ở trong hoặc gần thành phố lớn, vẫn quá rộng lớn, quá đông đúc để đi tìm một cá nhân duy nhất. “Tự khúc” dẫn đến những nơi ở thành phố New York, nhưng có quá nhiều địa điểm phải lần theo. Làm thế nào xác định được một điểm trên bản đồ khi điểm ấy dường như luôn di chuyển từ thị thành này sang thị thành khác?

Sáng thứ Sáu, tôi đã dậy và đang lật giở các cuốn hướng dẫn du lịch thì bố mẹ vào phòng tôi. Cả hai hiếm khi cùng vào phòng tôi một lúc, tôi chớm cảm thấy nhộn nhạo trong người—hay là có tin không hay về Margo—rồi chợt nhớ ra hôm nay là ngày tôi tốt nghiệp.

“Sẵn sàng chưa con giai?”

“Rồi ạ. Cũng không có gì linh đình lắm, nhưng sẽ vui ạ.”

“Con chỉ tốt nghiệp phổ thông có một lần trong đời thôi đấy,” mẹ nói.

“Vâng,” tôi đáp. Bố mẹ ngồi xuống mép giường và nhìn tôi. Cả hai khúc khích liếc nhau. “Có chuyện gì thế ạ?” tôi hỏi.

“Chà, bố mẹ muốn tặng quà tốt nghiệp cho con,” mẹ nói. “Quentin à, bố mẹ thực sự tự hào về con lắm. Con là bảo bối quý giá nhất trong đời bố mẹ,

hôm nay là một ngày trọng đại với con, và bố mẹ—Con thực sự là một chàng trai tốt đấy.”

Tôi mỉm cười và nhìn xuống. Và rồi bố rút ra một hộp quà rất nhỏ, được bọc bằng giấy gói màu xanh da trời.

“Không,” tôi thốt lên, vội cầm lấy nó.

“Mở ra đi con trai.”

“Không thể nào,” tôi nói, vẫn chăm chăm nhìn cái hộp. Kích cỡ một chiếc chìa khóa. Trọng lượng một chiếc chìa khóa. Tôi lắc lắc, cái hộp lọc xọc tiếng một chiếc chìa khóa. “Mau mở đi con,” mẹ giục tôi.

Tôi xé giấy bọc. MỘT CHIẾC CHÌA KHÓA! Tôi xem kỹ. Chìa khóa xe Ford! Nhà tôi không có cái Ford nào. “Bố mẹ mua xe cho con ạ?”

“Ừ,” bố nói. “Không phải xe mới tinh—nhưng mới chạy có hai năm và đi khoảng hai mươi ngàn dặm thôi.”

Tôi nhảy cẫng lên ôm cả bố lẫn mẹ. “Của con ạ?”

“Ừ!” mẹ suýt hét lên. Tôi có xe! Một cái xe ô-tô! Của riêng tôi!

Tôi gỡ mình ra khỏi bố mẹ và hét toáng lên “*cảm ơn bố cảm ơn mẹ cảm ơn bố cảm ơn mẹ cảm ơn bố cảm ơn mẹ*” trong khi chạy vù qua phòng khách, mở vè cửa trước, trên người chỉ có cái áo phông cũ và quần đùi. Kia, đỗ ở lối đi và được thắt một cái nơ xanh da trời bự chảng, là một chiếc Ford minivan.

Bố mẹ cho tôi một chiếc minivan. Bố mẹ có thể chọn bất cứ loại xe nào, và đã chọn minivan. Một chiếc minivan. Ôi thưa Thần Công Lí Xe Cộ, sao ngài đùa dai với con vậy? Minivan, mi là cái gông đeo cổ, là nổi xấu hổ không trôi! Mi là đồ quái vật trần cao lênh khênh mã lực thấp tè!

Tôi nặn ra một vẻ mặt quả cảm và quay lại. “Con cảm ơn bố, con cảm ơn mẹ ạ!” tôi nói, dù giọng nói hơi kém nồng nhiệt vì tôi hoàn toàn đang diễn.

“Bố mẹ để ý con rất thích lái xe của mẹ,” mẹ nói. Bố mẹ tôi cười rạng rỡ—rõ là hoàn toàn tin tưởng rằng mình đã trao cho thằng con phương tiện đi lại mơ ước của đời nó. “Chơi bời loanh quanh với bạn bè sẽ vui lắm đấy!” bố nói thêm. Và hãy nghĩ xem: chuyên môn chính của hai vị này là phân tích và thấu hiểu tâm lí con người đấy.

“Chà,” bố nói, “ta nên đi sớm thì mới có chỗ ngồi tốt được.”

Tôi chưa tắm rửa thay quần áo, chưa bất cứ gì cả. Ờ, như vậy không có nghĩa là tôi sẽ thực sự *mặc đồ*, nhưng vẫn cần thời gian chứ. “Mười hai rưỡi con mới phải có mặt,” tôi nói. “Con cần chuẩn bị nữa ạ.”

Bố nhú mày, “Ừ, nhưng bố muốn ngồi chỗ có tầm nhìn tốt để chụp—”

Tôi ngắt lời bố, “Con TỰ ĐI được ạ,” tôi nói. “Con có thể TỰ LÁI XE CỦA CON đến trường mà,” tôi cười toe toét.

“Mẹ biết rồi!” mẹ cũng rất vui. Trời đất quỷ thần ơi, dù gì thì một cái ô-tô là một cái ô-tô. Lái minivan của tôi chắc chắn là một bước tiến so với lái minivan của người khác.

Tôi quay lại máy tính, khoe ngay với Radar và Lacey (Ben không trực tuyến) về chiếc minivan.

CÔNGDÂNCỦATOÀNTHƯ’96: Tin quá tốt đấy! Tôi qua bỏ nhờ cái thùng giữ lạnh vào sau xe ông được không? Tôi phải đưa bố mẹ đến lễ tốt nghiệp và không muốn hai vị nghĩa thấy cái thùng đó.

QKỀHỒISINH: Được, xe không khóa đâu. Thùng giữ lạnh để làm gì vậy?

CÔNGDÂNCỦATOÀNTHƯ’96: Ờ, hôm tiệc ở nhà tôi chả có ai uống bia, vẫn còn 212 chai, mang đến nhà Lacey cho cậu ấy mở tiệc tối nay luôn.

QKỀ HỒI SINH: 212 chai bia?

CÔNGDÂNCỦATOÀNTHƯ’96: Cái thùng to đấy.

Ben vào mạng, GÀO THÉT rằng nó đã tắm rửa tinh tươm, nhân trần như nhộng và chỉ cần đội mũ, trùm áo chùng vào nữa thôi. Bọn tôi tán hươu tán vượn về lễ tốt nghiệp nhân trần. Sau khi cả lũ đều đã thoát khỏi mạng để đi chuẩn bị, tôi vào phòng tắm, đứng thẳng để nước bắn trực tiếp lên mặt, bắt đầu suy nghĩ trong khi nước vẫn xối. New York hay California? Chicago hay D.C.? Bây giờ mình cũng có thể đi được rồi, tôi nghĩ. Tôi có xe, như cô ấy cũng có một chiếc. Tôi có thể đến cả năm điểm trên bản đồ, dù có thể không tìm được cô ấy, thì cũng vui hơn một mùa hè nóng chảy nước ở Orlando. Nhưng không. Giống như lên vào SeaWorld vậy. Cần lập kế hoạch tỉ mỉ, cần

thực thi kế hoạch một cách xuất sắc, rồi sau đó—không gì cả. Và cũng giống như SeaWorld, trừ chuyện tối hơn. Margo đã nói với tôi: phần vui nhất không nằm ở khâu thực thi; phần vui nhất là chính quá trình lên kế hoạch.

Đó là những điều tôi đã nghĩ khi đứng dưới vòi hoa sen: quá trình lên kế hoạch. Margo ngồi trong khu mua sắm mini với cuốn sổ tay, vạch ra các kế hoạch. Có thể cô ấy đang sắp xếp một hành trình đi bằng ô-tô, dùng tấm bản đồ để hình dung các tuyến đường. Cô ấy đọc Whitman và đánh dấu “Ta dẫn mình vào chuyến đi miên viễn,” vì đó là thể loại việc cô ấy thích tưởng tượng mình đang làm, thể loại việc cô ấy thích lên kế hoạch.

Nhưng đó có phải thể loại việc cô ấy thích thực sự *thực hiện* không? Không. Vì Margo biết bí mật của sự ra đi, cái bí mật tôi vừa mới hiểu được: sự ra đi chỉ tuyệt diệu và thuần khiết khi ta rời bỏ điều gì đó quan trọng, điều gì đó có ý nghĩa với ta. Kéo bật sự sống lên từ gốc rễ. Nhưng ta không thể làm như vậy cho đến khi cuộc đời ta đã bết rễ.

Thế nên khi Margo ra đi, cô ấy ra đi mãi mãi. Nhưng tôi không tin rằng cô ấy ra đi vì một hành trình miên viễn. Tôi cảm thấy chắc chắn rằng cô ấy ra đi để đến một nơi—nơi cô ấy có thể ở lại đủ lâu để chỗ đó trở nên có ý nghĩa, đủ lâu để lần ra đi sau cũng đem lại cảm giác tuyệt diệu như lần ra đi trước. *Có một góc trên thế gian này, đâu đó cách xa đây, nơi không ai biết “Margo Roth Spiegelman” nghĩa là gì. Và Margo đang ngồi ở góc đó, đang viết vào cuốn sổ màu đen của cô ấy.*

Nước bắt đầu lạnh. Còn chưa động đến bánh xà-phòng, nhưng tôi đi ra, cuốn khăn bông quanh hông và ngồi xuống bên máy tính.

Tôi mò lại e-mail Radar gửi chương trình trong Toàn Thư Đủ Thứ của nó, tải về máy mình. Chương trình chạy rất ổn. Đầu tiên, tôi gõ mã vùng khu trung tâm Chicago, chọn “địa điểm”, và tìm trong bán kính hai mươi dặm. Ra cả trăm câu trả lời, từ Navy Pier đến Deerfield. Câu đầu tiên của mỗi bài viết hiện lên màn hình của tôi, tôi đọc lướt qua mất chừng năm phút. Không có gì nổi bật. Tôi thử tiếp bằng một mã vùng gần Catskill Park ở New York. Lần này có ít trả lời hơn, tám mươi hai, sắp xếp theo ngày tháng bài viết được tạo ra trong Toàn Thư Đủ Thứ. Tôi bắt đầu đọc: *Woodstock*, bang New York, là một thành phố ở hạt Ulster, New York, có lẽ được biết đến nhiều

nhất nhờ cuộc hòa nhạc cùng tên [xem *Hòa nhạc Woodstock*] năm 1969, một sự kiện kéo dài ba ngày, với sự tham gia của các nghệ sĩ từ Jimi Hendrix đến Janis Joplin, thực tế diễn ra ở một thành phố gần đó. Hồ *Katrine* là một hồ nhỏ thuộc hạt Ulster, New York, thường được Henry David Thoreau ghé thăm. *Catskill Park* rộng 2.800 cây số vuông, nằm trên dãy núi Catskill, do chính phủ liên bang và chính quyền địa phương đồng quản lí, bao gồm 5 phần trăm cổ phần của thành phố New York; một phần nước sinh hoạt cho thành phố được lấy từ các hồ ở Catskill Park. *Roscoe*, bang New York, là một khu dân cư nhỏ, theo điều tra dân số gần đây gồm 261 hộ gia đình. *Agloe*, bang New York, là một ngôi làng không có thật, do công ti Esso đưa ra vào đầu những năm 1930 và xuất hiện trong các bản đồ du lịch, đóng vai trò là một cái bẫy bản quyền, hoặc một thành phố giấy.

Tôi nhấn vào đường dẫn để đọc toàn bài, tiếp tục là:

Nằm ở giao lộ của hai con đường đất về phía bắc Roscoe, NY, Agloe là sản phẩm của các nhà làm bản đồ Otto G. Lindberg và Ernest Alpers, họ đã tạo ra tên Agloe bằng cách ghép các chữ cái đầu trong tên mình lại. Các bẫy bản quyền xuất hiện trong ngành làm bản đồ từ nhiều thế kỉ nay. Các nhà bản đồ học tạo ra những địa điểm, phố và thành phố không có thật, đặt vào những chỗ khó tìm trên bản đồ của họ. Nếu những địa danh không có thật đó được tìm thấy trên bản đồ của một người làm bản đồ khác, chắc chắn rằng một tấm bản đồ đã nghiêm nhiên bị sao chép trái phép. Bẫy bản quyền cũng được gọi là bẫy khóa, phố giấy, và thành phố giấy [xem *những tra cứu không có thật*]. Dù chỉ một số đơn vị làm bản đồ ghi nhận sự tồn tại của các bẫy bản quyền, những bẫy này vẫn là một đặc điểm phổ biến trong các bản đồ ngày nay.

Trong những năm 1940, Agloe, New York, bắt đầu xuất hiện trên bản đồ của các công ti khác. Esso nghi ngờ có hiện tượng vi phạm bản quyền và chuẩn bị thủ tục tố tụng, nhưng trên thực tế, một người dân không rõ danh tính đã xây một “Hiệu Tạp Hóa Agloe” tại giao lộ xuất hiện trong bản đồ của Esso.

Căn nhà này, hiện vẫn tồn tại [*cần trích nguồn*], là công trình duy nhất tại Agloe, tiếp tục xuất hiện trên nhiều bản đồ và thường kèm thống kê dân số

là không.

Mỗi bài trong Toàn Thư Đủ Thứ đều có trang phụ để xem tất cả các lượt sửa chữa, biên tập được thực hiện, và bất cứ bình luận nào của các thành viên Toàn Thư về bài viết đó. Bài về Agloe không được chỉnh sửa gì từ gần một năm nay, nhưng mới đây có một bình luận của một người truy cập ẩn danh.

Để biết, cho bất cứ ai Biên tập bài này—dân Số agloe thực tế Là Một tính đến Trưa ngày 29 tháng năm.

Tôi lập tức nhận ra kiểu viết hoa này. *Quy tắc viết hoa thông thường rất bất công với các từ không đứng đầu câu.* Cổ họng đột nhiên cứng lại, nhưng tôi bắt bản thân phải bình tĩnh lại. Bình luận được viết cách đây mười lăm ngày. Nó đã luôn ở đó, đợi tôi. Nhìn đồng hồ ở máy tính, tôi chỉ còn chưa đến hai mươi tư tiếng nữa.

Lần đầu tiên từ mấy tuần nay, Margo trở nên hoàn toàn, không thể phủ nhận được, sống động đối với tôi. Cô ấy còn sống. Ít nhất thêm một ngày nữa, cô ấy vẫn còn sống. Tôi đã chú tâm quá lâu đến những lang bạt của Margo, để không bị ám ảnh trong mớ bòng bong bản khoản không biết cô ấy còn sống hay không, lâu đến mức tôi không nhận ra rằng mình đã cảm thấy sợ hãi chừng nào, cho đến lúc này. Ôi, ơn Chúa. Cô ấy còn sống.

Tôi nhảy lên, kệ chiếc khăn bông rơi xuống, gọi điện ngay cho Radar. Tôi kẹp điện thoại vào hõm cổ trong khi tròng quần lót và quần soóc vào người. “Tôi biết những thành phố giấy nghĩa là gì rồi! Ông có máy tính cầm tay ở đó không?”

“Có. Ông rất nên có mặt ở đây rồi đấy. Họ sắp bắt bọn mình xếp hàng rồi.”

Tôi nghe thấy Ben gào qua điện thoại. “Bảo nó diện nhân trần không áo chùng thì hơn!”

“Radar,” tôi gọi, cố gắng để nó hiểu được tính hệ trọng của vấn đề. “Hãy tra trang viết về Agloe, New York đi. Được chứ?”

“Ừ. Đang đọc. Đợi đã. Ôi. Ôi. Chắc là lỗ ghim ở Catskill trên bản đồ đúng không?”

“Đúng, tôi cũng nghĩ thế. Rất gần mà. Xem tiếp phần thảo luận đi.”

“...”

“Radar?”

“Ôi Chúa ơi.”

“Tôi biết, tôi biết!” tôi hét lên. Tôi không nghe nó trả lời vì phải mặc vội áo phông, nhưng khi áp lại điện thoại vào tai, tôi chỉ nghe thấy tiếng Radar đang nói với Ben.

Tôi ngắt luôn.

Quay lại máy tính, tôi tìm chỉ dẫn lái xe từ Orlando đến Agloe, nhưng hệ thống bản đồ chưa bao giờ biết đến Agloe, nên tôi thay bằng Roscoe. Với tốc độ trung bình sáu mươi lăm dặm một giờ, máy tính nói chuyến đi cần mười chín tiếng và bốn phút. Đang là hai giờ mười lăm phút. Tôi có hai mươi một tiếng và bốn mươi lăm phút để đến đó. Tôi in bản hướng dẫn ra, vớ chìa khóa chiếc minivan, quay lưng khóa cửa trước.

“Đi mất mười chín tiếng bốn phút,” tôi nói vào điện thoại di động. Bên kia là di động của Radar, nhưng Ben đang nói.

“Ông định thế nào?” nó hỏi. “Có bay đến không?”

“Không, tôi không đủ tiền, mà chỗ đó cũng cách thành phố New York khoảng tám tiếng. Cho nên tôi sẽ lái xe đi.”

Đột nhiên Radar lấy lại điện thoại. “Đi mất bao lâu?”

“Mười chín tiếng bốn phút.”

“Ai nói vậy?”

“Google Maps.”

“Không ổn,” Radar nói. “Những chương trình bản đồ đó đều không tính đến giao thông. Tôi sẽ gọi lại. Ông nhanh lên. Đang phải xếp hàng rồi đấy!”

“Tôi không đến đâu. Không thể hên xui với thời gian được,” tôi nói, nhưng chỉ có không khí nghe.

Một phút sau Radar gọi lại. “Nếu tốc độ trung bình là sáu mươi lăm dặm một giờ, không dừng, và tính trên lưu lượng giao thông trung bình, sẽ mất hai mươi ba tiếng chín phút. Như vậy ông sẽ đến nơi sau một giờ chiều, cho nên phải vừa đi vừa bù thời gian.”

“Sao cơ? Nhưng—”

Radar ngắt lời tôi, “Tôi không phê bình gì đâu, nhưng có lẽ với vấn đề cụ thể này, người đi muôn kinh niên cần nghe người luôn đúng giờ. Nhưng ông sẽ phải qua đây ít nhất một giây, nếu không bố mẹ ông sẽ tá hỏa khi tên ông được gọi mà không thấy người đâu. Và lại, dù đây không phải vấn đề quan trọng nhất, tiện thì tôi nói luôn–tất cả bia của bọn tôi ở trong xe ông đó.”

“Cơ mà tôi không có thời gian,” tôi đáp.

Ben ghé vào điện thoại. “Đừng có mà xuân thế. Chỉ mất có năm phút thôi.”

“Thôi đành.” Tôi vượt một đèn vừa chuyển sang đỏ, phóng thật nhanh–xe này tăng tốc tốt hơn xe mẹ, nhưng chỉ hơn chút xíu thôi–đến trường. Tôi đến được bãi đỗ xe của khu thể thao đa năng sau ba phút. Tôi không lái vào chỗ đỗ hẳn hoi mà chỉ dừng xe giữa bãi và nhảy ra. Đang chạy về phía nhà tập đa năng, tôi thấy ba người mặc áo chùng chạy lại phía mình. Có thể thấy ngay hai cẳng chân như hai ống sậy sẫm màu của Radar dưới áo chùng phấp phới, Ben chạy ngay cạnh, đi giày thể thao không tất. Lacey chạy phía sau.

“Các ông lấy bia ra đi,” tôi vừa nói vừa chạy qua chúng nó. “Tôi vào báo cáo bố mẹ.”

Người nhà của học sinh năm cuối ngồi theo các dãy ghế khán giả. Tôi chạy tới chạy lui trong sân bóng rổ mới thấy bố mẹ ngồi ở lưng chừng khán đài. Cả hai đang vẫy tôi. Tôi nhảy hai bậc thang một lên nên hơi hỗn hển khi cúi xuống chỗ bố mẹ và nói, “Thế này ạ, con sẽ không [thở] ra khi được gọi, vì con [thở] nghĩ đã tìm thấy Margo và [thở] phải đi ngay, con bật điện thoại di động [thở] bố mẹ đừng cáu, con cảm ơn bố mẹ vì cái xe.”

Mẹ nắm lấy cổ tay tôi, hỏi, “Sao thế? Con đang nói chuyện gì thế hả Quentin? Bình tĩnh đã nào.”

Tôi nói tiếp, “Con sẽ đến Agloe, New York, và con phải đi *ngay*. Tất cả chỉ có thể thôi ạ. Thế, con đi đây ạ, còn ít thời gian lắm. Con có mang theo di động. Thế ạ, con yêu bố mẹ.”

Tôi phải rút ngay khỏi bàn tay đang nắm hờ của mẹ. Trước khi bố mẹ kịp nói gì, tôi đã sải chân chạy xuống cầu thang, lao trở ra xe. Tôi vào xe, khởi động và chuẩn bị lăn bánh, nhìn sang thì thấy Ben đang ngồi trên ghế cạnh lái xe.

“Lấy thùng bia rồi ra khỏi xe đi!” tôi nói lớn.

“Bọn này đi luôn,” nó nói. “Lái đường trường như vậy thì ông sẽ ngủ gật cho coi.”

Tôi quay ra sau, Lacey và Radar đều đang áp điện thoại vào tai. “Sắp báo với bố mẹ,” Lacey giải thích, nhịch tay lên điện thoại. “Kìa Q. Đi thôi đi thôi đi thôi.”

PHẦN III

VỎ

8

Giờ đầu tiên

Đứa nào cũng mất một lúc mới giải thích được với bố mẹ rằng 1. Chúng tôi đều sẽ không dự lễ tốt nghiệp, và 2. Chúng tôi đang lái xe đến New York để 3. Kiểm tra xem một thành phố có thực sự tồn tại hay không, và hi vọng rằng 4. Kịp gặp người đã đăng bình luận trên Toàn Thư Đủ Thứ, vì căn cứ trên Bằng chứng viết hoa Ngẫu nhiên đó chính là 5. Margo Roth Spiegelman.

Radar là đứa cuối cùng đặt điện thoại xuống, rút cục nó thông báo, “Tôi xin tuyên bố đây. Bố mẹ tôi rất cáu vì tôi không dự lễ tốt nghiệp. Bạn gái tôi cũng cáu, vì hai đứa đã lên kế hoạch làm một việc đặc biệt trong vòng tám tiếng nữa. Tôi không muốn đi vào tiểu tiết, nhưng tốt hơn hết đây nên là một chuyến bám đường hoành tráng.”

“Khả năng giữ gìn thanh tân của ông là nguồn cảm hứng lớn cho tất cả chúng tôi,” Ben ngồi cạnh tôi nói.

Tôi liếc Radar qua gương chiếu hậu. “BÁM ĐƯỜNG HOÀNH TỒ-RÁNG!” tôi hét lên với nó. Bất chấp chính mình, một nụ cười từ từ giãn ra trên mặt nó. Cảm giác hân hoan tuyệt diệu của những lần ra đi.

Chúng tôi đang đi trên cao tốc liên bang I-4, giao thông tương đối thưa, chính thế càng thêm phần may mắn không ngờ. Tôi đang chạy xe ở làn ngoài cùng bên trái, vượt tám dặm một giờ so với tốc độ cho phép năm mươi lăm dặm một giờ, vì có lần tôi từng nghe nói rằng phải vượt đến chín dặm một giờ mới bị cảnh sát bắt dừng lại.

Rất nhanh, bọn tôi xác định vai trò của từng đứa.

Ở hàng ghế cuối, Lacey là người cung ứng. Cậu ấy đồng dục kiểm kê tất cả những gì chúng tôi hiện có cho chuyến đi: nửa thanh kẹo Snicker Ben ăn dở chừa khi tôi gọi điện báo về Margo; 212 chai bia ở phía sau xe; bản hướng dẫn đi đường tôi đã in ra; và những thứ sau trong ví Lacey: tám thanh

kẹo the, một bút chì, một ít khăn giấy, ba băng vệ sinh, một đôi kính râm, son dưỡng môi ChapStick gì đó, chùm chìa khóa nhà Lacey, một thẻ hội viên YMCA, một thẻ thư viện, mấy tờ hóa đơn, ba mươi lăm đô-la tiền mặt, và một thẻ BP.

Từ chỗ ngồi, Lacey reo lên, “Vui ghê! Bọn mình giống như lính tiên phong tay không bắt giặc! Nhưng giá có nhiều tiền mặt hơn thì tốt.”

“Ít nhất bọn mình có thẻ BP mà,” tôi nói. “Vậy có thể mua xăng và đồ ăn.”

Tôi nhìn qua gương chiếu hậu, thấy Radar trong bộ áo chùng đang nghĩa xuống ví của Lacey. Áo chùng cắt cổ hơi rộng nên có thể thấy thấp thoáng lông trên ngực Radar. “Trong ví cậu có quần soóc nam không vậy?” nó hỏi Lacey.

“Nói nghiêm túc nhé, chúng ta nên dừng lại ở hiệu quần áo GAP,” Ben chêm vào.

Nhiệm vụ của Radar, nó đã bắt đầu với cái máy tính cầm tay, là Nghiên cứu và Tính toán. Nó ngồi một mình ở hàng ghế ngay sau tôi, với bản chỉ đường và cuốn hướng dẫn sử dụng xe minivan này trải ra bên cạnh. Nó tính xem chúng tôi cần đi với tốc nào để đến nơi trước trưa mai, cần dừng lại bao nhiêu lần để đổ xăng, vị trí của các trạm BP trên đường mà chúng tôi sẽ qua và mỗi lần được dừng lại trong bao lâu, mỗi lần đi chậm lại để ra khỏi đường cao tốc sẽ mất bao nhiêu thời gian.

“Bọn mình sẽ dừng bốn lần để đổ xăng. Mỗi lần dừng phải rất rất khẩn trương. Tôi đã mất sáu phút để ra khỏi đường cao tốc. Phải dè chừng ba khúc khá dài đang có thi công xây dựng, cộng thêm lưu lượng giao thông ở Jacksonville, Washington, D.C. và Philadelphia, dù bọn mình có lợi thế là sẽ qua D.C. lúc khoảng ba giờ sáng. Theo tính toán của tôi, vận tốc hành trình trung bình nên đạt khoảng bảy mươi hai dặm. Hiện giờ đang là bao nhiêu?”

“Sáu mươi ba,” tôi đáp. “Tốc độ giới hạn là năm mươi lăm đấy.”

“Tăng lên bảy mươi hai đi,” nó nói.

“Không được, nguy hiểm đấy, tôi sẽ bị phạt.”

“Lên bảy mươi hai đi,” nó nhắc lại. Tôi ấn mạnh chân ga. Cái khó một phần là tôi miễn cưỡng tăng tốc bảy mươi hai dặm, và phần nữa là chính cái

minivan cũng miễn cưỡng tăng tốc bảy mươi hai dặm. Nó bắt đầu rung rung theo cái cách ngầm ám chỉ nó sắp rời ra đến nơi rồi. Tôi vẫn ở làn ngoài cùng bên trái, dù không phải xe chạy nhanh nhất trên đường. Tôi cảm thấy rất tồi tệ khi mình cứ liên tục vượt lên, để những xe khác tụt lại phía bên phải, nhưng tôi cần vượt lên đầu, vì không giống mọi người đang đi trên đường, tôi không thể chậm lại được. Và đây là vai trò của tôi: lái xe và cảm thấy căng thẳng. Hóa ra tôi đã từng đảm nhiệm vai trò này rồi.

Còn Ben? Vai trò của Ben là cần đi tiểu. Thoạt đầu có vẻ vai trò chủ đạo của nó là cảm ràm tại sao chúng tôi không có đĩa nhạc nào và rằng tất cả các đài phát thanh ở Orlando đều chán òm, trừ đài của trường đại học, hiện đã ngoài vùng phủ sóng. Nhưng chẳng bao lâu sau, nó thối bay vai trò đó vì một tiếng gọi thủy chung và chân chính: cần đi tiểu.

“Tôi cần đi tiểu,” nó nói lúc 3:06. Chúng tôi đã khởi hành được bốn mươi ba phút, còn gần một ngày chạy xe nữa.

“Ờ,” Radar đáp, “tin tốt là chúng ta sẽ dừng lại. Tin xấu là sẽ dừng lại sau bốn tiếng và ba mươi phút nữa.”

“Chắc tôi nhịn được,” Ben nói. Vào hồi 3:10, nó tuyên bố, “Thực ra, tôi thật sự cần đi tiểu. Thật sự.”

Dàn hợp xướng đáp, “Nhịn đi!” Nó nói, “Nhưng tôi—” Và dàn hợp xướng lại đáp, “Nhịn đi!” Vui thật, ít nhất lúc này, Ben cần đi tiểu và bọn tôi cần nó nhịn tiểu. Nó cười ngặt nghêo, liến thoắng rằng cứ cười thế này thì nó càng mắc tiểu. Lacey nháy lên, ngả về phía Ben và bắt đầu cù sườn nó. Ben cười rú lên và tôi cũng cười, giữ vững tốc độ bảy mươi hai dặm. Tôi tự hỏi, không biết Margo tình cờ hay có chủ ý tạo ra chuyến đi này cho chúng tôi—dù gì đi nữa, đây là điều vui vẻ nhất tôi trải qua kể từ lần cuối tôi ngồi hàng ghế sau tay lái một chiếc minivan.

Giờ thứ hai

Tôi vẫn lái xe. Chúng tôi rẽ về hướng bắc, vào cao tốc liên bang I-95, rong ruổi cung đường uốn lượn theo bờ biển Florida, dù không hẳn là ngay sát biển. Ở đây toàn là thông, quá còm nhom so với chiều cao của chúng, dáng trông giống tôi. Nhưng hầu như chỉ có con đường, vượt qua xe khác và thỉnh thoảng bị xe khác vượt, luôn phải nhớ ai đang ở phía trước, ai ở phía sau mình, ai đang gần lại và ai đang trượt xa.

Lúc này Lacey và Ben đang ngồi cạnh nhau trên ghế băng, Radar ở ghế cuối, ba đứa đang chơi trò Tôi Phát Hiện theo phiên bản cũ, người chơi chỉ được phép phát hiện những thứ không thể nhìn thấy bằng mắt thường. “Tôi Phát Hiện bằng con mắt bé nhỏ của mình, có điều gì đó sành điệu khủng khiếp,” Radar nói.

“Có phải cách Ben cười nửa miệng, khẽ vén mép bên phải lên không?” Lacey hỏi.

“Không,” Radar đáp. “Mới cả dừng dành cho Ben những lời êm ái ấy, nghe ghê rợn quá.”

“Có phải phong cách nhân trần dưới áo chùng tốt nghiệp và lái xe đến New York trong khi người đi đường đều tưởng chúng ta đang mặc váy không?”

“Không,” Radar đáp. “Thế thì chỉ khủng khiếp thôi.”

Lacey cười. “Rồi cậu sẽ học cách thích váy vóc cho coi. Phải tận hưởng gió mát chứ.”

“Ồ, tôi biết!” tôi nói vọng xuống. “Ông phát hiện ra hành trình bám đường dài hai mươi tư tiếng trong một chiếc minivan. Sành điệu vì những chuyến bám đường luôn như vậy; khủng khiếp vì lượng xăng bọn mình ngón sẽ phá hủy hành tinh này.”

Radar vẫn bảo không phải, và chúng tôi lại đoán tiếp. Tôi đang lái xe, giữ tốc độ bảy mươi hai dặm một giờ, cầu mong không bị phạt vi phạm giao thông và đang chơi Tôi Phát Hiện phiên bản siêu hình. Điều sành điệu khủng khiếp hóa ra là việc mớ áo chùng đi thuê này sẽ không được đem trả đúng hẹn. Tôi nhấn ga chạy nhanh qua một cảnh sát đang dừng trên dải cỏ phân cách. Tôi nắm chặt vô-lăng bằng cả hai tay, cảm tưởng chắc như ăn bắp là chú cảnh sát sẽ đuổi theo và tấp tôi vào lề đường. Nhưng chú ấy không đuổi theo, chắc biết rằng tôi chỉ phóng nhanh vì tôi buộc phải như vậy.

Giờ thứ ba

Ben trở lại ghế trước. Tôi vẫn lái xe. Cả lũ đều đói meo. Lacey phân phát chỉ một miếng kẹo the cho từng người, dù sao cũng có chút mát lạnh dễ chịu. Cậu ấy đang viết một danh sách đặc biệt những thứ chúng tôi sẽ mua ở trạm BP trong lần dừng lại đầu tiên. Chỗ đó nên là một trạm BP có lượng hàng cực kì dồi dào, vì chúng tôi sẽ cần quét sạch sành sanh.

Ben tiếp tục dọ doạ hai chân.

“Ông thôi đi được không?”

“Tôi cần đi tiểu từ ba tiếng nay rồi.”

“Ông nói rồi mà.”

“Tôi cảm thấy nước tiểu đang trào ngược lên khắp lồng ngực,” nó nói. “Thành thực là tôi đang chứa đầy nước tiểu. Ngay lúc này, bảy mươi phần trăm trọng lượng cơ thể tôi là nước tiểu.”

“Ừ, rồi,” tôi nói, khẽ cười khố. Vẫn rất vui, nhưng tôi mệt quá rồi.

“Bây giờ mà khóc thì tôi sẽ khóc ra nước tiểu.”

Thẳng khi, tôi khẽ cười thành tiếng.

Mấy phút sau tôi liếc sang, Ben úp một tay lên chỗ kín, vải áo chùng cộm cộm.

“Quái quỷ gì thế không biết?” tôi hỏi.

“Bồ ơi tôi phải cho ra thôi. Tôi phải thông dòng chảy thôi.” Nó quay lại phía sau. “Radar ơi, còn bao lâu nữa thì dừng?”

“Chúng ta phải đi ít nhất một trăm bốn mươi ba dặm nữa để giữ mốc bốn lần dừng, tức là còn một tiếng và năm mươi tám phẩy năm phút nữa, nếu Q duy trì được tốc độ.”

“Tôi đang giữ vững đây!” tôi kêu lên. Chúng tôi đang ở phía bắc Jacksonville, gần tới Georgia.

“Tôi không nhịn nổi đâu, Radar ạ. Cho tôi cái gì để tôi xả vào đi.”

Dàn hợp xướng bùng lên: KHÔNG. Tuyệt đối không được. Hãy nhin như một người đàn ông đi. Hãy giữ cơn mắc tiểu lại như một quý cô thời Nữ hoàng Victoria giữ gìn sự trong trắng. Hãy giữ lại với phẩm giá và tự trọng, như tổng thống Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ được cho là người nắm giữ số phận thế giới tự do.

“ĐƯA CÁI GÌ ĐÂY NẾU KHÔNG TÔI SẼ TIỂU LUÔN TẠI TRẬN. NHANH LÊN!”

“Ôi, lạy Chúa,” Radar thốt lên và tháo đai an toàn. Nó trườn xuống ghế cuối, lần mò mở thùng giữ lạnh. Nó quay lại chỗ ngồi, rướn lên đưa chai bia cho Ben.

“Tạ ơn Chúa loại này vẫn được,” Ben nói, bọc áo chùng ra ngoài tay và vặn mở chai. Nó hạ kính cửa sổ xuống, tôi nhìn ra gương cạnh thấy dòng bia chảy khỏi xe và tóe xuống mặt đường. Ben luôn được cái chai xuống dưới áo chùng mà không cho chúng tôi mục kích đôi bi được cho là bự nhất thế giới. Bọn tôi ngồi và đợi, thấy quá ghê nên không nhìn.

Lacey vừa nói, “Cậu không thể nhin nổi sao,” thì cả lũ đều nghe thấy nó. Tôi chưa từng nghe thấy âm thanh như thế này, nhưng vẫn biết ngay đó là: tiếng nước tiểu tuôn xuống đáy một chai bia. Nghe gần như âm nhạc. Một thứ nhạc rùng rợn nhịp rất nhanh. Tôi lé mắt sang và thấy vẻ thư thái trong mắt Ben. Nó đang mỉm cười, ánh mắt xa xăm vô định.

“Càng đợi lâu thì càng thấy khoái,” nó nói. Âm thanh chuyển từ tách tách nước-tiểu-va-vào-chai sang lộp lộp nước-tiểu-rơi-trên-nước-tiểu. Rồi từ từ, nụ cười của Ben tắt dần.

“Này bồ tèo, chắc tôi cần chai nữa quá,” nó đột ngột tuyên bố.

“CẤP CỨU một chai nữa!” tôi kêu toáng lên.

“Một chai nữa tới đây!” Trong chớp nhoáng, tôi thấy Radar vặn mình ra sau, cắm đầu vào thùng giữ lạnh, bới vội một chai trong đóng đá. Nó vặn nắp bằng tay không, cạy mở một cửa sổ ở phía sau, lách chai bia ra và đổ đi. Rồi nó nhào về phía trước, đầu nhô giữa Ben và tôi, giơ cái chai ra cho Ben. Hai mắt Ben đang lồi ra vì kinh hãi.

“Cuộc, ơ, chuyển giao có chút, ơ phức tạp,” Ben nói. Một loạt hành động lùng bùng dưới lớp áo chùng. Tôi cố không tưởng tượng điều gì đang xảy ra

thì từ tà áo nhô ra một chai Miller Lite đóng đầy nước tiểu (trông giống bia Miller Lite lạ lùng). Ben đặt cái chai đầy vào chỗ cắm cốc, tóm lấy chai mới từ Radar, rồi lại thở dài sung sướng.

Trong khi đó, những đũa còn lại được mẫn nhãn ngắm chai nước tiểu ở chỗ cắm cốc. Đường không đặc biệt gồ ghề, nhưng những rung xóc trên xe cũng là quá đủ, nước tiểu sóng sánh ngấp nghé ngay miệng chai.

“Ben ơi, nếu ông làm rơi giọt nào trong xe mới toanh của tôi, thì tôi sẽ xử hai bé bi của ông.”

Vẫn đang tiểu, Ben nhìn sang tôi cười gian manh. “Ông sẽ cần đến một con dao to quỉ khốc thần sâu đấy.” Rồi cuối cùng tôi nghe thấy dòng chảy chậm lại. Nó sắp xong rồi, và bằng động tác nhanh như cắt nó ném cái chai mới qua cửa sổ. Tiếp theo là chai đầy.

Lacey giả vờ—mà cũng có thể thực sự—bùm miệng ọe. Radar nói, “Trời ơi, sáng nay ông tỉnh dậy và uống mười tám ga-lông nước hả?”

Nhưng Ben cười nhăn nhó. Nó đặc thẳng đấm vào không khí, reo hò inh ỏi, “Không rơi giọt nào ra xe! Mình là Ben Starling. Cây clarinet số một của dàn diễu hành trường Winter Park. Quán Quân Bom Bia! Vô địch tiểu-ở-trong-xe. Mình làm rung chuyển thế giới! Mình là người xuất sắc nhất!”

Ba mươi lăm phút sau, sau khi xuất phát được gần ba tiếng đồng hồ, Ben thỏ thẻ hỏi, “Khi nào chúng ta lại dừng?”

“Một tiếng và ba phút nữa, nếu Q duy trì được tốc độ,” Radar đáp.

“Được rồi,” Ben nói. “Được. Tốt. Vì tôi phải đi tiểu.”

Giờ thứ tư

Lần đầu tiên Lacey hỏi, “Sắp đến chưa?” Chúng tôi cười rộ. Nhưng chúng tôi đang ở Georgia, bang tôi vừa yêu vừa mến vì một và chỉ một lí do: tốc độ giới hạn ở đây là bảy mươi, tức là tôi có thể tăng tốc lên bảy mươi bảy. Bên cạnh đó, Georgia khiến tôi nhớ đến Florida.

Chúng tôi dành cả tiếng chuẩn bị cho chặng dừng đầu tiên. Dừng lần này quan trọng, vì tôi đang rất, rất, rất, rất đói và mất nước. Chẳng hiểu sao, nói đến những đồ ăn chúng tôi sẽ mua ở BP khiến cơn cồn cào dịu lại. Lacey lập danh mục các mặt hàng cho từng người, viết chữ thật nhỏ lên mặt sau những hóa đơn còn trong ví của cậu ấy. Lacey bảo Ben hãy thò đầu qua cửa sổ chỗ ghế trước xem nắp bình xăng ở phía bên nào. Cậu ấy bắt bọn tôi ghi nhớ danh mục và kiểm tra xem đã thuộc chưa. Chúng tôi ôn đi ôn lại các việc ở trạm xăng, tất cả cần trớn tru mau lẹ như một chiếc xe đua dừng ở đường pit.

“Tổng duyệt lần nữa,” Lacey nói.

“Tớ phụ trách xăng,” Radar nói. “Sau khi khởi động cây xăng, tớ chạy vào trong trong khi vòi bơm vẫn hoạt động, dù theo luật tớ phải liên tục đứng cạnh cây xăng, và đưa thẻ cho cậu. Rồi tớ chạy về cây xăng.”

“Tớ đưa thẻ cho anh ở quầy thanh toán,” Lacey nói.

“Hoặc chị,” tôi bổ sung.

“Chả liên quan,” Lacey nói.

“Tớ chỉ muốn nói—cậu đừng phân biệt giới thể chứ.”

“Ừ, sao cũng được. Tớ đưa thẻ cho người đứng ở quầy toán. Tớ bảo anh hoặc chị ấy hãy nhập ngay tất cả những gì bọn mình mang ra. Rồi tớ đi tiêu.”

Tôi nói thêm, “Trong khi đó, tớ lấy các thứ trong danh mục của mình và mang đến quầy thanh toán.”

Ben nói, “Tớ đi tiểu. Sau khi tiểu xong tớ sẽ lấy các thứ trong danh mục của mình.”

“Quan trọng nhất là áo,” Radar nói. “Người ta cứ nhìn tớ cười cười.”

Lacey nói, “Tớ kí vào hóa đơn sau khi ra từ nhà vệ sinh.”

“Ngay khi xăng đầy bình, tớ sẽ vào xe và phóng đi luôn, vậy các bồ tèo nên có mặt trong xe rồi. Tớ sẽ nghiêm túc để cái mông của các bồ lại nếu mọi người không đúng giờ. Chúng ta có sáu phút,” Radar nói.

“Sáu phút,” tôi nói, gật gật đầu. Lacey và Ben cũng nhắc lại. “Sáu phút.”

“Sáu phút.” Vào 5:35 chiều, với chín trăm dặm đã đi, Radar thông báo rằng, theo máy tính cầm tay của nó, lối ra tiếp theo sẽ có một trạm BP.

Trong khi tôi tắt xe gần vào trạm, Lacey và Radar đã trong tư thế sẵn sàng sau cánh cửa trượt ở hông xe. Ben, đã tháo đai an toàn, đặt một tay lên chỗ mở cửa, tay kia trên bảng điều khiển. Tôi cố gắng giữ tốc độ cao nhất có thể, trong lâu nhất có thể, rồi dậm phanh ngay trước cây xăng. Chiếc xe khựng lại, bọn tôi vọt ra khỏi xe. Radar và tôi cắt nhau trước mũi xe, tôi ném chìa khóa cho nó và chạy một mạch vào cửa hàng tạp phẩm. Lacey và Ben cản cửa trước tôi, nhưng chỉ trước chút xíu. Trong khi Ben vấp chân chạy vào nhà vệ sinh, Lacey giải thích với người phụ nữ tóc muối tiêu (hóa ra là một bác gái!) rằng chúng tôi sẽ mua rất nhiều và đang rất vội, nên bác cứ nhập hóa đơn ngay khi bọn tôi mang đồ ra quầy, tất cả sẽ được thanh toán bằng thẻ BP của Lacey. Bác gái có vẻ không hiểu mô tê gì, nhưng cũng đồng ý. Radar chạy vào, áo chùng bồng bênh, đưa thẻ cho Lacey.

Trong khi đó, tôi chạy dọc các gian hàng để lấy các thứ trong danh mục của mình. Lacey phụ trách đồ uống, Ben đảm nhận các đồ không tươi sống, tôi lấy thực phẩm. Tôi quét qua nơi này như thể tôi là báo gấm và đám khoai tây chiên đóng gói là đàn linh dương đã trúng thương.

Tôi ôm cả đóng khoai tây chiên, thịt bò khô và lạp chạy lại quầy, rồi lao tiếp đến khu kẹo. Một nắm kẹo Mentos, một nắm kẹo Snickers, và—ồ, không có trong danh mục, nhưng kệ, tôi thích kẹo Nerds, nên lấy luôn ba gói. Tôi chạy về quầy thanh toán rồi tiếp tục với đồ ăn tươi, gồm có bánh kẹp thịt gà tây kiểu cổ điển, trong đó gà tây giống hệt thịt xông khói. Tôi lấy hai. Trên đường ra quầy thanh toán, tôi dừng lại lấy ít kẹo Starburst và bánh Twinkies,

thêm một lượng không xác định các thanh dinh dưỡng GoFast. Tôi chạy ra quầy. Ben đang đứng đó trong bộ áo chùng tốt nghiệp, đưa thanh toán áo phông và kính râm loại bốn đô-la. Lacey chạy đến với mấy ga-lông xô-đa, nước tăng lực, và nước đóng chai. Những chai lớn, loại mà kể cả nước tiểu của Ben cũng không đong đầy được.

“MỘT PHÚT NỮA!” Lacey kêu lên và tôi phát hoảng. Tôi quay mòng mòng, đảo mắt khắp gian hàng, cố nhớ xem mình đã quên gì. Tôi liếc xuống danh mục của mình, có vẻ tôi đã có đủ, nhưng vẫn cảm thấy đang quên thứ gì đó rất quan trọng. Cái gì đó. *Nhanh nào, Jacobsen*. Khoai tây chiên, kẹo, gà-tây-trông-như-thịt-xông-khói, lạc, thịt bò khô, và—gì nữa? Còn một nhóm đồ ăn nữa là gì nhỉ? Thịt, khoai, kẹo, và, và, và, và pho-mát! “BÁNH QUI RÒN!” Tôi bật ra, hơi to, rồi xẹt đến giá bánh qui tròn, nhặt bánh qui pho-mát, bánh qui bơ lạc, thêm ít bánh bơ lạc hiệu Cọ Bà, rồi chạy lại và quăng hết xuống quầy. Bác thu ngân đã xếp đồ vào bốn túi. Tất cả khoảng gần một trăm đô-la, chưa kể tiền xăng; tôi sẽ phải trả lại cho bố mẹ Lacey trong cả mùa hè.

Chỉ duy nhất một khoảnh khắc yên tĩnh sau khi bác thu ngân quét thẻ của Lacey. Tôi liếc đồng hồ. Chúng tôi cần lên đường trong vòng hai mươi giây nữa. Rút cục cũng nghe thấy tiếng hóa đơn được in ra. Bác gái xé hóa đơn khỏi máy in, Lacey kí ngoáy, Ben và tôi vớ đám túi và chạy bắn ra xe. Radar đã nổ sẵn máy như muốn nói *nhanh lên*, bọn tôi chạy qua bãi đỗ xe, áo chùng của Ben phồng lên trong gió nên trông nó hao hao giống một phù thủy hắc ám, trừ cẳng chân trắng xanh lộ ra và hai tay ôm túi. Tôi thấy bụng chân của Lacey dưới chân váy, bắp chân cậu ấy căng lên theo bước chạy. Tôi không biết trông tôi ra sao, nhưng tôi biết mình cảm thấy thế nào: Tré trung. Ngốc nghếch. Không giới hạn. Tôi nhìn Ben và Lacey lao dúi vào xe qua cánh cửa trượt đã mở sẵn. Tiếp đến tôi, hạ cánh xuống đám túi và người Lacey. Radar vọt xe đi khi tôi đóng sầm cánh cửa trượt, nó ngoặt tay lái ra khỏi bãi đỗ xe, lần đầu tiên ghi dấu trong lịch sử lâu dài của dòng xe minivan rằng có một người nào đó ở đâu đó đã lái đến sém cả lớp cao su. Radar rẽ trái vào đường cao tốc với một tốc độ không an toàn, rồi hòa trở lại cao tốc liên bang. Chúng tôi nhanh hơn dự kiến bốn giây. Và cũng giống

như cảnh dừng lại ở đường pit trong đua xe NASCAR, chúng tôi đập tay và hồ hởi khen nhau. Vậy là xong xênh. Ben có đủ thứ để chứa trong trường hợp nó cần bài tiết. Tôi có đủ khẩu phần thịt bò khô. Lacey có kẹo Mentos. Radar và Ben có áo phông để mặc ra ngoài áo chùng. Chiếc minivan đã trở thành một sinh quyển–cứ đồ đầy xăng cho chúng tôi, cả bọn có thể đi mãi đến cùng trời cuối đất.

Giờ thứ năm

Tôi được, có lẽ rút cục chúng tôi không được cung ứng tốt đến mức ấy. Trong phút vội vã, hóa ra Ben và tôi đã mắc chút sai lầm (dù không đến nỗi chết người). Chỉ mình Radar ở phía trước, Ben và tôi ngồi ở ngay sau, tháo từng túi và đưa đồ cho Lacey ở hàng cuối. Đến lượt Lacey, cậu ấy phân loại các món thành từng đồng dựa trên một kết cấu có tổ chức mà chỉ Lacey mới hiểu.

“Sao NyQuil không ở cùng một chỗ với NoDoz?” tôi hỏi. “Không phải cả hai đều là thuốc sao?”

“Q thân mến, chàng trai ngây thơ quá, làm sao hiểu được phạm trù này. NoDoz đi với sô-cô-la và Mountain Dew, vì những thứ đó đều có ca-phê-in và làm cậu *tinh*. NyQuil ở cùng thịt bò khô vì ăn thịt sẽ làm cậu *mệt*.”

“Hay ho thật,” tôi nói. Khi tôi đã đưa Lacey món cuối cùng trong túi đồ của mình, cậu ấy hỏi, “Q, nhóm đồ ăn mà—cậu biết đấy—lành mạnh đâu?”

“Hả?”

Lacey đưa bản sao danh mục đã viết cho tôi ra và đọc, “Chuối. Táo. Nam việt quất khô. Nho khô.”

“Ồi,” tôi than. “Ừ nhỉ. Nhóm đồ ăn thứ tư *không* phải là bánh qui ròn.”

“Q ơi là Q!” Lacey cáu. “Tớ không ăn được bất cứ thứ nào ở đây!”

Ben chạm vào khuỷu tay Lacey. “Xem nào, nhưng cậu có thể ăn bánh qui hiệu *Cụ Bà* mà. Cụ Bà không làm hại cậu đâu.”

Lacey thối một lọn tóc khỏi mặt, xem ra đúng là cáu thật. “Có mấy thanh GoFast mà,” tôi nói với Lacey. “Có bổ sung vi-ta-min đấy!”

“Ừ, vi-ta-min và khoảng ba mươi gam chất béo,” Lacey đáp.

Từ ghế trước Radar tuyên bố, “Đừng nói xấu mấy thanh GoFast nữa. Mấy bồ có muốn tớ dừng xe luôn không?”

“Lần nào ăn GoFast,” Ben nói, “tôi cũng có cảm giác ‘Hóa ra vị của thứ này cũng giống như vị máu đối với muối.’”

Tôi bóc nửa chùng một thanh GoFast vị sô-cô-la, huơ huơ trước miệng Lacey, “Cậu ngừng đi,” tôi nói. “Có mùi vi-ta-min bổ dưỡng đấy.”

“Cậu sẽ làm tởm quay cho coi.”

“Và nổi mụn,” Ben bồi thêm. “Đừng quên đám mụn nhé.”

Lacey cầm thanh ngũ cốc từ tay tôi và miễn cưỡng cắn một miếng, phải nhắm mắt lại để che giấu sự sung sướng mê tơi khi nếm một thanh GoFast. “Ôi. Lạ. Chúa. Thứ này có vị giống như hi vọng vậy.”

Cuối cùng, chúng tôi mở đến túi cuối. Trong đó có hai cái áo phông cỡ lớn. Radar và Ben trông háo hức ra mặt vì sắp trở thành thanh-niên-mặc-áo-phông-rộng-lùng-thùng-ra-ngoài-áo-chùng-dầm-dớ, không còn là thanh-niên-mặc-áo-chùng-dầm-dớ nữa.

Nhưng khi Ben dỡ áo ra, có hai vấn đề nhỏ. Một là, hóa ra áo phông cỡ lớn ở trạm xăng tại Georgia không giống cỡ lớn tại, chẳng hạn, hiệu Old Navy. Áo phông cỡ lớn ở trạm xăng rộng khổng lồ—trông giống bao đựng rác hơn là áo phông. Máy chiếc này đúng là nhỏ hơn áo chùng, nhưng không nhỏ hơn là bao. Nhưng vấn đề này trở nên lọt thỏm khi đặt cạnh một vấn đề khác: hai chiếc áo phông đều in hình cờ Liên Minh Miền Nam bự chảng. Phía trên lá cờ còn có dòng chữ DI SẢN KHÔNG HẬN THÙ.

“Ôi không chứ,” Radar thốt lên khi tôi chỉ cho nó thấy bọn tôi đang cười gì. “Ben Starling, ông không nỡ mua cho người bạn da đen đây tính biểu tượng của ông một cái áo phân biệt sắc tộc thế chứ.”

“Người anh em, tôi chỉ nhanh tay vớ ngay cái đầu tiên nhìn thấy thôi mà.”

“Lúc này đừng có mà anh em với tôi,” Radar nói, nhưng nó lúc lắc đầu và cười lớn. Tôi đưa áo cho Radar, nó tròng vào người trong khi lái xe bằng đầu gối. “Hi vọng tôi sẽ bị cảnh sát bắt dừng lại,” nó nói. “Tôi muốn xem các chú ấy sẽ phản ứng thế nào khi thấy một gã da đen mặc áo phông Liên Minh ra ngoài một cái váy đen.”

Giờ thứ sáu

Không hiểu sao dải cao tốc I-95 kéo dài ở phía nam Florence, Nam Carolina, lại là nơi để lái xe vào tối thứ Sáu. Chúng tôi tiến thoái lưỡng nan trong dòng xe kéo dài vài dặm. Dù Radar không mong gì có thể vượt tốc độ cho phép, vẫn may là nó còn xoay xở được ở ba mươi dặm một giờ. Radar và tôi ngồi phía trước, cố không lo lắng bằng cách chơi một trò bonton vừa nghĩ ra, tên là Gã Đó Là Đồ Đào Mỏ. Trong trò này, người chơi phải tưởng tượng ra cuộc sống của những người ngồi trong các xe khác xung quanh.

Chúng tôi lái song song một cô người Hispanic^[9] đi chiếc Toyota Corolla đã cũ. Tôi quan sát cô ấy khi trời bắt đầu nhập nhoạng. “Bỏ gia đình để đến đây,” tôi nói. “Cư trú bất hợp pháp. Gửi tiền về nhà vào thứ Ba của tuần thứ ba hàng tháng. Cô ấy có hai con nhỏ—chồng là dân di cư. Hiện giờ chú chồng đang ở Ohio—một năm chỉ ở nhà khoảng ba, bốn tháng, nhưng hai vợ chồng vẫn rất ổn.”

Radar ngả người về phía trước, liếc sang nhìn cô ấy nửa giây. “Trời ơi, Q, không bi thiết đến mức ấy đâu. Cô ấy là thư kí tại một công ti luật—nhìn bộ váy của cô ấy mà xem. Phải mất gần năm năm, nhưng bây giờ cô ấy sắp có bằng luật sư rồi. Cô ấy không có con, cũng chưa có chồng.

Nhưng có người yêu. Chú ấy dễ dãi, thích bay nhảy, sợ phải cam kết. Một người da trắng, hơi lo lắng về hội chứng tình yêu đa sắc tộc trong toàn bộ chuyện này.”

“Cô ấy đeo nhẫn cưới cơ mà,” tôi nhận xét. Để tìm cách bảo vệ quan điểm của Radar, tôi quan sát cô ấy kĩ hơn. Cô ấy ở bên phải, thấp hơn tôi một chút. Tôi nhìn được qua cửa sổ kính mờ trên xe cô ấy, thấy cô ấy đang hát theo bài hát nào đó, mắt nhìn đường không chớp. Có quá nhiều người. Ta dễ quên mất thế giới này đông người đến mức nào, đông đến độ nổ tung lên được, ta có thể tưởng tượng về mỗi người, và thường xuyên tưởng tượng sai.

Tôi cảm thấy đây là một ý quan trọng, một trong những suy nghĩ mà bộ óc ta phải từ từ tự cuộn lại, như loài trăn nuốt con mồi. Nhưng trước khi tôi nghĩ được xa hơn, Radar đã lên tiếng.

“Cô ấy đeo nhẫn như vậy để những gã dê cụ như ông không dám mon men lại gần,” Radar giải thích.

“Có thể đấy.” Tôi mỉm cười, cầm thanh GoFast ăn dở trong lòng lên cắn một miếng. Lại yên lặng một lúc, và tôi nghĩ về cách ta có thể và không thể nhìn thấy con người, về ô cửa sổ kính mờ giữa tôi và người phụ nữ đang lái xe bên phải bọn tôi. Cả tôi và cô ấy đều ở trong những chiếc xe với cửa sổ và gương soi khắp nơi, trong khi cô ấy rù rì chạy xe cạnh chúng tôi trên dải đường tắc nghẽn này. Khi Radar lên tiếng trở lại, tôi nhận ra nó cũng vừa suy nghĩ.

“Tinh thần của Gã Đó Là Đồ Đào Mỏ,” Radar nói, “ý tôi là tinh thần của trò chơi này, là ở chỗ rút cục nó hé lộ rất nhiều về người đang tưởng tượng hơn là người được tưởng tượng.”

“Ừ,” tôi đáp. “Tôi cũng vừa nghĩ thế.” Và tôi không khỏi nghĩ rằng Whitman, vì tất cả vẻ đẹp dữ dội của mình, hẳn đã hơi quá lạc quan. Ta có thể nghe thấy người khác, có thể đến với họ mà không cần di chuyển, có thể tưởng tượng ra họ, và ta đều gắn bó với nhau bởi một hệ rễ điên rồ, như những cánh cỏ—nhưng trò chơi này khiến tôi tự hỏi, liệu ta có thể thực sự *trở thành* người khác một cách trọn vẹn được hay không.

Giờ thứ bảy

Cuối cùng bọn tôi vượt qua một xe tải hạng nặng bị lật ngang, lấy lại được tốc độ cũ. Nhưng theo Radar nhằm tính, chúng tôi cần chạy bảy mươi bảy dặm một giờ từ đây tới Agloe. Đã tròn một tiếng kể từ khi Ben tuyên bố rằng nó cần đi tiểu, và lí do thực đơn giản: Ben đang ngủ. Đúng sáu giờ, nó uống NyQuil^[10]. Nó nằm xuống hàng ghế cuối. Lacey và tôi thắt cả hai đai an toàn quanh người nó. Vậy sẽ làm Ben thấy khó chịu hơn, nhưng 1. Như thế tốt cho chính nó, và 2. Chúng tôi đều biết rằng trong hai chục phút, không sự khó chịu nào làm gì được nó, vì Ben sẽ ngủ chết giấc. Và đúng là như vậy. Nó sẽ tỉnh dậy vào nửa đêm. Tôi vừa đặt Lacey vào chỗ ngủ, lúc 9 giờ tối, cùng tư thế như vậy ở ghế sau. Bọn tôi sẽ gọi Lacey dậy lúc 2 giờ sáng. Kế hoạch là mỗi đứa đều sẽ ngủ một chập để sáng mai không phải lấy tay kéo hai mí mắt lên, khi chúng tôi tiến vào Agloe.

Chiếc minivan đã trở thành một mái nhà nho nhỏ: Tôi đang ngồi ở ghế cạnh lái xe, chỗ này là phòng thư giãn. Tôi nghĩ đây là phòng tốt nhất trong nhà: rất rộng rãi, ghế khá thoải mái.

Rải rác trên thảm dưới ghế trước cạnh lái xe là phòng làm việc, có bản đồ nước Mỹ mua ở trạm BP, bản hướng dẫn đường đi tôi đã in ra, và giấy nháp Radar đã viết những phép tính loằng ngoằng về vận tốc và quãng đường.

Radar ngồi ở ghế lái xe. Phòng khách. Khá giống phòng thư giãn, chỉ có điều ngồi đó thì không thể thư giãn được. Và phòng khách thì sạch sẽ hơn.

Giữa phòng khách và phòng thư giãn, bọn tôi có bộ điều khiển trung tâm, hoặc là phòng bếp. Ở đây tích trữ rất nhiều nhu yếu phẩm như thịt bò khô, các thanh GoFast, thứ đồ uống tăng lực kì diệu hiệu Bluefin mà Lacey đã kê vào danh mục mua sắm. Bluefin được đóng vào các chai thủy tinh nhỏ, cong đầy gọi cảm, có vị như kẹo bông màu xanh da trời. Nó cũng khiến ta tỉnh táo hơn bất cứ thứ gì trong lịch sử nhân loại, có điều uống xong sẽ cảm thấy hơi

bồn chồn. Radar và tôi thống nhất rằng sẽ tiếp tục uống cho đến hai tiếng trước ca nghỉ của hai thằng. Ca của tôi bắt đầu lúc nửa đêm, khi Ben thức dậy.

Hàng ghế băng đầu tiên là phòng ngủ số một. Không phải là phòng ngủ đáng ao ước lắm vì gần bếp và phòng khách, nơi mọi người thức, nói chuyện, thỉnh thoảng có nhạc qua sóng phát thanh.

Phía sau đó là phòng ngủ số hai, tối hơn, yên tĩnh hơn, về tổng thể là sang hơn phòng ngủ số một.

Và cuối cùng là tủ lạnh, tức là cái thùng giữ lạnh, hiện đang chứa 210 chai bia Ben chưa tiêu vào, bánh kẹp thịt-gà-tây-trông-như-thịt-xông-khói, và một ít Coke.

Còn có nhiều điểm cộng cho ngôi nhà này. Khắp sàn được trải thảm. Có máy điều hòa nhiệt độ hai chiều nóng, lạnh ở trung tâm. Có mắc hệ thống loa phát âm thanh nổi. Phải thừa nhận, chỉ có hơn năm mét vuông không gian sinh hoạt. Mà ta không thể bài trí tất cả trên mặt sàn mở.

Giờ thứ tám

Vừa tới Nam Carolina, tôi nhắc thấy Radar ngáp nên khăng khăng bảo nó hãy để tôi lái. Dù sao tôi cũng thích lái—chiếc xe này là minivan thôi, nhưng nó là minivan của tôi. Radar lách khỏi ghế lái sang phòng ngủ số một, trong khi tôi giữ vịn tay lái, nắm chắc, nhảy nhanh từ bếp sang ghế lái.

Tôi đang dần nhận ra, có đi tôi mới hiểu được nhiều điều về bản thân. Chẳng hạn, tôi chưa bao giờ nghĩ mình là loại người có thể tiểu vào một chai nước tăng lực Bluefin đã gần cạn trong khi lái xe qua Nam Carolina với vận tốc bảy mươi bảy dặm một giờ—nhưng thực tế tôi là loại người như vậy. Thêm nữa, tôi chưa từng nhận ra rằng nếu trộn kha khá nước tiểu với một chút nước tăng lực Bluefin, kết quả sẽ là một sắc lam ngọc sáng bừng lên lạ lùng. Màu đẹp đến mức tôi muốn đóng nắp chai lại và đặt nó lên chỗ để cốc cho Lacey và Ben xem khi hai đứa thức dậy.

Nhưng Radar có cảm nhận khác. “Nếu ông không ném thứ ị ẹ đó qua cửa sổ ngay bây giờ thì tôi sẽ chấm dứt tình hữu nghị mười một năm nay giữa chúng ta,” nó nói.

“Có phải ị đâu,” tôi cố cãi. “Tè thôi mà.”

“Ra ngoài ngay,” Radar không động lòng. Tôi đành vứt đi. Qua gương bên, tôi thấy cái chai chạm mặt đường nhựa, vỡ tóe lên như một quả bóng nước. Radar cũng ngó xem.

“Ôi, lạy Chúa,” nó nói. “Con hi vọng rằng đó chỉ như một trong những trải nghiệm tồi tệ hại, quá tổn hao thần kinh của con đến mức con sẽ quên ngay khi nó vừa xảy ra.”

Giờ thứ chín

Tôi chưa từng nghĩ rằng có thể ngăn được thanh dinh dưỡng GoFast. Nhưng hóa ra là có thể. Mới cắn được hai miếng của thanh thứ tư trong ngày, tôi đã thấy dạ dày mình cuộn lên. Tôi mở ngăn kéo trước mặt và thả nó lại vào trong. Chúng tôi gọi chỗ đó là tủ bếp.

“Có mấy quả táo thì tốt nhỉ,” Radar nói. “Trời, ăn táo bây giờ thì có phải là tốt không?”

Tôi thở dài. Nhầm lẫn ngớ ngẩn nhóm đồ ăn thứ tư. Thêm nữa, dù mấy tiếng nay không uống Bluefin nữa, tôi vẫn thấy bồn chồn ghê gớm.

“Tôi cứ thấy bồn chồn sao sao ấy ông ạ,” tôi nói.

“Ừ,” Radar đáp. “Tôi không thể nào ngừng gõ ngón tay được.” Tôi nhìn xuống. Radar đang gõ ngón tay không thành tiếng lên đầu gối. “Tôi thực sự không dừng lại được ấy.”

“Ờ, được rồi, tôi không mệt, bọn mình cùng thức đến bốn giờ, đánh thức hai đứa kia dậy rồi mình ngủ đến tám giờ nhé.”

“Đồng ý,” nó đáp. Một khoảng ngưng. Giờ dường đã vắng, chỉ có chúng tôi và những chiếc bán tải. Tôi thấy như não mình đang xử lý thông tin nhanh gấp mười một ngàn lần tốc độ bình thường. Hóa ra việc tôi đang làm rất đơn giản, lái xe trên đường liên bang là điều đơn giản và dễ chịu nhất thế giới: tất cả những gì tôi phải làm là đi đúng làn đường, đảm bảo rằng không có ai đến quá gần tôi và tôi không đến quá gần ai, và tiếp tục ra đi. Có lẽ cảm giác trong cô ấy cũng là như vậy, nhưng tôi không bao giờ có thể cảm thấy thế này nếu chỉ có một mình.

Radar phá bầu im lặng. “Này, nếu bốn giờ mới ngủ...”

Tôi nói nốt câu. “Ừ, thì bọn mình mở thêm chai Bluefin nữa thôi.”

Và chúng tôi làm như vậy.

Giờ thứ mười

Đã đến lúc dừng lần thứ hai. Đang là 12:13 sáng. Ngón tay tôi không còn cảm giác là những ngón tay nữa, mà như được tạo ra từ chuyển động. Tôi liên tục cọ ngón tay vào vô-lăng trong khi lái.

Sau khi Radar xác định trạm BP gần nhất trên máy tính cầm tay, bọn tôi quyết định đánh thức Lacey và Ben.

Tôi gọi, “Này các bồ, sắp dừng lại đây.” Chẳng có phản ứng gì.

Radar quay sang đặt một tay lên vai Lacey. “Lacey ơi, dậy thôi.” Không nhúc nhích.

Tôi bật radio, dò được một đài cổ lỗ sĩ. Ban nhạc Beatles. Bài “Chào buổi sáng.” Tôi vặn tiếng to lên. Không phản ứng gì. Radar liền vặn to lên nữa. Thêm nữa. Đến đoạn điệp khúc, nó bắt đầu hát theo. Tôi cũng hòa vào, rút cục chắc giọng ông ổng lệch nhịp của mình đã đánh thức hai đứa dậy.

“TẮT NGAY!” Ben kêu âm lên. Bọn tôi vặn nhỏ nhạc đi. “Ben, sắp dừng rồi đó. Ông có xuống tè không?”

Nó không nói gì, có tiếng lục đục trong góc tối đằng đó. Không biết thằng khi đang áp dụng chiến lược thể chất gì để đo độ phồng căng của bàng quang nữa. “Tôi không cần, thật,” nó đáp.

“Rồi, vậy bọn tôi sẽ xuống mua xăng.”

“Với tư cách chàng trai duy nhất chưa tè trong xe này, tôi sẽ vào nhà vệ sinh đầu tiên,” Radar nói.

“Suýt...,” Lacey lúng búng. “Suýt... mọi người đừng nói chuyện nữa.”

“Lacey ơi, cậu phải dậy và xuống đi nhà vệ sinh thôi,” Radar nói. “Chúng ta sắp dừng lại.”

“Cho cậu vào mua táo đây,” tôi bảo Lacey.

“Táo,” Lacey hồn nhiên chóp chép bằng giọng của một cô bé con đáng yêu. “Thích táo thế.”

“Sau đó tới phiên cậu lái xe,” Radar nói. “Cho nên cậu thực sự phải dậy thôi.”

Lacey ngồi dậy, nói lại giọng bình thường, “Tớ cũng không thích lắm.”

Chúng tôi rẽ ở lối ra, cách trạm BP 0,9 dặm, tưởng ngay gần nhưng Radar nói sẽ mất chừng bốn phút. Giao thông Nam Carolina đang bủa vây bọn tôi. Cho nên công trình đang xây, còn cách chừng một tiếng nữa là đến, có thể sẽ trở thành vấn đề cực kì nghiêm trọng. Nhưng tôi không được phép lo lắng. Lacey và Ben đã kịp tan giấc mộng điệp, hai đứa đang sẵn sàng ở cửa xe. Như lần trước, vừa dừng ở trạm xăng, mọi người đã lao ra khỏi xe, tôi tung chìa khóa cho Ben, nó bắt lấy ngay trên không.

Khi Radar và tôi ba chân bốn cẳng chạy qua một nhân viên da trắng đứng sau quầy thanh toán, thấy anh ta nhìn chăm chăm, Radar dừng lại nói không chút xấu hổ, “Vâng, em đang mặc áo DI SẢN KHÔNG HẬN THÙ ra ngoài áo chùng tốt nghiệp. Tiện đây anh có bán quần không?”

Ông anh đó trông như muốn á khẩu, “Có mấy cái quần rằn ri gần chỗ để dầu máy đấy.”

“Mừng quá,” Radar đáp, rồi quay sang tôi nói tiếp, “Hãy là một người bạn tốt và đi lấy mấy cái quần cho tôi. Nếu được thì áo phong nào dễ coi hơn nhá?”

“Được và được,” tôi đáp. Quần rằn ri, hóa ra, không đánh số như bình thường. Chỉ có cỡ vừa và cỡ lớn. Tôi nhặt một quần cỡ vừa, và một áo phong màu hồng rộng thùng thình với dòng chữ BÀ NGOẠI HIỀN NHẤT QUẢ ĐẤT. Tôi cũng lấy thêm ba chai Bluefin.

Tôi đưa tất cả cho Lacey khi cậu ấy từ nhà vệ sinh đi ra. Tôi vào luôn nhà vệ sinh nữ vì Radar vẫn ở bên nam. Tôi không nghĩ là mình từng ở trong một nhà vệ sinh nữ tại trạm xăng.

Những điểm khác:

Không có máy bán bao cao su

Ít hình graffiti hơn

Không có bồn tiểu nam

Mùi cũng na ná như nhau, điểm này làm tôi hơi thất vọng.

Khi tôi ra, Lacey đang thanh toán và Ben bấm còi. Chừng một tích tắc chưa hiểu gì, rồi tôi vọt ra xe.

“Bọn mình mất một phút,” Ben nói từ ghế cạnh lái xe. Lacey đang cho xe rẽ vào đường nhánh để quay lại đường liên bang.

“Xin lỗi,” Radar đáp từ phía sau, nó đang ngồi cạnh tôi, loay hoay xỏ quần dưới áo chùng. “Bù lại, tôi đã có quần. Và áo mới. Áo đâu hả Q?” Lacey đưa cho nó. “Ngộ thật.” Nó cởi áo chùng, mặc áo phong bà ngoại vào trong khi Ben cảm rằm sao không ai mua quần cho nó. Bị ngứa mông, nó nói thế. Và khi nghĩ lại, đại khái là bây giờ nó cần đi tiểu.

Giờ thứ mười một

Chúng tôi đến đoạn công trường. Đường cao tốc hẹp lại còn một làn. Chúng tôi bị ách lại sau một xe tải chở hàng cỡ lớn đang đi với đúng tốc độ cho phép là ba mươi lăm dặm một giờ. Lacey lái xe lúc này là rất hợp lí, nếu là tôi chắc đã nện thành thành lên vô-lăng, còn Lacey chỉ tươi cười nói chuyện với Ben, cho đến khi quay lại bảo tôi, “Q ơi, tớ cần vào nhà vệ sinh, chẳng nào bọn mình cũng đang mất thời gian sau chú xe tải này.”

Tôi chỉ gật. Không thể trách Lacey được. Nếu không thể tiểu vào chai thì tôi đã bắt cả bọn dừng lại từ lâu rồi. Lacey giữ được hết mức có thể như vậy kể cũng gan.

Lacey tắt xe vào một trạm xăng mở cả đêm, tôi ra ngoài duỗi hai cẳng giò đã như cao su. Khi Lacey quay lại, tôi đang ngồi ở ghế lái. Tôi thực sự không biết tôi đã lên ghế lái như thế nào, sao tôi lại ngồi đây mà không phải Lacey. Đến cửa xe, Lacey thấy tôi đã yên vị, cửa sổ để mở. Tôi nói với Lacey, “Để tớ lái cho.” Xe của tôi, và rút cục, sứ mệnh của tôi. Lacey hỏi, “Thật không? Cậu chắc chứ?” và tôi đáp, “Ừ, ừ, tớ khỏe re mà,” thế nên Lacey đẩy cánh cửa trượt, vào nằm ở hàng ghế sau lái xe.

Giờ thứ mười hai

Đang là 2:40 sáng. Lacey đang ngủ. Radar đang ngủ. Tôi lái xe. Đường vắng tanh. Thậm chí hầu hết các tài xế xe tải cũng đã đi ngủ rồi. Chúng tôi đi hàng phút liền mà không thấy đèn pha nào từ phía trước. Ben buồn chuyện để tôi không bị buồn ngủ. Chúng tôi nói về Margo.

“Ông đã nghĩ xem bọn mình sẽ thực sự *tìm ra* Agloe như thế nào chưa?” nó hỏi.

“Ừ, tôi đoán chừng ở đoạn hai con đường cắt nhau,” tôi nói. “Và chẳng có gì ngoài một giao lộ.”

“Và Margo ngồi đó trên thùng xe của cậu ấy, tay chống cằm đợi ông chứ gì?”

“Nghe hay đấy,” tôi đáp.

“Bồ tèo ơi, tôi hơi lo đấy, nếu chuyện không diễn ra như ông nghĩ thì ông sẽ thất vọng lắm đó.”

“Tôi chỉ muốn tìm thấy Margo thôi,” tôi đáp, vì đúng như vậy. Tôi muốn cô ấy được an toàn, còn sống, được tìm thấy. Lần theo đến cùng dây nối. Phần còn lại chỉ là thứ yếu.

“Ừ, nhưng—tôi không biết nữa,” Ben nói. “Chỉ là—ông hãy nhớ đôi khi suy nghĩ của ông về ai đó lại không giống với con người thật của họ. Chẳng hạn, ngày trước lúc nào tôi cũng nghĩ Lacey nóng bỏng hay ho tuyệt vời lắm, nhưng bây giờ thực sự ở cạnh cậu ấy... thì không chính xác là như vậy. Mọi người trở nên rất khác khi ta có thể ngửi thấy họ và nhìn họ thật gần, ông biết chứ?”

“Tôi biết,” tôi đáp. Tôi biết tôi đã nhầm tưởng về Margo trong thời gian dài như thế nào, lệch lạc đến mức nào.

“Tôi muốn nói là đối với tôi trước đây thích Lacey rất dễ. Thích ai đó từ xa luôn rất dễ. Nhưng khi cậu ấy không còn là kì quan xa vời nữa, mà bắt

đầu trở thành, xem nào, một cô gái bình thường, có thói quen ăn uống kì cục, thỉnh thoảng giở trò bắt nạt như bà tướng—thì về căn bản tôi phải bắt đầu thích một người hoàn toàn khác.”

Tôi thấy hai má mình nóng lên. “Ông đang bảo tôi không *thực sự* thích Margo ư? Sau tất cả những chuyện này—tôi đã ở trong cái xe này mười hai tiếng và ông bảo tôi không quan tâm đến Margo vì tôi không—” tôi khựng lại. “Ông tưởng bây giờ ông có bạn gái rồi thì ông được đứng trên thái sơn lên lớp tôi sao? Ông thật là—”

Tôi ngừng lời vì thấy phía trước, ngoài vùng sáng của đèn pha, một thứ sắp cho tôi đi tong.

Hai con bò hồn nhiên đứng giữa đường cao tốc. Nhoảng một cái cùnng thấy chúng, con đốm ở làn trái, và ở làn chúng tôi đang đi, một sinh vật khổng lồ, bằng cả chiều rộng xe, đang đứng như phỗng. Nó quay đầu lại diềm nhiên nhìn chúng tôi bằng đôi mắt lững lờ. Con bò trắng toát không một vết đốm, một mảng tường bò trắng không thể nhảy, chui hoặc vòng qua. Chỉ có thể đâm sầm vào. Tôi biết Ben cũng đã nhìn thấy, vì nghe nhịp thở của Ben đã tắt lịm.

Người ta nói rằng cuộc đời nhá lên trước mắt ta, nhưng với tôi không phải như vậy. Không có gì nhá lên trước mắt tôi trừ vùng trắng như tuyết mênh mang đến bất khả này, giờ chỉ còn cách chúng tôi vài tích tắc. Tôi không biết phải làm gì. Không, đó không phải là vấn đề. Vấn đề là không có gì để làm, trừ việc đâm vào bức tường trắng đó, phá hủy nó và chúng tôi, cả đôi bên. Tôi dậm phanh, theo thói quen chứ không mong thay đổi cục diện: rõ ràng là không thể tránh được. Tôi giơ tay lên khỏi vô-lăng. Không biết tại sao lại làm vậy, nhưng tôi đã giơ tay lên, như đang đầu hàng. Tôi nghĩ đến điều nhạt nhẽo nhất trên đời: rằng tôi không muốn chuyện này xảy ra. Tôi không muốn chết. Tôi không muốn bạn bè tôi chết. Và thật lòng, khi thời gian chậm lại và tay tôi giơ lên trong không trung, tôi được dịp có thêm một suy nghĩ nữa, và tôi nghĩ đến cô ấy. Tôi trách cô ấy vì cuộc rượt đuổi ngớ ngẩn chết chóc này—vì đẩy chúng tôi đến chỗ rủi ro, vì biến tôi thành thằng hề thức trắng đêm phóng xe như điên. Không tại cô ấy thì tôi sẽ không chết. Lẽ

ra tôi đã ở nhà, vì tôi luôn ở nhà, lẽ ra tôi đã an toàn, và lẽ ra tôi đã làm điều tôi luôn mong được làm, đó là trưởng thành.

Đã đầu hàng quyền kiểm soát chiếc xe, tôi ngạc nhiên thấy một bàn tay trên vô-lăng. Chúng tôi rẽ trước khi tôi nhận ra tại sao lại rẽ, và nhận ra Ben đang kéo vô-lăng về phía nó, bẻ tay lái trong nỗ lực tuyệt vọng tránh con bò. Chúng tôi trượt sang vai đường rồi lao trên mặt cỏ. Tôi nghe thấy tiếng bánh xe quay tít khi Ben giật tay lái về hướng ngược lại. Tôi không nhìn nữa. Tôi không biết do mắt mình nhắm lại, hay do hai mắt đã không còn thấy được gì. Dạ dày và lá phổi tôi xô vào nhau trong lồng ngực. Thứ gì sắc lẹm cửa vào má tôi. Chúng tôi dừng lại.

Không biết tại sao, nhưng tôi đưa tay lên mặt. Lật bàn tay ra tôi thấy có vết máu. Tôi lần sờ hai cánh tay, tự ôm lấy mình, nhưng tôi chỉ kiểm tra xem có còn đủ hai tay không, hóa ra vẫn đủ. Tôi nhìn xuống chân. Vẫn còn. Có mấy mảnh thủy tinh. Tôi nhìn quanh. Các chai vỡ. Ben đang nhìn tôi. Ben đang sờ mặt nó. Trông nó ổn. Nó cũng tự ôm lấy mình như tôi đã làm. Thân thể nó còn hoạt động. Nó chỉ nhìn tôi. Qua gương chiếu hậu, tôi thấy con bò. Và giờ, một cách muộn mẫn, Ben hét lên. Nó nhìn tôi chăm chăm và hét lên, miệng há to hết cỡ, tiếng hét trầm thấp và hãi hùng. Nó không hét nữa. Điều gì đó không ổn với tôi. Tôi như đang xiêu. Lồng ngực nóng rát. Rồi tôi bùm một ngum không khí. Tôi đã quên cả thở. Tôi đã không thở suốt thời gian đó. Tôi thấy khá hơn khi có thể hô hấp trở lại. *Hít vào đặng mũi, thở ra đặng miệng.*

“Có ai bị sao không?” Lacey la lên. Cậu ấy vùng khỏi chỗ nằm và chúi về phía sau. Tôi quay lại, thấy cửa sau xe bị bật, trong tích tắc tôi đã nghĩ Radar bị văng ra ngoài mất rồi, nhưng nó nhóm dậy. Nó quờ tay lên mặt rồi nói, “Tôi không sao, không sao. Mọi người ổn cả không?”

Lacey không đáp; cậu ấy nhảy về phía trước, giữa tôi và Ben. Lacey cúi xuống trên gian bếp của căn hộ, nhìn Ben hỏi, “Cưng bị đau chỗ nào?” Đôi mắt Lacey ạng ạng nước như mặt bể bơi một ngày mưa. Và Ben đáp, “KhôngsaokhôngsaoQchảymáukìa.”

Lacey quay sang tôi. Lẽ ra không nên khóc nhưng tôi đã khóc. Không phải tại đau, mà vì tôi sợ, tôi đã giơ tay lên, Ben đã cứu chúng tôi, và bây

giờ cô gái này đang nhìn tôi, như cách mẹ vẫn dành cho tôi, và điều đó lẽ ra không nên làm tôi nứt rạn, nhưng tôi đã nứt rạn. Tôi biết vết xước trên mặt mình không nhằm nhò gì, và tôi cố gắng nói lên điều đó, nhưng tôi cứ khóc. Lacey ấn lên vết xước bằng mấy ngón tay, thon mảnh và mềm mại, kêu Ben hãy tìm thứ gì để băng. Và rồi tôi được một dải trên lá cờ Liên Minh ấn lên má phải, ngay gần mũi. Lacey nói, “Cứ giữ chặt thế, sẽ ổn thôi, cậu còn đau chỗ nào không?” và tôi đáp không. Khi đó tôi nhận ra rằng xe vẫn đang nổ máy, động cơ vẫn hoạt động, xe dừng lại chỉ bởi vì tôi vẫn còn dậm phanh. Tôi chuyển về trạng thái đỗ và tắt máy xe. Đến lúc ấy, tôi mới nghe được tiếng chất lỏng đang chảy—không phải nhỏ giọt mà nghe rào rào.

“Nên ra ngoài ngay,” Radar nói. Tôi giữ dải cờ Liên Minh trên mặt. Tiếng chất lỏng chảy từ xe ra vẫn chưa dứt.

“Xăng đầy! Chắc sắp nổ đấy!” Ben kêu toáng lên. Nó mở ngay cửa trước và lao ra, hoảng hốt chạy đi. Nó nhảy phóc qua một hàng rào gỗ và chạy xé qua đồng cỏ khô. Tôi cũng ra nhưng không khẩn trương đến mức ấy. Radar cũng ra ngoài, và trong khi Ben vẫn đang chạy thực mạng, Radar cười ngất, “Là bia đấy,” nó nói.

“Gì cơ?”

“Đám bia vỡ cả rồi,” nó nhắc lại, hất đầu về phía ngăn giữ lạnh bị bật mở, hàng ga-lông chất lỏng trắng xóa bọt đang trào ra ngoài.

Chúng tôi cố gắng gọi Ben nhưng nó không nghe thấy vì còn mãi la hét, “SẼ NỔ ĐẤY!” và vẫn đang chạy qua đồng. Áo chùng của nó bay phấp phới trong ánh bình minh nhàn nhạt, phô ra cái mông còi nhọn vênh.

Tôi quay lại nhìn ra đường cao tốc khi nghe thấy tiếng ô-tô chạy đến. Cô nàng trắng muốt và anh bạn đốm đã thủng thẳng ở vùng an toàn trên vai đường đối diện, vẫn rõ là nhớn như vô tự lực. Quay lại, tôi thấy chiếc minivan đang húc vào hàng rào.

Tôi đang đánh giá thiệt hại khi Ben cuối cùng đã phì phò quay lại. Khi rẽ gấp, chắc chúng tôi đã thúc phải hàng rào vì có một vết lõm sâu trên cánh cửa trượt, sâu đến mức nếu nhìn thật kỹ có thể thấy được phía trong xe. Ngoài điểm đó ra, cái xe vẫn tươi tắn. Không có lỗi lõm nào nữa. Không cửa sổ nào vỡ. Không lốp nào bị xẹt. Tôi vòng ra sau đóng cửa hậu và

đứng nhìn 210 chai bia vỡ vẫn còn trào bọt. Lacey thấy và vòng một tay quanh tôi. Cả hai cùng nhìn dòng bọt trắng trườn xuống rãnh thoát nước ngay dưới. “Đã xảy ra chuyện gì vậy?” Lacey hỏi.

Tôi kể: cả lũ tiêu đến nơi rồi, nhưng Ben đã kịp thời bẻ tay lái, cái xe rẽ ngoặt đầy nghệ thuật như một vũ công ba-lê vậy.

Ben và Radar đã bò vào gầm xe. Cả hai thẳng đều ấm ớ về xe cộ, nhưng chắc chui vào như vậy khiến chúng nó thấy khá hơn. Mép áo chùng của Ben và ống chân nó thò ra. “Trông ổn các bồ ạ,” Radar nói to.

“Xe xoay ngang khoảng tám vòng đó Radar,” tôi nói,

“Chắc không ổn được đâu.”

“Trông ổn mà,” Radar đáp.

“Này,” tôi gọi, tóm đôi giày New Balance trên chân Ben. “Này, ra đây.” Nó nhích ra, tôi chìa tay đỡ nó đứng dậy. Hai tay nó đen sì những thứ bẩn bẩn từ xe. Tôi quàng vai ôm lấy nó. Nếu tôi không đầu hàng tay lái, và nếu nó không kịp thời xử lí, chắc chắn tôi đã đi đời rồi. “Cảm ơn ông,” tôi nói, vỗ thùm thụp chắc là hơi quá mạnh tay lên lưng nó. “Cả đời tôi bây giờ mới được chứng kiến màn bẻ tay lái từ ghế bên ngoài mục đến vậy.”

Ben quệt bàn tay lem nhem dầu xe lên bên má lạnh của tôi. “Tôi làm thế để tự cứu mình chứ cứu gì ông,” nó nói. “Tin tôi đi, trong đầu tôi lúc đó không nghĩ tí tị tèo teo nào đến ông cả.”

Tôi bật cười. “Tôi cũng chả nghĩ đến ông,” tôi nói.

Ben nhìn tôi, khoe miệng chực múm múm, rồi nó nói, “Ờ, con bò to vật vã. Chắc không phải bò mà là cá voi biết đi quá.” Tôi cười ngất.

Radar chui ra. “Các bồ thân mến, tôi thực sự nghĩ là ổn. Bọn mình chỉ mất khoảng năm phút thôi. Cứ đi tiếp cũng không cần tăng tốc.”

Lacey đang bặm môi nhìn lỗ thủng trên xe. “Cậu thấy thế nào?” tôi hỏi Lacey.

“Đi thôi,” Lacey đáp.

“Đi thôi,” Radar bỏ phiếu.

Ben thở ra đánh phiu. “Phần nhiều vì tôi quen với áp lực từ đồng đội: đi thôi.”

“Đi thôi,” tôi nói. “Nhưng chắc như ăn bắp là tôi không cầm lái nữa.”

Ben nhận chìa khóa từ tay tôi. Chúng tôi vào xe. Radar chỉ đường đi lên một kè hơi dốc, rồi bọn tôi quay lại cao tốc liên bang. Chúng tôi đang cách Agloe 542 dặm.

Giờ thứ mười ba

Vài phút một Radar lại nói, “Các cậu nhớ không hồi đấy khi chúng mình đều sắp chết ấy có Ben kì tài biết mấy bắn qua em bò to phát ngấy xoay bạn xe mòng mòng như tách trà ở Disney World bá chấy thế là chúng mình khỏi nát bấy.”

Lacey nhào người qua bếp, đặt tay lên đầu gối Ben và nói, “Tớ muốn nói rằng cậu là một *anh hùng*, cậu không biết sao? Người ta gán *huân chương* cho những chiến công như vậy đấy.”

“Tớ đã nói rồi và tớ nói lại đây: Tớ không nghĩ được đến bất cứ ai hết. Tớ. Muốn. Cứu. Cái. Mông. Mình. Thôi.”

“Chỉ điêu. Cậu là gã nói dối đáng yêu với phẩm chất anh hùng,” Lacey nói rồi hôn choẹt lên má nó.

Radar tiếp tục, “Các cậu có nhớ không hồi nớ tớ ở ghế sau ngủ mơ nói mở cửa xe tự động mở chớ bia chảy ào ào qua tớ mà sao tớ khỏe re thế này tớ không nhớ sao mà kì diệu quá!”

“Chơi trò Tôi Phát Hiện kiểu siêu hình đi,” Lacey rủ. “Tôi Phát Hiện bằng con mắt bé nhỏ của mình có một trái tim anh hùng, trái tim không đập cho bản thân mà cho toàn nhân loại.”

“AI KHIÊM TỐN LÀM CHI. TÔI CHỈ KHÔNG MUỐN CHẾT THÔI,” Ben gào lên.

“Các cậu có nhớ hồi đó trên chiếc xe nhỏ thó cách đây hai mươi phút khi gió chúng mình không bị chết chống vó.”

Giờ thứ mười bốn

Hoàn hồn trở lại, chúng tôi bắt đầu dọn dẹp. Cả lũ cố gắng gom hết những mảnh chai Bluefin bị vỡ vào giấy, bỏ cả vào một túi để lát nữa vứt. Thảm sàn xe dầm nước Mountain Dew, Bluefin và Coke nhớp nháp, bọn tôi tìm cách thấm bớt bằng khăn giấy. Chắc chắn cần phải rửa xe thật kỹ, nhưng chỉ ít không có thời gian cho việc đó trước khi đến Agloe. Radar đã tra khoản tiền cần để thay cánh cửa kéo: 300 đô-la kèm tiền sơn. Chi phí cho chuyến đi cứ từ từ đội lên, nhưng mùa hè này tôi sẽ làm việc ở văn phòng của bố để bù vào, dù sao, đó là món tiền chuộc nhỏ đổi lấy Margo.

Mặt trời nhô lên ở bên phải. Má tôi vẫn chảy máu. Dải cờ Liên Minh đã dính vào vết thương, tôi không phải giữ khư khư nữa.

Giờ thứ mười lăm

Một dải sỏi thưa đứng bên rìa những cánh đồng ngô trải ngút tới chân trời. Phong cảnh thay đổi, nhưng không có gì khác. Những cao tốc liên bang như con đường này khiến miền quê chỉ còn như một nơi duy nhất: McDonald's, BP, Wendy's. Tôi biết có lẽ mình đã ghét những con đường liên bang và thèm những ngày thung thẳng xa xưa, nơi mỗi khúc rẽ đều như nhúng trong sắc màu thị thành quen thuộc—nhưng thôi kệ. Tôi thích thế này. Tôi thích sự liên tục. Tôi thích rằng mình có thể lái xe khỏi nhà mười lăm tiếng đồng hồ liền mà thế giới không thay đổi quá nhiều. Lacey thắt tôi lại ở ghế cuối bằng cả hai đai an toàn. “Cậu cần nghỉ ngơi,” Lacey nói. “Cậu vất vả nhiều rồi.” Ngạc nhiên là không ai trách tôi đã quá ư ù ì trong trận chiến với con bò.

Nằm lẳng lại, tôi nghe thấy tụi bạn chọc nhau cười— không phải từ ngữ chính xác, mà là ngữ điệu, những cung cao khúc trầm trong câu chuyện. Tôi thích chỉ lẳng nghe, chỉ an nhiên trên cỏ. Và tôi quyết định rằng nếu chúng tôi đến nơi đúng giờ mà không thấy Margo, thì việc sẽ làm tiếp theo là: cả bọn lái xe mòng mòng quanh Catskill, tìm một chỗ ngồi vãn vu vơ, an nhiên trên cỏ, nói chuyện, đùa cợt với nhau. Có lẽ chỉ cần biết chắc chắn rằng Margo còn sống thì tất cả lại trở thành khả thi ngay—dù tôi thậm chí không bao giờ thấy bằng chứng cho điều đó. Tôi gần như có thể tưởng tượng được niềm hạnh phúc dù không có cô ấy, có thể để cô ấy ra đi, cảm thấy gốc rễ của chúng tôi đan kết vào nhau, dù có thể tôi không bao giờ được thấy lại cánh cỏ ấy nữa.

Giờ thứ mười sáu

Tôi ngủ.

Giờ thứ mười bảy

Tôi ngủ.

Giờ thứ mười tám

Tôi ngủ.

Giờ thứ mười chín

Khi tôi thức dậy, Ben và Radar đang tranh luận sôi nổi về tên của cái xe này. Ben muốn đặt tên nó là Muhammad Ali vì giống như Muhammad Ali, chiếc minivan này uỳnh một cú rồi tiếp tục bon bon. Radar nói không thể lấy tên một nhân vật lịch sử đặt cho ô-tô. Nó nghĩ nên đặt tên là Lurlene, vì nghe hay hay.

“Ông muốn đặt tên *Lurlene* thật sao?” Ben hỏi, giọng lên tông nghe chừng sợ hãi. “Em xe khốn khổ này phải chịu đựng chưa đủ sao?”

Tôi tháo đai an toàn và ngồi dậy. Lacey quay lại phía tôi. “Chào buổi sáng,” Lacey nói. “Chào mừng cậu tới bang New York vĩ đại.”

“Mấy giờ rồi?”

“Chín giờ bốn mươi hai phút.” Tóc Lacey đã buộc vống lên nhưng mấy lọn ngắn hơn vẫn xổ ra. “Cậu thấy thế nào?” Lacey hỏi.

Tôi đáp. “Thấy sợ.”

Lacey nhìn tôi cười và gật đầu. “Ừ, tớ cũng vậy. Cứ như thể quá nhiều chuyện có thể xảy ra để sẵn sàng cho tất cả những điều này.”

“Ừ,” tôi đáp.

“Tớ hi vọng mùa hè này chúng ta vẫn là bạn,” Lacey nói. Nghe vậy cũng đỡ, chẳng hiểu sao. Ta không bao giờ có thể nói được điều gì sẽ khiến ta thấy khá hơn.

Radar đang bảo cái xe này nên được đặt tên là Ngỗng Xám. Tôi rướn lên một chút để mọi người nghe được và nói, “Con Quay. Càng quăng mạnh thì nó càng quay tít.”

Ben gật đầu. Radar quay lại. “Tôi nghĩ ông nên là chuyên gia định danh đồ vật.”

Giờ thứ hai mươi

Tôi đang ngồi ở phòng ngủ số một với Lacey. Ben cầm lái. Radar chỉ đường. Tôi vẫn ngủ khi chúng tôi dừng lần cuối, nhưng mấy đứa kia đã mua được cái bản đồ New York. Không có Agloe trên bản đồ, nhưng chỉ có khoảng năm, sáu giao lộ ở phía bắc Roscoe. Tôi vẫn nghĩ New York là chốn phồn hoa sầm uất, nhưng hiện tại chỉ có những quả đồi rậm rạp trập trùng nối nhau, chiếc minivan phải anh dừng hẳn mới bò lên nổi. Một lúc chẳng đứa nào nói gì, Ben giơ tay tìm chỗ bật radio, tôi bảo, “Chơi Tôi Phát Hiện kiểu siêu hình đi!”

Ben mở màn. “Tôi Phát Hiện bằng con mắt bé nhỏ của mình, có điều này tôi thích lắm ý.”

“Ờ, biết rồi,” Radar đáp. “Vị của bi.”

“Không.”

“Vị của các thể loại tờ-rym phải không?” tôi đoán.

“Không, kém thế!” Ben đáp.

“Hừm,” Radar tiếp. “Hay là *mùi* của bi?”

“Cảm nhận về *bề mặt* của bi?” tôi đoán tiếp.

“Thôi ngay, đồ biến thái, không có gì liên quan đến bộ phận tiểu tiện nam cả. Lace đoán gì?”

“Ừ, có phải cảm giác khi biết rằng cậu vừa cứu sống ba mạng người không?”

“Không, tất cả đều cạn kiệt suy luận rồi.”

“Được rồi, thế là gì?”

“Là Lacey,” Ben đáp, và tôi thấy chàng ngấm nàng qua gương chiếu hậu.

“Lạc đề rồi,” tôi nói, “đang chơi Tôi Phát Hiện phiên bản *siêu hình* cơ mà. Phải là điều gì đó không thấy bằng mắt thường được.”

“Thì đó,” Ben cãi. “Đó chính là điều mà tôi thích đó– Lacey nhưng không phải là Lacey nhìn thấy được bằng mắt thường.”

“Ôi, muốn ói quá,” Radar rên rĩ, nhưng Lacey tháo đai an toàn, rướn qua bếp thì thầm gì đó vào tai Ben. Cu cậu lập tức đỏ bừng mặt.

“Được rồi, tôi hứa sẽ không phải là một viên pho-mát đâu,” Radar nói. “Tôi Phát Hiện bằng con mắt bé nhỏ của mình, điều chúng ta đều đang cảm thấy.”

Tôi đoán ngay, “Mệt rã rời hơi sức?”

“Không, nhưng đoán hay đấy.”

Lacey nói, “Có phải là cảm giác kì kì khi có quá nhiều ca-phê-in trong người không? Kiểu như tim đập chẳng thấm vào đâu so với toàn thân đang đập ấy?”

“Không. Ben đoán sao?”

“Ừm, chúng ta đều muốn đi tè, hay là chỉ mình tui thấy vậy hè?”

“Như thường tình, chỉ có ông thôi. Có ai đoán nữa không?” Chúng tôi đều yên lặng. “Câu trả lời đúng là tụi mình sẽ thấy vui hơn sau khi cùng hát bài ‘Sừng phòng dưới nắng’ mà không cần nhạc đệm.”

Và quả đúng vậy. Dù có thể bị chứng điếc thanh điệu, tôi vẫn hát vang như mấy đứa kia. Hát hết bài, tôi nói, “Tôi Phát Hiện bằng con mắt bé nhỏ của mình, có một chuyện hay lắm.”

Một lúc không ai nói gì. Chỉ có tiếng Con Quay liên tục ngón mặt đường nhựa khi đổ dốc. Lát sau Ben nói,

“Là chuyện này, phải không?” Tôi gật.

“Ừ,” Radar nói. “Miễn là bọn mình không chết, đây đúng là một chuyện trời long đất lở.”

Nếu tìm thấy cô ấy thì mừng quá, tôi nghĩ, nhưng không nói gì. Cuối cùng Ben bật radio, tìm một kênh nhạc rock với những bản ballad mà chúng tôi có thể hát theo.

Giờ thứ hai mươi mốt

Sau hơn 1.100 dặm trên đường cao tốc liên bang, cuối cùng đã đến lúc ra được rồi. Hoàn toàn không thể lái xe với tốc độ bảy mươi bảy dặm một giờ trên quốc lộ hai làn và đi tiếp về hướng bắc, ngược dãy núi Catskill. Nhưng chúng tôi sẽ ổn thôi. Radar, chiến lược gia xuất sắc, đã tính ba mươi phút dự trữ mà không cho bọn tôi biết. Chỗ này tuyệt đẹp, ánh mặt trời gần trưa đổ xuống cánh rừng cổ thụ. Những ngôi nhà gạch trong khu dân cư tiêu điều bên dưới cũng lấp lánh trong thứ nắng này khi chúng tôi đi qua.

Lacey và tôi nói với Ben và Radar tất cả những gì chúng tôi có thể nhớ ra được để hai đứa ấy dễ tìm Margo hơn. Gọi cho hai thằng nhớ được Margo. Gọi cho chính chúng tôi nhớ được Margo. Chiếc xe Honda Civic màu bạc của cô ấy. Mái tóc nâu nhạt màu hạt dẻ của cô ấy, suôn thẳng.

Sở thích những khu nhà bị bỏ hoang của cô ấy.

“Margo có cuốn sổ bìa đen nữa nhé,” tôi nói.

Ben quay sang tôi. “Được rồi, nếu tôi thấy bạn nữ nào trông giống Margo ở Agloe, New York, tôi sẽ không làm gì hết. Trừ phi bạn ấy có một cuốn sổ. Đó là đặc điểm nhận dạng.”

Tôi huých vai Ben. Tôi chỉ muốn nhớ lại về cô ấy. Một lần cuối, tôi muốn nhớ được Margo khi vẫn đang hi vọng gặp lại cô ấy.

Agloe

Tốc độ giảm dần từ năm mươi lăm xuống bốn mươi lăm, rồi ba mươi lăm dặm một giờ. Qua vài đoạn đường tàu, chúng tôi đã đến Roscoe. Chúng tôi từ từ lái xe qua khu trung tâm ngái ngủ với một quán cà phê, một cửa hàng quần áo, một tiệm bán đồ đồng giá, và mấy gian hàng có mặt tiền toàn là cửa ván xếp.

Tôi nhào về phía trước, nói, “Tôi có thể tưởng tượng được Margo ở trong đó.”

“Ừ,” Ben đồng tình. “Trời ạ, tôi không muốn đột nhập vào mấy tòa nhà đó tí nào. Chắc tôi không trụ nổi nhà tù New York đâu.”

Nhưng ý tưởng thám hiểm những căn nhà đó không khiến tôi đặc biệt sợ hãi, vì toàn bộ nơi này như đã bị bỏ không. Không có tiệm nào mở cửa. Qua khu trung tâm, có một phố duy nhất cắt qua đường cao tốc. Trên con phố đó là khu dân cư đơn cô và trường tiểu học Roscoe. Những ngôi nhà khung gỗ khiêm tốn như những chú lùn núp dưới hàng cây cao, tán rậm rạp.

Chúng tôi rẽ vào một đường cao tốc khác, tăng tốc chạy nhanh như trước, nhưng thực ra Radar lái cũng chậm. Chưa đi được một dặm, bọn tôi thấy một đường đất ở bên trái, không có biển báo hiệu nào cả.

“Có thể là chỗ này,” tôi nói.

“Là đường cho xe đi thôi,” Ben nói, nhưng Radar vẫn rẽ vào. Thực ra trông đúng là giống đường cho xe đi thật, một dải đường chạy trên nền đất rắn. Ở bên trái bọn tôi, cỏ dại mọc cao đến bánh xe; tôi không thấy gì, nhưng hơi lo rằng nếu ai đó muốn trốn trong đồng cỏ này thì cũng chẳng mấy khó khăn. Chúng tôi lái xe thêm một đoạn nữa thì dải đường chạy vào một ngôi nhà nông thôn kiến trúc thời Victoria. Bọn tôi vòng ra sau, quay đầu trở lại đường cao tốc hai làn, đi tiếp về phía bắc. Đường cao tốc rẽ vào đường Cat Hollow, chúng tôi chạy xe cho đến khi thấy một dải đường đất

giống đường đất lúc này, lần này ở bên phải, dẫn vào nơi trông như một nhà kho ọp ẹp bằng gỗ đã bạc màu. Hàng kiện cỡ nhỏ hình trụ nằm thành hàng trên những cánh đồng ở cả hai bên chúng tôi, cỏ trên đồng đã bắt đầu mọc trở lại. Radar lái chưa đến năm dặm một giờ. Chúng tôi đang tìm những dấu hiệu bất thường. Chút nứt rạn trên phong cảnh nên thơ hoàn hảo này.

“Mọi người có nghĩ đó có thể là Hiệu Tạp Hóa Agloe không?”

“Nhà kho ấy á?”

“Ừ.”

“Không biết nữa,” Radar đáp. “Đã từng có hiệu tạp hóa trông giống nhà kho sao?”

Tôi nhả một hơi dài qua hai môi méo xẹo. “Biết chết liền.”

“Kìa–trời ơi, xe của Margo!” Lacey hét lên ngay cạnh tôi. “Đúng đúng đúng đúng đúng xe của Margo xe của Margo!”

Radar dừng xe trong khi tôi nhìn theo hướng Lacey chỉ qua cánh đồng, phía sau nhà kho. Một chớp ánh bạc. Cúi sát lại chỗ Lacey, tôi thấy cạnh cong ở nóc xe. Có Chúa mới biết làm sao chiếc xe lại ở đó, vì không có đường nào dẫn ra hướng đấy.

Radar tìm chỗ đỗ, tôi nhảy khỏi minivan và chạy về phía xe của cô ấy. Trống không. Không khóa. Tôi mở thùng xe. Cũng không có gì, trừ một vali để mở và trống không. Tôi nhìn quanh, và đi về phía mà bây giờ tôi tin là những gì còn lại của Hiệu Tạp Hóa Agloe. Ben và Radar vượt tôi khi tôi chạy qua vạt cỏ đã cắt. Chúng tôi không vào nhà kho qua cửa ra vào mà qua một trong mấy lỗ trống hoác, nơi tường gỗ đơn giản là đã sút ra.

Trong gian kho, mặt trời chiếu xuống những mảng sàn gỗ mục nát qua nhiều lỗ thủng trên mái. Trong khi tìm cô ấy, tôi điếm qua từng thứ: ván sàn ẩm thấp. Mùi hạnh nhân, giống cô ấy. Một bồn tắm có chân ở góc. Đâu đâu cũng cơ man là lỗ nên nơi này đồng thời ở trong và ở ngoài.

Tôi cảm thấy ai đó kéo mạnh áo mình. Tôi quay lại và thấy Ben, mắt nó bắn qua bắn lại giữa tôi và một góc phòng. Phải nhìn qua một vùng sáng trắng tràn từ trần xuống, nhưng tôi có thể thấy được góc đó. Hai tấm nhựa cứng dài cao ngang ngực, cấu bản và mờ xám, dựa vào nhau làm thành một

góc nhọn, hai cạnh bên có tường gỗ giữ. Một ô làm việc hình tam giác, nếu có thứ tương tự như vậy.

Và đây là điều đáng lưu ý về cửa sổ mờ: ánh sáng có thể lọt qua được. Nên tôi thấy được một khung cảnh xót xa, dù đã qua sắc xám: Margo Roth Spiegelman ngồi trên cái ghế văn phòng bọc da đen, khom người xuống mặt bàn, kiểu bàn học trò, cô ấy đang viết. Tóc Margo ngắn đi nhiều—tóc mái lia chia xòa xuống lông mày và mọi thứ lộn xộn, như thể điểm nhấn là sự lệch tâm—nhưng đó là cô ấy. Margo còn sống. Cô ấy đã chuyển phòng làm việc từ khu mua sắm mini bị bỏ hoang ở Florida đến một nhà kho bị bỏ hoang ở New York, và tôi đã tìm thấy cô ấy.

Chúng tôi đi về phía Margo, cả bốn, nhưng hình như cô ấy không nhận ra. Margo cứ viết. Cuối cùng, ai đó—Radar, hình như thế—lên tiếng, “Margo. Margo hả?”

Cô ấy đứng dậy và kiễng lên, bàn tay tì vào mép tường cái văn phòng đã chiến này. Nếu có ngạc nhiên khi thấy chúng tôi, đôi mắt cô ấy cũng không biểu hiện ra chút nào. Đây là Margo Roth Spiegelman, cách tôi chừng một mét rưỡi, bờ môi khô nứt, không trang điểm, đất bám ở móng tay, đôi mắt lạng lã. Tôi chưa từng thấy mắt Margo chết như vậy, nhưng rồi một lần nữa, có lẽ tôi chưa từng nhìn đôi mắt cô ấy. Margo chăm chăm nhìn tôi. Tôi cảm thấy chắc chắn rằng cô ấy đang nhìn tôi chứ không phải Lacey hay Ben hay Radar. Tôi chưa từng cảm thấy ánh mắt gắt gao như vậy kể từ khi đôi mắt chết của Robert Joyner nhìn tôi trong Công viên Jefferson.

Margo đứng yên lặng như thế một lúc lâu, tôi sợ ánh mắt cô ấy đến mức không tiến gần lại nữa. “Ta và bí ẩn này đôi bên cùng ở đây,” Whitman đã viết như vậy.

Rút cục, Margo nói, “Cho tớ năm phút,” rồi ngồi xuống và lại viết.

Tôi nhìn cô ấy viết. Trừ một chút lấm lem, trông cô ấy vẫn như trước. Không biết tại sao, nhưng tôi đã luôn nghĩ rằng cô ấy trông khác. Già dặn hơn. Đến mức tôi sẽ hầu như không nhận ra Margo khi rút cục được gặp lại cô ấy. Nhưng cô ấy đây, tôi đang nhìn cô ấy qua tấm nhựa mờ, cô ấy trông giống Margo Roth Spiegelman, cô bạn tôi đã biết từ khi lên hai—cô gái đã là một ý niệm mà tôi đem lòng yêu.

Và chỉ lúc này, khi cô ấy gập số lại, bỏ vào trong cái ba-lô bên cạnh và đứng dậy đi về phía chúng tôi, tôi mới nhận ra rằng ý niệm đó không chỉ sai mà còn nguy hiểm nữa. Tin rằng một con người lớn lao hơn chính họ là một ảo tưởng bất trắc biết bao.

“Ê,” Margo nói với Lacey, mỉm cười. Cô ấy ôm Lacey đầu tiên, rồi bắt tay Ben và Radar. Cô ấy nhướn lông mày, nói, “Chào Q,” rồi ôm tôi, thoáng qua và không chặt. Tôi muốn ghì chặt. Tôi muốn một dấu ấn. Tôi muốn cảm thấy cô ấy thốn thức trong lòng mình, nước mắt hoen từ gò má lem nhem bụi thấm vào áo tôi. Nhưng Margo chỉ ôm tôi chóng vánh và ngồi xuống sàn. Tôi ngồi xuống trước mặt cô ấy. Ben, Radar và Lacey cũng ngồi xuống cạnh tôi thành một hàng, để tất cả chúng tôi cùng đối diện Margo.

“Thấy cậu là mừng rồi,” lát sau tôi nói, cảm thấy như mình đang phá một lời cầu nguyện yên lặng.

Margo gạt tóc mái sang bên. Hình như cô ấy đang quyết định chính xác sẽ nói gì trước khi lên tiếng. “Tớ, ừ. Ừ. Tớ không mấy khi bị cạn kiệt từ ngữ, nhỉ? Gần đây không nói chuyện với ai mấy. Ừm. Có khi các cậu nói trước đi, mấy cậu đang làm cái quái gì ở đây?”

“Margo ơi,” Lacey nói. “Có Chúa chứng giám, bọn tớ lo lắm.”

“Lo lắng làm gì,” Margo vui vẻ đáp. “Tớ ổn mà.” Cô ấy giơ hai ngón cái lên. “Tớ ổn loại A luôn.”

“Lẽ ra cậu nên gọi điện báo cho bọn tớ một tiếng,” Ben nói, giọng thoáng nhăm nhăm cáu. “Để cả lũ đỡ phải lặn lội.”

“Theo kinh nghiệm của tớ, Ben Bì Bựa ạ, khi rời khỏi nơi nào đó, tốt nhất cứ thế ra đi thôi. Mà sao cậu mặc váy thế này?”

Ben đỏ mặt. “Đừng gọi cậu ấy thế,” Lacey cao giọng.

Margo quay sang nhìn Lacey. “Ôi trời ơi, cậu đang *cặp* cậu ta hả?” Lacey không nói gì. “Cậu không *thực sự* cặp cậu ta rồi,” Margo nói tiếp.

“Thực sự là có đấy,” Lacey nói. “Thực sự cậu ấy rất tốt. Thực sự cậu mới là đồ bựa. Và thực sự, tớ đi đây. Rất vui đã gặp cậu, Margo ạ. Cảm ơn đã làm tớ tá hỏa, làm tớ cảm thấy mình là đồ tồi trong gần hết tháng cuối cùng của năm cuối cấp, và cảm ơn đã là một ả cún bựa khi bọn tớ đi bao xa đến đây để xem cậu thế nào. Rất hân hạnh được quen biết cậu.”

“Cậu thì hơn gì. Không có cậu, sao tớ có thể biết rằng tớ béo đến mức nào?” Lacey đứng dậy hăm hăm đi, mỗi bước chân làm rung cả sàn nhà ọp ẹp. Ben đi theo. Tôi nhìn sang, Radar cũng đứng dậy.

“Tớ không hề biết cậu cho đến khi tớ dần biết về cậu qua những manh mối cậu để lại,” Radar nói. “Tớ thấy thích những manh mối ấy hơn là thích cậu.”

“Cậu ta đang làm nhảm cái quái gì vậy?” Margo hỏi tôi. Radar không đáp, nó chỉ đi khỏi.

Tôi cũng nên đi, tất nhiên rồi. Chúng tôi là bạn–thân hơn Margo, chắc chắn vậy. Nhưng tôi có những câu hỏi. Vì Margo đứng dậy và bắt đầu quay lại góc làm việc, tôi hỏi một câu rành rành. “Sao cậu cư xử chẳng ra sao như vậy?”

Margo quay ngoắt lại, túm lấy ngực áo tôi và quát vào mặt tôi, “Sao không đừng các cậu kéo cả lũ đến đây mà không báo trước gì cả?!”

“Làm sao tớ báo được cho cậu khi cậu hoàn toàn biến mất khỏi bề mặt hành tinh này?!” Tôi thấy Margo nhắm mắt lại lâu, và tôi biết cô ấy không trả lời được, thế là tôi cứ bùng lên. Tôi cáu Margo. Vì... vì, tôi không biết nữa. Không phải Margo tôi đã mong đợi. Không phải Margo tôi nghĩ cuối cùng tôi đã tưởng tượng được đúng. “Tớ đã nghĩ chắc chắn có một lí do chính đáng tại sao cậu không liên lạc với ai sau đêm hôm đó. Và... đây là lí do chính đáng của cậu sao? Hóa ra cậu có thể lang thang sống vô gia cư thế này à?”

Margo thả tay và đẩy tôi ra. “Giờ ai vô gia cư chứ? Tớ ra đi theo cách duy nhất người ta có thể ra đi. Bóc tuột cuộc đời mình ra ngay một lúc–như băng cứu thương ấy. Rồi cậu trở thành cậu, Lacey trở thành Lacey, ai đó trở thành ai đó và tớ trở thành tớ.”

“Ngoại trừ tớ đã không là tớ, Margo ạ, vì tớ tưởng cậu đã *chết*. Trong khoảng thời gian lâu nhất. Nên tớ đã phải làm tất cả những chuyện tồi tệ hại mà lẽ ra tớ không bao giờ làm.”

Margo hét lên, sát lại gần để có thể nhìn thẳng vào tôi. “Đừng nói nhảm. Cậu không đến đây để đảm bảo rằng tớ bình an vô sự. Cậu đến vì cậu muốn cứu Margo bé bỏng tội nghiệp khỏi cái tôi bé bỏng rắc rối của cô ta, để rồi tớ

sẽ ôi-quá-cảm-động trước chàng hiệp sĩ oai phong lẫm liệt mà tự lột sạch xống áo rồi cầu xin cậu hãy hủy hoại tấm thân tớ chứ gì.”

“Nói vớ vẩn gì vậy!” tôi quát, gần như vậy. “Cậu chỉ chơi bọn tớ thôi đúng không? Cậu chỉ muốn đảm bảo rằng dù đã ra đi và có trò vui mới, nhưng cậu sẽ vẫn là cái trục để bọn tớ xoay mòng mòng xung quanh.”

Margo hét trả, to hơn tôi nghĩ cô ấy có thể hét được. “Cậu thậm chí còn chẳng thèm nổi cẩu với tớ, Q! Cậu chỉ cẩu vì những tưởng tượng về tớ mà cậu giữ rịt trong đầu từ hồi bé thôi!”

Cô ấy cố gắng chạy khỏi tôi, nhưng tôi giữ lấy hai vai Margo, xoay cô ấy đứng trước mặt mình và nói, “Đã bao giờ cậu nghĩ sự ra đi của cậu có tác động thế nào chưa? Đến Ruthie? Đến Lacey hoặc tớ hoặc bất cứ ai khác quan tâm đến cậu? Cậu không nghĩ gì cả. Tất nhiên là cậu không nghĩ gì rồi. Bởi cậu mà không bị sao tức là chẳng có gì đáng bận tâm cả. Phải thế không, Margo? Phải không?”

Bây giờ cô ấy không kháng cự nữa. Margo chỉ so vai quay đi, trở lại góc làm việc. Cô ấy đá đổ cả hai tấm nhựa cứng dựng làm tường, chúng va mạnh vào bàn và ghế rồi trượt xuống sàn. “IM ĐI IM ĐI ĐỒ TÔI.”

“Được,” tôi nói. Điều gì đó trong cơn bột phát hoàn toàn mất kiểm soát cảm xúc của Margo đã khiến tôi ghìm được bản thân lại. Tôi cố gắng nói như mẹ tôi. “Tớ sẽ im lặng. Cả hai đứa mình đều không vui. Còn rất nhiều, ừ, vướng mắc chưa gỡ được từ phía tớ.”

Margo ngồi xuống chiếc ghế xoay, bàn chân đặt trên cái từng là tường ngăn góc làm việc. Cô ấy nhìn một góc nhà kho. Chúng tôi cách nhau ít nhất ba mét. “Thế quái nào các cậu tìm được tớ vậy?”

“Tớ tưởng cậu muốn bọn tớ đi tìm,” tôi đáp, nói rất nhỏ nhưng ngạc nhiên là Margo vẫn nghe thấy. Cô ấy xoay ghế lại và chăm chú nhìn tôi.

“Chắc chắn là tớ đâu có muốn như vậy.”

“Tự khúc,” tôi nói. “Guthrie dẫn tớ đến Whitman. Whitman dẫn tớ đến cánh cửa. Cánh cửa dẫn tớ đến khu mua sắm mini. Bọn tớ phát hiện ra cách đọc hàng chữ graffiti đã bị sơn đè lên. Tớ không hiểu ‘những thành phố giấy’ nghĩa là gì; cũng có thể là những tiểu khu không bao giờ được xây xong, thế là tớ nghĩ rằng cậu đã đến một khu như vậy và sẽ không bao giờ

quay lại. Tớ tưởng cậu đã chết ở một trong những nơi như thế, rằng cậu đã tự vẫn và vì lí do nào đó muốn tớ tìm thấy cậu. Tớ đã đến cả đồng nơi như vậy, tìm cậu. Nhưng rồi tớ khớp được tấm bản đồ trong cửa hàng lưu niệm với những lỗ ghim trên tường. Tớ bắt đầu đọc bài thơ kĩ hơn, hiểu ra rằng có lẽ cậu không chạy trốn mà chỉ đang lánh ở đâu đó, lập nên các kế hoạch. Viết vào cuốn sổ đó. Tớ tìm ra Agloe trên bản đồ, đọc được bình luận của cậu trên phụ trang thảo luận trong Toàn Thư Đủ Thứ, tớ bỏ dự lễ tốt nghiệp và lái xe thẳng đến đây.”

Margo cào cào tóc xuống, nhưng mái tóc không còn đủ dài để che kín gương mặt cô ấy nữa. “Ghét kiểu tóc này quá,” Margo nói. “Tớ chỉ muốn trông khác đi, nhưng— hóa ra ngố quá.”

“Tớ thích kiểu này,” tôi nói. “Tóc ôm lấy mặt cậu trông rất hợp.”

“Tớ xin lỗi vì đã làm nặng lên chẳng ra sao cả,” cô ấy nói. “Cậu phải hiểu là—không đụng các cậu mò vào đây, làm tớ sợ cứng luôn—”

“Lẽ ra cậu chỉ cần nói là, ‘Này, các bồ làm tớ sợ cứng lại luôn rồi đấy’ thôi.” tôi nói.

Margo cười nhạt. “Ừ, phải rồi, vì đó là Margo Roth Spiegelman mà ai cũng biết và yêu mến mà.” Cô ấy im lặng một lúc, rồi nói tiếp, “Tớ biết mình không nên nói như vậy trong Toàn Thư Đủ Thứ. Tớ chỉ nghĩ sau này có ai đọc được thì vui phải biết. Tớ nghĩ có thể cảnh sát sẽ lần theo manh mối đó, nhưng không được sớm sửa cho lắm. Có hàng tỉ trang trong Toàn Thư Đủ Thứ cơ mà. Tớ chưa bao giờ nghĩ...”

“Gì cơ?”

“Tớ đã nghĩ nhiều đến cậu, trả lời cho câu hỏi của cậu đây. Và nghĩ đến Ruthie. Và bố mẹ tớ. Tất nhiên, nhi? Có lẽ tớ là đứa độc tôn trầm trọng nhất trong lịch sử nhân loại. Nhưng Chúa ơi, cậu có nghĩ tớ sẽ làm thế nếu tớ không cần làm thế không?” Margo lắc đầu. Giờ, cuối cùng, cô ấy quay hẳn về phía tôi, khuỷu tay chống trên đầu gối, và chúng tôi nói chuyện. Còn cách xa, nhưng vẫn là đang nói chuyện với nhau. “Tớ không tìm được cách nào khác để ra đi mà không bị lôi trở lại.”

“Tớ mừng vì cậu không chết,” tôi nói với Margo.

“Ừ, tớ cũng vậy,” cô ấy đáp, khẽ nhếch mép. Đó là lần đầu tiên tôi thấy nét cười mà tôi đã mất quá nhiều thời gian nhưng nhớ. “Đó là lí do tại sao tớ phải đi. Cuộc đời thê thảm đến đâu thì vẫn luôn có lựa chọn khác mà.” Điện thoại của tôi đổ chuông. Là Ben. Tôi nhấc máy.

“Lacey muốn nói chuyện với Margo,” Ben nói với tôi.

Tôi đi tới bên Margo, đưa cô ấy cái điện thoại, và còn nấn ná đứng cạnh trong khi cô ấy ngồi nhô vai về phía trước, tôi lắng nghe. Tôi nghe thấy những tiếng động vọng từ điện thoại ra, rồi tôi nghe thấy Margo cắt lời và nói, “Nghe này, tớ thực sự xin lỗi. Tớ sợ quá đấy thôi.” Và rồi im lặng. Cuối cùng Lacey nói trở lại, và Margo cười thành tiếng, nói gì đó đáp lại. Nghĩ là cả hai cần chút gì đó riêng tư, tôi bắt đầu loay quanh khám phá. Dựa vào cùng bức tường như góc làm việc, nhưng ở góc đối diện của nhà kho, Margo đã sắp đặt cái có thể gọi là giường ngủ–bốn tấm giát dưới một đệm không khí màu da cam. Chồng quần áo nhỏ, gấp gọn gàng của Margo ở cạnh giường, cũng trên một tấm giát. Có bàn chải và thuốc đánh răng, với một cái cốc nhựa to từ cửa hàng Subway. Những đồ dùng đó ở trên hai cuốn sách: *Lọ Chuông* của Sylvia Plath và *Lò sát sinh số năm* của Kurt Vonnegut. Tôi không thể tin được rằng Margo đã sống như thế này, sự pha trộn không thể dung hòa được này giữa nét ngoại ô ngăn nắp đáng mến và vẻ suy tàn tiêu tụy rờn rợn. Nhưng rồi một lần nữa, tôi không thể tin được rằng mình đã mất bao nhiêu thời gian nghĩ cô ấy đang sống rất khác.

“Mấy cậu ấy đang ở một nhà nghỉ trong khu công viên. Lace bảo tớ nói với cậu rằng các cậu ấy sẽ đi trong ngày hôm nay, bất kể cậu có đi cùng hay không,” Margo lên tiếng sau lưng tôi. Chính khi cô ấy nói *cậu* mà không phải *chúng ta*, đó là lần đầu tiên tôi nghĩ đến những gì xảy ra tiếp sau đây.

“Tớ gần như tự cung tự cấp,” Margo nói, giờ đang đứng cạnh tôi. “Có một nhà vệ sinh ở ngoài kia, nhưng không được khang trang lắm, nên tớ thường đến nhà vệ sinh ở trạm dừng xe tải phía bắc Roscoe. Ở đó cũng có phòng tắm, và phòng tắm nữ rất sạch vì không có nhiều nữ tài xế xe tải. Mới cả ở đó có Internet. Kiểu như nơi này là nhà tớ, còn trạm dừng xe tải là khu an dưỡng bên bờ biển.” Tôi bật cười.

Margo đi ngang qua tôi và quì xuống, nhìn vào trong những tấm giát kê thành giường. Cô ấy lôi ra cái đèn pin và vật gì hình vuông bằng nhựa. “Trừ xăng và thức ăn, cả tháng tớ chỉ mua có hai thứ này. Tớ mới tiêu khoảng ba trăm đô-la.” Tôi đón vật hình vuông từ tay cô ấy, rút cục nhận ra đó là một máy nghe nhạc chạy pin. “Tớ mang mấy album nhạc theo,” Margo nói. “Nhưng vào thành phố tớ sẽ kiếm thêm.”

“Thành phố ư?”

“Ừ. Hôm nay tớ sẽ đến thành phố New York. Thế nên mới có dòng bình luận trên Toàn Thư Đủ Thứ. Tớ sẽ thực sự bắt đầu hành trình. Ban đầu, hôm nay là ngày tớ dự kiến rời Orlando—tớ sẽ đến lễ tốt nghiệp, sẽ làm đủ trò trêu chọc đã lên kế hoạch bài bản trong đêm tốt nghiệp với cậu, rồi tớ sẽ ra đi vào sáng hôm sau. Nhưng tớ không thể chịu lâu hơn được nữa. Tớ thực sự không thể chịu thêm một giờ đồng hồ nào nữa. Và khi biết chuyện về Jase—tớ đã nghĩ, ‘mình có kế hoạch hết rồi; chỉ cần thay đổi ngày tháng thôi.’ Nhưng xin lỗi vì tớ đã làm cậu sợ. Tớ đã cố gắng *không* làm cậu hoảng sợ, nhưng phần cuối cùng hơi bị vội. Không phải tác phẩm đẹp nhất của tớ.”

Khi những kế hoạch chạy trốn được phác vội với nhiều đầu mối ám chỉ sự ra đi, tôi đã nghĩ thế là rất ấn tượng. Nhưng tôi gần như ngạc nhiên rằng trong bản kế hoạch gốc cô ấy cũng muốn tôi tham gia vào. “Có lẽ cậu sẽ kể cho tớ biết chứ,” tôi nói, cố mỉm cười. “Cậu biết đấy, tớ đã thắc mắc nhiều. Điều gì có trong kế hoạch và điều gì không? Cái gì mang ý nghĩa gì? Tại sao các manh mối lại hướng vào tớ, tại sao cậu ra đi, đại khái thế.”

“Ừ, được. Được rồi. Với câu chuyện đó, chúng ta phải bắt đầu bằng một câu chuyện khác.” Margo đứng dậy, tôi theo sau trong khi Margo bước đi uyển chuyển, tránh những mảng sàn ọp ẹp. Quay trở lại góc làm việc, cô ấy tìm trong ba-lô và lấy ra cuốn sổ bìa da đen. Margo ngồi xuống sàn, bắt chéo chân và vờ xuống sàn gỗ ngay cạnh cô ấy. Tôi ngồi xuống. Margo mở cuốn sổ ra. “Chuyện này,” cô ấy nói, “vậy là chuyện này bắt đầu từ lâu rồi. Hồi ấy khoảng lớp bốn, tớ bắt đầu viết vào đây. Một kiểu truyện trinh thám.”

Tôi nghĩ nếu bây giờ giật lấy cuốn sổ từ Margo, tôi có thể dùng nó để đặt điều kiện. Tôi có thể lợi dụng nó để khiến cô ấy phải về Orlando, và Margo sẽ đi làm thêm vào mùa hè, ở trong một căn hộ cho đến khi năm học ở

trường đại học bắt đầu, và ít nhất hai đứa sẽ có một mùa hè. Nhưng tôi chỉ lắng nghe.

“Tớ không muốn huênh hoang tự mãn đâu, nhưng đây thực sự là một tác phẩm hay hiếm có đấy. Được rồi, đùa thôi mà. Chỉ là đứa-tớ-mười-tuổi viết ra một mớ những loảng ngoảng lan man đầy phép thuật và ước ao hảo huyền rất trẻ con thôi. Bắt đầu từ cô bé này, tên là Margo Spiegelman, giống tớ hồi tớ mười tuổi ở mọi điểm, trừ chuyện bố mẹ con bé tốt bụng, giàu sụ và mua cho nó đủ thứ nó thích. Margo thích cậu bé tên là Quentin, giống cậu ở mọi điểm, trừ bản lĩnh anh hùng không biết run sợ, nguyện hi sinh để bảo vệ tớ và những thứ khác. Còn có nhân vật Myrna Mountweazel, giống con Myrna Mountweazel ở mọi điểm, trừ năng lực pháp thuật siêu phàm. Ví dụ, trong truyện, bất cứ ai khi nựng Myrna Mountweazel cũng không thể nói dối được trong vòng mười phút. Mới cả, nó biết nói. Tất nhiên là nó biết nói rồi. Liệu có đứa mười tuổi nào viết truyện về chó mà con chó ấy lại *không* biết nói không?”

Tôi cười thành tiếng, vẫn còn mãi nghĩ đến Margo-mười-tuổi thích đứa-tôi-mười-tuổi.

“Thế là trong câu chuyện,” Margo kể tiếp, “Quentin, Margo và con Myrna Mountweazel cùng điều tra cái chết của Robert Joyner, nhân vật đã chết gần giống như Robert Joyner chết ngoài đời thực, trừ chi tiết *ai đó* đã bắn thẳng vào mặt bác ấy chứ không phải tự bác ấy rõ ràng đã bắn vào mặt mình. Và cốt truyện xoay quanh quá trình điều tra tên tội phạm.”

“Vậy ai đã bắn?”

Margo cười thành tiếng. “Cậu muốn tớ kể trước toàn bộ tình tiết sao?”

“Thôi,” tôi đáp, “tớ muốn tự đọc hơn.” Margo mở sách ra và chỉ cho tôi một trang. Chữ viết rất khó đọc, không phải vì Margo viết xấu, mà vì ở trên những dòng ngang, chữ cũng chạy thẳng xuống cuối trang. “Tớ viết đan vào nhau thế đấy,” Margo giải thích. “Những độc giả phiMargo khó mà giải mã được. Được tời, tớ sẽ bật mí tình tiết cho cậu, nhưng cậu phải hứa không câu diên lên đã.”

“Hứa,” tôi đáp.

“Hóa ra kẻ thủ ác là anh trai của người chị của bà vợ cũ bị nghiện rượu của Robert Joyner. Thủ phạm bị điên vì hắn ta bị ám bởi linh hồn độc ác của một con mèo nhà Ai Cập cổ đại. Tớ đã bảo rồi đấy, chuyện này vào loại thượng đẳng mà. Nhưng dù sao, cậu, tớ và con Myrna Mountweazel đã lên đường và đối mặt với thủ phạm. Hắn ta tìm cách bắn tớ, nhưng cậu đã nhảy lên hứng đạn, rồi cậu hi sinh đầy bi tráng trong vòng tay tớ.”

Tôi cười rử. “Tuyệt. Thoạt đầu nghe đây hứa hẹn với cô bé xinh đẹp xiêu lòng thích tớ, đủ thứ bí ẩn mưu toan, rồi tớ chết hụt là hết chuyện.”

“Ừ, thế đấy.” Margo cười. “Nhưng tớ phải để cậu bị chết, vì kết thúc khả dĩ duy nhất khác là chúng ta làm chuyện đó, mà tớ chưa đủ sẵn sàng về tình cảm để viết như vậy khi mười tuổi.”

“Được rồi, cũng hợp lí,” tôi nói. “Nhưng khi nào viết lại, tớ muốn có thêm chút hành động.”

“Sau khi cậu bị nhân vật phản diện bắn hạ, có lẽ thế. Một nụ hôn trước phút tắt thở.”

“Cậu tử tế quá đấy.” Tôi có thể đứng dậy, đến sát bên và hôn cô ấy. Tôi có thể. Nhưng vẫn còn quá nhiều điều sẽ bị phá hỏng.

“Dù sao, năm lớp năm tớ đã hoàn thành câu chuyện. Vài năm sau, tớ quyết định sẽ bỏ đi Mississippi. Tớ đã viết tất cả các kế hoạch cho chuyến đi động trời ấy vào cuốn sổ này, phía trên câu chuyện cũ, rồi cuối cùng tớ thực hiện kế hoạch—lấy xe của mẹ, đi cả ngàn dặm và để lại manh mối trong súp. Tớ thậm chí còn không *thích* hành trình bám đường bộ, thực sự—cô đơn kinh khủng—nhưng tớ thích hoàn thành việc đó, phải không? Thế là tớ viết thêm nhiều kế hoạch chen vào đây—những trò trêu chọc, ghép bạn nữ này với bạn nam kia, chiến dịch phủ giấy vệ sinh rất hoành tráng, thêm nhiều hành trình bám đường bí mật, và bất cứ điều gì khác nữa. Đến đầu năm lớp mười, cuốn sổ đã kín phân nửa, đó là khi tớ quyết định sẽ làm thêm một vụ, một vụ chấn động, rồi ra đi.”

Margo chuẩn bị nói tiếp, nhưng tôi phải ngăn cô ấy. “Tớ đang nghĩ đó là tại không gian hay tại con người? Nếu những người xung quanh cậu là những người khác thì chuyện sẽ ra sao?”

“Sao cậu có thể phân tách hai mặt đó được chứ? Người là đất và đất là người. Dù sao, tớ không nghĩ *có thể* đánh bạn với ai khác. Tớ nghĩ mọi người hoặc là sợ sệt như cậu, hoặc là vô tâm như Lacey. Và—”

“Tớ không sợ sệt như cậu nghĩ đâu,” tôi nói. Đúng như vậy. Tôi chỉ nhận ra điều đó đúng sau khi đã tuyên bố. Nhưng vẫn đúng như vậy.

“Tớ *chán* hết,” Margo nói, giọng gần như rít lên. “Rồi hồi tớ học lớp mười, Gus đã đưa tớ đến Osprey—” tôi nghiêng đầu không hiểu. “Khu mua sắm mini ấy. Rồi tớ bắt đầu tự đến đó một mình, chỉ chơi vớ vẩn và viết các kế hoạch. Đến cuối năm ngoái, mọi kế hoạch đều nhằm đến lần chạy trốn cuối cùng này. Không biết có phải tại tớ vừa viết vừa đọc lại truyện ngày xưa không, nhưng tớ đã sớm đưa cậu vào kế hoạch mới này. Ý tưởng chủ đạo là chúng ta sẽ làm tất cả những việc này cùng nhau—như lên vào SeaWorld, điều đó ở trong kế hoạch gốc—tớ sẽ đẩy cậu đến chỗ trở thành một gã cứng rắn có máu mặt. Đêm cuối sẽ, chà, giải phóng cậu. Rồi tớ biến mất, và cậu sẽ luôn nhớ đến tớ vì điều đó.

“Cuối cùng kế hoạch này dài bảy chục trang lộn, chuẩn bị xảy ra, các bước rất trơn tru. Nhưng rồi tớ biết chuyện Jase, và tớ quyết định đi luôn. Ngay lập tức. Tớ không cần tốt nghiệp. Tốt nghiệp để làm gì? Nhưng tớ phải thắt nốt những chỗ còn lỏng đã. Thế là cả ngày hôm đấy ở trường tớ đã lấy sổ ra, cố xoay xử như điên để kế hoạch ráp vào với Becca, Jase và Lacey, và bất cứ ai không phải là bạn với tớ như tớ đã coi họ là bạn. Tớ tìm thêm những ý tưởng để mọi người biết rằng tớ ngấy thế nào trước khi giữ họ đi mãi mãi.

“Nhưng tớ muốn cùng thực hiện với cậu; tớ vẫn giữ ý tưởng có thể tạo dựng trong cậu ít nhất là hình bóng người anh hùng đây bản lĩnh trong câu chuyện trẻ con của tớ.

“Và rồi cậu làm tớ ngạc nhiên”, Margo vẫn nói. “Suốt những năm đó đối với tớ cậu là một anh chàng giấy—hai chiều như một nhân vật trên mặt giấy, và hai chiều, nhưng vẫn phẳng, như một con người. Nhưng đêm đó cậu trở nên rất thật. Và chuyện kết thúc là lạ, vui vui, ảo ảo đến mức sáng hôm ấy tớ về phòng và chỉ thấy *nhớ* cậu. Tớ muốn chạy sang, chơi và nói chuyện linh tinh, nhưng tớ đã quyết định ra đi, nên tớ phải ra đi. Giây cuối cùng, tớ nảy

ra ý tưởng chỉ cho cậu đường đến Osprey. Để lại nó cho cậu để cậu càng tiến bộ trong lĩnh vực không-săm-vai-con-mèo-nhát.

“Ừ, thế đấy. Tớ xoay xử thật nhanh. Dán áp phích Woody lên mặt sau rèm cửa, khoan tên bài hát trên đĩa nhạc, đánh dấu hai câu trong bài “Tự khúc” bằng màu khác so với màu tớ đã đánh dấu trước đó, khi tớ thực sự tự đọc. Rồi sau khi cậu đến trường, tớ trèo qua cửa sổ phòng cậu, nhét mẫu giấy lên chỗ cửa ra vào. Sáng hôm ấy tớ đã đến Osprey, phần vì tớ chưa thấy sẵn sàng, phần vì tớ muốn dọn dẹp nơi đó cho cậu. Thật lòng tớ *không* muốn cậu lo lắng. Thế nên tớ đã sơn phủ lên chữ graffiti, tớ không biết cậu lại đọc được. Tớ xé những tờ lịch bàn tớ đã dùng đi, và gỡ bản đồ xuống. Tớ đã treo nó lên kể từ lúc phát hiện ra có Agloe ở đó. Rồi vì tớ mệt và chẳng có nơi nào để đi, tớ đã ngủ ở đó. Tớ ở lại khoảng hai đêm, thực ra cũng muốn xốc lại tinh thần và lấy can đảm cho bản thân, chắc thế. Tớ cũng nghĩ, không biết nữa, có thể cậu sẽ rất nhanh tìm ra nơi này. Thế là tớ đi. Mất hai ngày để đến đây. Từ đó tớ ở đây thôi.”

Hình như Margo đã kể hết, nhưng tôi còn một câu hỏi nữa. “Tại sao lại là nơi này?”

“Một thành phố giấy cho một cô gái giấy,” Margo đáp. “Tớ đã đọc về Agloe trong cuốn sách ‘những sự thật đáng ngạc nhiên’ hồi tớ mười, mười một tuổi gì đó. Tớ cứ nghĩ mãi về nó. Sự thật là bất cứ lúc nào đứng từ trên cao tòa nhà SunTrust–tính cả lần cuối cùng với cậu–tớ không thực sự nhìn xuống và nghĩ mọi thứ đều được làm bằng giấy như thế nào. Tớ nhìn xuống và nghĩ *tớ* được làm bằng giấy như thế nào. Tớ là cái con người mỏng manh dễ gấp dễ vo lại ấy, không gì khác. Và vấn đề là ở đây. Mọi người đều thích ý niệm về một cô gái giấy. Họ luôn như vậy. Và điều tệ nhất là *tớ* cũng thích như vậy. Tớ đã nuôi ý niệm ấy, cậu biết chứ?”

“Vì cũng vui. Là một ý niệm mà ai cũng thích. Nhưng tớ không thể nào là một ý niệm với chính mình, không thể cả đời là một ý niệm được. Agloe là nơi một sản phẩm trên giấy đã trở thành có thật. Một chấm trên bản đồ trở thành một nơi có thật, thật hơn cả những người đã tạo ra cái chấm đó có thể tưởng tượng được. Tớ đã nghĩ có lẽ miếng cắt giấy hình cô gái có thể bắt đầu trở thành có thật từ nơi này. Và có lẽ đó là cách để nói với cô gái giấy

luôn muốn được mền mọ, luôn quan tâm đến áo quần và đủ thứ khác ấy: ‘Sẽ đến những thành phố giầy. Và sẽ *không bao giờ* trở lại.’”

“Dòng graffiti đó,” tôi nói. “Trời ơi, Margo, tớ đã đến rất nhiều tiểu khu bị bỏ hoang như vậy để tìm xác cậu. Tớ thực sự đã nghĩ–tớ thực sự tưởng cậu đã chết rồi.”

Margo đứng dậy, tìm trong ba-lô một lát rồi với ra lấy cuốn *Lọ chuông*, và đọc to cho tôi nghe. “‘Nhưng đến giờ phút quyết định ấy, da trên cổ tay tôi sao mà trắng và không chút kháng cự đến thế, tôi chẳng thể nào làm được nữa. Hình như những gì tôi muốn giết chết không phải trong làn da ấy, hay mạch máu xanh mảnh đập dưới ngón tay tôi, mà ở đâu đó khác, sâu hơn, bí mật hơn, và vô cùng khó chạm đến hơn.’” Margo ngồi lại xuống bên tôi, gần, quay mặt nhìn tôi, vải quần jeans của chúng tôi chạm nhau nhưng hai đầu gối không hề chạm. Margo nói, “Tớ hiểu bà ấy muốn nói gì. Cái đầu đó khác sâu hơn và bí mật hơn ấy. Nó giống như những vết nứt bên trong cậu. Giống như có những đường bị lỗi nơi mọi thứ không khớp vào nhau được.”

“Tớ thấy hay đấy,” tôi nói. “Hoặc như những vết nứt trên vỏ tàu.”

“Phải, phải.”

“Kiểu gì cũng sẽ kéo cậu chìm xuống.”

“Chính xác,” Margo thốt lên. Chúng tôi nói qua nói lại khá nhanh.

“Không thể tin được là cậu không muốn tớ đi tìm cậu.”

“Xin lỗi mà. Nếu nói ra mà có chút tác dụng thì tớ hơi bị ấn tượng đấy. Mà có cậu ở đây vui thật. Cậu là một bạn đồng hành tuyệt vời.”

“Đó là một lời mời phải không?” tôi hỏi.

“Chắc thế.” Cô ấy cười.

Con tim tôi nhảy nhót liên hồi trong lồng ngực vì trạng thái say này như cứ kéo dài mãi–nhưng chỉ gần như thôi. “Margo ơi, nếu mùa hè này cậu đến nhà tớ ở–bố mẹ tớ đã nói rằng cậu có thể ở với cả nhà tớ, hoặc cậu có thể kiếm việc làm và thuê một căn hộ trong mùa hè, rồi học kì đại học sẽ bắt đầu, và cậu sẽ không bao giờ phải sống với bố mẹ cậu nữa.”

“Không phải chỉ họ. Tớ thấy oải từ bên trong,” Margo đáp, “và tớ chưa bao giờ thoát ra. Không phải chỉ là những chuyện tầm phào, tiệc tùng và tất cả những thứ nhạt nhẽo nhảm nhí khác, mà là toàn bộ ánh hào quang của

một cuộc đời được sống đúng–đại học, việc làm, chồng, con, và tất cả các thể loại hảo huyền ấy.”

Vấn đề là tôi có tin vào đại học, việc làm, và có thể một ngày nào đó là con cái. Tôi tin ở tương lai. Có lẽ đó là một khiếm khuyết trong tính cách, nhưng với tôi điều đó là bẩm sinh. “Nhưng đi học đại học cậu sẽ có nhiều cơ hội hơn,” cuối cùng tôi nói, “Đại học không làm giảm các khả năng đâu.”

Margo cười nửa miệng. “Cảm ơn Chuyên Gia Tư Vấn Đại Học Jacobsen,” cô ấy nói, rồi thay đổi chủ đề. “Tớ thường nghĩ đến cậu khi ở trong Osprey. Dù cậu có quen với nó hay không chẳng nữa. Đừng lo lắng về bọn chuột.”

“Tớ quen đấy,” tôi đáp. “Tớ bắt đầu thích chỗ đấy. Thực ra cả đêm dạ tiệc tốt nghiệp tớ đã ở đó.”

Cô ấy cười. “Tuyệt. Tớ từng hình dung rồi cậu sẽ thích chỗ đó cho coi. Chưa bao giờ thấy chán khi ở Osprey, nhưng đó là do sớm muộn gì tớ cũng phải về nhà. Khi ở đây, tớ cũng chán lắm. Chẳng có gì để làm, tớ đã đọc rất nhiều từ khi đến đây. Càng ở tớ cũng càng thấy căng thẳng, chẳng quen biết ai cả. Tớ cứ cố chờ cho sự cô đơn và căng thẳng đó đưa tớ về nhà. Nhưng điều đó không xảy ra. Có một điều tớ không thể làm được, Q ạ.”

Tôi gật đầu. Tôi hiểu điều đó. Tôi tưởng tượng được khó có thể quay trở lại một khi đã cảm thấy những lục địa trong lòng bàn tay. Nhưng tôi vẫn cố thêm chút nữa. “Thế qua mùa hè thì sao? Còn trường đại học? Còn phần còn lại của cuộc đời cậu nữa?”

Margo nhún vai. “Những điều đó thì sao?”

“Cậu không lo lắng về, gì nhỉ, *mãi mãi* sao?”

“Mãi mãi là hợp âm của những hiện tại,” Margo đáp. Tôi không biết nói gì, chỉ cố gắng nuốt trôi khi Margo nói, “Emily Dickinson đấy. Tớ bảo rồi mà, tớ đã đọc rất nhiều.”

Tôi nghĩ tương lai xứng đáng có được niềm tin của chúng ta. Nhưng khó có thể tranh luận được với Emily Dickinson. Margo đứng dậy, khoác ba-lô lên vai và chìa tay xuống cho tôi. “Mình đi dạo đi.” Ra đến bên ngoài, Margo hỏi mượn điện thoại của tôi. Cô ấy bấm số, tôi chực đi để cô ấy nói

chuyện cho tự nhiên, nhưng Margo đã kéo tay giữ tôi lại. Thế nên tôi đi bộ cùng Margo ra cánh đồng trong khi cô ấy nói chuyện với bố mẹ.

“Dạ, con Margo đây ạ... Con đang ở Agloe, New York, với Quentin... Ồ... dạ, không mẹ ạ, con muốn trả lời mẹ thật thành thực... Mẹ, thôi mà... Con không biết mẹ ạ... Con quyết định chuyển đến một chỗ không có thật. Chuyện diễn ra như vậy... Vâng, à, nhưng dù sao con không nghĩ con lại bị coi là đứa như vậy... Con nói chuyện với Ruthie được không ạ?... À, cứng đấy à... Ừ, ừ, chị thương cứng nhất... Ừ, chị xin lỗi mà. Thế là lỗi rồi mà. Chị cứ tưởng— chị không biết mình đã tưởng gì nữa, Ruthie ạ, nhưng chị biết đó là lỗi của chị rồi, từ giờ chị sẽ gọi điện. Chắc chị không gọi cho mẹ đâu, nhưng nhất định sẽ gọi cho cứng... Các ngày thứ Tư nhé?... Cứng bận thứ Tư rồi à? Ừm, được rồi. Thế ngày nào thì được?... Thứ Ba là... ừ... vậy thứ Ba hàng tuần nhé... Ừ, tính cả thứ Ba tuần này luôn.” Margo nhắm chặt mắt, răng hơi nghiến lại. “Được rồi, Ruthie ngoan, bây giờ đưa điện thoại lại cho mẹ nhé?... Con yêu mẹ ạ. Con sẽ ổn cả, con thề ạ... Vâng, được rồi mẹ cũng thế ạ. Con chào mẹ.”

Margo dừng lại, ngắt cuộc gọi nhưng vẫn giữ điện thoại trong tay khoảng một phút. Tôi thấy mấy đầu ngón tay cô ấy hồng lên vì nắm chặt, rồi cô ấy đánh rơi điện thoại xuống đất. Tiếng thét của Margo ngắn nhưng chói tai, sau đó lần đầu tiên tôi nhận ra sự tĩnh lặng biền biệt của Agloe. “Mẹ nghĩ việc của tớ là phải làm hài lòng mẹ thì phải, và đó phải là nguyện vọng lớn nhất của tớ, và khi không làm mẹ hài lòng nữa thì tớ bị tống đi. Mẹ đã thay hết khóa rồi. Đó là điều đầu tiên mẹ nói với tớ. Lạy Chúa.”

“Tớ rất tiếc,” tôi nói, vén thứ cỏ nửa vàng nửa xanh cao đến đầu gối ra để nhặt điện thoại lên. “Nhưng nói chuyện với Ruthie thì vui chứ?”

“Ừ, con bé ngoan và đáng yêu lắm. Tớ thấy mình rất tệ vì—cậu biết đấy—đã không nói gì với nó.”

“Được rồi mà,” tôi nói. Margo đánh đùa tôi.

“Lẽ ra cậu phải làm tớ thấy vui hơn chứ không phải tệ đi!” Margo nói. “Đó là tất cả biệt tài của cậu cơ mà!”

“Tôi không biết hóa ra việc của tôi là phải làm hài lòng cô đấy, thưa cô Spiegelman.”

Margo cười thành tiếng. “Ôôi, so sánh với các bà mẹ. Vinh dự toát cả mồ hôi. Nhưng cũng có phần đúng đấy. Thế cậu dạo này thế nào? Nếu Ben đang đập diu với Lacey, chắc chắn cậu cũng trải qua hàng đêm nóng bỏng với cả chục cô nàng trong đội cổ vũ rồi.”

Chúng tôi từ từ đi trên mặt đất mấp mô của cánh đồng này. Thoạt nhìn cánh đồng không lớn, nhưng có đi tới mới nhận ra chẳng có vẻ gì như chúng tôi đang lại gần hàng cây ở phía xa cả. Tôi kể cho Margo nghe về màn đánh tháo khỏi lễ tốt nghiệp, những vòng xoay ngoạn mục của Con Quay. Tôi kể với cô ấy về dạ tiệc, Lacey đã chiến đấu với Becca, và đêm tôi ở Osprey. “Đó là đêm tớ thực sự biết rằng chắc chắn cậu đã ở đó,” tôi nói với Margo. “Tắm chân vẫn còn mùi giống cậu.”

Khi tôi nói đến đấy, bàn tay Margo khẽ chạm vào tôi, và tôi nắm ngay lấy bàn tay ấy, vì có cảm giác như lúc này còn ít điều dễ bị phá hỏng hơn. Margo nhìn tôi. “Tớ đã phải ra đi. Tớ không cần phải làm cậu sợ và như thế ngốc thật. Lẽ ra tớ phải ra đi gọn ghẽ hơn, nhưng đúng là tớ phải ra đi. Cậu hiểu chứ?”

“Ừ,” tôi đáp, “nhưng tớ nghĩ bây giờ cậu cũng có thể trở về. Đúng là tớ nghĩ như vậy.”

“Không đâu, cậu không nghĩ như vậy đâu,” Margo đáp, và cô ấy nói đúng. Cô ấy có thể thấy được điều đó trên mặt tôi—giờ tôi hiểu rằng mình không thể là cô ấy và cô ấy không thể là tôi. Có lẽ Whitman có một cái tài mà tôi không có. Đối với tôi: Tôi phải hỏi người mang vết thương xem anh ta bị đau ở đâu, vì tôi không thể trở thành người mang vết thương. Người mang vết thương duy nhất mà tôi có thể ở trong, chính là tôi.

Tôi dầm rạp một tràng cỏ và ngồi xuống. Margo nằm xuống cạnh tôi, gối đầu lên ba-lô. Tôi cũng nằm xuống. Margo lấy mấy cuốn sách trong ba-lô ra, đưa cho tôi gối đầu. *Tuyển tập thơ Emily Dickinson* và *Những cánh cỏ*. “Tớ có hai cuốn,” Margo nói, mỉm cười.

“Một áng thơ tuyệt đẹp,” tôi nói với Margo. “Cậu không thể chọn chính xác hơn được.”

“Thực ra chỉ là quyết định bột phát sáng hôm ấy thôi. Tớ nhớ có câu về những cánh cửa và thấy rất hợp. Nhưng rồi khi đến đây tớ đã đọc lại. Tớ đã

không đọc lại kể từ hồi học Quốc ngữ lớp mười. Ủ, tớ rất thích bài thơ ấy. Tớ cố đọc rất nhiều thơ. Tớ cố hiểu xem-ừ, đêm đó điều gì đã khiến tớ ngạc nhiên về cậu đến thế? Một thời gian dài tớ đã nghĩ có lẽ là khi cậu đọc T.S. Eliot.”

“Nhưng không phải,” tôi nói. “Cậu sùng sốt vì bấp tay con chuột và màn phi thân qua cửa sổ đầy quyển rũ của tớ chứ gì?”

Margo cười nhếch miệng. “Trật tự và để tớ khen cậu đây, đồ lảm chuyện. Không phải thơ hay cơ con chuột. Điều làm tớ ngạc nhiên là dù phải chịu căng thẳng và đủ thứ khác, cậu đã giống như Quentin trong câu chuyện của tớ. Tớ viết chen vào chỗ trống những trang số ấy hàng năm trời, mỗi lần viết tớ lại đọc lại câu chuyện, lần nào cũng phì cười, kiểu như-cậu đừng méch lòng nhé-‘Trời, không tin nổi rằng mình từng nghĩ *Quentin Jacobsen* là người bảo vệ công lí siêu nóng bỏng, siêu tận tụy như vậy chứ.’ Nhưng rồi-cậu biết đấy-cậu cũng hơi hơi *như vậy*.”

Tôi có thể quay nghiêng, cô ấy cũng có thể quay nghiêng, và rồi chúng tôi có thể hôn nhau. Nhưng rút cục hôn cô ấy bây giờ để làm gì? Sẽ không đi đến đâu cả. Chúng tôi đều cùng nhìn lên bầu trời trong vắt. “Chẳng có gì xảy ra giống như ta tưởng tượng cả,” cô ấy nói.

Bầu trời lúc này như một tác phẩm hội họa đương đại đơn sắc, hút lấy tôi bằng ảo ảnh về chiều sâu của nó, kéo tôi lên mãi. “Ừ, đúng vậy,” tôi nói. Nhưng rồi nghĩ một giây, tôi thêm vào, “Nhưng nếu không tưởng tượng, chẳng điều gì có thể xảy ra cả.” Tưởng tượng không hoàn hảo. Ta không thể tưởng tượng được mọi mặt bên trong một người khác. Tôi chưa từng tưởng tượng được Margo lại có thể nổi giận như cô ấy vừa bộc lộ ra, cũng như câu chuyện cô ấy đã viết. Nhưng tưởng tượng mình là người khác, hoặc tưởng tượng thế giới này khác đi, là cách duy nhất để vào trong được. Đó là cỗ máy diệt được phát-xít.

Margo quay sang và gối đầu lên vai tôi, và chúng tôi nằm đó, như cách đây lâu lâu tôi từng tưởng tượng hai đứa tôi nằm trên thảm cỏ trong SeaWorld. Phải mất hàng ngàn dặm đường và nhiều ngày trời, nhưng giờ chúng tôi đang ở đây: mái đầu cô ấy gối lên vai tôi, hơi thở của cô ấy trên cổ

tôi, cơn mệt mỏi giặm sâu trong lòng hai đứa. Chúng tôi bây giờ giống như khi ấy tôi đã từng ao ước.

Khi tôi tỉnh dậy, ánh ngày đang tắt dần khiến mọi thứ trông thật đặc biệt, từ bầu trời vàng óng tới những thân cỏ trên đầu tôi, dập dềnh đưa như nữ hoàng sắc đẹp. Tôi nằm nghiêng, thấy Margo Roth Spiegelman đang quì trên đất cách tôi mấy mét, quần jeans bó lấy chân. Mất một lúc tôi mới nhận ra Margo đang đào. Tôi bò về phía đó và bắt đầu đào cạnh cô ấy, đất dưới lớp cỏ khô như bụi trong những ngón tay tôi. Margo nhìn tôi mỉm cười. Tim tôi đập loạn như vận tốc của âm thanh.

“Mình đang đào cái gì vậy?” tôi hỏi cô ấy.

“Đó không phải câu hỏi thích hợp,” Margo đáp. “Câu hỏi phải là, ta đang đào đất cho ai?”

“Ừ, được rồi, ta đang đào đất cho ai thế?”

“Ta đang đào mộ cho nhóc Margo, nhóc Quentin, cún Myrna Mountweazel và bác Robert Joyner tội nghiệp đã quá cố,” Margo đáp.

“Chắc tớ đuối với những đám tang này quá,” tôi nói. Đất lổn nhổn và khô, dọc ngang đường đi của côn trùng trong lòng đất, trông như một trang trại kiến bị bỏ hoang. Bọn tôi đào bằng tay trần vào đất, mỗi nắm đất đi kèm một đám mây bụi nho nhỏ. Hai đứa đào một cái hố sâu và rộng. Ngôi mộ này thích hợp phải biết. Chẳng mấy chốc tôi đào sâu đến khuỷu tay. Tay áo tôi lem bụi khi tôi quyết mồ hôi trên má. Hai má cô ấy hồng lên. Tôi ngửi thấy mùi của Margo, cô ấy thơm giống như đêm hôm ấy, ngay trước khi chúng tôi nhảy xuống hào nước ở SeaWorld.

“Tớ chưa bao giờ thực sự nghĩ rằng bác ấy là một người có thật,” cô ấy nói.

Trong khi Margo nói, tôi tận dụng thời gian nghỉ một lát và ngồi bệt xuống. “Ai cơ, Robert Joyner à?”

Margo vẫn đào tiếp. “Ừ. Bác ấy như một điều gì đó xảy ra với *tớ*, cậu hiểu chứ? Nhưng trước khi bác ấy là nhân vật bé nhỏ này trong vở kịch của cuộc đời *tớ*, bác ấy đã là—cậu biết đấy, nhân vật chính trong vở kịch của cuộc đời bác ấy.”

Tôi cũng chưa từng nghĩ đến bác ấy như một con người. Một người cũng bầy trò nghịch đất như tôi. Một người cũng biết yêu như tôi. Một người có những dây nối đã đứt hết, không cảm thấy gốc rễ nhánh cỏ của mình ăn vào lòng đất, một người đã bị nứt ra. Như tôi. “Ừ,” lúc sau tôi nói và quay lại đào tiếp. “Đối với tớ bác ấy luôn chỉ là một cái xác thôi.”

“Tớ ước sao tụi mình đã làm được chuyện gì đó ra hồn,” cô ấy bảo. “Tớ ước sao tụi mình đã tỏ ra được là tụi mình anh hùng cỡ nào.”

“Ừa,” tôi đáp lời. “Giá mà ta nói được với bác ấy rằng, dù chuyện gì có xảy ra thì đó cũng không nhất thiết phải là ngày tận thế.”

“Ừ, dù cuối cùng có *cái gì đó* đã giết được cậu.”

Tôi nhún vai. “Ừ, tớ biết. Tớ không nói rằng mọi thứ đều sống mãi được. Chỉ là, mọi thứ trừ thứ cuối cùng ra.” Tôi lại sục tay đào tiếp, đất ở đây đen hơn ở nhà nhiều. Tôi thêm một vốc đầy vào đống đất sau lưng, và ngồi xuống. Tôi cảm thấy như đang mon men gần một suy nghĩ, và tôi cố gắng đi vào sâu trong nó. Tôi chưa từng một mạch nói nhiều như thế này với Margo, xét trong mối quan hệ dài và được viết thành truyện giữa chúng tôi. Nhưng nó đây rồi, trò chơi cuối cùng của tôi dành cho cô ấy.

“Khi nghĩ đến việc bác ấy đã chết—phải nói thật là không nhiều—tớ luôn nghĩ kiểu như cậu đã nói, rằng các dây nối bên trong bác ta đã đứt hết cả rồi. Nhưng có cả ngàn cách để nhìn nhận: có thể là dây nối bị đứt, có thể là tàu chìm, hoặc có thể chúng ta là cỏ—bộ rễ của chúng ta đan cài vào nhau mật thiết đến mức miễn là người nào đó còn sống thì sẽ không có ai chết cả. Ý tớ là chúng ta không thiếu các ẩn dụ. Nhưng ta phải cẩn thận với những ẩn dụ mình chọn dùng, vì điều đó rất hệ trọng. Nếu chọn những sợi dây nối, cậu đang tưởng tượng ra một thế giới nơi cậu có thể bị đứt lìa không gì cứu vãn được. Nếu chọn cỏ, cậu đang muốn nói rằng tất cả chúng ta đều được gắn kết với nhau không hạn định, rằng ta có thể tận dụng bộ rễ ấy để không chỉ hiểu được người khác mà còn trở thành một người khác. Ẩn dụ mang nhiều tầng nghĩa hàm ngôn mà. Cậu hiểu ý tớ chứ?” Cô ấy gật đầu.

“Tớ thích những sợi dây nối. Tớ luôn thích. Vì đó là cách để *cảm nhận*. Nhưng những dây nối khiến nỗi đau có vẻ dễ dẫn đến cái chết hơn thực tế, tớ nghĩ vậy. Ta không mong manh dễ đứt như những sợi dây khiến ta tin như

vậy. Và tớ cũng thích cỏ. Cỏ đưa tớ đến với cậu, giúp tớ hình dung ra cậu là một con người thật. Nhưng bọn mình không phải là những nhánh khác nhau trên cùng một cây. Tớ không thể là cậu. Cậu không thể là tớ. Ta có thể tưởng tượng rất đúng về người khác—nhưng không bao giờ tương đối hoàn hảo cả, cậu hiểu chứ?

“Có lẽ giống nhiều hơn với điều cậu từng nói, tất cả chúng ta đều bị nứt mở. Như thế ban đầu mỗi chúng ta đều là một vỏ tàu kín, nước không lọt vào được. Và những chuyện như vậy xảy ra—những người như vậy rời bỏ ta, hoặc không yêu ta, hoặc không hiểu ta, hoặc ta không hiểu họ, chúng ta mất mát, thất bại và làm đau lòng lẫn nhau. Rồi vỏ tàu bắt đầu nứt ra ở đâu đó. Và đấy, một khi vỏ đã nứt vỡ, thì kết cục là không thể tránh được. Một khi mưa bắt đầu rơi được vào Osprey, sẽ không bao giờ có sửa chữa tu bổ. Nhưng vẫn còn khoảng thời gian này ở giữa, khi những nứt rạn mới chỉ bắt đầu cho tới khi ta hoàn toàn tan rã. Và chỉ có trong thời gian này ta mới có thể nhìn được vào nhau, vì ta thấy được chính mình qua những nứt rạn của ta và nhìn người khác qua những nứt rạn của họ. Khi nào chúng ta đã nhìn thẳng được vào nhau, mặt đối mặt? Chỉ đến khi cậu nhìn vào qua những nứt rạn của tớ và tớ nhìn vào qua những nứt rạn của cậu. Còn trước đó, chúng ta chỉ thấy những ý niệm về nhau, giống như cậu nhìn qua ô cửa sổ nhưng không bao giờ thấy được bên trong. Nhưng một khi những vết nứt đã rạn mở, ánh sáng có thể lọt vào trong. Ánh sáng có thể hắt ra ngoài.”

Margo đặt những ngón tay lên môi, trông như đang tập trung, hoặc như đang giấu không cho tôi nhìn thấy môi cô ấy, hoặc như đang cảm nhận những từ ngữ mà cô ấy muốn nói. “Cậu thực sự là một cái gì đó,” cuối cùng Margo nói. Cô ấy chăm chú nhìn tôi, mắt tôi và mắt cô ấy và không gì giữa chúng. Tôi chẳng đạt được gì nếu hôn cô ấy. Nhưng tôi không còn đi tìm những điều để đạt được nữa. “Có việc này tớ cần phải làm,” tôi nói, cô ấy gật đầu rất khẽ, như thế đã biết, và tôi hôn cô ấy.

Chúng tôi rời nhau một lúc lâu rồi Margo mới nói, “Cậu có thể đến New York. Sẽ vui lắm. Giống như hôn nhau vậy.”

Và tôi nói, “Hôn thực sự là một cái gì đó.”

Và cô ấy nói, “Cậu đang từ chối.”

Tôi bảo, “Margo ơi, tớ có cả cuộc đời mình ở đây, tớ không phải cậu, và tớ—” Nhưng tôi không thể nói thêm gì vì Margo lại hôn tôi, và chính khoảnh khắc cô ấy đặt môi lên tôi, tôi đã biết mà không cần đặt câu hỏi nào, rằng chúng tôi rẽ những ngã khác nhau. Cô ấy đứng dậy đi về chỗ chúng tôi vừa nằm ngủ, lấy ba-lô. Margo lấy cuốn sổ bìa da màu đen, quay trở lại huyết mộ, đặt cuốn sổ vào lòng đất.

“Tớ sẽ nhớ cậu,” Margo thì thầm. Tôi không biết cô ấy đang nói với tôi hay với cuốn sổ. Tôi cũng không biết mình nói với ai khi thốt lên, “Tớ cũng vậy.”

“Hãy bình an nhé, bác Robert Joyner,” tôi nói, thả một nắm đất lên cuốn sổ.

“Hãy bình an nhé, cậu Quentin Jacobsen ngây thơ và quả cảm,” Margo nói, thả nắm đất lúc này cô ấy đã đào lên.

Một năm đầy nữa, tôi nói, “Hãy bình an nhé, cô Margo Roth Spiegelman người Orlando, không bao giờ biết chùn bước.”

Và một năm nữa, Margo nói, “Hãy bình an nhé, siêu cún Myrna Mountweazel.” Chúng tôi gạt hết đất lên cuốn sổ, dận bằng mặt đất bị bới lên. Cỏ sẽ sớm mọc lại thôi. Với chúng tôi cỏ sẽ là làn tóc mộ chí buông không buồn cắt.

Chúng tôi nắm tay nhau lem đất đi về Hiệu Tạp Hóa Agloe. Tôi giúp Margo bê hành lí—một ôm quần áo, đồ vệ sinh cá nhân, và cái ghế văn phòng—ra xe của cô ấy. Sự quý giá của khoảnh khắc thường khiến người ta dễ nói với nhau, nhưng bây giờ chỉ khó mở lời hơn.

Chúng tôi đứng ngoài trời trong bãi đỗ xe của một nhà trọ một tầng, khi không thể tránh những lời tạm biệt được nữa. “Tớ sẽ mua điện thoại di động, và sẽ gọi cho cậu,” Margo nói. “Cả e-mail nữa. Và đăng những lời bình luận bí ẩn lên phần thảo luận bài viết về Những Thành Phố Giấy trong Toàn Thư Đủ Thứ.”

Tôi mỉm cười. “Tớ sẽ gửi e-mail cho cậu khi bọn tớ về đến nhà,” tôi nói, “và tớ sẽ đợi hồi âm đấy.”

“Tớ bảo đảm. Và tớ sẽ gặp lại cậu. Chúng ta chưa xong màn gặp gỡ nhau ở đây đâu.”

“Cuối mùa hè, có khi thế, tớ có thể gặp cậu ở đâu đó trước khi nhập học,” tôi nói.

“Ừ,” Margo đáp. “Ý kiến hay đấy.” Tôi cười và gật đầu. Cô ấy quay đi, tôi đang tự hỏi không biết Margo có thực sự nghĩ vậy không, thì thấy bờ vai cô ấy so lại. Margo đang khóc.

“Tớ sẽ gặp lại cậu. Trong khi đó tớ sẽ viết cho cậu,” tôi nói.

“Ừ, thế nhé,” cô ấy nói mà không quay lại, giọng trầm xuống. “Tớ cũng sẽ viết cho cậu.”

Chính nói ra những điều này đã giữ chúng tôi khỏi bị vỡ tan. Và có lẽ khi tưởng tượng ra những tương lai ấy, chúng tôi có thể khiến chúng thành sự thực. Cũng có thể là không. Nhưng trong cả hai trường hợp chúng tôi vẫn phải tưởng tượng ra chúng. Ánh sáng trào ra và tràn vào.

Tôi đứng ở bãi đỗ xe này, nhận ra rằng tôi chưa từng ở xa nhà đến thế, và đây là cô gái tôi đem lòng yêu và không thể đi theo được. Tôi hi vọng đây là chuyện vặt của người anh hùng, vì không đi theo cô ấy là điều khó khăn nhất tôi từng làm.

Tôi cứ nghĩ Margo sẽ vào trong xe, nhưng không, cuối cùng Margo quay lại, và tôi thấy đôi mắt cô ấy, ầng ậng long lanh. Khoảng cách thực tế giữa chúng tôi biến mất. Chúng tôi chơi những sợi dây đã đứt trên cung đàn của mình một lần nữa.

Tôi cảm thấy bàn tay Margo trên lưng mình. Trời đã đổ tối khi tôi hôn cô ấy, nhưng tôi mở mắt và Margo cũng vậy. Cô ấy ở đủ gần để tôi có thể thấy được cô ấy, vì giờ có một thứ ánh sáng vô hình từ bên trong, dù vào buổi tối trên bãi đỗ xe này ở ngoại ô Agloe. Nụ hôn dứt, chúng tôi áp trán lại và nhìn vào nhau. Đúng vậy, tôi có thể thấy được cô ấy gần như hoàn hảo trong bóng tối nứt rạn này.

LỜI TÁC GIẢ

8

Tôi biết về những thành phố giấy vì đã đi qua một nơi như vậy trên một hành trình bám đường bộ hồi là sinh viên đại học. Bạn đồng hành và tôi cứ lái xe qua lại một khoảng trống trên đường cao tốc ở Nam Dakota, tìm một thành phố mà bản đồ xác nhận là có tồn tại—theo như tôi nhớ, thành phố ấy là Hoken. Cuối cùng, chúng tôi dừng xe trước một nhà dân, gõ cửa hỏi thăm. Người phụ nữ dễ mến trong nhà cho hay đã từng trả lời câu hỏi này nhiều rồi. Cô ấy giải thích rằng thành phố chúng tôi đang tìm chỉ có trên bản đồ mà thôi.

Câu chuyện về Agloe, New York—như được phác lên trong cuốn sách này—gần như là thật. Ban đầu Agloe là một thành phố giấy, được chế ra để bảo vệ nhà làm bản đồ khỏi bị vi phạm bản quyền. Nhưng rồi những người dùng các bản đồ cũ của công ti Esso vẫn tiếp tục đi tìm thành phố ấy, và ai đó đã dựng một cửa hàng, khiến Agloe trở thành có thật. Công tác làm bản đồ đã thay đổi nhiều từ khi Otto G. Lindberg và Ernest Alpers phát minh ra Agloe. Nhưng nhiều nhà làm bản đồ vẫn thêm các thành phố giấy vào bản đồ của mình, tạo ra những cái bẫy bản quyền, như trải nghiệm rối ren của tôi ở Nam Dakota đã kiểm chứng.

Cửa hàng từng là Agloe giờ không còn nữa. Nhưng tôi tin rằng nếu chúng ta đưa nó trở lại bản đồ, cuối cùng cũng sẽ có người xây dựng lại thôi.

LỜI CẢM ƠN

8

Tôi muốn gửi lời cảm ơn:

– Bố mẹ tôi, Sydney và Mike Green. Con chưa bao giờ nghĩ mình sẽ nói điều này, nhưng: cảm ơn bố mẹ đã nuôi con lớn lên ở Florida.

– Em trai và cộng sự ăn ý của tôi, Hank Green.

– Người đi trước và hướng dẫn tôi, Ilene Cooper.

– Tất cả mọi người ở Dutton, nhưng đặc biệt là biên tập viên xuất sắc của tôi, Julie Strauss-Gabel, Lisa Yoskowitz, Sarah Shumway, Stephanie Owens Lurie, Christian Fünfhausen, Rosanne Lauer, Irene Vandervoort, và Steve Meltzer.

– Đại diện bền bỉ và vui tính của tôi, Jodi Reamer.

– Các bạn Nerdfighters, những người đã dạy tôi rất nhiều về ý nghĩa của tuyệt diệu.

– Các bạn viết của tôi Emily Jenkins, Scott Westerfeld, Justine Larbalestier, và Maureen Johnson.

– Hai cuốn sách đặc biệt hữu ích về sự mất tích, tôi đã đọc trong quá trình tổ chức tư liệu cho *Những thành phố giấy*: cuốn *Vua nhà ngục* của William Dear và *Tìm trong hoang dã* của của Jon Krakauer. Tôi cũng biết ơn Cecil Adams, bộ óc lớn đằng sau trang mạng “The Straight Dope”, bài báo của chị về các bản quyền là–theo hiểu biết của tôi–nguồn định nghĩa duy nhất về chủ đề này.

– Ông bà tôi: Henry và Billie Grace Goodrich, cùng William và Jo Green.

– Emily Johnson, những lần cô ấy đọc cuốn sách này đều hết sức giá trị; Joellen Hosler, nhà trị liệu tốt nhất mà một người viết có thể mong đợi; các anh chị em họ thông gia Blake và Phyllis Johnson; Brian Lipson và Lis Rowinski ở Endeavor; Katie Else; Emily Blejwas, người đồng hành với tôi trên chuyến đi tới thành phố giấy đó; Levin O’Connor, người dạy tôi phần

lớn những điều tôi biết về hài hước; Tobin Anderson và Sean, những người đã đưa tôi đi thám hiểm thành phố ở Detroit; cô thủ thư nhà trường Susan Hunt và tất cả những người đã đứng trước nguy cơ mất việc làm khi lên tiếng phản đối kiểm duyệt; Shannon James; Markus Zusak; John Mauldin và bố mẹ vợ tuyệt vời của tôi, Connie và Marshall Urist.

– Sarah Urist Green, độc giả đầu tiên, biên tập viên đầu tiên, người bạn tốt nhất và đồng đội ăn ý của tôi.

• Chú thích •

^[1] Địa danh trong phim hài giả tưởng cùng tên, công chiếu năm 1998, của đạo diễn Gary Ross. (Các chú thích trong sách là của người dịch.)

^[2] Khu dân cư Jefferson Park quanh Công viên Jefferson.

^[3] “Hiney” trong tiếng Anh lóng nghĩa là “cái mông”.

^[4] Trong tiếng Tây Ban Nha, “casa” nghĩa là “ngôi nhà”.

^[5] Trong tiếng La-tinh, “carpe diem” nghĩa là “hãy nắm lấy cơ hội của ngày”, “carpe noctem” nghĩa là “hãy nắm lấy cơ hội của đêm.”

^[6] Chi tiết này gợi đến một truyện kể cho thiếu nhi khá phổ biến ở Mỹ: một cậu bé trên đường đến trường thấy có một lỗ rò trên thân dê, từ đó nước đang rỉ ra. Cậu biết có thể bị muộn học, nhưng đã quyết định đút ngón tay mình vào lỗ rò để nước không rỉ ra nữa. Sau đó người lớn đã phát hiện ra, tới giúp cậu bé và vá được lỗ rò.

^[7] Một loại “giấy phép” các trường học ở Mỹ có thể cấp cho học sinh, trên đó ghi rõ học sinh này được ra khỏi lớp trong giờ học để đi đâu, làm gì, trong bao lâu.

^[8] NCSN là “nói chuyện sau nhé,” NĐ là “ngoài đời.”

^[9] Người gốc Tây Ban Nha hoặc các nước nói tiếng Tây Ban Nha, đặc biệt ở khu vực Mỹ La-tinh.

^[10] Một loại thuốc cảm khá phổ biến, có thể mua trực tiếp mà không cần đơn của bác sĩ, ngoài điều trị cảm lạnh còn có tác dụng giảm căng thẳng thần kinh.